

# Thu Giang Nguyễn Duy Cần



TRANG TỬ NAM HOA KINH



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

# Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU

TIÊU DẪN

**NAM HOA KINH**

NỘI THIÊN

TIÊU DIÊU DU

逍遙遊

TÈ VẬT LUẬN

齊物論

DƯỠNG SINH CHỦ

養生主

ĐỨC SUNG PHÙ

德充符

ĐẠI TÔNG SƯ

大宗師

ÚNG ĐẾ VƯƠNG

應帝王

**NAM HOA KINH**

NGOẠI THIÊN

TẠP THIÊN

TRÍCH YẾU

LỜI NÓI ĐẦU

THU THỦY

秋水

THÁNH NHÂN CHI DŨNG

聖人之勇

THẦN QUI

神龜

UYÊN SÒ

宛鶩

NGŨ LẠC

魚樂

SÔ CẦU

翫狗

ĐÔNG QUÁCH TỬ

東郭子

TRÍ BẮC DU

知北遊

CHÍ NHÂN

至仁

VONG NGÔN

忘言

NGỤ NGÔN

寓言

THƯ

書

ĐỘC THƯ

讀書

VÔ DỤNG

無用

PHỤ NGƯ

鮒魚

KHINH TRỌNG

輕重

TRUY XA

墜車

ĐÁU KÊ

鬪雞

CỔ BỒN

鼓盆

HẢI ĐIỀU

海鳥

DƯƠNG TỬ

陽子

HUYỀN CHÂU

玄珠

TÂM TRAI

心齋

SON MỘC

山木

TÀI BẤT TÀI

材不材

THẤT TÍNH

失性

HƯ THUYỀN

虛船

TÀN SINH TỒN TÍNH

殘生損性

*Kính dâng hương hồn thân phụ.*

# Thu Giang Nguyễn Duy Cần

*Sách, không hết lời,*

*Lời, không hết ý.*

書不盡言

言不盡意。

# Dịch Kinh

## 易經

*Có nôm là vì cá;  
Đặng cá hãy quên nôm*

*Có dò là vì thỏ;  
Đặng thỏ hãy quên dò,*

*Có lời là vì ý;*

*Đặng ý hãy quên lời.*

*Ta tìm đâu đặng người biết quên lời,  
hầu cùng nhau đàm luận.*

筌者所以在魚  
得魚而忘筌。

蹄者所以在兔  
得兔而忘蹄。

言者所以在意  
得意而忘言。

吾安得夫忘言之人  
而與之言或。

# Trang Tử

莊子 (外物)

## LỜI NÓI ĐẦU

---

Dịch Trang Tử là một công việc không phải dễ. Là vì muốn dịch được Trang Tử ít ra phải có ba điều kiện sau đây: phải thâm Hán tự (nhất là về cổ ngữ); phải nắm được yếu chỉ của cái học Lão Trang; và, phải biết đọc Trang ngoài văn tự.

Như vậy, quyết chắc chưa có một ai dám tin tưởng rằng mình đã có đủ điều kiện để dịch Trang Tử. Nhất là với cái trình độ Hán học do công phu tự học của dịch giả, thì làm gì đảm nhiệm cái việc làm mà chỉ riêng có những bậc tinh thâm Hán học, hay khoa bảng xuất thân mới làm nổi mà thôi!

Nhưng, với lòng hiếu học, dịch giả đã tạm giải quyết được mọi trở ngại. Dịch Trang Tử, chẳng qua là một phương pháp tự học của dịch giả từ thuở nhỏ. Phàm đọc sách về Kinh, Truyện, hễ gặp đoạn nào hay mà khúc mắc, thường hay đem mà phiên dịch ra quốc văn. Là để tự bắt buộc phải đọc cho thật kỹ và thấu đáo, không cho sót một chữ nào mà ta còn hiểu mập mờ, chưa lột được tinh thần của nó. Những khi gặp trở ngại lớn lao, thì lại được cùng các bậc thâm nho bàn góp và gỡ rối, nhất là, được đáng từ thân chỉ dạy tận tường. Như thế, lâu ngày bản dịch thành hình.

Cũng như bản dịch *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, bản dịch này cũng khởi thảo cùng một lúc vào khoảng 1935 và đã được đăng tải trong báo Nay khoảng 1937.

Hôm nay, đem cho xuất bản cũng không ngoài mục đích cầu học, chân thành mong được các bậc cao minh Đạo học chỉ dạy thêm cho những chỗ sai lầm và thiếu sót mà dĩ nhiên không làm sao tránh khỏi.

§§§

Cái khó nhất, trong khi dịch Trang Tử, là thường gặp những danh từ thuộc về cổ ngữ mà chỉ có Trang Tử riêng dùng với một ý nghĩa đặc biệt theo ông. Trong khi phiên âm cũng như trong khi nghiên cứu về các danh từ của Trang Tử, dịch giả đã dựa vào công phu nghiên cứu rất danh tiếng của Chu Quế Diệu 朱桂曜 trong *Trang Tử Nội Thiên Chứng Bổ* 莊子內篇証補, còn chánh văn thì căn cứ vào bản của Hướng Tú 向秀, và Quách Tượng 郭象, tức là bản cổ nhất hiện thời còn sót lại.

Thời Ngụy Tấn cái học về Đạo gia rất là thịnh hành. Ở thời kỳ này, chú thích Trang Tử của Hướng Tú và Quách Tượng thật có một giá trị vô cùng quan trọng và đặc sắc. Lời chú thích của hai nhà chẳng những làm sáng tỏ



tư tưởng trong sách Trang Tử, lại còn gợi cho ta thêm nhiều ý kiến mới lạ khác, làm giàu thêm cho Trang học không nhỏ.

Thời xưa, các ông đã làm nổi lên được phong trào Huyền học, và cho đến nay chưa có một học giả nào vượt qua nổi cái học và cái tài chú giải của hai ông.

Bản dịch này một phần căn cứ vào những chú giải của hai ông, nhưng có nhiều chỗ mà dịch giả không hẳn đồng ý và có khi chống đối là khác. Dĩ nhiên những khi chống đối đều có giải thích rõ ràng lập trường của mình.

§§§

Bản dịch sẽ chia làm hai phần: Phần nhất gồm cả thầy là 6 thiên ở Nội thiên (Tiêu Diêu Du, Tề Vật Luận, Dưỡng Sinh Chủ, Đức Sung Phù, Đại Tông Sư và Ứng Đế Vương). Đó là phần chánh của cái học Trang Tử.

Phần hai, gồm cả Ngoại và Tạp thiên, cả thầy là 26 thiên (và luôn thiên Nhơn Gian Thế mà dịch giả loại nó ra vì cho là ngụ thơ, nghĩa là không phải chính tay Trang Tử viết ra). Trong 26 thiên Ngoại và Tạp thiên, dịch giả cũng sẽ chỉ trích ra những chương hay nhất có thể tiêu biểu cho cái học của Trang Tử mà loại bỏ tất cả những chương xét ra quá thiên bạc và làm sai lạc chủ chỉ của Trang Tử đã biểu diễn ở 6 thiên đầu của Nội thiên. Và như thế là tránh cho *Nam Hoa Kinh* những mâu thuẫn và xuyên tạc của nhiều đoạn văn quá sức vụng về và nông nổi mà không hiểu sao các học giả như Quách Tượng lại tiếc gì không vứt đi trong khi san định, di ngộ cho người đời sau không phải ít?

§§§

Dịch giả không bao giờ dám có cao vọng là đã nắm được mọi yếu chỉ của cái học Trang Tử, và bản dịch này cũng chỉ là một bản dịch theo trình độ hiểu biết hiện thời của dịch giả mà thôi. "Dịch, là phản", đó là việc hiển nhiên, không làm sao tránh khỏi đối với những tác phẩm về tư tưởng, nhất là những tác phẩm cổ điển mà tư tưởng cô đọng trong một lối hành văn vừa hàm súc, vừa kỳ ảo như văn của Trang Châu. Vì vậy, để cho độc giả thưởng thức được cái thú "uống nước tận nguồn", dịch giả tự xem như có phận sự là cho đăng lại chánh văn, và phiên âm, để giúp các bạn có cơ hội kiểm soát và đồng thời thoát khỏi bản dịch mà trở về với nguồn gốc của nó là câu văn huyền tượng của Trang Châu, mà chắc chắn không có một bản dịch nào lột được tất cả tinh thần của nó.

§§§

Về phần chú giải, thì dịch giả chỉ nhắm vào hạng độc giả có một trình độ Hán học khá cao, nhưng kém thời giờ nghiên cứu. Vì vậy, sẽ không rườm rà

tỉ mỉ như ở các sách giáo khoa, và cũng là để cho bớt sự nặng nề không khí của nhà trường. Quan hệ là ở chỗ bình giải để độc giả nhận thấy rõ ràng trình độ hiểu biết của dịch giả trong khi phiên dịch và giải thích.

Lại còn thêm việc dịch âm, là vì cổ ngữ có nhiều giọng đọc mà ngày nay không giống với giọng đọc ngày xưa, tưởng cũng sẽ đỡ nhiều cho các bạn trẻ thiếu điều kiện để tra cứu.

*Thu Giang NGUYỄN DUY CẦN*

*22. 9. 1962*

# TIÊU DẪN

---

# 1. LƯỢC SỬ TRANG TỬ

Trang Châu 莊周, thường gọi là Trang Tử (sống trong khoảng 369-298 trước Tây lịch kỷ nguyên), có lẽ là một nhà Lão học cao nhất trong các nhà Lão học cổ nhất ở Trung Hoa, Tư Mã Thiên trong *Sử Ký*, chương Trang Tử liệt truyện 莊子列傳 nói: “Trang Tử, người xứ Mông 蒙, tên là Châu 周”; nhưng không thấy nói là người nước nào.

Bùi Nhân 裴駟 trong *Tập Giải* dẫn *Địa Lý Chí* ra mà nói: huyện Mông, thuộc về nước Lương 梁. Còn Tư Mã Trinh 司馬貞 trong *Sách Ẩn* 索隱 dẫn lời của Lưu Hương 劉向 trong *Biệt Lục* 別錄 lại nói: “Người xứ Mông 蒙, nước Tống 宋”.

Như vậy, Trang Tử là người nước nào? Lương hay Tống?

Mã Tự Luân 馬敘倫 trong *Trang Tử Tống Nhơn Khảo* 莊子宋人考 nghiên cứu hai thuyết trên đây rất kỹ, quả quyết rằng Trang Tử là người nước Tống.

Theo họ Mã thì Trang Tử sống vào khoảng Lương Huệ Vương nguyên niên và Triệu Huệ Văn nguyên niên. Lương Huệ Vương nguyên niên thì thuộc về khoảng năm thứ 6 đời Châu Liệt Vương, còn Triệu Huệ Văn nguyên niên thì ném vào khoảng Châu Văn Vương năm thứ 17. Như vậy, chiếu theo Tây lịch kỷ nguyên, Trang Tử sống vào khoảng 370 và 298 trước Tây lịch kỷ nguyên, nghĩa là đồng thời với Mạnh Tử 孟子, Huệ Tử 惠子 bên Á, và Aristote, Zénon, Épicure bên Âu.

§§§

Sự tích truyền lại về đời sống Trang Tử thật là mơ hồ, không có chi có thể tin là đích xác được. Nhưng, căn cứ vào sách Trang Tử, những câu chuyện thuật lại, có một giá trị đặc biệt về phương diện học thuật, tưởng cũng không nên không lưu ý.

§§§

Đời ông rất nghèo, gần như cơ hàn.

*Trang Tử nghèo túng...sang Giám Hà Hầu vay lúa.*

*Giám Hà Hầu nói:*

- Tôi có cái áp sấp nộp tiền lúa. Tôi sẽ giúp ông trăm lượng. Có được không?

Trang Tử giận:

- Hôm qua, khi Châu đến đây, giữa đường nghe có tiếng kêu. Ngảnh lại trông, thì thấy một con cá đang vùng vẫy trong cái vết bánh xe. Châu tôi hỏi: “Cá đến đây để làm gì?”. Cá nói: “Tôi là thủy thần ở bể Đông, ông có thể giúp tôi một chén nước mà cứu tôi không?”. Châu tôi nói: “Để tôi qua chơi bên phía Nam nước Ngô nước Việt, rồi khi về, tôi sẽ lấy nước Tây giang về đón ngươi. Có được không?”. Cá giận nói: “Tôi đang cần nước, ông chỉ cho tôi được một ít là đủ sống. Nay nói như ông, đợi đến lúc ông về thì đến hàng cá khô, sẽ thấy tôi nơi đấy!”

(Ngoại Vật 外物)

§§§

Ở thiên Sơn Mộc 山木 cũng có nói:

Trang Tử bận áo vải mà vá, giày cột bằng dây gai... Gặp Ngụy Vương. Ngụy Vương nói:

- Tiên sinh khổ não thế ư? Trang Tử nói:

- Nghèo, chứ không khổ não. Kẻ sĩ có Đạo Đức, không bao giờ khổ. Áo rách, giày hư là nghèo, không phải khổ. Đó chẳng qua vì không gặp thời mà thôi. Phàm con khỉ con vượn nhảy nhót dặng thong thả là nhờ gặp được rừng cây to cành dài, tron tru dai dẻo. Dù cho bậc thiện xạ như Phùng Mông cũng không sao hạ nó được. Nếu nó rui gặp phải cây khô, gai góc, thì sự hoạt động ắt khó khăn chậm chạp. Cũng thời một con thú, mà sự cử động dễ khó khác nhau, chẳng qua vì gặp phải hoàn cảnh không thuận làm cho nó không tự do dùng tận sở năng của nó. Nay, sanh không nhằm thời, trên thì hôn ám, dưới thì loạn tặc lại muốn không cực nhọc vất vả, có được không?

§§§

Tuy là nghèo, mà lòng vẫn luôn luôn thanh cao, không bao giờ chịu bó thân trong cảnh vinh hoa phú quý. Tài trí ấy, nếu muốn lợi danh, ắt hẳn đã có lợi danh lập tức. Nhưng, ông một mực chối từ...

Sở Uy Vương đã từng nghe danh tài của ông, đã từng vời ông ra làm khanh tướng.

Trang Tử câu trên sông Bộc. Sở Vương sai hai quan đại phu đem lễ vật mời ông ra làm quan. Trang Tử cầm cần câu không nhúc nhích cũng không thèm nhìn lại, nói: “Tôi nghe vua Sở có con thần quy, chết đã ba nghìn năm. Vua Sở quý nó và cất trên miếu đường. Con quy ấy, chịu chết để lưu lại cái xương của mình cho người sau quý trọng hay lại chịu thà sống mà kéo lê cái đuôi của mình trong bùn?”. Hai vị đại phu nói: “Thà sống mà kéo lê cái đuôi trong bùn còn hơn!”

Trang Tử nói: “Thôi, về đi. Ta đây cũng chịu kéo lê cái đuôi của mình trong bùn. . .”

(Thu Thủy 秋水)

§§§

Ở mục Lão Trang Thân Hàn Liệt Truyện 老莊申韓列傳 trong Sử Ký, Tư Mã Thiên 司馬遷 có đoạn bàn về nhân cách của ông:

Uy Vương nước Sở nghe nói Trang Châu là người hiền trong thiên hạ, sai sứ đem hậu lễ đón, muốn mời ra làm tướng. Trang Châu cười, bảo với sứ giả: “Cái lợi của nghìn vàng quả trọng thật, cái địa vị khanh tướng quả cũng quý thật. Nhưng riêng ông chả thấy con bò tể hay sao? Được người ta săn sóc, được mặc đồ trang sức văn vẻ để đưa vào Thái miếu. Lúc ấy dù có muốn được làm con lợn côi há còn được nữa hay không? Ông hãy đi đi, chớ có đến làm nhục ta. Thà ta rong chơi ở chốn bùn lầy như bản còn thấy sung sướng hơn là để cho kẻ làm chủ một nước kia trói buộc được ta. . .”

§§§

Nước Tống có Tào Thương được vua sai đi sứ nước Tần. Khi ra đi, số xe vừa đủ đi. Đi sứ nước Tần, đẹp lòng vua Tần, được ban thêm trăm cỗ xe.

Khi về Tống, gặp Trang Tử, nói: “Phàm sống trong chốn cùng lư, ngõ hẹp, áo giày xóc xếch, thiếu hụt, khôn đốn cùng khổ như ông, Thương này không thể chịu được. Làm cho bậc chủ muôn xe vừa ý, để hậu thưởng trăm xe, đó là chỗ sở trường của Thương này vậy”.

Trang Tử nói: “Tôi nghe nói Tần Vương có bệnh, triệu thầy thuốc vào chữa. Nếu mổ được mụn ung của ông ta, thì thưởng được một xe. Còn ai liếm mụn ung, thì được thưởng năm xe. Cách trị càng hạ tiện bao nhiêu, thì số xe ban thưởng càng được tăng thêm bấy nhiêu. Ông đã trị bệnh Tần Vương cách nào mà được nhiều xe đến thế?

(Liệt Ngự Khẩu 列御寇)

*Huệ Tử làm quan nước Lương. Trang Tử tính qua nước Lương thăm. Nhưng, có kẻ nói với Huệ Tử: “Trang Tử mà qua đây, là để cùng ông tranh ngôi tướng quốc”. Huệ Tử sợ, cho kẻ canh chừng suốt ba ngày ba đêm, đợi Trang Tử đến thì bắt. Trang Tử hay chuyện, không đi.*

*Sau rồi lại đến. Gặp Huệ Tử, Trang Tử bảo: “Phương Nam có con chim tên là Uyên sò, ông có biết không? Uyên sò từ biển Nam bay qua biển Bắc, nếu không gặp cây ngô đồng thì không chịu đậu; nếu không gặp hột luyên thì không ăn; nếu không gặp nước suối trong thì không uống. Có con chim ụt đang rĩa xác chuột chết giữa cánh đồng, thấy Uyên sò bay ngang, sợ nó giành miếng ăn nên kêu to lên để dọa Uyên sò đừng đáp xuống. Nay, vì sợ cái ngôi tướng quốc của ông ở nước Lương nên ông kêu to lên để dọa tôi sao?”*

(Thu Thủy 秋水)

Theo truyền thuyết thì Trang Tử giao du rất thân mật với Huệ Tử, tên là Thi 施, cũng là người Tống, và thường hay biện nạn với nhau luôn. Trong sách Trang Tử có rất nhiều sự tích về sự tranh luận của hai nhà, cho ta thấy nhân sinh quan, cũng như lập trường tư tưởng của đôi bên, khác nhau xa, mặc dù hai bên cùng chịu ảnh hưởng lẫn nhau.

*Huệ Tử nói với Trang Tử:*

*- Ngụy Vương thưởng tôi một giống dưa to. Tôi trồng nó có trái nặng đến năm thạch. Dùng nó đựng nước, nó nặng, không cất nhắc được. Bỏ nó ra làm bầu, thì lại không còn dùng được chỗ nào. Đâu phải nó không to lớn, nhưng vì cho nó là vô dụng nên tôi đập bỏ nó đi.*

*Trang Tử nói:*

*- Thế là ông vụng về chỗ đại dụng nó. Nước Tống có người khéo chế được món thuốc chữa răn nứt da tay, đòi đòi chuyên làm nghề ươm tơ. Có người hay biết, đến xin mua phương thuốc đó một trăm lượng vàng. Anh ta bèn nhóm thân tộc bàn rằng: “Nhà ta đòi đòi làm nghề ươm tơ, lợi không hơn số vàng ấy, vậy xin để cho bán.”*

*Người khách được phương thuốc, đem thuyết vua Ngô. Nước Việt có nạn, vua Ngô sai anh làm tướng. Nhằm mùa Đông, thủy chiến với người nước*

Việt, người Việt đại bại. Vua Ngô bèn cắt đất mà phong thưởng cho anh ta. Cũng thời một phương thuốc trị rắn nứt da tay, mà một người được phong, một người không ra khỏi cái nghề ươm tơ: đó là tại chỗ biết dùng hay không biết dùng mà khác nhau vậy.

Nay ông có trái dưa nặng đến năm thạch, sao không biết dùng nó làm trái nổi mà thả qua sông qua hồ, mà lo chi hồ vỡ bầu tan, không có chỗ đắc dụng? Thì ra vì cái lòng của ông hẹp hòi chưa trực đạt đó.

(Tiêu Diêu Du 逍遙遊)

§§§

Một khi khác, Huệ Tử nói với Trang Tử:

- Tôi có cội cây to, người ta gọi nó là cây Vu. Gốc nó lồi lõm không đứng đây mọc. Nhánh nhóc nó thì cong queo không đứng quy củ. Đem trồng nó ở đường cái, người thợ mộc cũng không thèm nhìn. Nay lời nói của ông to lớn mà vô dụng, nên người người đều không thèm nghe.

Trang Tử nói:

- Ông riêng chẳng thấy con mèo rình đó sao? Co mình đứng núp, nhìn vật đi rong, nhảy tây nhảy đông, không hiểm cao thấp, kẹt trong dò bẫy, chết nơi lưới rập. Đến như con thai ngư, lớn như vàng mây che một phương trời, kẻ ra cũng là to thật, nhưng không thể bắt được chuột. Nay ông có cây to, lại sợ nó vô dụng. Sao không đem nó trồng nơi tịch mịch, giữa cánh đồng rộng bao la. Khách ngao du không làm gì, ngồi nghỉ dưới gốc nó, khách tiêu diêu nằm nghỉ dưới bóng nó. Nó sẽ không chết yếu vì búa rìu, cũng không sợ vật nào làm hại. Không có chỗ nào có thể dùng được, thì khôn khổ từ đâu mà đến được?

(Tiêu Diêu Du 逍遙遊)

§§§

Huệ Tử gọi Trang Tử mà nói: “Lời của ông vô dụng”. Trang Tử nói: “Biết cái chi sao là vô dụng, thì cũng đã biết nó sao là hữu dụng. Như đất rộng, người ta cho nó là hữu dụng, vì nhờ nó mà đi được. Nhưng, nếu trật chân té chìm tận suối vàng, người ta còn gọi nó là hữu dụng nữa không?”

Huệ Tử nói: “Vô dụng.”

Trang Tử nói: “Vậy thì rõ vô dụng là hữu dụng đó.”

(Ngoại Vật 外物)



Ở thiên Thu Thủy 秋水 thuật rằng:

Trang Tử cùng Huệ Tử đứng chơi trên cầu hào thành. Trang Tử nói: “Cá xanh, bơi lội thung dung. Cá vui đó”. Huệ Tử nói: “Ông không phải cá, sao biết cá vui?”

Trang Tử nói: “Ông không phải tôi, sao biết tôi không biết!”

Huệ Tử nói: “Tôi không phải ông, nên không thể biết được ông, còn ông không phải cá, ông cũng không sao biết được cái vui của cá.”

Trang Tử nói: “Xin xét lại câu hỏi đầu. Ông hỏi tôi làm sao biết được cá vui? Đã biết là tôi biết, ông mới có hỏi ‘làm sao mà biết’...Thì đây, làm thế này: tôi đứng trên hào thành mà biết được.”

(Thu Thủy 秋水)

Về sau, Huệ Tử mất. Một khi Trang Tử đi qua mộ ông, tỏ ý thương tiếc: “Từ khi phu tử mất, tôi không còn cùng ai chát vấn, bàn bạc được nữa!”

Gia đình ông như thế nào, sử không thấy nói. Chỉ biết ông có vợ, và vợ ông chết.

Vợ Trang Tử chết, Huệ Tử đến điếu. Thấy Trang Tử ngồi, duỗi xoác hai chân, vừa vỗ bôn, vừa ca.

Huệ Tử nói:

- Cùng người ở tới già, có con lớn mà người chết lại không khóc, cũng đã là quá lắm rồi, lại còn vỗ bôn ca, không phải thái quá sao?

Trang Tử nói:

- Không! Lúc nàng mới chết, tôi sao chẳng động lòng. Nhưng nghĩ lại hồi trước, nàng vốn là không sanh. Chẳng những là không sanh, mà đó vốn là không hình. Chẳng những không hình, mà đó vốn là không khí. Đó, chẳng qua là tạp chất ở trong hư không biến ra mà có khí, khí biến ra mà có hình, hình biến ra mà có sanh, rồi lại biến ra nữa mà có tử. Sanh, hình, khí, tử có khác nào xuân, hạ, thu, đông, bốn mùa hành vận. Vả lại, người ta nay đã nghỉ yên nơi Nhà Lớn, mà tôi còn cứ than khóc, chẳng là tự tôi không thông Mạnh ư? Nên tôi không khóc.

(Chí Lạc 至樂)

Trang Tử mất vào năm nào, thì không thấy có sách nào ghi chép. Chỉ biết rằng lúc Trang Tử gần chết, các đệ tử muốn hậu táng, nhưng Trang Tử không cho. Trang Tử nói:

- Ta có trời đất làm quan quách, nhật nguyệt làm ngọc bích, tinh tú làm ngọc châu, vạn vật làm lễ tống. Đám táng của ta như vậy, không đủ sao? Mà còn thêm chi cho lắm việc!

Đệ tử thưa:

- Chúng con sợ điều quạ ăn xác Thầy! Trang Tử nói:

- Trên thì điều quạ ăn, dưới thì dòi kiến ăn. Cướp đây mà cho riêng đó, sao lại có thiên lệch thế!

(Liệt Ngự Khẩu 列御寇)

§§§

## II. UYÊN NGUYÊN CỦA HỌC THUYẾT TRANG TỬ

Cái học của Trang Tử, tuy do Lão Tử mà ra, nhưng biệt lập ra một phái riêng: phái Trang học.

Sử Ký cho rằng “cái học của ông không đâu là không bàn đến, nhưng gốc ở lời dạy của Lão Tử. . .”<sup>[1]</sup>

Phê bình học thuyết Trang Tử, thiên Thiên Hạ 天下 trong sách Trang Tử có nói: “Đạo vẫn thâm mật, vô hình và biến hóa vô thường. Chết, Sống cùng Trời Đất ngang nhau, cùng thân mình qua lại và lui tới mà thấy không thiết thực. Vạn vật bao la mà lúc trở về, không thêm cho Đạo. Đó là chỗ nghiên cứu của người xưa. Chỗ đó Trang Châu nghe qua, đẹp ý. Muốn truyền bá nó ra, Trang Châu mượn câu chuyện mậu ngộ, tiếng nói hoang đường, lời văn không bén, thường phóng túng mung lung mà không cao đi... Trang Châu thấy đời chìm đắm trong ô trọc, không hiểu được lời mình nên dùng “chi ngôn” mà gieo khắp, dùng “trùng ngôn” làm thực sự, dùng “ngụ ngôn” cho rộng hiểu. Rồi riêng một mình lại qua cùng trời đất tinh thần mà không ngạo nghễ vạn vật không hỏi tội thị phi, lại sống chung cùng thế tục. Sách của Trang Châu thì khô vỹ mà dịu dàng, không hại. Lời tuy sân si, mà thấy đặng ý răn lòng khi trá. Chỗ sung thực của đó không dùng đặng. Trên thì đạo cùng tạo vật, dưới bạn cùng “ngoại tử sanh, vô chung thủy”. Bản nguyên của đó thì hồng đại mà sáng sủa, sâu rộng và phóng túng. Tông chỉ của đó có thể thích hợp với bậc thượng trí.

*Tuy nhiên, tông chỉ và bản căn đó đều ứng theo tạo hóa mà đạt đến vạn vật. Lý của đó thì không cùng”.*

(Thiên Hạ 天下)

§§§

Như vậy, ta thấy rằng học thuật của Lão và Trang, có chỗ không đồng nhau.

Lão Tử cho rằng “*cứng rắn thì dễ bị bể nát, nhọn bén thì dễ bị mòn lụi*”; và “*kiên cường giả, tử chi đồ*” 堅强者死之徒 (chương 76) (*cứng và mạnh là bạn của cái chết*), cho nên ông chỉ cho con người con đường để mà tránh khỏi sự đổ nát mòn gãy. . .” *Trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ; sửu nhi chuyết chi, bất khả trường bảo, kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ; phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu; công toại thân thối; thiên chi Đạo*” (持而盈之，不如其已，揣而稅之，不可長保，金玉滿堂，莫之能守，富貴而驕，自遺其咎，功遂身退，天之道。) (Ôm giữ chậu đầy, chẳng bằng thôi đi. Dùng dao sắc bén, không bén được lâu; vàng ngọc đầy nhà, khó mà giữ lâu; giàu sang mà kiêu, tự vùi họa ưu; nên việc lui thân, đó là đạo Trời.) (*Đạo Đức Kinh*, chương 9).

Trang Tử thì chủ trương sự “*vô chung thủy, ngoại tử sinh*” (無終始外死生), cho nên chỗ mà Lão Tử thắc mắc chăm chú, thì Trang Tử lại nhìn với cặp mắt thản nhiên, lạnh lùng như không đáng kể.

§§§

Trong thời kỳ Tiền Hán<sup>[2]</sup>, tư tưởng của Lão học được truyền bá, còn tư tưởng của Trang học thì mãi đến thời Hậu Hán<sup>[3]</sup> mới được đề cập đến và phổ biến.

Buổi đầu nhà Hán, danh từ Hoàng Lão được xưng tụng và phổ thông, nhưng đến cuối nhà Hán<sup>[4]</sup> mới đổi ra thành danh từ Lão Trang.

Các nhà chú giải Lão Tử, sống vào khoảng đầu nhà Hán, không hề nói đến tên Trang Tử, còn các nhà chú giải Trang Tử thì thuộc về khoảng nhà Tấn (265-420) sau Tây lịch kỷ nguyên, tức là triều đại nối liền với nhà Hán (Tam Quốc). Cho nên, các học giả đời Hán, khi nói đến Lão học là chỉ nghĩ đến Lão Tử mà thôi, nghĩa là chỉ quan tâm đến vấn đề đối phó với thời

cước. Cho nên trong *Nghệ Văn Chí* sử dĩ cho rằng Lão học (tức là cái học của Lão Tử) là “phương pháp của các bậc vương đạo tại vị”, là vì thế. Thật vậy, Lão Tử soạn quyển *Đạo Đức Kinh* là cho các nhà cầm quyền trị nước thời bấy giờ: ông đề xướng giải pháp “vô vi nhi trị”.

Tư Mã Thiên nói về cái học Lão Trang có viết:

*“Triết lý của Trang Tử, khác với Lão Tử, lại muốn siêu thoát khỏi vấn đề nhân gian thế sự. Khi ông nói đến các vị vua đầu tiên của nhà Hán, cho rằng các bậc ấy lấy “vô vi nhi trị” là có ý muốn nói rằng các bậc trị nước ấy áp dụng triết lý của Lão Tử. Chỉ đến cuối đời nhà Hán (220 sau Tây lịch) thì người ta mới bắt đầu chú ý đến Huyền học 玄學, bấy giờ sách của Lão Tử cũng được người ta dùng cái học của Trang Tử mà giải thích. Như vậy ta thấy rằng, tuy khởi thủy hầu như lập trường triết lý của hai nhà đứng riêng nhau mà vẫn có sự liên hệ với nhau luôn.”*

Chỗ tương đồng của Lão Tử và Trang Tử là cả hai đều cùng một quan niệm về Đạo và Đức, và cả hai đều chống đối tư tưởng truyền thống và chế độ đương thời. Và, vì vậy mà Tư Mã Thiên đặt tên học phái này là Đạo Đức Gia 道德家, vì ông cho rằng hai quan niệm Đạo và Đức là nền tảng chung của Lão học.

§§§

Trang Tử sống vào khoảng nửa thế kỷ thứ tư đến nửa thế kỷ thứ ba trước Tây lịch kỷ nguyên (369-298 trước Tây lịch kỷ nguyên) tức là thuộc về một thời kỳ hỗn loạn nhất của Trung Hoa: thời Chiến quốc. Bởi vậy, có người cho rằng “trước một hoàn cảnh xã hội nhiễu nhương mà phải trái rối bời, thật giả không phân, chúng ta hẳn không lấy chi làm lạ mà thấy Trang Tử chủ trương tư tưởng siêu nhiên, đem cặp mắt bình thản lạnh lùng mà nhìn xem xã hội sự vật”. Nói thế, không hẳn là không có lý do, vì nếu xét chung tư tưởng của Trang Tử, ta thấy ông cực lực phản đối hầu hết mọi học thuyết, chế độ của đương thời.

§§§

Ở thiên Tề Vật Luận, ông nói: *“Cố hữu Nho, mặc chi thị phi, dĩ thị kỳ sở phi, nhi phi kỳ sở thị”* 故有儒墨之是非，以是其所非而非其所是 (Bởi vậy mới có cái phải quấy của Nho Mặc. Nho Mặc thì lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải).

Đại diện cho Nho học thời bấy giờ thì có Mạnh Tử 孟子; còn đại diện cho Mặc học thì có Tống Hình 宋鉞. Còn Huệ Thi 惠施 và Công Tôn Long 公孫龍 thì đại diện cho nhóm Danh gia.

Ở thiên Tề Vật Luận ông nói: “*Vị thành hồ tâm nhi hữu thị phi, thị kim nhật thích Việt nhi tích chí dã...Cố dĩ kiên bạch chi muội chung.*” 未成乎心而有是非，是今日適越而昔至也。。。故以堅白之昧終 – 齊物論 (Lòng mình vì chưa thành mà có phải quấy. Nên chi ngày hôm nay đi sang nước Việt mà từ bữa hôm qua đã tới đó rồi vậy...Cho nên, suốt đời cam chịu tối tăm vì thuyết “Kiên bạch”).

Câu “*Kim nhật thích Việt nhi tích chí dã*” là ám chỉ biện thuyết của Huệ Thi; còn câu “*dĩ kiên bạch chi muội chung*” (以堅白之昧終) là nói về thuyết “*Kiên bạch*” của Công Tôn Long.

Đó là những chỗ mà Trang Tử phê bình học thuyết của người đồng thời, đem cái thuyết “*tề thị phi, đồng dị, tiểu đại*” của ông ra mà châm đối các nhà thích dùng biện luận. Theo ông thì “*đại biện bất ngôn*” (大辯不言), còn những biện giả trên đây chỉ là những bọn người biện vặt (tiểu biện 小辯).

§§§

Thời ấy có Tử Hoa Tử 子華子 chủ trương sự “toàn sinh vi thượng” (全生為上) [5] và Chiêm Hà 詹何 chủ trương “vị thân, bất vị quốc” (為身不為國), đều là những kẻ thừa hưởng cái học của Dương Chu 揚朱. Trang Tử đem cái thuyết Tề Vật để đánh đổ lòng tư kỷ, chia phân nhĩ ngã của người đồng thời còn sống thiên trong giới nhị nguyên. Là vì, theo Trang Tử, hễ còn nói “vì mình” tức là còn thấy chỉ có mình mà không thấy có người, trong khi sự thật thì “vật ngã vi nhất” (物我為一).

Ở thiên Đại Tông Sư 大宗師 ông viết: “*Cố chi chân nhân, bất tri duyệt sanh, bất tri ố tử...Bất tri sở dĩ sanh, bất tri sở dĩ tử, bất tri tựu tiên, bất tri tựu hậu.*” (古之真人不知悅生，不知惡死。。。不知所以生，不知所以死，不知就先，不知就後。)(Bậc chân nhân đời xưa, không tham sống, không ghét chết...Không biết chỗ sở dĩ sống, không biết chỗ sở dĩ chết, không biết chỗ đến trước, không biết chỗ đến sau)...Nghĩa là người đạt Đạo phải là kẻ đứng trên vấn đề sanh tử, không vị kỷ, không quá chú trọng đến bản thân mà suy tính lợi hại quá đáng như các chủ trương nói trên.

Phản đối những tư tưởng vị kỷ, tức là phản đối lòng tham lam ích kỷ, ông lại cũng phản đối cả sự “xá kỷ thích nơn” (舍己適人), nghĩa là bỏ cái chân tánh của mình mà chạy theo kẻ khác. Ở thiên Đại Tông Sư 大宗師 ông nói: “Hành danh thất kỷ, phi sĩ dã. Vong thân bất chân, phi dịch nhân dã.” (行名失己非士也, 亡身不真非役人也) (Làm theo danh, mà bỏ mất mình, không phải là kẻ sĩ. Làm mất thân mình, không rõ cái lẽ chân thật nơi mình, cũng chẳng phải là kẻ sai được người vậy). Ông cho rằng “như Hồ Bất Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, Cơ Tử, Tử Du, Kỷ Tha, Thân Đồ Dịch đều là hạng làm cái làm của kẻ khác, chiều theo cái thích của người, mà chẳng biết chiều theo cái thích của mình.” (Nhược Hồ Bất Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, Cơ Tử, Tử Du, Kỷ Tha, Thân Đồ Dịch, thị dịch nhân chi dịch, thích nhân chi thích nhi bất tự thích kỳ thích giả dã.) 若狐不偕, 務光, 伯夷, 叔齊, 箕子, 胥餘, 紀他, 申徒狄, 是役人之役, 適人之適, 而不自適其適者也。 (Đại Tông Sư 大宗市).

§§§

Và, như Lão Tử, ông cũng cực lực phản đối Nhân, Nghĩa của phái hữu vi thời ấy. Cái học “trục vật” và sự “câu tri”, cũng bị ông đả phá: “Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai. Dĩ hữu nhai, tùy vô nhai, đãi hĩ!” 吾生也有涯而知也無涯。以有涯隨無涯, 殆矣! (Dưỡng Sinh Chủ 養生主)

Tóm lại, đối với thời đại, ông phản đối hầu hết các học thuyết cùng chế độ thời đó: phản đối Nho Mặc, phản đối nhóm danh gia biện thuyết như Huệ Thi, Công Tôn Long, phản đối lòng vị kỷ, trọng tử sinh, sát lợi hại, phản đối cả nhân, nghĩa và cái thói “câu tri”, “trục học”, “xá kỷ thích nơn”, nhất là những hành động hữu vi của nhóm Pháp gia thời bấy giờ.

§§§

Tuy nhiên sự phản đối ấy của Trang Tử không phải là lỗi phản đối công kích của người phần thể (ghét đời là vì bất mãn đối với đời) mà thực ra là lỗi lập ngôn đặc biệt của người đã “vượt qua bên bên kia”, “đáo bỉ ngạn”, theo danh từ nhà Phật, con người giải thoát “đề trở về nguồn cội” của cái “Sống Một” mà ta sẽ thấy trình bày sau đây.

§§§

### III. SÁCH CỦA TRANG TỬ

Sách *Trang Tử*, theo *Hán Thư Nghệ Văn Chí* 漢書藝文志, thì có đến năm mươi hai (52) thiên. Nay chỉ thấy còn có ba mươi ba (33) thiên. Có phải vì người sau (Quách Tượng) dồn lại và phân lại thiên chương, hay vì người ta đã làm lạc đi 19 thiên kia?

Ba mươi ba thiên, lại chia ra làm ba phần (theo bản của Quách Tượng 郭象 là bản thông hành hiện thời): Nội thiên, Ngoại thiên và Tạp thiên.

Nội thiên 內篇 gồm có 7 thiên:

- *Tiêu Diêu Du* 逍遙遊
- *Tề Vật Luận* 齊物論
- *Dưỡng Sinh Chủ* 養生主
- *Nhơn Gian Thế* 人間世
- *Đức Sung Phù* 德充符
- *Đại Tông Sư* 大宗師
- *Ứng Đế Vương* 應帝王

Ngoại thiên 外篇 gồm có 15 thiên: - *Biên Mâu* 駢拇

- *Mã Đề* 馬蹄
- *Khư Khiếp* 胠篋
- *Tại Hựu* 在宥
- *Thiên Địa* 天地
- *Thiên Đạo* 天道
- *Thiên Vận* 天運
- *Khắc Ý* 刻意
- *Thiện Tánh* 繕性
- *Thu Thủy* 秋水
- *Chí Lạc* 至樂
- *Đạt Sinh* 達生
- *Sơn Mộc* 山木
- *Điền Tử Phương* 田子方
- *Trí Bắc Du* 知北游

Tạp thiên gồm có 11 thiên: - *Canh Tang Sở* 庚桑楚

- Từ Vô Quỷ 徐無鬼
- Tác Dương 則陽
- Ngoại Vật 外物
- Ngụ Ngôn 寓言
- Nhượng Vương 讓王
- Đạo Chích 盜跖
- Duyệt Kiếm 說劍
- Phụ Ngư 漁父
- Liệt Ngự Khấu 列禦寇
- Thiên Hạ 天下

§§§

Sự phân biệt chương thứ như trên, phân đông các học giả đều cho rằng không phải do chính tay Trang Tử sắp đặt, mà do người sau an bài.

Tô Đông Pha, trong *Trang Tử Từ Đường Ký* cho rằng “phân biệt các chương, đặt tên các thiên là do nơi thế tục, không phải bản ý của Trang Tử”.

Còn Đường Lan, trong *Lão Đam Đích Tánh Danh Hòa Niên Đại Khảo* và *Cổ Sử Biện* thì cho rằng “sự phân biệt Nội, Ngoại và Tạp thiên đều là do tay của Lưu Hưởng cả”.

§§§

Căn cứ vào văn thái và văn mạch mà xem, thì thấy chỉ có Nội thiên là biểu thị được chỗ trọng yếu của học thuyết Trang Tử mà thôi. Còn Ngoại thiên và Tạp thiên, thì phần nhiều rời rạc và chỉ bàn đi bàn lại những tư tưởng đã phô diễn ở Nội thiên mà thôi.

Phạm nghiên cứu về một học thuyết nào, sự tìm tài liệu chính xác và phê bình tài liệu là vấn đề quan trọng nhất. Có được như thế thì sự nghiên cứu của ta mới được chính đính, khỏi sự xuyên tạc và bất công, mang tội vu oan cổ nhân.

Phân biệt được sự chân ngụy trong các thiên chương trong sách Trang Tử là việc rất gay go phiền phức. Trong quyển *Trang Tử Tinh Hoa*, đã có dành riêng một chương khá đầy đủ cho vấn đề này, nên không lặp lại nơi đây làm gì nữa.

Nay chỉ tóm lại đại khái như sau: Nội thiên rất khác với Ngoại và Tạp thiên cả về văn nghệ, tư tưởng và thần thái trong câu văn. Nếu Nội thiên do



Trang Tử viết ra, thì Ngoại và Tạp thiên chắc chắn do kẻ khác viết, không thể là cùng một người được. Tuy vậy, trong Ngoại và Tạp thiên thỉnh thoảng cũng có một vài chương mà thần văn lạ lùng hùng vĩ, đã chẳng những văn hay mà tứ cũng thâm, nếu không phải do những kẻ có một học lực uyên thâm như Trang Tử, chắc cũng khó lòng mà viết ra cho được.

Cho nên, một phần cũng có thể cho là chính tay Trang Tử viết ra, còn phần nhiều chắc chắn là do kẻ khác học Trang Tử mà viết ra.

Như ở Ngoại thiên, các thiên Biền Mẫu 駢拇, Mã Đề 馬蹄, Khu Khiếp 脰篋, Khắc Ý 刻意, Thiện Tánh 繕性 thì văn khí bình diễn, lời nói rất tầm thường, thiên cận. Toàn thiên chỉ có một ý, nhưng mà cứ nói đi nói lại mà thôi, dường như là những bài sách luận của hậu học.

Thiên Thiên Vận 天運 nói về việc Khổng Tử viếng Lão Tử để hỏi Lễ thì lại giống với câu chuyện chép ở *Sử Ký* của Tư Mã Thiên. So sánh văn từ của thiên này với sách của Tư Mã Thiên, ta lại thấy rằng văn trong Thiên Vận rất tạp nhạp, khí tượng tầm thường không sao theo kịp văn từ trong *Sử Ký*. Mà như ta biết, thì văn Trang Tử đâu có kém gì văn *Sử Ký*, có khi còn cao hơn một bậc là khác. Cho nên, chắc chắn thiên Thiên Vận ở Ngoại thiên là ngụ thơ, do kẻ hậu học thêm vào.

Các thiên Đạo Chích 盜跖, Ngư Phụ 漁父, Duyệt Kiếm 說劍, Nhượng Vương 讓王 thì văn từ thiên bạc, những chỗ chỉ trích Khổng Tử đầy ngạo nghễ, thóa mạ chỉ nói để cho hả hê lòng phẫn uất, không giống thần thái của Trang Tử ở Nội thiên.

Còn như các thiên Thiên Đạo 天道, Thiên Địa 天地, Chí Lạc 至樂, Sơn Mộc 山木, Tại Hựu 在宥 thì tư tưởng tạp nhạp, người viết có khi chưa thật hiểu tinh thần tư tưởng của Trang Tử nên nhiều khi xuyên tạc, có khi dùng lời nói mồm mép của Nho gia mà giảng về Trang Tử.

Đó đều là những bài do các học giả theo phái Lão Trang về sau viết ra cả.

Đối với Nội thiên, học giả phần đông đều nhìn nhận rằng rất có thể đều do chính tay Trang Tử viết ra.

Nhưng, Đường Lan 唐蘭 cho rằng, riêng chương Tử Tang Hộ ở thiên Đại Tông Sư không giống với mấy chương trước mà gọi ngay Khổng Tử. Riêng tôi, cũng hoài nghi chương này, là vì trong thiên Đại Tông Sư, tư tưởng của Trang Tử rất thuần nhất đối với vấn đề sanh tử. Trang Tử cho rằng sanh tử là một. Nhưng riêng chương này lại thấy khác hẳn với toàn thiên về cái

nghĩa của sanh tử. *Tử Tang Hộ chết, hai người bạn đánh đàn và ca bên xác Tang Hộ: “Than ôi! Tang Hộ! Than ôi! Tang Hộ! Đó trở về cái chân, còn chúng ta còn là người! Ôi!”*. Thế là tự tiếng ca ấy, ta thấy những người này mừng cho Tang Hộ, mà riêng buồn cho mình còn phải sống làm người. Như vậy, ta thấy toàn chương biểu thị cái ý “vui chết buồn sống”, rất trái với ý tưởng của Trang Tử ở Tề Vật cùng những chương khác ở thiên Đại Tông Sư nữa.

Vậy, riêng một chương này, tôi tin rằng không phải của Trang Tử viết ra, và kẻ phân thiên chương vì xem xét không kỹ nên chép lầm vào đây. Ta nên bỏ hẳn chương này và sắp nó qua Ngoại hay Tạp thiên.

§§§

Thiên Nhơn Gian Thế 人間世 cũng đáng hoài nghi là ngụy thơ nữa. Là vì thể tài chung của Nội thiên không giống với thiên này. Trong các thiên khác ở Nội thiên thì đều có luận, có dụ.

Như Ứng Đế Vương 應帝王 thì trước dụ, sau luận, Đại Tông Sư 大宗師 thì trước luận, sau dụ. Đức Sung Phù 德充符 thì trước dụ, sau luận; Dưỡng Sinh Chủ 養生主 thì trước luận, sau dụ. Chí như hai thiên Tiêu Diêu Du 逍遙遊 và Tề Vật Luận 齊物論 thì dụ và luận giao lẫn nhau hồn nhiên như một thể. Như vậy ta thấy rằng ở Nội thiên, văn pháp tới lui có quy tắc lắm.

Duy có Nhơn Gian Thế thì không phải vậy nữa:

- Chương thứ nhất: nói về chuyện Nhan Hồi muốn du thuyết Vệ Quân, hỏi ý nơi Khổng Tử.
- Chương thứ hai: chuyện công tử Cao đi sứ nước Tề.
- Chương thứ ba: chuyện giữa Nhan Hạp và Cừ Bá Ngọc.
- Chương thứ tư: chuyện người thợ mộc tên Thạch qua nước Tề gặp cây lịch xã.
- Chương thứ năm: chuyện Nam Bá Tử Kỳ thấy cây đại mộc.
- Chương thứ sáu: chuyện một người què ở nước Tề.
- Chương thứ bảy: chuyện Khổng Tử qua nước Sở gặp Cuồng Tiếp Dư.

Toàn thiên thuật rờng là cố sự, không giống bút pháp của sáu thiên kia. Như vậy, không phải là do một người viết ra.

Hơn nữa, ý nghĩa trong thiên Nhơn Gian Thế này cũng không liên quán: chương thứ 4, thứ 5, thứ 6 đều lấy tỉ dụ những vật nhờ bất tài mà được an

toàn, không ăn chịu gì với tư tưởng của những chương trên. Chương 4 và 5 cùng đều là những ý tưởng trùng phục.

Chương 7 nói về chuyện Khổng Tử qua nước Sở gặp Cuồng Tiếp Du, thì các đoạn lại không hợp nhau. Ở đoạn nhất và đoạn nhì ta thấy Khổng Tử là người sáng suốt về Đạo, thay lời Trang Tử mà bàn về Đạo Đức. Nhưng qua đoạn chót, hốt nhiên Khổng Tử lại biến thành người ám muội. Thế là trước sau, bút pháp không thông vậy.

Chương thứ 8, nói về việc Khổng Tử qua Sở thì câu chuyện cũng như văn từ trong bài ca đều lại giống hệt văn của sách *Luận Ngữ*. Trong *Luận Ngữ*, Thiên Vi Tử nói: *Sở Cuồng Tiếp Du ca nhi quá Khổng Tử viết: “Phụng hê! Phụng hê! Hà đức chi suy, vãng giả bất khả gián, lai giả du khả truy. Dĩ nhi! Dĩ nhi! Kim chi tòng chánh giả dãi nhi.”* 楚狂接輿歌而過孔子曰：鳳兮！鳳兮！何德之衰，往者不可諫，來者猶可追。已而！已而！今之從政者殆而。（論語）。

Trong Nhơn Gian Thế thì viết: *Sở Cuồng Tiếp Du du kỳ môn viết: “Phụng hê! Phụng hê! Hà như đức chi suy dã! Lai thế bất khả dãi, vãng thế bất khả truy dã. Thiên hạ hữu đạo, thánh nhơn thành yên, thiên hạ vô đạo, thánh nhơn sanh yên. Dĩ hồ! Dĩ hồ! Lâm nhơn dĩ đức!*

*Đãi hồ! Đãi hồ! Hoạch địa nhi xu.”* (楚狂接輿遊其門曰：鳳兮！鳳兮！何如德之衰也！來世不可待，往世不可追也。天下有道，聖人成焉，天下無道，聖人生焉。已乎！已乎！臨人以德！殆乎！殆乎！晝地而趨。) Sách *Luận Ngữ* có trước sách *Trang Tử*, thì đây quả là Nhơn Gian Thế chép văn *Luận Ngữ*. Lẽ nào Trang Tử, một người khí phách phóng khoáng, lại đi bắt chước kẻ khác hay sao?

Huống chi, tư tưởng Trang Tử ở Tiêu Diêu Du và Tề Vật Luận thì thật là rộng rãi, còn ở Nhơn Gian Thế thì lời lẽ lại rất câu chấp tầm thường như hạng nhà Nho, không giống tư tưởng ở Tiêu Diêu và Tề Vật: *“Dù gặp cảnh nào, dù đến thế nào, giữ một niềm thờ cha là chí hiếu, thờ vua là chí trung. . .”* (Nhơn Gian Thế). Phải chăng đó là mồm mép của nhà Nho?

Thế nên, thiên này cần phải loại ra khỏi Nội thiên.

Tóm lại, chỉ có Nội thiên là dùng được để nghiên cứu tư tưởng của Trang Tử mà thôi. Nhưng phải loại thiên Nhơn Gian Thế, và chương thứ hai ở thiên Đại Tông Sư, tức là chương Tử Tang Hộ 子桑戶 vì là ngụ thơ. Bản

dịch này cũng loại Nhơn Gian Thế ra khỏi Nội thiên và sắp vào Ngoại thiên.

៥៥៥

#### IV. CÁC SÁCH CHÚ GIẢI TRANG TỬ:

Trang học rất thịnh về đời Ngụy Tấn (220-316), cho nên sách vở chú giải Trang Tử của thời ấy cũng rất nhiều. Hướng Tú 向秀 tự là Tử Kỳ 子期 (221-300), người đời Ngụy Tấn 魏晉 có chú giải Trang Tử, tuy trước ông cũng đã có cả chục nhà chú giải, nhưng đều là thiên bạc không nắm được yếu chỉ, không xiển minh nổi cái học của Trang Châu. Tấn Thư 晉書 cho rằng chỉ có Hướng Tú là người đầu tiên thông được chỗ huyền chỉ của Trang học (大暢玄旨) .

Nhưng ông chỉ chú giải đến thiên Thu Thủy 秋水 và Chí Lạc 至樂 thì chết. Về sau, đến đời Huệ đế thì có Quách Tượng 郭象<sup>[6]</sup> căn cứ vào chú giải của Hướng Tú mà diễn giải rộng thêm ra. Bởi vậy về sau người ta thấy hai bản Hướng Tú và Quách Tượng nghĩa lý tương đồng như của một người viết ra vậy.

Còn bản cổ nhất của Tư Mã Bưu 司馬彪 (khoảng giữa nhà Tần 秦 - 221 trước Giáng Sinh), luôn cả bản chú giải của Thôi Tuyền 崔譔 thì hiện thời mất cả. Qua thời Nam Bắc Triều các nhà chú giải Trang cũng đông, nhưng chỉ còn lại bản của Quách Tượng là cổ nhất thôi. Ngày nay sở dĩ người ta có thấy được một vài dấu vết của các nhà chú giải trên đây, là nhờ ở sách của Lục Đức Minh 陸德明 đời Đường 唐. Trong bài Tự Lục 叙錄 của Thích Văn 釋文, Lục Đức Minh cho biết rằng Tư Mã Bưu có chú giải 21 quyển, 52 thiên, còn Thôi Tuyền thì chú 10 quyển, 27 thiên, Hướng Tú chú 20 quyển, 26 thiên, Quách Tượng thì chú 33 quyển, 33 thiên.

Các nhà chú giải về sau rất nhiều, nhưng một số đông thiên về phê bình văn chương hơn là tư tưởng. Đại khái như đời nhà Minh 明 có Châu Đắc Chi 朱得之 trong *Nam Hoa Thông Nghĩa* 南華通義; đời Thanh 清 có Ngô Thế Thượng 吳世尚 trong *Trang Tử Giải* 莊子解; Tôn Gia Cầm 孫嘉淦 trong *Nam Hoa Thông* 南華通; Lâm Tây Trọng 林西仲 trong *Trang Tử Nhân* 莊子因; Lục Thụ Chi 陸樹芝 trong *Trang Tử Tuyết* 莊子雪...đều là những tay sành về văn chương cả. Vì vậy, rất tiếc là các lời phê bình của các nhà ấy, yếu trọng nơi sự thưởng thức các câu văn, nhưng về phần tư tưởng lại không phát minh được điều gì mới lạ cả, cho nên phần tư tưởng

của họ rất là loạn chạc, rườm rà, mờ tối không phát huy được cái yếu chỉ huyền diệu về phần tư tưởng của Trang Châu.

Hoặc họ là các học giả thiên về Thần tiên phái, họ ghép Trang Tử vào cái học Trường sinh cửu thị. Như Chủ Bá Tú 褚伯秀, trong bộ *Nam Hoa Chân Kinh Nghĩa Hải Soán Vi* 南華真經義海纂微, tôn Trang Tử là Nam Hoa Lão tiên 南華老仙.

Đời Tống có Bích Hư Tử 碧虛子, đời Minh có La Miễn Đạo 羅勉道 đều lấy theo điển cố của Thần tiên phái mà giải Trang Tử.

Và lấy Thần tiên học để mà giải Trang Tử là phần rất đông. Chính người viết về Trang Tử đây cũng đã gặp nhiều văn hữu hoặc học giả theo phái Thần tiên cười nhạo và cho là chưa thấu đáo được ý nghĩa huyền diệu của Trang Tử vì đã không biết thể theo *Thần Tiên Đạo Thư* (của Trương Đạo Lăng và nhất là Bão Phác Tử) để giảng giải Trang Tử.

Cũng có nhiều nhà chú giải thiên về Nho hoặc Phật, lấy tư tưởng của Nho học hoặc Phật học mà giảng Trang Tử nữa. Như đời Tống 宋 có Lâm Hi Dật 林希逸, đời Thanh 清 có Lục Thụ Chi 陸樹芝, Lưu Hồng Điển 劉鴻典 cho Trang Tử là môn đồ của Khổng.

Đời Đông Hán 東漢, có Chi Độn 支遁, Tuệ Lâm 慧琳, Tuệ Viễn 慧遠 cũng rất sành Lão Trang, nên dùng cái học ấy mà làm sáng thêm cho Phật học. Qua đời Đường 唐 có Thành Huyền Anh 成玄英; đời Minh 明 có Lục Tây Tinh 陸西星, Thích Đức Thanh 釋德清; đời Thanh 清 có Trương Thế Lạc 張世樂 và gần đây có Chương Thái Viêm 章太炎 đều lấy Phật điển mà giải Trang Tử.

Trang Tử là người văn học hoàn toàn. Kim Thánh Thán sắp ông vào hạng “đệ nhất tài tử” tưởng cũng không phải là quá đáng.

Luận về ông, Tư Mã Thiên có nói: “*Sách Trang Tử có hơn mười vạn chữ, đại để đều là ngụ ngôn... Văn ông khéo viết, lời lẽ thứ lớp, chỉ việc, tả tình để bài bác Nho Mặc. Tuy đương thời, những bậc túc học uyên thâm cũng không sao cãi để gỡ lấy mình cho nổi. Lời văn của ông thì phóng túng mênh mông, chỉ cầu lấy thích chí mà thôi. Cho nên từ các bậc vương công đều không ai biết được nổi ông là hạng người thế nào.*” (Sử Ký 史記).

Từ đời Đường 唐, Tống 宋 về sau, các bậc đại văn hào như Hàn Dũ 韓愈, Liễu Tông Nguyên 柳宗元, Tô Thức 蘇軾... đều sùng bái ca tụng không ngớt. Sách Trang Tử, về phương diện văn học, là một áng văn kiệt tác.

Trang Tử là người biết hàm dưỡng chơn thần rất là đầy đủ, cho nên khí phách ngang tàng phóng dật. Văn ông rất hồn nhiên như hơi mây trong núi bay ra, như nước trong nguồn chảy... Bàn về một lẽ cao siêu tuyệt đích, có thể cảm mà không thể nói ra được bằng những lời nói thông thường nhị nguyên, cho nên ông phải dùng đến “ngụ ngôn” rồi mượn “trùng ngôn” mà làm cho sáng tỏ thêm. Trong đó sự tích tuy có thật mà câu chuyện giả thác lạ lùng. Đó là cách dùng cụ thể để mà giải thích trừu tượng. Khi lại dùng đến “chi ngôn”, tức là buột miệng nói ra, bất kể là đúng hay không với lịch sử. Cho nên văn chương của ông huyền tượng như hoa gương, trăng nước: hư mà thực, thực mà hư... như lẽ Đạo muôn màu. Thật là rất khác xa với văn từ của “bách gia chư tử”.

## V. HỌC THUYẾT CỦA TRANG TỬ

### A. Đạo 道 và Đức 德

Triết học của Trang Tử cùng với Lão Tử có nhiều điểm không đồng, nhưng rất đồng về quan niệm Đạo 道 và Đức 德.

Bàn về Đạo 道, sách Trang Tử ở thiên Trí Bắc Du

(知北遊) có giải rất rõ ràng:

Đông Quách Tử 東郭子 hỏi Trang Tử:

- Cái gọi là Đạo ở đâu?
- Không có chỗ nào là không có Nó.
- Xin chỉ ra mới được!

- Trong con kiến.
- Thấp hơn nữa!
- Trong cọng cỏ.
- Thấp hơn nữa!
- Trong miếng sành vỡ.
- Thấp hơn nữa!
- Trong cục phấn.

Đông Quách Tử không hỏi nữa.

Trang Tử nói: “Lời hỏi của ông, không đi đến đâu cả. Nó giống cách người giám thị dùng để trị giá heo: mỗi lần đập trên lưng heo là mỗi lần ấn mạnh càng xuống thêm. Ông đừng có chỉ hấn vào một vật nào có Nó, vì không có vật nào là không có Nó. Đạo cả là thế, mà lời nói cao cả cũng thế. Như ba tiếng này: ‘đều’, ‘cùng’, ‘cả thảy’ tuy danh từ gọi có khác, mà tựu trung đều hàm cùng một ý”.

§§§

Đạo là nguyên lý tuyệt đối sinh ra Trời Đất vạn vật. Cho nên hễ có vật, tức là có Đạo, nghĩa là “không có chỗ nào là không có Đạo” (無所不在) .

§§§

Thiên Đại Tông Sư nói: “Kìa Đạo thì có tình, có tín, không làm, không hiện, có thể truyền mà không thể thụ lãnh, có thể nhận được mà không thể thấy được. Đạo thì tự bản tự căn, khi chưa có Trời Đất vốn đã tồn tại từ xưa; Nó làm ra các đấng thiêng liêng quý thần, cùng Thượng đế; Nó sinh ra Trời, Đất; Nó ở trước Thái Cực mà không xem là cao, ở dưới lục cực mà chẳng thấy là sâu; Nó sinh trước Trời Đất mà chẳng gọi là lâu, dài hơn Thượng Cổ mà chẳng gọi là già”. (夫道有情有信無爲無形，可傳而不可受，可得而不可見，自本自根，未有天地，自古以固存，神鬼神帝，生天生地，在太極之先而不為高，在六極之下而不為深，先天地生而不為久，長於上古而不為老。) (Phù Đạo hữu tình, hữu tín, vô vi vô hình; khả truyền nhi bất khả thụ, khả đắc nhi bất khả kiến; tự bản tự căn, vị hữu thiên địa, tự cổ dĩ cố tồn; thần qui thần đế, sinh thiên sinh địa, tại thái cực chi tiên nhi bất vi cao, tại lục cực

*chi hạ nhi bất vi thâm, tiên thiên địa sinh nhi bất vi cứu, trường ư thượng cổ nhi bất vi lão).*

Đạo 道 là nguyên lý sinh ra Trời Đất vạn vật nên gọi là “tự bản tự căn” 自本自根, nghĩa là tự mình là gốc, là rễ của mình, chứ không phải do một gốc hay một rễ nào khác ngoài mình tạo ra. Đạo cũng là “vô thủy vô chung”, “thường tồn bất biến” và vạn vật dựa vào Đó mà sinh sinh không dừng vậy.

§§§

Đạo, như ta đã thấy, biểu hiện nơi vạn sự vạn vật, bởi vậy, không sự vật nào là không có cái tính “tự sinh” 自生, “tự trưởng” 自長, “tự hủy” 自毀, “tự diệt” 自滅 của nó. Như thế, ta có thể nói rằng sự “tự sinh, tự trưởng, tự hủy, tự diệt” của vạn sự vạn vật chính là những hành động “tự vi, tự hóa” 自為自化 của mỗi sự vật trong đời, mà ta cũng có thể gọi đó là “chỗ tác vi của Đạo” (道之所為) mà không sai, vì “không có vật nào là không có Đạo” (無所不在) ở trong cả. Hai chữ “tự hóa” 自化 của Trang, chính là thuyết “vô vi nhi vô bất vi” 無為而無不為 của Lão Tử.

§§§

Còn quan niệm về chữ Đức 德 của Trang Tử như thế nào?

Thiên Thiên Địa 天地 có nói: “Thuở thái sơ của Trời Đất thì đã có cái Vô. Cái Vô ấy không có tên, và là nơi phát sinh ra cái Một, nhưng cái Một ấy cũng chưa có hình. Khi mà vạn vật được cái Một ấy <sup>[7]</sup> cái đó gọi là Đức.” (泰初有無, 無有無名, 一之所起, 有一而未形, 物得以生, 謂之德) “*Thái sơ hữu Vô, Vô hữu vô danh. Nhất chi sở khởi, hữu Nhất nhi vị hình. Vật đắc dĩ sinh, vị chi Đức.*”

Trong câu “*thái sơ hữu Vô*”, chữ Vô 無 đây là chỉ về Đạo 道. Câu “*nhất chi sở khởi*” (一之所起) của Trang Tử: “*Vô là chỗ phát sinh ra cái Một*” thì đồng với câu “*Đạo sinh Nhất*” (道生一) của Lão Tử trong *Đạo Đức Kinh*. Còn Đức 德 tức là chỗ mà “*vật đắc dĩ sinh*” (vật nhận được mà sống). Cho nên mới nói: “*Đức, là chỗ ‘tự đắc’ của con người*” (德者人之所自得). “*Tự đắc*” là tự mình đã được của Tạo hóa, của Tự nhiên, của Đạo <sup>[8]</sup>. Hay nói một cách khác: Đức là cái Đạo biểu hiện nơi mỗi người



mỗi vật, là những năng khiếu tự nhiên, không vậy không được, của mọi sự vật trên đời.

Đạo và Đức, tuy danh từ dùng để gọi có khác, nhưng vẫn là Một. Có kẻ đã ví Đạo như nước. Nước ở sông, biển, ao, hồ...cũng như ở bầu tròn, ống thẳng, dù có hình thức động tĩnh khác nhau, nhưng đâu đâu cũng là nước cả (道德實同而名異) .

§§§

## B. Thuyết Thiên Quân 天鈞

Trang Tử, trong thiên Tề Vật Luận, dùng hai chữ *Thiên Quân* 天鈞 để chỉ về cái tác dụng của Đạo, là có ý chỉ cho ta thấy nó là một thứ triết học biến động (變之哲學) nghĩa là “*vận hành bất tức*” (運行不息) .

Quân 鈞 là cái bánh xe xoay tròn mà người thợ nung dùng để chế tạo những đồ vật có hình tròn. Chữ *Thiên Quân* lại có chỗ viết 天均 là có ý nói về sự quân bình, tùy cái bánh xe lưu chuyển, vòng bán kính của bánh xe bao giờ cũng bằng nhau, tự nhiên luôn luôn vẫn quân bình. Ở thiên Ngụ Ngôn 寓言 có nói:

“*Vạn vật đều là một giống cả, không cùng hình mà thay nhau, trước sau như cái vòng tròn, không thể phân biệt luân loại. Nên gọi là Thiên Quân. Thiên Quân, là Thiên Nghê.*” (萬物皆種也，以不同形相禪始卒若環，莫得其倫，是謂天均，天均者天倪也。) “*Vạn vật giai chủng dã, dĩ bất đồng hình tương thiên thủy tốt nhược hoàn, mặc đắc kỳ luân. Thị vị Thiên Quân. Thiên Quân giả, Thiên Nghê dã.*”

Thiên Thiên Địa 天地 lại nói: “*Trời Đất tuy lớn, mà sự biến hóa đều quân bình cả*” (Thiên địa tuy đại, kỳ hóa quân dã 天地雖大其化均也).

Như thế thì, *Thiên Quân* của Trang Tử là nói về sự đáp đổi nhau của các giống vật mà biến hóa, “đồng hình” biến làm “bất đồng hình”. Nhưng, ở đâu mà lại, rồi lại sẽ đi đến đâu, thời sau cùng cũng không biết đâu là manh mối. Sự biến hóa giống như cái bánh xe quay tròn, nên gọi là *Thiên Quân* 天鈞.

## C. Thuyết Vạn Hóa 萬化

Cứ theo phép ấy thì sự biến thiên của các giống vật đều không có mục đích, không có phương hướng...Con đường đó của vạn sự vạn vật là một cái

vòng tròn: “*châu nhi phục thủy*”, chứ không phải là một con đường thẳng đi đến một mục tiêu nào. Trang Tử không chủ trương tiến hóa, mà chủ trương *vạn hóa* 萬化, hay là *tự hóa* 自化.

Thiên Thu Thủy 秋水 nói: “*Vạn vật sinh ra, như đuổi như chạy; hề động là có biến, không lúc nào mà không xê dịch. Sao lại như thế, mà sao lại chẳng như thế? Ấy là vì cái lẽ “tự hóa” vậy!* (物之生者, 若驟若馳, 無動而不變, 無時而不移, 何為乎, 何不為乎, 夫固將自化。 ) (Vật chi sinh giả, nhược sâu nhược trì, vô động nhi bất biến, vô thời nhi bất di, hà vi hồ, hà bất vi hồ. Phù cố tương tự hóa. )

Thiên Tại Hựu 在宥 nói: “*Anh hãy chỉ cứ ngồi đây, không cần làm gì cả mà vạn vật tự hóa... Vạn vật phân thịnh, giống nào cũng cùng trở lại nguồn gốc của mình. Vật nào cũng trở lại gốc của mình mà không biết*” (汝從處無為而物自化。。。萬物云云, 各復其根, 各復其根而不知。 ) Trong câu văn này, quan trọng nhất là ở chữ Phục 復.

Ở thiên Thiên Thụy 天瑞 trong sách *Liệt Tử* cũng có câu nói: “*Tự sinh, tự hóa, tự có hình, tự có sắc, tự có trí, tự có lực, tự giảm, tự tăng*” (自生自化自形自色自智自力自消自息) . Thế là đều “*tự nhiên nhi nhiên*” 自然而然 “*bất kỳ nhiên nhi nhiên*” 不其然而然, không có sự nhất định phải bảo tồn những hình thức cá biệt nào có ích, tiêu diệt những hình thức cá biệt nào có hại như cách tác dụng của luật *Thiên trạch* có mục đích, có phương hướng của thuyết Tiến hóa Tây phương. <sup>[9]</sup>

Sở dĩ Trang Tử không chủ trương tiến hóa <sup>[10]</sup>, mà lại chủ trương vạn hóa là vì theo sự nhận xét của ông, ông cho rằng không thể nào xét biết được lẽ chung thủy của Đạo, nghĩa là không thể nào biết được rằng Đạo bắt đầu như thế nào, và sự cùng tận của nó như thế nào. Như vậy, thì làm thế nào mà nhận thấy được cái phương hướng biến hóa của nó theo chiều nào mà chủ trương tiến hóa được? Tiến hóa chỉ là một ức thuyết của những kẻ chủ quan mong hợp lý hóa tất cả hành động của Tạo hóa, trong khi sự thật Trời Đất không thể biết đâu là khởi điểm, đâu là cùng tận, mà chỉ là một cái “vòng tròn” (Thiên Quân).

Thiên Tác Dương 則陽 nói: “*Vạn vật có sống mà không thấy đâu là cái gốc của nó, có chỗ xuất ra mà không thấy đâu là cái cửa của nó*” (萬物有乎, 生而莫見其根, 有乎出而莫見其門) . Lại nói: “*Người xét Đạo, không theo cho đến chỗ đã phé, cũng không suy cho đến chỗ chưa*

khởi; hề bàn đến nó là phải thôi đi. Ta xét cái gốc của nó, ta thấy nó đi đến vô cùng, ta cầu đến cái ngọn của nó, ta lại thấy nó không bao giờ dứt. Không cùng, không dứt, thì còn bàn nói vào đâu được nữa. Vật, thì cũng cùng một lẽ đó.” (觀道之人，不隨其所廢，不原其所起，此議之所止。吾觀之本其往無窮，吾求之末，其來無止。無窮無止，言之無也，與物同理。) Ở thiên Sơn Mộc 山木 cũng nói: “Hóa muôn vật mà không biết nó thay đổi như thế nào, thời biết nó bắt đầu ra làm sao, mà cùng tận ra làm sao?” 化其萬物而不知其禪之者。焉知其始，焉知其終。

555

Đôi với nhân sự cũng thế: phải biến thành quấy, quấy biến thành phải...không biết đâu là khởi điểm, không biết đâu là cùng tận...như trên một cái “vòng tròn” 天鈞; lớn, nhỏ; sanh, tử; dài, ngắn; có, không; cao, thấp; thành, hoại đều không sao phân biệt được<sup>[11]</sup>, không sao biết được đâu là chỗ khởi đầu của nó.

Thiên Thu Thủy 秋水 nói: “Lấy Đạo mà xem thì vật không có chi gọi là quý, là tiện, là ít, là nhiều cả. Chỉ có Một mà thôi. Lấy chỗ sai biệt mà xét, nhận thấy lớn mà cho là lớn, thì vạn vật không vật nào là không lớn, nhận thấy nhỏ mà cho là nhỏ, thì vạn vật không vật nào là không nhỏ...Lấy xu hướng mà xét, nhận cho phải là phải, thì vạn vật không vật gì là không phải, nhận cho quấy là quấy, thì vạn vật không vật gì là không quấy”.

Thiên Đức Sung Phù nói: “Lấy chỗ khác nhau mà xét, thì gan và mật cách nhau như nước Sở nước Việt, nhưng mà lấy chỗ đồng mà xét, thì vạn vật đều là Một cả.” (自其異者視之，肝胆楚越也，自其同者視之，萬物皆一也) . Cứ đem cái thuyết Tương đối (relativisme) ngày nay mà xem, ta sẽ thấy cũng không xa gì những điều nhận xét trên đây của Trang Tử. Theo Tương đối luận thì quyết không có gì là cao, là thấp tuyệt đối; không có gì là dài, là ngắn tuyệt đối; không có gì là lớn, là nhỏ tuyệt đối: những tiếng như thành, hủy, quý, tiện, thị, phi, hữu, vô toàn là những danh từ tương đối, quyết không phải là tuyệt đối. Cho nên cho rằng Trang Tử là tị tử của thuyết Tương đối không phải là quá đáng.

Cái luật Thiên Quân của Trang Tử lại bao hàm cả con người trong đó: “Cho nên Thánh nhân hòa lẽ thị phi, và rút cuộc ở trong Thiên Quân.” (是以聖人和之以是非而休乎天均。)

Thiên Đại Tông Sư 大宗師 nói: “*Như cái hình của người ta, thật là biến hóa muôn lần, mà chưa thấy đâu là cùng tận vậy*” 若人之形者，萬化而未始有極也。 ) . Lại cũng nói: “*Giả như cánh tay trái tôi hóa làm con gà, thì tôi sẽ nhân đó mà gáy canh. Giả như lại hóa cánh tay phải tôi làm hòn đạn, tôi sẽ nhân đó mà kiếm chim quay; giả như lại hóa cái xương cùn của tôi làm bánh xe, lấy cái thân hồn tôi làm con ngựa, thì tôi sẽ nhân đó mà cỡi lên, há còn phải đợi xe ngựa nào nữa! (...) Lớn lao thay! Tạo hóa muốn anh làm vật gì bây giờ? Muốn đi đến đâu bây giờ? Hay là biến anh làm gan con chuột? Hay làm cánh trùng? (...) “Nay có người thợ đúc kim khí, kim khí nhảy lên đòi: tôi muốn được làm thanh gươm Mạc Da, người thợ đúc tất cho đó là kim khí quái gỡ. Nay có kẻ ngẫu nhiên muốn được hình người, nhảy lên nói: Tôi muốn làm người...Tạo hóa tất cho người ấy là người quái gỡ. Nay lấy Trời Đất làm lò lớn, Tạo hóa làm người thợ đúc lớn, thời tha hồ muốn biến hóa ra sao thì biến hóa, đâu mà chẳng được.”*

Loài người biến hóa vô cùng, nhưng không có phương hướng nào nhất định cả: Phạm vật, hễ “cùng tắc phản” (窮則反) , “chung tắc thủy” (終則始) loay quay mãi theo cái “vòng tròn” vô tận.

Tuy Trang Tử chủ trương Tự hóa và Vạn hóa, không chủ trương sự biến hóa có phương hướng như thuyết Luân hồi của Phật giáo Tiểu thừa, hay thuyết Thiên trạch của Đạt Quynh (Darwin), nhưng lại nói đến sự biến hóa theo một cái “cơ” 機. Thiên Chí Lạc 至樂 nói: “*Các giống đều có cơ*” (種有機) và kết luận rằng: “*Vạn vật đều ra nơi cơ, và vào nơi cơ*” (萬物皆出於機，入於幾) . Theo Trang Tử, thì “cơ” là cái nguồn gốc của sự biến hóa, và rút lại, quy kết vào hai chữ “đức tính” (德性) .

Lấy theo thuyết Thiên quân mà xét việc đời thì thấy các sự vật đều chằng chịt dính líu với nhau, nhân rồi quả, quả rồi nhân tiếp tục nhau không biết đâu là khởi điểm, đâu là cùng tận, như trên một cái “vòng tròn”.

Để chỉ sự phức tạp trong các mối quan hệ, thiên Sơn Mộc 山木 nói: “*Trang Châu đi chơi ở rừng Diêu Lãng, thấy một con chim tước lạ ở phương Nam lại, cánh rộng bằng thước, mắt tròn một tác, đứng ở trán Châu mà đậu ở bụi cây lạt. Trang Châu nói: Chim này là chim gì vậy? Cánh to mà không bay, mắt lớn mà không nhìn. Bèn dùng dằng dằng bước, lấy đạn ra nhắm bắn. Bỗng thấy một con ve, vừa được bóng mát mà quên cả thân. Một con bọ ngựa, lấy lá che thân, chờ đến muốn bắt lấy mà quên cả thân. Còn phía sau, con tước đang vỗ bắt nó mà quên cả thân mình...*

Trang Châu giựt mình: *Ôi! Giống vật vốn làm lụy nhau...Hai loài như gọi lẫn nhau.*

*Rời bỏ viên đạn mà chạy trở về. . .”*

Xem đó, tuy là một câu chuyện ngụ ngôn, nhưng mà ý vị sâu sắc miêu tả được những mối quan hệ trong vũ trụ phức tạp là chừng nào, thật là điều khó thể tư nghị được.

Trang Tử nói: “*Bớt, thêm; đầy, vơi; một tối, một sáng*” (消息, 滿虛, 一晦一明) là muôn bảo luật Thiên quân bao quát cả hai cõi tối, sáng ấy. Câu nói này của Liệt Tử: “*Một vật thể, khi đầy, khi vơi, khi thêm, khi bớt, khi sáng, khi tối đều có cảm thông với Trời, Đất, ứng với vật loại*” (一體之盈虛消息皆通於天地, 應於物類) có thể bao quát và cai quản cả cái luật Thiên quân.

Theo luật Tiến hóa, hay Thiên trạch thì các giống vật càng biến, càng không bình đẳng. Còn theo luật Thiên quân thì các giống vật càng biến lại càng theo về bình đẳng, dù cho hình chất không bình đẳng, địa vị không bình đẳng mà Tánh và Phận vẫn bình đẳng. (Xem Tiêu Diêu Du và Tề Vật Luận).

Đó là sự phân biệt quan trọng nhất trong hai thuyết Tiến hóa và Vạn hóa.

Tóm lại, ta có thể lấy câu này của Trang Tử để chỉ luật Thiên quân: “*Trước sau như cái vòng*” (始卒若環) .

Với hai chữ “tự hóa” 自化, Trang Tử không thừa nhận có một Đấng Tạo hóa đứng ngoài và làm chúa tể vũ trụ vạn vật, mà lại cho rằng ngay ở mỗi vật, từ vật cực nhỏ đến vật cực lớn, đều có cái sức “tự sinh”, “tự hóa” ở bên trong, vì vạn vật, không có vật nào không có Đạo 道 ở trong cả. Hay nói một cách khác, con người với sức “tự sinh”, “tự hóa” có thể được xem như một đấng “tiểu tạo hóa” hay “tiểu hóa công”. Cho nên trong thiên Tề Vật Luận mới nói: “*Trời Đất cùng ta đồng sinh, vạn vật cùng ta đồng nhất*” (天地與我並生, 萬物與我同一) . *Vạn vật đồng nhất thể* đó là danh từ tổng quát để chỉ vũ trụ quan của Trang Tử.

Thuyết Vạn hóa Thiên quân của Trang Tử, như trên đây đã nói có thể tượng trưng bằng một cái vòng ốc (螺環) không thể lẫn lộn với thuyết Luân hồi của nhà Phật (Tiểu thừa).

Thuyết Luân hồi của Phật giáo Tiểu thừa, tựu trung là một hình thức của thuyết Tiến hóa, cho nên người ta quan trọng về vấn đề quả vị cao thấp: một ảo vọng của Bản Ngã. Vì vậy, đứng về phương diện giải thoát, thì thuyết Luân hồi phải thua xa thuyết Vạn hóa Bình đẳng của Trang Tử.

Thật vậy, con người sở dĩ nô lệ, là vì còn bị cái sợ chi phối tinh thần. Sợ đủ thứ, nhưng cái đáng sợ của con người là sợ chết, và cái cảnh sau khi chết, thuyết Luân hồi của Tiểu thừa Phật giáo an ủi được lòng thắc mắc bần

khoản ấy, và bảo đảm được rằng loài người sẽ tiến mãi: hết loài thú, đến loài người, rồi đến loài tiên, loài Phật...Con người càng “tiến” chừng nào, thì lòng khao khát lên “cao” lại càng tăng, và lòng “nô lệ” ngôi vị đẳng cấp sẽ càng nặng chừng nấy, nghĩa là lòng giải thoát cái “sợ” sẽ không bao giờ giảm bớt và dứt được.

Trái lại, với thuyết Bình đẳng của Trang Tử, căn cứ vào thuyết Vạn hóa Thiên quân cho rằng người là Đạo, người mà thực hiện được cái Đạo nơi mình rồi, thì nó sẽ “tự sinh”, “tự hóa” như Trời Đất, nên “toàn mãn” mà không còn cái bụng đèo bông tham muốn những gì khác ngoài cái tánh phận của mình nữa: “*Vạn vật dữ ngã đồng nhất*” (萬物與我同一) . Miễn giữ gìn được thiên chân, ngoài ra cuộc đời hãy nên xử như “Trang Châu hóa bướm”. Trang Châu chiêm bao thấy mình là bướm. Trong khi làm bướm, quên lửng mình là người, và vui thích với phận làm bướm. Nếu đứng theo Trang Châu mà luận, và thử hỏi Trang Châu có chịu đổi cái kiếp người của mình để làm phận con bướm, thì Trang Châu ắt không khứng chịu. Nhưng, nếu đứng theo con bướm mà xem, và xin đem đổi cái kiếp con bướm làm phận con người như Trang Châu, ắt con bướm cũng không muốn. Làm người chưa ắt là vui hơn làm vật, và như thế vật và ta là bình đẳng vậy.”*Giá cánh tay trái ta là con gà, thì ta nhân đó mà gáy canh. . .*”. Mình là Đạo, thì Đạo nơi ta hóa ra cái gì thì hóa, sao mà phải lo sợ? Ta có thể tự nói với mình: “*Lớn lao thay! Tào hóa nơi ta. Ngươi muốn ta đi đến đâu bây giờ? Hay là ngươi muốn biến ta làm gan con chuột, hay làm cánh trùng?*” Với một nhân sinh quan như thế, thì làm gì còn nô lệ lấy những cái sợ hãi huyền để mà tranh giành cao thấp, lớn nhỏ, vinh nhục...? Cho nên giải thoát tinh thần con người khỏi cái sợ thiên niên giam hãm đời mình trong dục vọng và bóng tối, quả thuyết Luân hồi của Phật giáo Tiểu thừa phải kém xa thuyết Thiên quân Vạn hóa của Trang Tử, nếu không nói rằng bất lực.

#### **D. Hạnh phúc (幸福) cá nhân và xã hội**

Trang Tử cho rằng “*hết thấy vạn vật đều do Đạo 道 mà ra, và mỗi vật đều có cái Đức 德 của nó, nghĩa là, hết thấy vạn vật, mỗi vật đều có cái tánh tự nhiên của nó. Nếu biết thuận theo tánh tự nhiên mà sống, thì hạnh phúc có ngay trong lúc đó, không phải cầu cạnh đâu khác ở ngoài*”.

Được phát triển tự do bản tánh là điều kiện đầu tiên đưa ta đến hạnh phúc, một thứ hạnh phúc tương đối dĩ nhiên. Muốn đạt đến hạnh phúc tuyệt

đổi, phải cần đến một thứ tri thức siêu nhiên huyền diệu hơn, tức là cái mà Lão Tử gọi “*tri bất tri, thượng*” (知不知, 上) .

Thường thì, sở dĩ bản tánh con người không được tự do phát triển là do sự ràng buộc, uốn nắn của chế độ, giáo dục, luân lý giả tạo của xã hội bên ngoài. Bởi vậy Trang học, cũng như Lão học hết sức phản đối nhân tạo mà đề cao cái sống cận với thiên nhiên.

Ở thiên Thu Thủy 秋水 Trang Tử nói: “*Thiên tại nội, nhơn tại ngoại (...)* *ngưu mã tứ túc thị vị Thiên; lạc mã thủ, xuyên ngưu tỉ, thị vị Nhơn*” 天在內, 人在外 (。 。 。 ) 牛馬四足, 是謂天; 落馬首, 穿牛鼻, 是謂人。 (*Trời ở bên trong, người ở bên ngoài (...)* Bò ngựa bốn chân, đó là Trời, khớp đầu ngựa, xỏ mũi bò, đó là Người). Ông lại nói: “*Chớ lấy Người mà giết Trời! Chớ lấy nhân tạo mà giết Thiên Mạng! Chớ lấy Được mà chết theo danh! Giữ cẩn thận, đừng làm mất Thiên chân! Đó là trở về cái Chân của mình!*” (無以人滅天, 無以故滅命, 無以得殉名, 謹守而勿失, 是謂反其真。 )

§§§

“*Trở về cái Chân của mình!*” (*phản kỳ chân*) (反其真) hay là *phục kỳ bản* (復其本) tức là Đạo giải thoát: trở về bản tánh như nhà Phật khuyên ta “*minh tâm, kiến tánh*” (明心見性) vậy. Cho nên, không thể hiểu một cách quá giản lược và sai ngoa rằng thuyết “*thuận Thiên, an Mạng*” của ông là thái độ tiêu cực, nhu nhược, phó mặc cho số phận mà xã hội đã an bày cho ta, ra sao hay vậy.” *Trở về cái Chân của mình*” phải là một cuộc đại cách mạng mới thoát khỏi gọng kềm xã hội càng ngày càng phủ lấp và mai một Thiên Chân. Cho nên Trang Tử mới khuyên ta: “*Chớ có lấy cái Ta xã hội, cái Ta nhân tạo do luân lý, giáo dục, chế độ cấu thành... mà giết chết Thiên tính!*” (Vô dĩ Nhơn diệt Thiên 無以人滅天).

§§§

Vạn vật, vật nào cũng có cái tánh tự nhiên của nó, và nói về năng khiếu tự nhiên thì không vật nào giống vật nào cả. Có điều là, nếu mỗi vật, vật nào cũng được phát triển tự do năng khiếu tự nhiên của mình thì vật ấy được ngay hạnh phúc.

Trong thiên Tiêu Diêu Du 逍遙遊, Trang Tử mượn có tạo ra một vật cực đại (là cá Côn, chim Bàng) và vật cực tiểu (con ve và con cưu) để chứng

minh rằng năng khiếu tự nhiên của mỗi vật hoàn toàn khác nhau. Vật cực đại như chim Bằng, mỗi khi muốn đến biển Nam, phải “đập trên mặt nước ba nghìn dặm dài, lên theo gió trốt chín muôn dặm cao, và bay trọn sáu tháng không nghỉ” (...) “Con chim cuu và con ve, thấy vậy, cười nói: Ta thích bay vụt lên cây du, cây phương...nếu có lúc bay không tới mà có rớt xuống đất thì cũng không sao. Sao lại phải lên chi tới chín muôn dặm cao, bay qua biển Nam mà làm gì?”

Nếu mỗi vật đều biết đủ với tánh Trời của mình, thì tuy Đại Bằng, không xem mình là cao quý hơn chim nhỏ mà tự cao, mà chim nhỏ như chim cuu cũng không xem mình là thấp hèn mà đèo bồng ham muốn đến Ao Trời làm gì như chim Bằng! Lớn, nhỏ tuy khác nhau, nhưng mỗi vật nếu biết thuận theo cái tánh tự nhiên của mình, biết an theo cái phận của mình, thì đều được tiêu điều (tự do) không sai cả.

Sự vật trên đời không đồng nhau, nhưng cũng không nên cầu cho hết thấy đều đồng với nhau. Là vì không thể nào cầu cho được. Sự bình đẳng tự nhiên không có và không bao giờ có trên đời này. Thiên Biền Mẫu 駢拇 có nói: “*Cẳng vịt thì ngắn, cố mà nối dài, nó khổ. Giò hạc thì dài, cố mà làm cho ngắn, nó đau. Cho nên tánh mà dài, không phải cái nên chặt bớt; tánh mà ngắn, không phải cái nên kéo dài, thì sao có đau khổ!*” (故鳧脛雖短，續之則憂；鶴脛雖長，斷之則悲。故性長非所斷，性短非所續，無所去憂也。)

#### **D. Quan niệm về xã hội và chính trị**

“*Dừng mong kéo cẳng vịt cho dài, thu giò hạc ngắn lại*”, nhưng đó lại là công việc làm của các nhà xã hội chính trị “hữu vi” từ ngàn xưa vậy.

Mục tiêu chính của các nhà làm luật pháp, các luân lý gia, các chế độ chính trị...phải chẳng đều có tham vọng san bằng mọi cá tính đặc biệt, bình đẳng hóa tất cả mọi bất bình đẳng tự nhiên trong thiên hạ...biến mỗi cá nhân thành một con người sống theo xã hội, “*thích theo cái thích của mọi người, mà không biết thích theo cái thích của mình*”<sup>[12]</sup>.

Theo Trang Tử, *tánh* (tự nhiên) của vạn vật, thì không đồng nhau: mỗi vật đều có chỗ nhận cho là đẹp, là hay, là phải, riêng của vật ấy. Cho nên không cần phải cưỡng ép cho tất cả đều đồng nhau, mà cũng không sao cưỡng ép cho đồng được. Chỗ không đồng của vạn vật, ta phải biết nhận lãnh nó, biết “chịu” nó, đó tức là dùng chỗ “không đồng” mà làm cho “đồng” vậy. Trái lại tất cả mọi chế độ, chính trị, xã hội theo hữu vi đều định ra “một cái tốt”



để làm tiêu chuẩn chung cho mọi tư tưởng hành vi, khiến người người đều phải theo đó mà hành động. Đó là ép những chỗ “không đồng” phải “đồng” nhau. Yêu, mà yêu theo chỗ thích riêng của mình, là làm đau khổ cho vật mình yêu vậy. Cho nên các bậc “thánh nhân” lập ra “quy củ chuẩn thẳng” cùng các thứ quy tắc chế độ để định chế chính trị xã hội, khiến cho người người trong thiên hạ đều phải phục tùng theo, chỗ dụng tâm, tuy chưa phải là không có lý do chánh đáng và tốt đẹp, và chỗ dụng ý tuy không phải là không thực yêu người...nhưng, kết quả thì lại như Lỗ Hâu nuôi chim...

*“Xưa kia, có con chim biển đậu ở cửa thành nước Lỗ...Lỗ Hâu ngự ra nghinh tiếp, rước về chuốc rượu ở đền Thái miếu, cho tấu nhạc Cửu thiều cho nó vui, giết trâu bò mời nó ăn...Chim ấy ngó dớn dác, bộ sậu bi không dám ăn, dám uống. Cách ba hôm thì chết. Đó là dùng cách nuôi người mà nuôi chim. Nếu như muốn dùng cách nuôi chim mà nuôi chim, thì phải để cho nó đậu ở rừng sâu, dạo ngoài gò đất, trôi nổi sông hồ, kiếm ăn lươn cá, đi theo hàng liệt, ung dung tự đắc, thích đâu ở đó. Cứ nghe người nói là nó không ưa rồi, lựa là còn đem tiếng nhạc mà làm cho nó kinh tâm. Nếu đem nhạc Hàm trì, Cửu thiều mà đánh lên ở Động đình, thì chim nghe phải bay, thú nghe phải chạy, cá nghe phải lặn...Nhưng người ta thì lại kéo nhau đến đó mà nghe. Cá ở dưới nước thì sống, người ở dưới nước thì chết. Đó và đây đã khác nhau, thì sự ưa ghét cũng khác nhau. Bởi vậy, bậc thánh ngày xưa không giống nhau về sở năng, nên không đồng nhau về sự nghiệp.”*

(Chí Lạc 至樂)

Như vậy, ta thấy rằng không phải Lỗ Hâu không có thiện ý, nhưng kết quả thì lại khác hẳn với ý muốn của mình: hại mà không có lợi. Đó cũng là hậu quả của những kẻ muốn dùng luật pháp, luân lý để mà diễn chế tư tưởng hành vi của thiên hạ.

Bởi thế, Trang học cực lực phản đối cái cách “lấy trị mà trị thiên hạ (dĩ trị, trị thiên hạ 以治, 治天下). Muốn khiến cho thiên hạ được trị, không chi bằng “lấy sự không trị, mà trị thiên hạ” (dĩ bất trị, trị thiên hạ 以不治, 治天下). Thiên Tại Hựu 在宥 nói: “Ta nghe phòng và giữ thiên hạ, chứ không nghe chuyện trị thiên hạ. Phòng, là sợ thiên hạ đấm đuổi mà mất tánh; Giữ, là sợ thiên hạ dòi dôi mà mất Đức. Thiên hạ mà không đấm đuổi đến mất tánh, không dòi dôi đến mất Đức, thì sao lại có chuyện trị thiên hạ?”. Dù sao đi nữa, dù bất đắc dĩ mà phải dùng đến luật pháp, luân lý, chính trị, chế độ...thì luật pháp, luân lý, chính trị, chế độ cũng phải có mục

đích duy nhất này là phụng sự cho cá nhân, chứ không được đem “*Người mà giết Trời, đem nhân tạo mà giết thiên nhiên*”.

Lão Tử và Trang Tử đều chủ trương “*vô vi nhi trị*”, một chế độ không có chế độ, một chánh thể không có chánh thể, nhưng mỗi người theo những lý do riêng.

Lão tử thì nhấn mạnh về Đạo, và vấn đề phản phục:

“*Phản giả Đạo chi động*” 反者道之動. Còn Trang Tử thì nhấn mạnh về sự phân biệt giữa thiên nhiên và nhân tạo: “*Người không được giết Trời, nhân tạo không được lấn thiên nhiên*”, vì làm thế là làm cho nhân dân thống khổ: không phát triển được tự do bản tánh của mình.

§§§

### **E. Vấn đề hạnh phúc tương đối và tuyệt đối**

Cái hạnh phúc nói trên đây, chỉ là một thứ hạnh phúc tương đối, vì nó còn phải có điều kiện, nghĩa là còn phải tùy thuộc một cái gì. Thật vậy, người ta sở dĩ có được hạnh phúc là khi nào được tự do sống theo bản tánh của mình.

Như vậy, xã hội, chế độ...như đã nói trên, chỉ là một trong những điều kiện không thuận tiện cho sự phát triển tự do bản tánh con người trên con đường hạnh phúc.

Cũng có nhiều trở ngại khác không kém quan trọng khiến cho ta khó thực hiện được hạnh phúc, là vấn đề “*lão*”, “*bệnh*”, và “*tử*”. Như vậy, ta thấy rằng Phật giáo không phải là không có lý, khi họ đề xướng thuyết “*sanh, lão, bệnh, tử: khổ*” Người tự do không những không bị ràng buộc về pháp luật, luân lý, chế độ, xã hội bên ngoài, mà cũng là người không còn sợ già, sợ bệnh, sợ chết nữa.

Già không đáng sợ. Đáng sợ là nên sợ cái già mà đầy bệnh tật. Vì vậy, người ta muốn được hạnh phúc, cũng phải biết lo đến phép dưỡng sinh. Người mạnh khỏe không sợ già, cũng không sợ chết nữa. Trong mọi tai họa, tai họa đáng sợ nhất của con người là tật bệnh. Người hay đau yếu, bệnh tật là người dễ sa vào ích kỷ: thường sẵn sóc sẫm soi đến thân thể nên dễ đem lòng quyến luyến và yêu thương. Lão Tử cũng đã có nói: “*Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn!*” (Chương 13 *Đạo Đức Kinh*). Cho nên, dưỡng sinh là thuật làm cho mình luôn luôn mạnh khỏe, để mà không có cơ hội thiết tha nghĩ đến thân thể của mình.

Người xưa có nói: “Một thân thể không đau, một tinh thần không loạn, đó là chân hạnh phúc của con người”. Có được một thân thể không đau, thì tinh thần mới không loạn; nhưng thường khi, nhờ có một tinh thần không loạn, mới có được một thân thể không đau. Đó là hai điều không thể rời nhau: ảnh hưởng của vật chất đối với tinh thần và ảnh hưởng của tinh thần đối với vật chất. Nhưng bàn về phần cao nhất của phép dưỡng sinh thì người Đông phương coi trọng phần ảnh hưởng của tinh thần hơn.

“*Điềm đạm hư vô*  
*Chân khí tàng chi,*  
*Tinh thần nội thủ,*  
*Bệnh an tàng lai.*” 恬淡虛無  
真氣從之  
精神內守  
病安從來。  
(Chương Đạo Sinh 道生)  
*Thượng Cổ Thiên chân luận*  
上古天真論  
(Hoàng Đế Nội Kinh)

§§§

Ở thiên Dưỡng Sinh Chủ 養生主, Trang Tử nói: “*Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai. Dĩ hữu nhai tùy vô nhai, dĩ dĩ!*” (*Sinh lực của ta thì có hạn, mà nỗi lo nghĩ ưu lự thì vô hạn. Dem cái hữu hạn mà phụng sự cho cái vô hạn, là nguy vậy!*). Vì vậy mà phép dưỡng sinh chiếm địa vị khá quan trọng trong học thuyết Trang Tử và về sau phái Đạo gia lại khai thác nó lập ra thành một học phái đặc biệt là phái “trường sinh cửu thị”.

§§§

Nhưng, mỗi băn khoăn lo sợ nhất làm cho con người thương sinh<sup>[13]</sup> và đã biến con người thành con vật đau khổ nhất đời là lòng ham sống sợ chết (tham sinh úy tử).

Ta hãy nhìn kỹ chung quanh, xem sự bành trướng mạnh mẽ của tôn giáo thì đủ rõ vấn đề sinh tử là quan trọng đến bậc nào! Người hoàn toàn tự do là người thoát khỏi cái tâm trạng “tham sinh úy tử”, người biết nhìn thấy sinh tử là một. Sự băn khoăn lo sợ sự sống chết sẽ giảm được hoặc dứt đi nếu ta

hiểu rõ được cái lý của sống chết. Đó là cái phép “lấy lý mà hóa tình” của Trang Tử.

§§§

Thiên Dưỡng Sinh Chủ nói: “*Lão Đam chết. Tàn Thắt đến điếu, khóc ba tiếng, rồi đi ra. Đệ tử hỏi:*

- Ông không phải là bạn của phu tử hay sao?

- Phải.

- Vậy thì, điều như thế là phải hay sao?

- Phải. Trước kia, ta xem Lão Đam là bạn ta. Nay xem lại đó, thì không phải nữa. Lúc ta vào điếu, thấy có già khóc đó như cha khóc con; trẻ khóc đó như con khóc mẹ. Đó là trốn thiên tánh, gia thêm tình và quên chỗ mình thọ lãnh của Tạo hóa. Cổ nhơn gọi đó là hình khổ của sự trốn thiên tánh. Phu tử vui mà đến, là thời; vui mà đi, là thuận. An thời xử thuận thì buồn vui làm sao vào đặng cõi lòng. Cổ nhơn gọi đó là huyền giải.”

Trong Trời Đất, chỉ có một cái sống, cái sống không sinh không tử. Sống chết chỉ là cái hình thức của một cuộc biến hóa của cơ đại hóa của Trời Đất. Cái sống ấy chính là cái mà Lão Tử gọi “*tử nhi bất vong giả thọ*” 死而不亡者壽 (chết mà không mất).

Hình thức này mà có mất đi, thì cái sống ấy lại đi về một chỗ khác. Cũng như trong một thân cây, lá này rụng, thì cái sống trong lá cây “trở về” trong thân cây mà sanh ra lá khác, cùng hoa trái khác...Cái mà ta gọi là sống chết đây, chỉ là một sự “thành, hủy” của một trạng thái trong vạn hóa của Trời Đất vạn vật mà thôi. Trang Tử đã ví sự sống chết như một bó củi “cột lại” và “mở ra”. Sinh là Huyền 縣, tử là Giải 解 (以生為縣以死為解), Huyền 縣 là cột lại; Giải 解 là tháo ra.

Sống chết chẳng qua là “một đi một lại” (死生一去一來) nối tiếp nhau, còn cái sống, tức là chân thể của ta thì luôn luôn như thế mãi, không thay đổi.

Cái sống của chân thể, đối với hình thể của ta, ví như “lửa” mà đối với “củi”: từ hình thể này truyền qua hình thể kia như “lửa” truyền từ bó củi này sang bó củi kia, “không khác nào hỏa cứ truyền mãi mà không tắt, cái sống truyền mãi mà không bao giờ tuyệt” (火傳而不滅, 命續而不絕) .

Chết, là từ một cảnh này, đổi qua một cảnh khác...Từ cảnh này đổi qua cảnh khác mà lo sợ, thì là một việc lo sợ hão như cảnh nàng Lệ Cơ. .

.”*Nàng Lê Cơ, con một vị quan trấn thủ phong cương xứ Ngại, gả về cho vua nước Tấn. Lúc xuất giá, rơi lụy dầm sâu. Khi tới hoàng cung, cùng vua đồng sàng, ném mùi sô hoạn, rồi nàng lại hối hận giọt lệ ngày xưa*” (Tề Vật Luận).

Chết mà lo sợ thì có khác nào ta sợ trước cái cảnh mà mình chưa biết. Biết đâu rằng, sau này ta lại không như nàng Lê Cơ, sau khi đến hoàng cung bấy giờ lại hối hận giọt lệ ngày xưa mà không chịu trở về quê cũ. Nếu ta cho hình thức hiện có đây là đáng vui, thì sau khi chết, chỗ ta đang hình thức mới khác, sao lại biết là không có chỗ đáng vui như bây giờ? Nghĩ lại lúc mà ta chưa là người như ngày nay, có lẽ lúc sắp lìa cảnh đó để sang qua cảnh đây, biết đâu ta cũng đã “rơi lụy dầm sâu”, quỵ lụy dầm dề, và cho sự thay đổi hoàn cảnh là một tai họa. Và hiện nay, nghĩ lại cái “giọt lệ ngày trước” ta cũng sẽ lấy làm hối hận.” Trong muôn vạn hình thức của vạn vật, hình thức của người là một. Gặp được hình thức ấy, chưa đủ riêng vui với nó, bởi trong vô cực, chỗ “gặp mới” của vạn vật thì vô cùng.... Một chỗ “gặp mới” như đây mà còn biết vui, há chỉ có một chỗ này mà thôi sao?”. Lời chú đây của Quách Tượng thật rõ ràng hết sức.

Hình thức con người là một trong muôn vạn hình thức của vạn vật. Như vậy, gặp hình thức nào cũng đáng vui mừng cả, há chỉ có hình thức con người là đáng vui mừng mà thôi sao? “Giá như cánh tay trái ta biến làm con gà thì ta nhân đó mà gáy canh. Giá như cánh tay mặt ta hóa làm hòn đạn thì ta nhân đó mà kiếm chim quay. Giá như hóa cái xương cụt của ta làm bánh xe, hóa thân hồn ta làm con ngựa thì ta nhân đó mà cỡi, há còn đợi xe ngựa nào nữa? Vả “đắc” là thời, “thất” là thuận. An thời xử thuận thì buồn vui làm sao vào dạng cõi lòng!”. Vì vậy, bậc chân nhân xưa “không ham sống, không ghét chết, ra không vui, vào không sợ, thuận nhiên mà đến, thuận nhiên mà đi. (Đại Tông Sư) (古之真人不知說生惡死其出不訢其入不距；悠然而往，悠然而來而已矣。)

“*Xưa, Trang Châu chiêm bao, thấy mình là bướm, vui phận làm bướm: tự nhiên thích chỉ không còn biết Châu. Chợt tỉnh giấc, thấy mình là Châu. Không biết Châu, lúc chiêm bao là bướm, hay bướm lúc chiêm bao là Châu? Châu cùng bướm ắt có phận định.*” (Tề Vật Luận).

Bàn về vấn đề sinh tử mà lại dùng đến thực và mộng như chuyện Trang Châu mộng hồ điệp mà nói, thì thâm trầm sâu sắc không biết chừng nào! Thật là văn chương huyền tượng lạ thường.

Theo Trang Tử, muốn trấn tĩnh lòng cảm xúc của con người trước vấn đề sinh tử, cũng như đối với tất cả mọi xúc cảm khác để làm cho ta thương sinh, thì phải dùng đến phép “lấy lý mà hóa tình”. Người trí thức, biết rõ được chân tướng của vũ trụ, biết được chỗ phát sinh của sự vật là việc tất nhiên...thì khi gặp việc sẽ không động cảm mà giữ được vẻ thản nhiên trầm tĩnh bên ngoài cũng như bên trong. Không động cảm, là không bị trói buộc, nghĩa là được tự do và hạnh phúc vậy. Tỉ như gió thổi ngói bay, rớt nhằm một đứa trẻ hoặc một kẻ lớn. Đứa trẻ nóng giận, nguyên rủa và quy tội cho miếng ngói vô tình; còn kẻ lớn, trái lại, biết là không lỗi nơi đâu cả, cho nên không động cảm, không bực tức và nhờ đó mà chỗ đau cũng bớt đau. Là vì, trí thức của người lớn biết rõ cái lý do của miếng ngói rớt, nên “lấy lý mà hóa tình”, “buồn vui vì đó mà không vào đặng cõi lòng!”

Trở lên là bàn đến hạnh phúc tương đối.

Còn muốn bàn đến hạnh phúc tuyệt đối, thì phải bàn đến tự do tuyệt đối.

Muốn đi đến hạnh phúc tuyệt đối, tức là tự do tuyệt đối, thì cần phải dùng đến một thứ tri thức siêu đẳng để mà đạt đến chỗ huyền đồng cùng vạn vật.

Thiên Tiêu Diêu Du, sau khi bàn về hạnh phúc tiêu điều của chim Bằng, cũng như của chim cưu, có nói đến Liệt Tử cõi gió mà đi. . .”*Liệt Tử cõi gió mà đi, đi một cách êm ái nhẹ nhàng, đi trọn mười lăm hôm mới về. Đó sống trong chỗ chí phúc và người như ông dễ thường thấy có. Tuy khỏi phải đi, nhưng còn phải chờ. . .*”. Chờ cái gì? Gió.

Như vậy, thì cái hạnh phúc của Liệt Tử cũng chưa gọi được là tuyệt đối, là vì còn phải tùy một điều kiện khác ở ngoài.

Chỉ có những ai “*thuận theo cái chánh của Trời Đất, nương theo cái biến của lục khí mà dong chơi trong cõi vô cùng: thì đó đâu còn phải đợi cái gì nữa. Cho nên nói rằng: bậc chí nhân không thấy có mình, bậc thần nhân không nhớ đến công trạng của mình, bậc thánh nhân không nghĩ đến tên tuổi của mình*”. (Tiêu Diêu Du)

Trang Tử, trên đây, tả hạng người hoàn toàn giải thoát, tức là người đã đạt đến hạnh phúc tuyệt đối, bậc “chí nhân” đã huyền đồng cùng tạo vật, nên không còn thấy mình nữa. Họ là người đã vượt lên trên những cặp mâu thuẫn mà thế nhân thường nhận thấy: phải quấy, vinh nhục, trước sau, cao thấp, lớn nhỏ, sanh tử...Họ là người đã giải quyết được sự mâu thuẫn to tát nhất nơi họ: tình và lý, tâm và trí, nội và ngoại, nhĩ ngã. Không còn thấy có “nhĩ”, tức là không còn thấy có “ngã”, họ là người đã đạt đến trạng thái “vô ngã”. “Vô ngã”, nên cũng “vô công” và “vô danh”.

Đã là “vô kỹ”, “vô công”, “vô danh” nên họ đã là một với Đạo.”Đạo thì không làm mà không có gì là không làm” (道常無爲而無不爲) . Và nhân đó mà hành động của họ không còn gọi là hành động của tư tâm tư dục nữa, mà là hành động của Đạo, của chân thể, của vô ngã. Hành động ấy là hành động vô vi của Đạo nơi ta vậy.

Để đi đến sự huyền đồng, bậc chân nhân phải “*biết quên thị phi*” (tri vong thị phi 知忘是非).

Theo nghĩa thông thường của thể nhân thì “biết” (知) là “biết” bằng sự phân biệt. Phải dứt bỏ lối nhận thức ấy để đi đến một thứ nhận thức siêu đẳng khác mà các nhà Đạo học gọi là “*tri bất tri, thượng*” (知不知, 上) [14].

Phùng Hữu Lan gọi đó là “*kinh nghiệm thuần túy*” tức là kinh nghiệm của vô tri thức, và cũng là chỗ mà nhà Phật gọi là *hiện lượng* 現量, *Thiền định*, *Thiền tọa*, và về sau phái Thần Tiên của Đạo giáo gọi là *Tĩnh tọa*. Thuần túy kinh nghiệm, là sự thực nghiệm Đạo ở bản thân, trong đó không còn cần đến suy luận, đối đãi...mà nhận thức trực tiếp thực tại không chủ khách, không nội ngoại vì những cặp đối đãi ấy đã đồng nhất, và đã biến mất trong tâm mình rồi.

Thiên Đại Tông Sư có đoạn văn này:

*Nhan Hôi nói:*

- *Hôi được thêm! Trọng Ni hỏi:*

- *Là nghĩa gì? Nhan Hôi nói:*

- *Tôi quên nhân nghĩa. Trọng Ni nói:*

- *Được, nhưng mà chưa trọn. Một hôm khác, lại ra mắt và nói:*

- *Hôi được thêm.*

- *Là nghĩa gì thế?*

- *Hôi quên lễ nhạc.*

- *Được, nhưng chưa trọn.*

*Một hôm khác nữa, lại ra mắt mà rằng:*

- *Hôi được thêm.*

- *Là nghĩa gì?*

- *Hôi “ngồi mà quên” rồi. Trọng Ni ngạc nhiên hỏi:*

- *Ngồi mà quên, là thế làm sao? Nhan Hôi nói:*

- *Giải thể, bỏ thông minh, lìa hình, bỏ trí, đồng với Đạo lớn. Đó gọi là “ngồi mà quên” (tọa vong).*

*Trọng Ni nói:*

- Đồng, thì không còn tham muốn nữa; hóa, thì không thường nữa. Quả Hối là người hiền. Khru này nguyện theo sau đó.

§§§

Chương đầu thiên Tề Vật Luận cũng có nói:

*Quách Tử Kỳ ngồi dựa ghế, giữa mặt hà hơi, bơ phờ như người mất bạn.*

*Nhan Thành Tử Du đứng hầu trước mặt, thấy vậy, hỏi: “Sao mà hình hài có thể khiến được như cây khô, còn lòng thì có thể khiến được như tro lạnh. Nay người ngồi trên ghế có phải là người ngồi trên ghế trước đây nữa không?”*

*Tử Kỳ nói: “Yến, câu hỏi của ngươi đâu phải là không đúng! Ta nay đã mất bản ngã rồi, ngươi có biết không?...”*

Đây cũng là phép “tọa vong” để mà thực hiện sự huyền đồng với bản thể của Đạo và đó cũng là cứu cánh của Trang học: hễ “đồng” với cái sống chung của vũ trụ vạn vật thì sẽ không còn thương ghét riêng tư, sẽ không còn tham muốn đèo bồng những tánh phận ngoài mình nữa. Cho nên mới nói rằng: “*Đồng tắc vô hiếu dã*” (同則無好也) [15].

Đạo học, theo Trang Tử, không phải chỉ là một lối triết lý suông của lý trí, mà là một cuộc thực hiện hay thực nghiệm bản thân về chân lý. Lời nói của Nhan Hối trong câu chuyện “tọa vong” trên đây có nghĩa là Hối đã được cái Đạo bên trong bằng phép “*truất phé thông minh*” (黜聰明) và “*bỏ lý trí*” (去知). Nên để ý phân biệt điều này: bỏ sự hiểu biết không phải là khuyên ta đừng hiểu biết. Có hai trình độ hiểu biết: biết cái biết thông thường, cái biết của giới nhị nguyên, cái biết trong vòng tương đối của thị phi, thiện ác và biết về cái lẽ “bất khả tri”, biết về bản thể, tức là cái biết về tuyệt đối. Cái biết thông thường của lý trí, của giới nhị nguyên về thị phi, thiện ác đâu phải là không cần, trong khi ta vẫn còn hoạt động trong vòng “sắc tướng”, nhưng, khi muốn nắm được Đạo, ta cần phải vượt lên khỏi nó. Trang Tử gọi cái phép “vượt lên” ấy bằng một chữ “vong” (忘), nghĩa là “quên”. Ông nói: “*Tri vong thị phi, tâm chi thích dã*” (知忘是非, 心之適也). Người được Đạo, không phải là người không biết thị phi, mà là người đã vượt lên trên cả thị phi. Không biết thị phi, với vượt lên thị phi là hai điều khác nhau xa. Cái “không biết” (bất tri不知) của đứa hài nhi, với cái “không biết” của bậc đạt Đạo cũng khác nhau rất xa vậy. Cái “không biết” ấy, mà Lão Tử gọi là “xích tử chi tâm” đừng có hiểu lầm đó là



tâm trạng hỗn độn của đứa trẻ sơ sinh. Cho nên không nên hiểu cho đó là cái học “ngu dân”.

Bởi không nhận thấy rõ ràng sự phân biệt đó, mà phần đông học giả chuyên về Trang học mới đề xướng thuyết “phục cổ” như ở thiên Đạo Chích trong sách Trang Tử (Xem *Trang Tử Tinh Hoa*).

Cái tri thức thông thường về sắc giới không làm sao hiểu được chân lý tuyệt đối, vì vậy Trang Tử đề xướng sự “khử tri” (去知) và “phế bỏ thông minh” (黜聰明).

Ở thiên Thiên Địa 天地 có đoạn: *Hoàng đế đi chơi đến phía Bắc Xích Thủy, lên gò Côn Lô, trông về hướng Nam tìm đường trở về, thì bỏ rơi ngọc Huyền Châu (玄珠). Sai Trí đi tìm, nhưng không tìm ra. Sai Ly Châu (rất tinh con mắt) đi tìm, nhưng cũng không tìm ra. Sai Khiết Cấu (người có tài hùng biện) đi tìm, nhưng cũng tìm không ra. Bèn sai Tượng Vồng. Tượng Vồng tìm ra. Hoàng đế nói: “Lạ thay, chỉ có Tượng Vồng mới tìm ra được ngọc Huyền Châu sao!”*

Tượng Vồng là cái “có hình mà thực ra không có hình” (似有象而實無) tức là ám chỉ cái “tâm hư không” trừu tượng siêu hình.

Cũng không thể dùng đến sách vở kinh điển mà tìm được Đạo, vì theo Trang Tử, đó cũng chỉ là những “cặn bã của cổ nhân” (古人之糟魄) [16], mà thôi.

Lý luận, biện thuyết đều vô ích cả, nó chỉ làm cho lòng ta thêm tăm tối, cho thần minh mờ ám:

*Nhiễm Cầu hỏi Trọng Ni:*

- Có thể nào biết được cái có trước Trời Đất không? Trọng Ni nói:

- Được! Xưa cũng như bây giờ <sup>[17]</sup>. Nhiễm Cầu rút lui, không hỏi nữa.

*Qua ngày hôm sau, lại ra mắt mà rằng:*

- Hôm trước tôi hỏi: có thể nào biết được cái có trước Trời Đất chăng? Thì Thầy dạy rằng: “Được. Xưa cũng như nay”. Trước kia, tôi tưởng là tôi đã hiểu, nhưng hôm nay thì lại cảm thấy mù mịt. Dám xin hỏi ý Thầy nói như thế nào?

*Trọng Ni nói:*

- Hôm trước người hiểu rõ là vì đã dùng đến cái thần minh mà nghe. Nay lại cảm thấy mù mịt mù là vì đã dùng đến cái không phải thần minh mà cầu hiểu” (昔之昭然也，神者先受之。今之昧然也，且又為不神者求邪) . (Trí Bắc Du 知北遊)

Cái mà Trang Tử gọi “Thần” là ám chỉ cái khiếu biết tự nhiên (một thứ trực giác phát tự cái tâm “hu”), cho nên mới hiểu rõ liền. Về sau, vì dùng cái lý luận giả tạo chấp nối của lý trí, nên lòng thông cảm tự nhiên của trực giác mờ đi. *Học giả, học kỳ sở bất năng học (...), biện giả, biện kỳ sở bất năng biện* (學者學其所不能學。。。辯者辯其所不能辯) [18]. Cái học mà Trang Tử khuyên ta là “cái học mà không sao học được”; còn có biện luận thì “hãy biện luận cái không sao biện luận được”. Đó là cái học về thuần túy siêu hình, một thứ Tâm học hoàn toàn.

Cho nên chỉ có thực hiện được cái đời sống tâm linh của ta, là mục đích tối cao của đời sống con người. Trong sách Trang Tử đầy đầy những câu chuyện “thần hóa” (神化) ấy.

*Nhan Thành Tử Du nói với Nam Quách Tử Kỳ:*

*- Từ ngày tôi nghe lời dạy của Thầy được một năm, thì tôi thấy lòng tôi trở về mộc mạc đơn thuần; được hai năm, thì chạy theo Đạo; được ba năm, thì thông lẽ Đạo; được bốn năm, thì thấy tôi như một vật ngoại; được năm năm, thì tiến đến mục; được sáu năm, thì thấy dường như có thần mình nhập thể; được bảy năm, thì được thần hóa (thiên thành); được tám năm, thì không biết mình còn sống hay chết; được chín năm, thì đã đến chỗ đại huyền diệu” (Ngụ Ngôn 寓言).*

Đó là những giai đoạn phải trải qua để đi đến một cuộc “thần hóa” hoàn toàn.

Một đoạn khác ở thiên Đại Tông Sư lại nói rõ ràng hơn.

*“Ba ngày, thì bỏ được việc thiên hạ ra ngoài; (...) bảy ngày, thì bỏ được sự thấy có ngoại vật bên ngoài; (...) chín ngày, thì bỏ được cái sống của mình ra ngoài” [19]. Bỏ được cái sống của mình ra ngoài thì mới được triêu triệt [20]. Triêu triệt rồi, mới nhận thấy được cái một. Thấy được cái một rồi, mới không còn thấy có xưa có nay. Không còn thấy có xưa có nay rồi, mới vào được cõi không chết không sống”.*

Cái trạng thái “hốt nhiên, đắc ngộ” ấy, có khi chỉ nhờ một lời nói mà được: “nhứt ngôn nhi năng ngộ” (一言而能寤) [21]. Công phu dự bị thì lâu dài trong vô thức, nhưng lúc “đắc ngộ” thì thật là mau lẹ như chớp nháng và làm biến đổi hẳn tâm thần trí não con người.

*“Nhan Hôi nói: Khi chưa thần hóa, thì rõ là có Hôi thật. Nhưng khi đã được thần hóa rồi, thì thấy chưa hề có Hôi. Có thể gọi đó là “hu” chưa?*

(Nhơn Gian Thế).

Cái thời kỳ “đắc ngộ” thì mau lẹ như thế, nhưng cần phải có một thời kỳ chuẩn bị, tức là tu luyện. Thời kỳ ấy, Trang Tử gọi là “tâm trai”, tức là sự chay tịnh của lòng.

Ở thiên Nhơn Gian Thế, Trang Tử miêu tả rất rõ lẽ ấy:

*Hỏi nói: Dám xin hỏi thế nào là “chay tịnh của lòng”?*

*Trọng Ni đáp: Hãy chuyên tâm nhất chí. Đừng nghe bằng tai, mà nghe bằng lòng. Đừng nghe bằng lòng, mà nghe bằng khí. Điều gì mình nghe, thì hãy để nó ở ngoài tai, còn lòng thì hợp nhất nó lại. Thần khí phải hư, hư mới nhận được Đạo; hư tức là “chay lòng đấy!”*

Đó là cả một chương trình “chay tịnh”: từ bỏ tất cả ngoại vật, sống giản dị, làm cho tâm trí đồng nhất với mọi sự mọi vật, “chuyên tâm bão nhất” cho lòng được trống không hư tịnh, không còn bị ảnh hưởng gì của vật ngoài nữa cả. Như vậy mới mong đạt đến trạng thái huyền đồng với chân thể tuyệt đối của mình. Cốt yếu là để cho lòng đạt đến “chân không” mới mong thần hóa được <sup>[22]</sup>.

Và, nhân thế mà phân đồng những kẻ theo về với Đạo học, bao giờ cũng khởi đầu bằng cách lánh xa cuộc sống phồn hoa xã hội, thích ở những nơi tịch mịch thiên nhiên:

*“Không Tử bèn từ biệt bè bạn, từ bỏ học trò, trốn vào chằm lớn, mặc áo cừu, áo vải, ăn hạt gấm, hạt dẻ. Chen vào đám muông mà không làm loạn đàn, chen vào đám chim mà không làm loạn hàng (tức là hòa đồng với vạn vật). Chim muông còn không ghét bỏ, huống chi là con người”. (Sơn Mộc 山木).*

Tuy nhiên, lánh đời có khi cũng chưa đủ để gọi là thoát khỏi được ảnh hưởng của đời. Ở trong đời mà không để cho thân tâm lụy vì đời, mới thật là người làm chủ được

hoàn cảnh, mới thật là người tự do (不以外物動其心也). Sự thần nhiên dứt bỏ đối với thế sự khởi nơi lòng giác ngộ của mình trước nhất: đâu cần phải xa lánh cuộc đời mới dứt được lòng nô lệ quyền luyến.

Ở thiên Ứng Đế Vương 應帝王, Trang Tử có nói: “ (...) Liệt Tử ba năm không ra ngoài. Ở nhà nấu cơm cho vợ, nuôi heo cung kính như nuôi người, và không thiết đến việc gì nữa cả (để mà tiêu diệt cái lòng tự kiêu tự ái của mình đi). Phá bỏ tất cả mọi trang sức giả tạo để cho tâm lòng trở về cõi thuần phác tự nhiên. Thành như cục đất, giữa cảnh náo nhiệt mà lòng vẫn không náo động. Như thế đến trọn đời mình. . .”

Trong con đường “huyền học”, giai đoạn “tâm trai” này là khó khăn gay go nhất vì mình phải chịu đựng một cuộc tranh chấp không lồ ở nội tâm giữa cái “ta xã hội” và cái “chân thể” của ta, nghĩa là giữa cái mà Trang Tử gọi là *Thiên* 天 và *Nhơn* 人 (Trời và Người).

Cắt nghĩa chữ Thiên 天 và Nhơn 人, Trang Tử có nói: “*Bò ngựa bốn chân, đó là Trời (Thiên)*<sup>[23]</sup>. *Khớp đầu ngựa, xỏ mũi bò, đó là Người (Nhơn)*<sup>[24]</sup> (...) *Đừng lấy Người mà giết Trời (...) Giữ cẩn thận, đừng để mất Thiên chân, thế gọi là trở về cái chân của mình.*”

(Thu Thủy 秋水)

*Nhơn*, tức là nhơn tạo, là ám chỉ những ước lệ giả tạo của xã hội để ràng buộc con người vào một khuôn khổ, tức là những cái mà Khổng học gọi là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín...Luân lý, đạo đức, pháp độ, dù rất có lợi cho con người trong giai đoạn “*tri thị phi, tri thiện ác*”, nó trở lại thành một chướng ngại vật cho giai đoạn giải thoát”, tức là giai đoạn “*vong thị phi, vong thiện ác*”, giai đoạn mà “*chân thể*” đã đến lúc trưởng thành, đủ sức “*tự sinh, tự hóa*”. Vì thế Trang Tử mới có nói: “*Tri vong thị phi, tâm chi thích dã*” (知忘是非, 心之適也). Biết quên sự phải quấy, đó là cái tâm của mình thông suốt rồi vậy. Bảo rằng: Biết quên, tức là phải có Biết, rồi sau mới vượt lên trên sự hiểu biết mà quên đi. Muốn giải thoát, con người trước hết phải trải qua giai đoạn nhận thức rõ ràng cái bản ngã của mình: không bao giờ đi đến giải thoát mà chưa từng nhận thức và sống trong bản ngã một cách sâu xa. Bản ngã, là nguồn gốc của đau khổ, vì nó cố gắng sống riêng ra ngoài cái sống một của tâm hồn. Nhưng bản tánh của nó là “*hữu thức*”, vì có “*hữu thức*” mới có thể chia phân. Hữu thức phải đến trình độ cùng cực của nó, mới có thể đi vào cái sống của vô thức. Bản ngã là Âm, hễ Âm cực mới Dương sinh. Dương là ám chỉ cái chân thể của mình. Như trên đã nói: Bản ngã là nguồn gốc của đau khổ. Muốn đi đến trạng thái vô thức, phải làm cho tan vỡ cái vỏ bao ngoài, là bản ngã. Làm tan vỡ nó, sẽ phải đau khổ để mà “*thoát xác*”. “*Phải chết, rồi mới được phục sinh*”, đó là ý nghĩa thâm sâu của câu chuyện Đấng Cứu Thế (Jésus) phải chịu chết đóng đinh trên cây Thập giá, để rồi được phục sinh và lên Trời. Vì vậy mới có câu khẩu hiệu này của các nhà huyền học Thiên Chúa giáo: “*Chết trên cây thập giá của mình*”. Triết học Đông phương bảo “*vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản*”, “*chết để mà sống lại*” đó đều là ám chỉ đến việc làm cho “*chết*” bản ngã đi, để phục hồi chân tính.

Nhà Đạo học Ấn Độ hiện đại là J. Krisnamurti cũng có nói rõ ràng hiện trạng ấy: *“Tiếng nói của tôi là tiếng nói của sự hiểu biết thâm sâu, do một sự đau khổ tuyệt vời mà có.”* [25]

Bản ngã chưa chín muồi, chưa có thể rụng. Đau khổ chưa đến chỗ tuyệt vời, khó mà giác ngộ. [26]

Bản ngã (cả cái Bản ngã xã hội - moi social - un đúc nó) có thể ví như cái vỏ trứng gà, đối với con gà con đang thời kỳ chưa nở. Cái vỏ bao ngoài là cần thiết cho cái sống của con gà trong khi nó chưa thành hình đầy đủ, nhưng khi con gà con đã đến độ trưởng thành, có thể sống tiếp xúc ngay với ánh sáng và không khí bên ngoài, thì cái vỏ bao ngoài kia lại trở thành một chướng ngại vật mà nó phải phá vỡ ra, vì đó là tất cả vấn đề sanh tử của nó lúc bấy giờ.

Hột lúa chỉ làm xong sứ mạng của nó khi nào nó trở thành cây lúa, nghĩa là để có thể trở thành cây lúa, nó phải “chết” cái đời sống hột giống của nó đi, thì nó mới hoàn thành được sứ mạng của nó.

Bởi vậy, trước đây Trang Tử mới có bảo: *“Phá bỏ tất cả mọi trang sức giả tạo bên ngoài để cho tâm lòng trở về cõi thuần phác tự nhiên.* (Ứng Đế Vương). Và *“đừng lấy Người mà giết Trời”* (Thu Thủy). “Người” đây là cái “ta xã hội” (moi social) tạo thành, còn “Trời” tức là chân thể.

Nhận rõ được như thế, ta sẽ không lấy gì làm lạ mà thấy rằng suốt bộ Nam Hoa Kinh, Trang Tử bao giờ cũng cực lực phản đối cái học của Khổng, Mặc, và đề cao thiên nhiên mà đả kích nhân vi hay nhân tạo. Cái học của Trang Tử, cũng như của Lão tử, là cái học giải thoát, tiêu diệt bản ngã để thực hiện con người “vô kỹ, vô công và vô danh”, tức là cái học thuộc về giai đoạn thứ hai trong cuộc thiên diễn của đời người để hoàn thành sứ mạng con người của mình trong Trời Đất: *“Ta nay đã mất bản ngã rồi, người có biết chăng?”* (今者吾喪我, 汝知之乎?) (Tề Vật Luận).

Tóm lại, sự chống đối, đả kích của Trang Tử chẳng qua là việc làm của “con gà con” đã đến thời kỳ nở: phá vỡ cái vỏ bọc ngoài của quả trứng để giải thoát. Chỉ có thể thôi.



Đi ra, rồi trở lại, đó là con đường của Đạo mà Lão Tử đã nói: “*Phản giả, Đạo chi động*” (反者道之動). *Đi ra*, là con đường trong giai đoạn đầu để đi đến sự tạo thành một bản ngã đầy đủ; *đi về*, là con đường “*phục kỳ bản*”, “*phản kỳ chân*” (復其本反其真) tiêu diệt Bản Ngã.

Con đường trước là con đường sống chia phân của nội tâm: Tâm Trí, Nhĩ Ngã, Thị Phi, Thiện Ác...

Con đường thứ hai, là con đường “trở về” nguồn *sống một*, con đường hợp nhất lại những gì đã bị chia chẻ...Đó là con đường giải thoát. Hai con đường trên đây trong đời sống của con người là cả hai thế giới riêng biệt và nghịch hẳn nhau. Con đường trước người ta gọi là con đường “tiến”, thì con đường sau phải gọi là con đường “thôi”. Lão tử có nói: “Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tôn. . .”. Từ bên thế giới này sang qua thế giới bên kia, nhà Phật gọi là “đáo bỉ ngạn” (đến bờ bên kia) (paramita).

Hai thế giới đã khác nhau, thì sự hoạt động tri thức trên những vùng tinh thần ấy cũng phải khác nhau: ở giới nhị nguyên thì phải dùng lý trí, nhưng khi bước chân vào ngưỡng cửa của giới nhất nguyên thì không thể còn dùng đến dụng cụ tri thức kia, là lý trí được nữa, mà phải dùng đến một năng

khieu đặc biệt khác là trực giác<sup>[27]</sup>. Trang Tử gọi là “*đại tri*” 大知 và nhà Phật gọi là trí “bát nhã” (Prajna), hay là Trí huệ bát nhã.

Như vậy, nhãn quang của người bước qua giai đoạn giải thoát là nhãn quang nghịch hẳn với nhãn quang của người còn sống trong giai đoạn chấp có một cái ta riêng biệt (nhị nguyên).

Giai đoạn này (giai đoạn nhị nguyên) có hai thời kỳ: thời kỳ phôi thai của bản ngã (本我) và thời kỳ trưởng thành của bản ngã.

Trong thời kỳ thứ nhất, con người còn sống theo quần đoàn, sống theo tập quán, theo ảnh hưởng của người chung quanh, chưa có cá tánh đặc biệt. Họ chỉ biết bắt chước và không dám suy nghĩ khác hơn những giáo lý, tôn giáo hay chế độ giáo dục đương thời: họ hoàn toàn là sản phẩm của xã hội chung quanh.

Thời kỳ thứ hai là thời kỳ trưởng thành của bản ngã. Bắt đầu cá nhân có những tư cách chống đối xã hội, không chịu mù quáng thuận theo một cách nô lệ bất cứ một mạng lệnh nào, một lẽ lối cụ ước nào của chế độ luân lý, tôn giáo, xã hội đã qua hoặc đương thời chi phối. Họ có những tư tưởng cách mạng và độc đoán. Vách thành của truyền thống, của tập tục bắt đầu rạn nứt. Họ dám suy nghĩ theo mình, bắt đầu hoài nghi, và can đảm đem tất cả mọi vấn đề mà đặt lại. Họ không thụ động nữa, trái lại đề cao đến tột độ

chủ nghĩa cá nhân đủ mọi phương diện. Họ tìm đủ mọi cách để đề cao đời sống độc lập tinh thần, không chịu tôn thờ một quyền thế vật chất tinh thần nào cả ngoài mình. Độc lập, tân kỳ, sáng tạo, tự do, đó là bốn đặc điểm của con người tinh thần của họ.

Nhưng, một ngày kia, bản ngã của họ phát triển đến mức cùng tột, họ lại cảm thấy họ bị ràng buộc trong những công trình sáng tạo của họ, nghĩa là họ cảm thấy họ bị nô lệ lấy những giá trị giả tạo mà chính họ đã bày ra. Tất cả những giá trị của xã hội văn minh ngày nay, như những giá trị về luân lý, đạo đức, văn hóa, xã hội mà họ đã bày ra, phải chăng đều có công dụng là trói buộc họ vào những khuôn khổ quá chật hẹp của một ảo vọng đầu tiên vô cùng quan trọng: bản ngã. Bây giờ, họ bắt đầu đi qua giai đoạn thứ ba, là vượt lên trên cái bản ngã ảo tưởng ấy, tức là họ bước qua con đường giải thoát.

Giai đoạn này không phải là giai đoạn đi đến sự thực hiện siêu nhân, mà để thực hiện trạng thái tự nhiên của một con người “viên mãn”, một con người “vô ngã”, hay nói theo Trang Tử, con người “chân nhân”. Giai đoạn này “*phản*” lại giai đoạn trên: Cách nhận thức, suy luận đều nghịch hẳn với những cách nhận thức, suy luận nhị nguyên như trong giai đoạn trước. Cách lập ngôn vì thế cũng khác hẳn. Cũng như bên Thiên tông Phật giáo, người ta dùng đến phép lập ngôn vô cùng đặc biệt này là hay nói ngược lại tất cả những lời suy nghĩ thông thường để mà “phá tan” cái “tập niệm nhị nguyên”. Phải có trải qua một cuộc đại cách mạng tư tưởng, xáo trộn và lật ngược tất cả mọi vấn đề thường thức trong đời, mới mong “phá tan” được cái ác tập suy nghĩ theo nhị nguyên, mới nhận rõ được cái chân tướng của sự vật.

Như vậy, phần đông người ta, nếu sờ dĩ còn trách cái giọng văn “khinh thế ngạo vật” của nhóm Trang học, cho rằng lời văn nhiều khi trịch thượng và quá bạo, không có vẻ dịu dàng hòa nhã và khiêm tốn đối với tư tưởng của Nho Mặc, đại diện tư tưởng nhị nguyên, là vì người ta chưa ý thức được phép lập ngôn của các nhà Đạo học Đông phương, của Lão Trang và nhất là của Thiên tông, thường vụ lấy chỗ làm cho thức tỉnh, chứ không còn phải vụ lấy sự ru ngủ cái bản ngã của con người nữa. Sự va chạm nặng nề đối với thành kiến là một trong những phương pháp để giúp cho người dễ tỉnh ngộ.

Tóm lại, ba mươi ba thiên của sách Trang Tử, tuy nghĩa lý sâu rộng, nhưng chỉ có sáu thiên đầu, là Tiêu Diêu Du, Tề Vật Luận, Dưỡng Sinh Chủ, Đức Sung Phù, Đại Tông Sư và Ứng Đế Vương của Nội thiên là bao

quát được tất cả yếu chỉ của toàn thể bộ sách. Các thiên chương trong Ngoại và Tạp thiên rất có thể có một số ít do tay Trang Tử viết ra, kỳ dư đều do các bậc hậu học của phái Lão Trang thuật lại để diễn đạt thêm cái đại nghĩa của sáu thiên đầu.

Tiên Diêu Du thì bàn về *tự do tuyệt đối*; còn Tề Vật Luận thì nói về *bình đẳng tuyệt đối*. Thật ra thì chỉ có hai thiên này là nền tảng của cả học thuyết Trang Tử mà thôi. Các thiên khác trong Nội thiên cũng đều là những ý tưởng phụ thuộc dùng để diễn đạt cái đại ý của hai thiên này mà thôi.



**NAM HOA KINH**

**NỘI THIÊN**

## TIÊU DIÊU DU

### 逍遙遊

A. 北冥有魚，其名為鯤。鯤之大，不知其幾千里也。化而為鳥，其名為鵬。鵬之背，不知其幾千里也。怒而飛，其翼若垂天之雲。是鳥也，海運則將徙於南冥。南冥者，天池也。齊諧者，志怪者也。諧之言曰：「鵬之徙於南冥也，水擊三千里，搏扶搖而上者九萬里，去以六月息者也。」

野馬也，塵埃也，生物之以息相吹也。天之蒼蒼，其正色邪？其遠而無所至極邪？其視下也，亦若是則已矣。

且夫水之積也不厚，則負大舟也無力。覆杯水於坳堂之上，則芥為之舟；置杯焉則膠，水淺而舟大也。風之積也不厚，則其負大翼也無力。故九萬里，則風斯在下矣，而後乃今培風；背負青天而莫之夭闕者，而後乃今將圖南。

蜩與學鳩笑之曰：「我決起而飛，槍榆枋，時則不至而控於地而已矣，奚以之九萬里而南為。」適莽蒼者，三餐而反，腹猶果然；適百里者，宿舂糧，適千里者，三月聚糧。之二蟲又何知？小知不及大知。小年不及大年。奚以知其然也？

朝菌不知晦朔，蟪蛄不知春秋，此小年也。楚之南有冥靈者，以五百歲為春，五百歲為秋；上古有大椿者，以八千歲為春，八千歲為秋（此大年也）。而彭祖乃今以久特聞，眾人匹之，不亦悲乎！

A. Bắc minh<sup>1</sup> hữu ngư, kỳ danh vi Côn<sup>2</sup>. Côn chi đại, bất tri kỳ kỷ thiên lý dã. Hóa nhi vi điểu, kỳ danh vi Bằng<sup>3</sup>. Bằng chi bôi, bất tri kỳ kỷ thiên lý dã. Nộ nhi phi, kỳ dực nhược thùy thiên chi vân. Thị điểu dã, hải vận tấc tương tử ư Nam minh. Nam minh giả, thiên trì dã. Tê Hải<sup>4</sup> giả, chí quái giả dã. Hải chi ngôn viết: Bằng chi tử ư Nam Minh dã, thủy kích tam thiên lý, đoàn phù điêu<sup>5</sup> nhi thượng giả cửu vạn lý, khứ dĩ lục nguyệt tức giả dã.

Dã mã<sup>6</sup> dã, trần ai dã, sinh vật chi dĩ tức tương xuy dã. Thiên chi thương thương, kỳ chính sắc da, kỳ viễn nhi vô sở chí cực da? Kỳ thị hạ dã, diệc nhược thị tấc dĩ hĩ.

Thả phù thủy chi tích dã bất hậu, tắc phụ đại châu dã vô lực. Phúc bôi thủy ư ao đường chi thượng, tắc giới vi chi châu, trí bôi yên tắc giao, thủy thiên nhi châu đại dã. Phong chi tích dã bất hậu, tắc kỳ phụ đại dục dã vô lực, cố cửu vạn lý, tắc phong tư tại hạ hĩ, nhi hậu nãi kim bôi<sup>7</sup> phong, bối phụ thanh thiên, nhi mạc chi yếu ứ<sup>8</sup> giả, nhi hậu nãi kim tương đồ Nam.

ㄟㄟㄟ

Điều<sup>9</sup> dữ học cựu<sup>10</sup> tiêu chi viết:

Ngã quyết khởi nhi phi thương du phương, thời tắc bất chí, nhi không ư địa nhi dĩ hĩ. Hề dĩ chi cửu vạn lý nhi nam vi. Thích mãng thương<sup>11</sup> giả, tam xan nhi phản, phúc du quả nhiên.

Thích bách lý giả, túc thung lương. Thích thiên lý giả, tam nguyệt tụ lương.

ㄟㄟㄟ

*Chi nhị trùng, hựu hà tri? Tiểu trí bất cập đại trí Tiểu niên bất cập đại niên Hề dĩ tri kỳ nhiên dã?*

Triêu khuẩn<sup>12</sup> bất tri hồi sóc<sup>13</sup> huệ cô<sup>14</sup> bất tri xuân thu. Thử tiểu niên dã. Sở chi nam hữu minh linh<sup>15</sup> giả, dĩ ngũ bách tuế vi xuân, ngũ bách tuế vi thu. Thượng cổ hữu đại xuân<sup>16</sup> giả, dĩ bát thiên tuế vi xuân, bát thiên tuế vi thu. (Thử đại niên dã). Nhi Bành Tô<sup>17</sup> nãi kim dĩ cửu đặc văn, chúng nhơn thất chi, bất diệc bi hồ!

## CHÚ

1. *Bắc minh* 北冥, cũng viết là 北溟 tức là bắc hải 北海: biển Bắc.
2. *Côn* 鯁: gốc là tên một thứ cá nhỏ, nhưng Trang Tử lại dùng để chỉ một thứ cá hết sức lớn.
3. *Bằng* 鵬: gốc là tên loài chim phụng, Trang Tử lại dùng để chỉ một thứ chim rất lớn.
4. *Tề Hài* 齊諧: Tên của một quyển sách, chép những việc kỳ quái.
5. *Phù dao* (diêu) 扶搖: một thứ gió rất mạnh từ dưới hốt lên trên không trung (gió trốt).
6. *Dã mã* 野馬: là một thứ hơi đất ngoài đồng ruộng. Theo Thích Văn 釋文: mùa xuân, hơi nước trên mặt ao đầm. Trên cao nhìn xuống, thấy như bày ngựa rừng, nên gọi là *dã mã*.

- Trần ai* 塵埃: *Trần*, là bụi đất; *Ai*, là bụi nhỏ.
7. *Bồi 培*: cũng đọc là bằng 馮. Bằng 馮 tức là cỡi lên. Chim Bằng ở trên lớp gió lớn kia, nên gọi là cỡi gió 馮風 (bằng phong).
  8. *Yếu 阨*: *Yếu* 天 là gãy; *阨* là dừng lại, ngăn lại. *Yếu 阨* tức là trở ngại.
  9. *Điêu 蜩* là con ve 蟬 (thiên) hay là ve núi 山蟬.
  10. *Học 翬* 學鳩: Theo Tư Mã Bưu 司馬彪, là một thứ chim nhỏ (小鳥), nhỏ hơn con chim 翬.
  11. *Mãng 莽* 莽蒼: cánh đồng kế cận.
  12. *Triêu 朝* 朝菌: một thứ nấm sớm nở chiều tàn (朝生暮死).
  13. *Hối 晦* 晦朔: *Sóc* 朔, là ngày đầu tháng; *hối* 晦, là ngày cuối tháng. Ở đây *hối* 晦 là buổi tối; *sóc* 朔 là buổi mai.
  14. *Huệ 蝮* 蝮蝮 là con ve trên núi (山蟬) mùa xuân sinh ra, mùa hạ chết, mùa hạ sinh ra, mùa thu chết.
  15. *Minh 冥* 冥靈: cũng viết là 檉, tên một thứ cây mọc ở Giang Nam (Tứ Nguyên). Bản của Nhượng Tống lại dịch là “giống rùa Minh linh” là sai.
  16. *Đại 大* 大椿: tên một thứ cây mọc ở Giang Nam.
  17. Tương truyền *Bành Tổ*, tên là 鏗 (Khanh) tôi của vua Nghiêu 堯, sống từ đời Ngu Hạ 虞夏 đến đời Thương 商, và thọ 700 năm.

## DỊCH NGHĨA

### TIÊU ĐIỀU DU

*A. Tại biển Bắc có con cá Côn, lớn không biết mấy nghìn dặm. Cá này hóa ra chim Bằng: lưng của chim Bằng lớn cũng không biết mấy nghìn dặm. Vỗ cánh mà bay, cánh nó sè ra như mây che rợp một phương trời. Biển động, Bằng bèn bay sang biển Nam: Biển Nam là Ao Trời.*

*Tề Hài, sách chép các việc kỳ quái nói: Chim Bằng, lúc bay qua biển Nam, cánh đập làm cho sóng nước nổi lên ba nghìn dặm dài; nó nương theo gió trớt mà cất lên chín muôn dặm cao, và bay luôn sáu tháng mới nghỉ.*

*Cái mà ta thấy trên không kia có phải là bầy “ngựa rừng” chẳng, hay là bụi trần? Hay là cái hơi thở của muôn vật thổi lên? Còn màu trời xanh xanh kia có phải là màu thật của nó không, hay chỉ là màu của vô cùng*

thăm thăm? Thì cái thấy của con chim Bằng bay trên mây xanh dòm xuống cảnh dưới đây cũng chỉ như thế mà thôi.

Vả lại, nước không sâu thì không sức chở thuyền lớn. Đổ một chung nước nhỏ vô một cái hũng nhỏ trong nhà, lấy một cọng cỏ thả lên làm thuyền, thì thuyền tự nổi; nếu lại lấy cái chung ấy làm thuyền mà thả lên, thì thuyền phải trệt. Là tại sao? Tại nước không sâu mà thuyền thì lớn. Cũng như lớp gió không dày thì không đủ sức chở nổi cánh lớn của chim Bằng. Bởi vậy, chim Bằng khi bay lên chín muôn dặm cao là cỡi lên lớp gió ở dưới nó. Chàng ấy, lưng vác trời xanh, không gì ngăn trở, nó bay thẳng qua Nam.

§§§

Một con ve và một con chim cuu nhỏ thấy vậy, cười nói: “Ta quyết bay vọt lên cây du, cây phượng. Như bay không tới mà có rơi xuống đất thì thôi, chứ không sao! Bay cao chín muôn dặm, sang qua Nam mà làm gì? Ta thích bay đến mấy cánh đồng gần đây, ăn ba miếng no bụng, rồi về. Nếu ta đến chỗ xa trăm dặm, thì ta có lương thực mỗi ngày. Còn nếu ta đến chỗ xa nghìn dặm, thì ta có ba tháng lương thực.”

§§§

Hai con vật ấy, mà biết gì?

Kẻ tiểu trí sao kịp người đại trí. Kẻ tuổi nhỏ sao kịp người tuổi lớn. Sao mà biết được thế?

Năm mai biết gì được hỏi sóc, ve sâu biết sao được xuân, thu! Đó đều là hạng tuổi nhỏ cả. Phương Nam nước Sở có cây minh linh, sống một xuân là năm trăm năm, một thu là năm trăm năm. Thượng cổ có cây đại xuân sống một xuân là tám nghìn năm, một thu là tám nghìn năm. (Đó là hạng tuổi lớn). Lâu nay từng nghe danh sống lâu của Bành Tổ. Hễ nói đến sống lâu, thì người đời thường đem đó mà so sánh, như thế không đáng buồn sao?

§§§

B. 湯之問棘也是已。窮髮之北有冥海者，天池也。有魚焉，其廣數千里，未有知其修者，其名為鯢。有鳥焉，其名為鵬，背若泰山，翼若垂天之雲，搏扶搖羊角而上者九萬里，絕雲氣，負青天，然後圖南且適南冥也。斥鴳笑之曰：「彼且奚適

也？我騰躍而上，不過數仞而下，翱翔蓬蒿之間，此亦飛之至也，而彼且奚適也？」此小大之辯也。

**B.** Thang chi vân Các dã thị dĩ. Cùng phát chi bắc, hữu minh hải giá, thiên trì dã. Hữu ngư yên, kỳ quảng sở thiên lý, vị hữu tri kỳ tu giả, kỳ danh vi Côn. Hữu điều yên, kỳ danh vi Bằng, bối nhược Thái Sơn, dực nhược thù thiên chi vân, đoàn phù điều dương giác<sup>1</sup> nhi thượng giả cửu vạn lý, tuyệt vân khí, phụ thanh thiên, nhiên hậu đồ Nam thả thích Nam minh dã. Xích yển<sup>2</sup> tiếu chi viết: Bỉ thả hề thích dã. Ngã đằng dục nhi thượng bất quá sở nhãn nhi hạ, ngao tường bông hao chi gian, thử diệc phi chi chí dã. Nhi bỉ thả hề thích dã. Thử tiểu đại chi biện<sup>3</sup> dã.

## CHÚ

1. *Phù điều dương giác* 扶搖羊角: gió trốt lớn, xoáy tròn như hình cái sừng dê rừng (羊角) .
2. *Xích yển* 斥鷃: *Xích* 斥, là cái hồ nhỏ (小澤) ; *yển* 鷃, là loại chim sẻ (雀) .
3. *Biện* 辯: Ở đây là sự phân biệt (辯者別也) . Quách Tượng chú đoạn này, cho rằng *không có lớn nhỏ*, vì nếu “mỗi vật đều biết yên với cái tánh của Trời phú cho mình, thì sao có buồn lo vì chỗ không đồng nhau” (各安其天性不悲所以異) . Đó là ông giảng sai với bản ý của Trang Tử.

Xem kỹ văn mạch của chương này, ta thấy rằng chỗ mà Trang Tử bảo “con ve và con chim cưu nhỏ không làm sao hiểu được cái hành động của chim Bằng”, thì cũng như ở thiên Thu Thủy 秋水 ông bảo “con ếch nằm đáy giếng làm gì thấy được cái rộng lớn của bể Đông”.

Một đoạn văn sau trong thiên này, chỗ mà Kiên Ngô kể chuyện của Tiệp Dư bảo rằng “*đại nhi vô đương*” (大而無當) , chỗ mà Huệ Tử chê lời nói của Trang Tử “*đại nhi vô dụng*” (大而無用) , tức cũng là chỗ mà Lão Tử trong *Đạo Đức Kinh* bảo “*hạ sĩ văn Đạo, đại tiếu chi*” (下士聞道大笑之) vậy.

Huống chi trước đây ông cũng đã nói “*tiểu trí bất cập đại trí; tiểu niên bất cập đại niên*”, “*triêu khuẩn bất tri hối sóc; huệ cô bất tri xuân thu*”, thì thật là chú ý của ông rõ ràng hết sức. Cho nên, lời chú của Quách Tượng, thật là một sự sai lầm to tát vậy, vì đã giảng nghịch lại với ý chánh của họ Trang. Câu nói này của Lão Tử rất cần để cho ta tự nhắc nhở lấy khi cầm

bút bình giảng tư tưởng trong *Nam Hoa Kinh*: “Càng muốn làm cho thật sáng, lại càng làm cho ra tối”! Vì vậy, ít bình giảng chừng nào càng tốt, mà đừng bình giảng gì cả, càng hay! Đọc Trang Tử cần nhất là đọc ngay Trang Tử mà đừng đi qua các nhà bình giảng trước, hoặc nếu đi qua các nhà bình giảng trước, hãy quên phút họ đi, để đi ngay vào chánh văn của Trang Tử.

## DỊCH NGHĨA

*B. Lờ ông Thang hỏi ông Các, cũng thế. Miền bắc hoang lạnh có cái biển gọi là Minh Hải, tức là Ao Trời. Có con cá lớn tới mấy nghìn dặm, chưa ai biết nó dài đến bao nhiêu, tên là Côn. Có con chim, tên là Bằng, lưng như núi Thái, cánh tựa vầng mây che một phương trời. Chim này theo gió trốt cuộn như sừng dê mà lên chín muôn dặm cao, tuyết bóng mây mù, đội trời xanh biếc, bấy giờ nó mới bay về biển Nam. Một con chim ở hồ nhỏ cười nói: Đó bay chi cao xa lắm vậy? Ta bay nhảy bắt quạ vài chục thước cao, ngao du trong đám cỏ bông cỏ hao. Bay đến thế cũng là đúng mực lắm rồi. Còn đó bay chi cao xa lắm vậy?*

*Đó là chỗ phân biệt giữa lớn và nhỏ.*

SSS

C.故夫知效一官，行比一鄉，德合一君，而徵一國者，其自視也亦若此矣。而宋榮子猶然笑之，且舉世而譽之而不加勸，舉世而非之而不加沮，定乎內外之分，辯乎榮辱之竟，斯已矣。彼其於世，未數數然也，雖然，猶有未樹也。

夫列子御風而行，冷然善也，旬有五日而後反。彼於致福者，未數數然也。此雖免乎行猶有所待者也。

若夫乘天地之正，而御六氣之辯，以遊無窮者，彼且惡乎待哉！故曰：「至人無己，神人無功，聖人無名。」

C. Cô phù trí hiệu nhất quan, hạnh tử nhất hương, đức hợp nhất quân năng trung<sup>1</sup> nhất quốc giả, kỳ tự thị dã, diệc nhược thử hĩ. Nhi Tông Vinh Tử du nhiên tiếu chi, thả cử thế nhi dự chi, nhi bất gia khuyển, cử thế nhi phi chi, nhi bất gia thư, định hồ nội ngoại chi phận<sup>2</sup> biện hồ vinh nhục chi cảnh<sup>3</sup> tư dĩ hĩ. Bỉ kỳ ư thế, vị sát sát nhiên dã, tuy nhiên du hữu vị thọ<sup>4</sup> dã.

Phù Liệt Tử<sup>5</sup> ngự phong nhi hành, lãnh nhiên<sup>6</sup> thiên dã, tuần hữu ngũ nhật nhi hậu phản. Bỉ ư trí phúc<sup>7</sup> giả, vị sát sát nhiên dã. Thử tuy miễn hồ hành

du hữu sở đãi giả dã<sup>8</sup>.

Nhược phù thừa thiên địa chi chánh nhi ngự lục khí chi biến<sup>9</sup> dĩ du vô cùng giả, bỉ thả ô hồ đãi tai. Cố viết: chí nhơn vô kỹ, thần nhơn vô công, thánh nhơn vô danh<sup>10</sup>.

## CHÚ

1. *Nhi* 而 đọc là *năng* 能: cổ tự hai chữ này dùng lẫn nhau.  
*Trung* 御: là tin cậy được, được tin nhiệm.
2. *Nội ngoại chi phận* 內外之分: đây là chỉ về cái Ta bên trong, và ngoại vật bên ngoài (內我而外物) .
3. *Vinh của ta, nhục của người* (榮己而辱人) : Vinh cho ta, tức là nhục cho người.
4. *Thọ* 樹, là đứng vững (立) : chỗ gọi là “chí đức cũng chưa được vững” (至德未立) . Đây là muốn nói rằng: người như Vinh Tử chưa đủ cho ta ngưỡng mộ vậy.
5. *Liệt Tử* 列子: Người nước Trịnh 鄭, tên là Ngự Khâu 禦寇.
6. *Lãnh nhiên* 冷然: nhẹ nhàng êm ái (輕妙) .
7. *Phúc* 福: tức là không có gì trở ngại cả (無所不順之謂福) .  
*Trí phúc* 致福, là muốn nói rằng Liệt Tử cõi gió mà tuyệt không có vật nào trở ngại sự hoạt động của ông cả, ông tha hồ tới lui thông thả.
8. Câu này “*thử tuy miễn hồ hành, du hữu sở đãi giả dã*” cùng với câu trên “*tuy nhiên du hữu vị thọ dã*” đều cùng một dụng ý: chưa phải là đáng ngưỡng mộ, là đã đến mức hoàn toàn.
9. *Lục khí* 六氣: là khí âm, khí dương, gió, mưa, tối, sáng (âm, dương, phong, vũ, hối, minh). *Biện* 辯 phải đọc là *Biến* 變. Xưa hai chữ này dùng lẫn nhau. Chữ *Chánh* 正 đây, là ám chỉ Đạo 道, tức là phần chánh chủ chốt của âm, dương (thiên địa - càn khôn) đứng chỉ huy cái biến của lục khí...(năm giềng mối của tất cả hiện tượng trong Trời Đất).
10. *Vô kỹ, vô công, vô danh*: Thôi Tuyền 崔譔 cho rằng “*Vô công, vô danh*” (無功無名) là “không lập công, không lập danh” (不立功不立名) . Giảng giải như thế không ổn nếu không nói là sai. Nhân thế mới có người hiểu theo đó và cho rằng cái học của Trang Tử là cái học yếm thế, hay xuất thế.



Nếu hiểu câu “vô công” là “không lập công”, thì câu “vô kỷ” cũng phải có nghĩa là “không lập mình” hay sao và như thế nghĩa nó là gì? Khí văn phải nhất quán, và câu này phải hiểu là “*không có mình*”, “*không có công*”, “*không có danh*”, nghĩa là không nghĩ đến mình, không nghĩ đến công mình, không nghĩ đến danh mình. Bậc được Đạo, không còn có thấy mình nữa (tức là cái tiểu ngã của mình); không còn thấy có mình nữa, thì làm sao còn nghĩ đến công mình, và danh mình.

Lão Tử cũng có nói “*công toại thân thoái*”, “*vi như bất thị*”, “*công thành phát cư*”...(nên việc, lui thân, làm mà không cậy công, thành công rồi không ở lại...tức là không nghĩ đến sự lưu danh).

Như vậy, không thể gọi Lão học là cái học yếm thế hay xuất thế...vì “không lập công”, “không lập danh”.

Nên biết rõ rằng chủ trương cứu cánh của hai học thuyết ấy là cái học “*huyền đồng vật ngã*” (玄同物我), không còn thấy có trong có ngoài, có ta có người nữa. Cho nên không thể gọi người đắc Đạo là người xuất thế hay yếm thế, là vì đối với họ người với ta là một, ngoại và nội là một, xã hội và cá nhân là một. Cũng như cá và nước là một, không thể không có nước mà cá sống. Cho nên sở dĩ con người phải lo cho xã hội là vì không có xã hội, cá nhân không sao phát triển được cái sống của mình. Lo cho xã hội không phải là phận sự mà là lẽ tất nhiên phải lo, không lo không đặng, hai lẽ ấy chẳng chịt dính lúu với nhau, không sao rời nhau được. Cho nên có thể hiểu rằng: nói là lo cho đời, mà chính là lo cho mình; hoặc trái lại, nói là lo cho mình, mà chính là lo cho đời đó.

Cho nên, nói rằng cái học của Lão Trang là cái học yếm thế, tức là chưa hiểu rõ cái chủ trương “*huyền đồng vật ngã*” của các ông, vậy chớ phản đối chế độ hiện hành của thời đại, phản đối Nho Mặc, phản đối cái đạo hữu vi đã làm thống khổ nhân dân...không phải đó là một cách tiêu cực lo kháng kiện hóa xã hội là gì?

Vấn đề nhập thế xuất thế ở đây đã được đặt ra. Và dĩ nhiên, tương đối mà nói thì Lão cũng như Trang đều chủ trương sự thực hiện cái Đạo nơi mình trước hết, trước khi nghĩ đến việc ra lo giúp đời. Sự thực hiện bản thân là một vấn đề cần có sự cô lập và tĩnh tâm, cho nên dĩ nhiên là phải thiên về đời sống cá nhân nhiều hơn.”Tự giác nhi giác tha” của nhà Phật, cũng như “dĩ tu thân vi bản” của Nho gia, phải nặng về sự yên tĩnh và lo về đời sống bản thân trước vấn đề xã hội.

Giáo sư A. W. Watts, trong quyển *Le Bouddhisme Zen (The Way of Zen)* lại cho rằng: “Đạo giáo là công việc của những người lớn tuổi, đặc biệt là

những kẻ đã từ bỏ cái đời hoạt động xã hội. Sự từ bỏ đời sống hoạt động xã hội ấy chứng tỏ rằng họ đã có đi đến được một sự giải thoát nội tâm rồi đối với những lẽ lối suy tư cùng hành động giả tạo của xã hội bên ngoài. Đạo giáo, vì vậy là một sự đeo đuổi theo một thứ hiểu biết tự nhiên, chứ không còn thuộc về cái hiểu biết ước lệ giả tạo theo xã hội nữa, cái thông hiểu trực tiếp với lẽ sống thật, mà không phải trải qua sự trung gian của một ý tượng tinh thần theo nét gạch và tượng trưng”.

## DỊCH NGHĨA

*C. Cho nên, kẻ có tài trí đủ làm nổi một tước quan, hạnh hơn cả một làng, (thì) đức (sẽ) không khác nào một vị vua được lòng tin của cả nước, (nếu biết) tự xem như đáng làm vua kia vậy.*

*Nhưng Vinh Tử nước Tống lại còn cười chê đó.*

*Vả, đời có khen cũng không khích lệ, mà đời có chê cũng không ngăn đón được: họ đã định rõ cái phận của trong ngoài, phân biệt cái cảnh của vinh nhục rồi đấy. Trong đời, hạng người như thế cũng dễ thường thấy có. Tuy vậy, đức của họ cũng chưa được vững.*

*Liệt Tử cỡi gió mà đi, đi một cách êm ái nhẹ nhàng, đi trọn mười lăm hôm mới về. Đó sống trong chỗ chí phúc và người như ông dễ thường thấy có. Tuy khỏi phải đi, nhưng còn có chỗ phải chờ.*

*Đến như thuận theo cái chánh của Trời Đất, nương theo cái biến của lục khí mà rong chơi trong cõi vô cùng: thì đó đâu còn phải chờ đợi cái gì nữa. Cho nên nói rằng: bậc chí nhơn không thấy có mình, bậc thần nhơn không nhớ đến công mình, bậc thánh nhơn không nghĩ đến tên mình.*

§§§

**D.**堯讓天下於許由，曰：「日月出矣而燭火不息，其於光也，不亦難乎！時雨降矣而猶浸灌，其於澤也，不亦勞乎！夫子立而天下治，而我猶尸之，吾自視缺然。請致天下。」

許由曰：「子治天下，天下既已治也。而我猶代子，吾將為名乎？名者，實之賓也。吾將為賓乎？鷦鷯巢於深林，不過一枝。偃鼠飲河，不過滿腹。歸休乎君。予無所用天下為！庖人雖不治庖，尸祝不越樽俎而代之矣。」

**D.** Nghiêu nhượng thiên hạ ư Hứa Do, viết: Nhật nguyệt xuất hĩ, nhi tước hỏa<sup>1</sup> bất tức, kỳ ư quang dã bất diệc nan hồ? Thời vũ giáng hĩ nhi du tâm

quán, kỳ ư trạch dã bất diệc lao hồ? Phu tử lập nhi thiên hạ trị, nhi ngã du thi<sup>2</sup> chi, ngô tự thị khuyết nhiên. Thịnh trí thiên hạ.

Hứa Do viết: Tử trị thiên hạ, thiên hạ ký dĩ trị dã, nhi ngã du đại<sup>3</sup> tử, ngô tương vi danh hồ? Danh giả, thật chi tân dã. Ngô tương vi tân hồ? Tiêu liêu<sup>4</sup> sào ư thâm lâm, bất quá nhất chi. Yên thử<sup>5</sup> âm hà, bất quá mãn phúc. Quy hưu hồ quân. Dư vô sở dụng thiên hạ vi. Bào nhơn tuy bất trị bào, thi chúc bất việt tôn trở nhi đại chi hĩ.

## CHÚ

1. *Tước hỏa* 燭火: cây đuốc (炬火), một đóm lửa nhỏ.
2. *Thi* 尸: là làm chủ. Lại cũng có nghĩa là tượng thần, là người có chức nhiệm nhưng không làm gì cả. Ở đây, ta có thể hiểu là hư vị, một địa vị tượng trưng như một pho tượng thần vậy thôi.
3. *Đại* 代: thay thế.
4. *Tiêu liêu* 鷦鷯: chim nhỏ (小鳥).
5. *Yên thử* (偃鼠): chuột đồng.
- 6.

## DỊCH NGHĨA

**D.** *Vua Nghiêu muốn nhường thiên hạ cho Hứa Do, nói: Mặt trời mặt trăng đã mọc, mà không dụt đuốc, nhìn bóng đuốc há chẳng khó coi lắm sao? Mưa mùa đã đổ xuống, mà còn đi tưới nước, thế là chẳng lao công vô ích hay sao? Nay nếu phu tử lên ngôi, thiên hạ ắt được trị. Tôi còn ngôi làm thần tượng chi nữa. Tôi tự thấy rất kém. Vậy, xin mời Ngài lên trị thiên hạ. Hứa Do nói: Ngài trị thiên hạ, thì thiên hạ được trị. Tôi còn thế Ngài làm chi, tôi cầu danh hay sao? Danh là khách của Thật. Tôi muốn làm khách sao? Chim tiêu liêu đậu ở rừng sâu, chẳng qua một nhánh là vừa. Chuột đồng uống nước sông dài, chẳng qua đầy bụng là đủ. Xin trả lại cho Ngài đó. Thiên hạ ấy, tôi không dùng đến làm gì cả. Người đầu bếp dù không xong việc bếp, người chủ tế cũng không vượt phận mà thế cho đó được.*

§§§

**E.** 肩吾問於連叔曰：「吾聞言於接輿大而無當，往而不反。吾驚怖其言，猶河漢而無極也，大有逕庭，不近人情焉。」連叔曰：

「其言謂何哉？」曰：「藐姑射之山，有神人居焉，肌膚若冰雪，淖約若處子。不食五穀，吸風飲露，乘雲氣，御飛龍而遊乎，四海之外，其神凝，使物不疵癘而年穀熟。吾以是狂而不信也。」

連叔曰：「然，瞽者無以與乎文章之觀，聾者無以與乎鐘鼓之聲。豈唯形骸有聾盲哉，夫知亦有之，是其言也，猶時女也。之人也，之德也，將旁礴萬物以為一，世蕪乎亂，孰弊弊焉以天下為事。之人也，物莫之傷，大浸稽天而不溺。大旱金石流，土山焦而不熱。是其塵垢秕糠，將猶陶鑄堯舜者也。孰肯以物為事！」

宋人資章甫而適諸越。越人斷髮文身，無所用之。堯治天下之民，平海內之政，往見四子藐姑射之山，汾水之陽，矐然喪其天下焉。」

E. Kiên Ngô vấn ư Liên Thúc viết: “Ngô văn ngôn ư Tiệp Dư đại nhi vô đương<sup>1</sup>, vãng nhi bất phản. Ngô kinh bố<sup>2</sup> kỳ ngôn, du Hà Hán nhi vô cực dã, đại hữu kính thính<sup>3</sup> bất cận nhơn tình yên”. Liên Thúc viết: “Kỳ ngôn vị hà tai”. Viết: “Điều Cô Xạ chi sơn, hữu thần nhơn cư yên, cơ phu nhược băng tuyết, não ước<sup>4</sup> nhược xử nữ<sup>5</sup> bất thực ngũ cốc, hấp phong âm lộ, thừa vân khí, ngự phi long nhi du hồ, tứ hải chi ngoai, kỳ thần ngưng, sử vật bất tì lệ, nhi niên cốc thực. Ngô dĩ thị cuồng nhi bất tín dã.”

Liên Thúc viết: “Nhiên. Cổ giả vô dĩ dữ hồ văn chương chi quan, lung giả vô dĩ dữ hồ chung cổ chi thính. Khởi duy hình hài hữu lung manh tai, phù tri diệc hữu chi, thị kỳ ngôn dã, du thời nữ<sup>6</sup> dã. Chi nhơn dã, chi đức dã, tương bàng bạc vạn vật dĩ vi nhất, thế ky hồ loạn, thực tề tề yên dĩ thiên hạ vi sự. Chi nhơn dã, vật mạc chi thương. Đại tâm khê thiên nhi bất nịch. Đại hạn, kim thạch lưu, thổ sơn tiêu, nhi bất nhiệt. Thị, kỳ trần cấu tỉ khương<sup>7</sup> tương du đào chú Nghiêu Thuấn giả dã. Thực khăng dĩ vật vi sự!

Tông nhơn tư chương phủ nhi thích chư Việt. Việt nhơn đoạn phát văn thân, vô sở dụng chi. Nghiêu tự thiên hạ chi dân, bình hải nội chi chánh, vãng kiến tứ tử Điều Cô Xạ chi sơn phần thủy chi dương, yêu nhiên<sup>8</sup> táng kỳ thiên hạ yên”.

## CHÚ

1. *Đại nhi vô đương* 大而無當: lớn mà không đúng với thực tế. *Đại ngôn* (大言), tức là lời nói khoác.

2. *Kinh bố* 驚怖: *Bố* 怖 nghĩa là sợ (懼) ; *kinh bố* là kinh sợ.
3. *Kính thính* 逕庭: chữ 庭 ở đây, phải đọc là *thính*, có nghĩa là xa xôi, diêu vợi.
4. *Náo vóc* 淖約: diện mạo đẹp đẽ, lại cũng có nghĩa là vẻ người yếu điệu, mềm mại, dịu dàng (好貌又柔弱貌) .  
Chữ *náo* 淖 cũng viết là *xước* 綽 (綽約) .
5. *Xử tử* 處子: đọc là xử nữ 處女 (tức là người con gái chưa chồng).
6. Đọc là *nhữ* 汝 (thay vì nữ 女).
7. *Tỉ khương* 粃糠: bã lúa, trấu. Tức là cặn bã.
8. *Yếu nhiên* 杳然: phong thái sâu xa (湖遠貌) .

## DỊCH NGHĨA

**E.** *Kiên Ngô* nói với *Liên Thúc*: “Tôi nghe *Tiếp Dư* nói chuyện lớn lác không tương, có lối đi mà không có lối về...khiến tôi kinh sợ, ông nói như sông Hà sông Hán không cùng tận, rất là xa xôi, không cận với nhân tình. . .”. *Liên Thúc* hỏi: “Nói những gì?”. “Nói rằng trên núi *Diễn Cô Xạ* có thần nhơn ở, da thịt như băng tuyết, dáng điệu mềm yếu như người con gái chưa chồng. Không ăn năm loài thóc, chỉ hít gió, uống sương, nương theo hơi mây, cỡi rồng mà bay ngao du ngoài bốn biển. Ngưng thần lại thì có thể làm cho vạn vật không đau ốm hư hoại, lúa thóc lại được mùa. Tôi cho đó là lời nói cuồng, nên không tin.”

*Liên Thúc* nói: “Phải! Kẻ đui lấy gì để xem thấy được cái đẹp của văn hoa; kẻ điếc lấy gì để nghe được tiếng chuông tiếng trống. Há chỉ có hình hài mới có đui điếc đâu...Trí cũng có đui điếc. Theo lời nói ấy thì người nay cũng thế. Kẻ như người ấy, đức ấy cùng vạn vật hỗn hợp làm Một, thì đời dù có câu ra trị loạn, họ cũng đâu chịu đi làm cái việc của thiên hạ. Người ấy không vật nào hại đặng. Nước cả đưng trời mà không làm họ chết chìm được, nắng cả cháy mềm sắt đá, cháy núi thiêu đất cũng không làm họ chết nóng được. Đồ bụi bặm, cặn bã của thần nhơn ấy cũng đức thành được hạng người của *Nghiêu Thuấn*. Ai đâu lại khứng đi làm công việc cho ngoại vật!

Người nước *Tống* buôn mũ *Chương phủ*, sang nước *Việt*. Người nước *Việt* thì cắt tóc ngắn và xăm mình, không dùng mũ ấy làm gì. *Nghiêu* trị trăm họ trong thiên hạ, bình trị được trong nước, bèn sang qua núi *Diễn Cô Xạ* để ra mắt bốn *Thầy*. Họ có cái vẻ sâu xa làm sao mà *Nghiêu* quên mất thiên hạ của mình.

G. 惠子謂莊子曰：「魏王貽我大瓠之種，我樹之成而實五石。以盛水漿，其堅不能自舉也。剖之以為瓢，則瓠落無所容。非不呶然大也。吾為其無用而掊之。」莊子曰：「夫子固拙於用大矣。宋人有善為不龜手之藥者，世世以泔澼絖為事。客聞之，請買其方百金。聚族而謀曰：「我世世為泔澼絖，不過數金，今一朝而鬻技百金，請與之。」

客得之，以說吳王。越有難，吳王使之將。冬，與越人水戰，大敗越人，裂地而封之。

能不龜手一也。或以封，或不免於泔澼絖，則所用之異也。今子有五石之瓠，何不慮以為大樽而浮乎江湖，而憂其瓠落無所容？則夫子猶有蓬之心也夫！」

G. Huệ Tử vị Trang Tử viết: “Ngụy vương di ngã đại hồ chi chủng, ngã thọ chi thành, nhi thực ngũ thạch. Dĩ thanh thủy tương, kỳ kiên bất năng tự cử dã. Phẫu chi dĩ vi biêu, tắc hồ lạc vô sở dụng. Phi bất hiêu nhiên đại dã. Ngô vi kỳ vô dụng nhi phẫu chi”. Trang Tử viết: “Phu tử cố chuyết ư dụng đại hĩ. Tổng nhơn hữu thiện vi bất quy thủ<sup>1</sup> chi dục giả, thể thể dĩ bình tích khoáng vi sự. Khách vãn chi, thỉnh mãi kỳ phương bách kim. Tụ tộc nhi mưu viết: Ngã thể thể vi bình tích khoáng bất quá sở kim, kim nhất triêu nhi chúc kỹ bách kim, thỉnh dĩ chi.

Khách đắc chi, dĩ thuyết Ngô vương. Việt hữu nạn, Ngô vương sử chi tướng... Đông dĩ Việt nhơn thủy chiến, đại bại Việt nhơn, liệt địa nhi phong chi.

Năng bất quy thủ nhất dã. Hoặ dĩ phong, hoặ bất miễn ư bình tích khoáng, tắc sở dụng chi dị dã. Kim tử hữu ngũ thạch chi hồ, hà bất lự dĩ vi đại tôn nhi phù hồ giang hồ, nhi ưu kỳ hồ lạc vô sở dụng. Tắc phu tử du hữu bông<sup>2</sup> chi tâm dã phù.

## CHÚ

1. *Bất quy thủ* 不龜手: không làm răn nứt da tay.
2. *Bông* 蓬: *Bông chi tâm* là cái lòng hẹp hòi chưa thông đạt (短之暢).

## DỊCH NGHĨA

**G.** Huệ Tử gọi Trang Tử, nói: “Nguy vương tặng tôi một giống dưa to. Tôi trồng nó có trái nặng đến năm thạch. Dùng nó đựng nước, nó nặng, không cất nhắc được. Bỏ nó ra làm cái bầu, thì lại không còn dùng được chỗ nào. Đâu phải nó không to lớn, nhưng vì cho nó là vô dụng nên tôi đập bỏ nó”.

Trang Tử nói: “Thế là phu tử vụng về chỗ đại dụng nó. Nước Tống có người khéo chế được môn thuốc chữa răn nứt da tay, đời đời chuyên làm nghề uôm tơ. Có người hay biết, đến xin mua phương thuốc đó một trăm lượng vàng. Anh ta bèn nhóm thân tộc bàn rằng: “Nhà ta đời đời làm nghề uôm tơ, lợi không hơn số vàng đó. Nay một mai mà được trăm vàng, xin để cho bán”. Người khách được phương thuốc, đem thuyết vua Ngô. Nước Việt có nạn, vua Ngô sai anh làm tướng. Nhằm mùa đông, thủy chiến với người Việt, người Việt đại bại. Vua Ngô bèn cắt đất mà phong thưởng anh ta.

Cũng thời cùng một phương thuốc trị răn nứt da tay mà một người được thưởng phong, một người không ra khỏi cái nghề uôm tơ: đó là tại chỗ biết dùng mà khác nhau vậy. Nay phu tử có trái dưa nặng đến năm thạch, sao không tính dùng nó làm trái nổi thả qua sông qua hồ, mà lo chi hồ vỡ bầu tan, không có chỗ dùng? Thì ra vì cái lòng của phu tử hẹp hòi chưa thông đạt đó.

ㄟㄟㄟ

**H.** 惠子謂莊子曰：「吾有大樹，人謂之樗。其大本臃腫而不中繩墨。其小枝卷曲而不中規矩。立之塗，匠者不顧。今子之言，大而無用，眾所同去也。」

莊子曰：「子獨不見狸狌乎，卑身而伏，以候敖者，東西跳梁，不避高下；中於機辟，死於罔罟。今夫斄牛，其大若垂天之雲。此能為大矣，而不能執鼠。今子有大樹，患其無用。何不樹之於無何有之鄉，廣莫之野，彷徨乎無為其側，逍遙乎寢臥其下，不夭斤斧，物無害者。無所可用，安所困苦哉！」

Huệ Tử vị Trang Tử viết: “Ngô hữu đại thọ, nhơn vị chi Vu. Kỳ đại bồn ủng thũng<sup>1</sup> nhi bất trúng thàng mặc. Kỳ tiểu chi quyện khúc, nhi bất trúng quy củ. Lập chi đồ, tượng giả bất cố. Kim tử chi ngôn đại nhi vô dụng, chúng sở đồng khứ dã”.

Trang Tử viết: “Tử độc bất kiến ly tinh<sup>2</sup> hồ, ti thân nhi phục, dĩ hậu ngao giả, đông tây điệu lương, bất tị cao hạ, trúng ư cơ tịch, tử ư vỹ củ. Kim

phù thai ngư, kỳ đại nhược thùy thiên chi vân. Thử năng vi đại hĩ, nhi bất năng chấp thử. Kim tử hữu đại thọ, hoạn kỳ vô dụng. Hà bất thọ chi ư vô hà hữu chi hương<sup>3</sup>, quảng mạc<sup>4</sup> chi dã, bàng hoàng<sup>5</sup> hồ vô vi kỳ trắc, tiêu diêu hồ tâm ngoạ<sup>6</sup> kỳ hạ, bất yếu cân phủ, vật vô hại giả. Vô sở khả dụng, an sở khốn khổ tai!

## CHÚ

1. *Ứng thũng* 臃腫: lồi lõm, ghò ghề, gút mắt (凹凸) .
2. *Ly tinh* 狸狺: tức là một thứ mèo rừng (野貓) .
3. *Vô hà hữu chi hương* (無何有之鄉) : tức là chỗ tịch mịch (寂滅) .
4. *Quảng mạc* (廣莫) : rộng lớn.
5. *Bàng hoàng* (彷徨) : cùng nghĩa với *ngao tường* 翱翔 nghĩa là *ngao du* 遨遊, đi chơi.
6. *Tâm ngoạ* 寢臥: nằm ngủ.

## DỊCH NGHĨA

**H.** Huệ Tử gọi Trang Tử, nói: “Tôi có cội cây to, người ta gọi nó là cây Vu. Góc nó lồi lõm không đúng dây mực. Nhánh nhóc nó thì cong queo không đúng quy củ. Dem trồng nó ở đường cái, người thợ mộc cũng không thèm nhìn. Nay lời nói của ông to lớn mà vô dụng, nên người người đều không thèm nghe”.

Trang Tử nói: “Ông riêng chẳng thấy con mèo rừng đó sao? Co mình đứng núp, rình vật đi rong, nhảy tây nhảy đông, không hiềm cao thấp, kẹt trong dò bẫy, chết nơi lưới rập. Đến như con thai ngư, lớn như vàng mây che một phương trời, kể ra cũng là to thật, nhưng cũng không bắt được chuột. Nay ông có cây to, lại sợ nó vô dụng. Sao không đem nó trồng nơi tịch mịch, giữa cánh đồng rộng bao la. Khách ngao du không làm gì, ngồi nghỉ dưới góc nó, khách tiêu diêu nằm ngủ dưới bóng nó. Nó sẽ không chết yếu vì búa rìu, cũng không sợ vật nào làm hại. Không có chỗ nào có thể dùng được, thì khốn khổ từ đâu mà đến được?”

## TỔNG BÌNH



Về quan niệm Đạo 道 và Đức 德 thì Trang Tử và Lão tử đồng với nhau. Nhưng về quan niệm hạnh phúc, thì Trang Tử giản minh một cách rõ ràng khúc chiết hơn trong thiên Tiêu Diêu Du này.

Trang Tử cho rằng tất cả muôn vật, vật nào cũng có cái Đức của nó, do cái Đạo nơi mình mà phát huy ra. Chữ Đức ở đây không có cái nghĩa thông thường về luân lý như phái Nho gia đã dùng, mà nó dùng để ám chỉ cái tánh tự nhiên của mỗi vật, tức là chỗ mà Lão Tử gọi là “*kiến Tố*” (素) và nhà Phật gọi là “*kiến Tánh*”<sup>[28]</sup> (性). “Tánh tự nhiên” đây, tức là chỗ mà Quách Tượng bảo “*bất đắc bất nhiên*” (不得不然) (không vậy không được), nghĩa là cái “bất đắc dĩ” của mọi sự mọi vật...như lửa không thể không nóng, giá không thể không lạnh. Cái động tác của Đức rất tự nhiên, không cố cưỡng, nên gọi nó là “vô vi”.

Nếu biết thuận theo tánh tự nhiên ấy mà sống, thì hạnh phúc có ngay liền trước mắt, không cần cầu cạnh đâu khác ngoài mình.

Tiêu diêu, là “tự do tự tại”, là “tự do sống theo cái sống tự nhiên của mình” mà không phải mô phỏng theo ai khác, đèo bồng tham muốn cái ngoài tánh phận (性分) của mình. Tiêu Diêu Du, là rong chơi vui thích theo mình, vì đã biết “*thích kỷ tự an*”, chứ không như người đời “*xả kỷ thích nhơn*”<sup>[29]</sup> (舍己適人), điều mà Trang Tử rất cực lực phản đối ở thiên Đại Tông Sư<sup>[30]</sup>.

Như vậy, ta thấy rằng, cái tự do mà Trang Tử đề xướng là một thứ tự do tuyệt đối, không lệ thuộc vào một điều kiện nào ngoài cái bản tánh của mình cả. Sống theo mình là tự do, là hạnh phúc; sống theo kẻ khác, là nô lệ, là đau khổ.

Đại ý thiên Tiêu Diêu Du, có thể tạm chia làm năm điểm chánh như sau đây:

## I. LỚN VÀ NHỎ KHÔNG THƯỜNG (大小無常) :

Nghĩa là cái Lớn cái Nhỏ không phải là điều tuyệt đối, bất biến, mà thực ra, là một lẽ tương đối: lớn hơn cái nhỏ, nhỏ hơn cái lớn. Lớn và Nhỏ đều là những lẽ vô thường.

Như cá Côn, vốn là một thứ cá nhỏ mà Trang Tử cho nó là một giống cá lớn không biết mấy nghìn dặm; chim Bằng, vốn là chim phụng, cũng đâu phải là một vật cực đại, thế mà Trang Tử lại cho nó là một vật cực đại, có

cái lung lớn không biết mấy nghìn dặm, còn cánh của nó thì như vàng mây che khuất một phương trời. Đó là chỗ dụng ý đặc biệt của Trang Tử dùng một bút pháp cực kỳ huyền tượng, biến hóa bất thường để chỉ rõ sự vô thường của cái Lớn và cái Nhỏ. Đó là chỗ mà ở thiên Thu Thủy nói: “*Lấy chỗ bất tề mà xem, thì sẽ thấy vật nào cũng lớn cả (đối với vật nhỏ hơn nó) và vật nào cũng nhỏ cả (đối với vật lớn hơn nó); biết Trời Đất như một hạt thóc, biết mây lông là hòn núi*”. Như vậy, thì Nhỏ sao lại thường chẳng Lớn, mà Lớn sao lại thường chẳng Nhỏ được. Nhận thấy chỗ Nhỏ của mình, mà ham muốn đèo bồng mãi cái phận ngoài mình, sao bằng nhận thấy chỗ Lớn của mình và cho đó là đủ để mà “*thích kỷ tự an*”? Biết rõ được lẽ ấy, thì sẽ bỏ được cái lòng tham dục của sự phân biệt trong ngoài 内外之分, bỏ được cái lòng tham muốn những gì ngoài mình và không từng mình nữa. [31]

**II. LỚN, THÌ HỢP VỚI CHỖ LỚN, NÊN KHÔNG THẤY MÌNH LÀ LỚN; NHỎ, THÌ HỢP VỚI CHỖ NHỎ, NÊN KHÔNG THẤY MÌNH LÀ NHỎ.** (大者所順大，而不自知其大小者所順小，而不自知其小)

Tức như chim Bằng, một con vật rất lớn, tất phải dời sang biển Nam, bay lên cao chín muôn dặm và bay trọn sáu tháng trường không nghỉ...Trang Tử đã nói: “*Nước không sâu thì không sức chở thuyền lớn, đổ một chung nước xuống một cái lỗ nhỏ, lấy một cọng cỏ mà làm thuyền thả lên thì thuyền tự nổi, nếu lại lấy cái chung nước ấy mà thả lên làm thuyền, thì thuyền ấy phải mắc cạn. Là tại sao? Tại nước không sâu, mà thuyền thì lớn.*

*Lốp gió không dày, thì không sức chở nổi cánh lớn của chim Bằng.*”

Quách Tử Huyền luận về điểm này có nói: “*Nếu không phải là Minh Hải thì không đủ chỗ cho thân con cá Côn day trở, nếu không có chín muôn dặm cao thì sao đủ chở cái cánh to tướng của chim Bằng. Há phải đó vì hiếu kỳ mà vẽ cho ra chuyện thêm đâu! Hễ vật lớn, phải sanh ra nơi chỗ lớn, và chỗ lớn tất nhiên cũng sanh ra vật lớn đó. Lý có tự nhiên, đâu phải cần lo cho nó không được như vậy!*”. Ông lại nói: “*Cánh lớn nên khó cử động trong chỗ hẹp, cho nên phải vượt trên chín muôn dặm cao, mới có đủ chỗ mà cử động. Đã có cánh ấy mà lại quyết ở dưới thấp, hay bay lên vài chục thước cao như con chim cuu, có được không? Đó đều là chỗ bất đắc*

*bất nhiên (không vậy không đặng), chứ đâu phải vui sướng gì mà làm ra như thế đâu!”*

Vậy, lớn thì thuận theo chỗ lớn, không tự xem là lớn mà sinh kiêu; nhỏ thì thuận theo chỗ nhỏ, không tự xem là nhỏ mà đèo bồng tham muốn, như “con chim cuu...bay vụt lên cây du cây phượng, dù bay không tới thì rơi xuống đất” đâu cần phải ham muốn cái rộng lớn của chim Bằng. Nghĩa thật rõ ràng!

Quách Tử Huyền nói: *“Nếu biết đủ với tánh phận của mình, thì tuy mình lớn như chim Bằng, cũng không tự cho là lớn mà cho mình quý hơn chim nhỏ kia, mà con chim nhỏ kia cũng không cho mình là nhỏ mà ham muốn bay đến Ao Trời (thiên trì) làm gì. Nên chi nói đến cái vinh của chim Bằng, hay nói đến cái thềm muốn của con chim nhỏ (để kịp với chim Bằng) đều là nói thừa cả. Lớn, Nhỏ tuy khác nhau, nhưng tâm trạng tiêu du (nghĩa là tự do) vẫn một (大小雖殊, 逍遙一也) .*

Tóm lại: Chim Bằng ở thiên trì, thì chính cũng như chim cuu ở cây du, cây phượng. . .”*đâu vừa với đó”*. Chim Bằng, không tự xem mình là lớn, chim cuu không tự xem mình là nhỏ, nên lớn không kiêu với nhỏ, nhỏ không đèo bồng ham muốn cái lớn. Tham dục nhờ đó, tự nhiên không còn nữa. Tham dục mà không còn có nữa, thì hạnh phúc có ngay liền đó, vì hạnh phúc là sống được cái sống của mình, sống toại sinh trong cái tự tánh của mình vậy.

### III. THỌ VÀ YẾU

Điều mong ước lớn nhất của người đời, là được sống lâu. Cho nên mới cho cái sống bảy tám trăm năm của Bành Tổ là thọ, mà ao ước, thềm thường! Là tại sao? Là tại cái số kiếp của con người, chỉ trăm năm là hạn, nên mới đèo bồng ham muốn sống được như Bành Tổ và cho đó là *thọ*. Giả sử mà ai ai cũng đều sống được như Bành Tổ, thì cái khoảng bảy trăm năm lại sẽ không còn đủ cho là *thọ* nữa. Như ta đã thấy, lòng ham muốn con người sở dĩ có, là khi nào không biết an theo số phận của mình mà đem tâm đeo đuổi theo cái số phận của những vật ngoài mình và khác mình.

Thật vậy, vì không ai sống đến được cái tuổi của Bành Tổ, nên mới cho cái sống ấy là *thọ* mà thềm muốn. Bành Tổ, trái lại, nếu cũng bắt chước như ta mà không biết an với tánh phận của mình là sống bảy trăm năm, lại đèo bồng muốn sống được cái sống của cây minh linh thì tất cũng sẽ cho cái hạn bảy trăm năm của mình không đủ cho là *thọ*, mà sống được như cây minh

linh mới là thọ. Cây minh linh, nếu lại bắt chước Bành Tổ, không tự xem mình là thọ, lại đèo bông tham muốn sống theo cái sống của cây đại xuân; cây đại xuân lại muốn sống được như cái sống của Trời Đất...thì ra *vật nào cũng không thọ cả, mà vật nào cũng đều yếu cả!* Cho nên nói rằng, nếu cứ tham muốn sống ngoài cái tánh phận của mình, thì cái sống của Bành Tổ đối với cây đại xuân, không khác nào “*cái sống của đũa trẻ chết trong nồi*” vậy.

Nếu lấy cái sống trăm năm là hạn của ta làm mực thước, thì “con ve sâu” mùa xuân sanh, mùa hạ chết, “tai nấm mai” sớm nở tối tàn...đều là vật *yếu cả!* Cái sống một mùa của con ve sâu, và cái sống có một buổi của tai nấm mai, đối với ta tuy chỉ là cái sống trong khoảng khắc rất ngắn ngủi, mà đối với nó, vẫn cũng là một kiếp sống, như một kiếp sống trăm năm của ta vậy. Đối với con người, được sống trăm năm là *thọ*; thì đối với tai nấm mai, sống được một buổi cũng là *thọ*, mà đối với con ve sâu, sống được một mùa, đều là *thọ cả*: chúng nó được sống đến cái mức cùng của kiếp sống của chúng. Còn như “cây đại xuân sống một xuân là tám nghìn năm, một thu là tám nghìn năm”, giá như nó chỉ sống được có bốn mùa, nghĩa là ba muôn hai nghìn năm, thì đối với ta, sao không cho đó là *thọ* được, nhưng đối với cái kiếp sống của nó thì nó chỉ sống được có một tuổi mà thôi, nghĩa là chỉ sống được có bốn mùa; sống được tám nghìn năm, phải chăng đối với ta, là rất *thọ*, nhưng đối với chính cây đại xuân, thì nó chỉ sống được có một mùa mà thôi, sống rất *yếu* vậy!

Thế thì căn cứ vào sự dài ngắn của thời gian không thể được xem là *thọ* hay *yếu*. Chẳng qua như vật lớn ở chỗ lớn, vật nhỏ ở chỗ nhỏ. Vậy, “*thọ yếu*” cũng như “*lớn, nhỏ*” chỉ là một danh từ đối đãi, tự nó không có nghĩa gì là thật cả, thật một cách tuyệt đối. Không nhìn ra ngoài, mà chỉ nhìn vào trong, nghĩa là mỗi vật, nếu biết “*các an kỳ phận*”, “*thích kỷ tự an*”, thì vấn đề Lớn Nhỏ, Thọ Yếu...sẽ không còn thành vấn đề và làm cho lòng mình thắc mắc nữa.

#### IV. HUYỀN NGHĨA CỦA TIÊU ĐIỀU:

Mỗi vật, nếu đều biết tự đủ với cái tánh phận của mình, thì dù ở trong xã hội, phải ở vào địa vị nào, cũng không tự xem là không đủ, để đèo bông tham muốn cái tánh phận ngoài mình. Như “*kẻ có tài trí đủ để làm nổi một tước quan, hạnh hơn cả một làng, thì đức sẽ không khác nào một vị vua được lòng tin của cả nước, nếu biết tự xem như đáng làm vua kia vậy*”. Tuy

phận sự có lớn nhỏ, địa vị có cao thấp, nhưng Đức vẫn giống nhau, nếu mỗi người đều tròn với cái phận của mình. Chí và Hành của hai bên, bất quá như vật lớn nhỏ, thọ yếu mà thôi.

Kẻ biết nhận thấy Đức của mình ngang với bậc vua chúa như chức quan nhỏ kia, tuy là kẻ sáng suốt “thích kỷ tự an” hơn người đời một bậc, nhưng chỗ “lập đức” chưa vững. Là vì hễ còn thấy có “công”.

Vinh Tử nước Tống, “*đời khen cũng không khích lệ, đời chê cũng không ngăn đón được*”, tức là người vượt lên trên dư luận, không còn nô lệ đến thị phi bên ngoài nữa, thế mà chỗ “lập đức” của ông cũng chưa được vững. Là vì tuy đã biết thân nhiên đối với dư luận, nhưng còn để cho đời biết được mà khen với chê. Đó là hạng người còn để lại “danh”. Ấy là hạng người như vua Nghiêu, và Hứa Do.

Trên hai hạng đó, lại còn một hạng nữa, là hạng người như Liệt Tử, hạng “*cỡi gió mà đi, đi một cách êm ái nhẹ nhàng*”. Ở đây Trang Tử muốn ám chỉ những bậc tu Đạo đã đạt đến trạng thái huyền hóa (extase mystique) trong những lúc thiền tọa hay tĩnh tọa. Trong những lúc ấy, họ đã đạt đến trạng thái “*tiêu diêu*” vì đã huyền đồng cùng với cái sống thiêng liêng của họ, tức là Đạo. Nhưng, chỉ có một lúc thôi, nên mới nói “*tuy khỏi phải đi, nhưng còn phải có chỗ chờ*”. Liệt Tử tuy “*cỡi gió mà bay, thong thả tự do*”, nhưng còn phải đợi có gió mới bay được, như chim Bằng, đợi có gió trốt nổi lên, mới “*nuơng theo đó mà bay lên chín muôn dặm cao*”. Kẻ như Liệt Tử, được huyền đồng cùng Đạo, tuy “*tiêu diêu*” được, mà cũng phải đợi lúc huyền hóa mới được “*tiêu diêu*”. Tự do (tiêu diêu) mà còn đợi lúc huyền hóa mới “*tiêu diêu*”, thì chưa phải thật là người đã đạt đến cõi tiêu diêu tuyệt đối (tự do tuyệt đối). Là vì họ không phải luôn luôn “*không còn thấy có mình*” (vô kỷ) nữa. Chỉ có bậc “*chí nhơn vô kỷ, thần nhơn vô công, thánh nhơn vô danh*” mới thật là kẻ đã đạt đến cái trạng thái huyền đồng một cách vĩnh viễn mà không còn phải “*chờ đợi*” một điều kiện gì khác. Làm cách nào để đạt đến trạng thái huyền hóa? Phải biết “*thuận theo cái chánh của Trời Đất, nuơng theo cái biến của lục khí mà lại qua trong cõi vô cùng*”.

Nghĩa là gì thế? Trời Đất là nói về âm dương. Âm dương cọ xát nhau, tranh đấu nhau, nhưng khi được cái chánh của nó, tức là Đạo, thì nó sẽ được điều hòa. Đạo, tức là cái chánh của Trời Đất, đứng trên âm dương, và bao giờ cũng có cái phận sự điều chỉnh lại những gì thái quá do sự tranh chấp của cặp mâu thuẫn ấy gây nên, và không cho cái nào lấn cái nào cả. Thuận theo cái chánh của Trời Đất được rồi, thì tha hồ “*nuơng theo cái biến của*

lục khí” nghĩa là biết “*dĩ bất biến*” (Đạo) để mà “*ứng vạn biến*” trong cuộc “*vạn hóa*” của Trời Đất. Cái *chánh* (Đạo) ấy nơi ta, nhà Phật gọi là Tánh tính, Lão Tử gọi là Tô 素, và ở đây gọi là Tánh tự nhiên.

Quách Tượng giải nghĩa câu này nói: “*Trời Đất, lấy vạn vật làm cái Thể, còn vạn vật lấy cái Tự Nhiên (tức là Đạo) làm cái Chánh.*” (天地以萬物為體而萬物必以自然為正。) *Không làm mà vẫn được tự nhiên, mới gọi là Tự Nhiên (自然者不為體而自然者也。)*. *Tức như chim Bằng, bay cao là sở năng của nó; chim cưu, bay thấp là sở năng của nó; tai nắm mai, sống trong một buổi mai, là sở năng của nó; cây đại xuân, sống dài dài đặc đặc, là sở năng của nó. Bấy nhiêu cái đó, đều là “sở năng” của tự nhiên, không phải “sở năng” của sự làm của mình (人爲); không làm mà tự nhiên được cái “sở năng” ấy, đó gọi là “chánh”. Bởi vậy, “thuận theo cái chánh của Trời Đất”, tức là thuận theo cái tánh tự nhiên (Đạo) của vạn vật, thì đâu phải cần “chờ đợi” cái gì nữa mà huyền hóa với tạo vật. Được như thế, mới gọi là người chí Đức, tức là người đã được tiêu diêu trong sự huyền đồng của Đây và Đó. Nếu còn nhờ (cái gì ở ngoài) nữa, rồi sau mới được tiêu diêu, tức như Liệt Tử tuy “cỡi gió mà đi một cách êm ái dịu dàng” nhưng còn phải đợi có gió mới bay đi được, thì Đức chưa hoàn toàn. Huống chi là chim Bằng. Duy, cùng với vạn vật hỗn hợp làm một rồi, và nương theo cuộc đại biến của Trời Đất mà rong chơi trong cõi vô cùng thì mới gọi được là bậc “thường thông” (常通) hay là “đại thông” (大通) .*

Lời chú giải trên đây của Quách Tượng, thật rõ ràng hết sức. Bậc chí nhân là kẻ đã huyền đồng cùng tạo vật rồi, cho nên bản ngã không còn nữa. Ở thiên Tề Vật Luận, Trang Tử mượn lời của Tử Kỳ để nói lên chân lý ấy:

“*Ta đã mất bản ngã rồi!*”. Bản ngã mà không còn thì thiên tánh<sup>[32]</sup> hiện ra, có khác nào mặt trời (thiên tánh hay Đạo) bị mây (bản ngã) che mờ: hễ mây tan đi thì tự nhiên mặt trời hiện ra sáng tỏ. Khi thiên tánh hiện ra là vì bản ngã đã mất, nên gọi là “*chí nhơn vô kỷ*”, đó là được chỗ “*đại thuận*”, hay là “*được cái chánh của tánh mạng*” (各正性命) .

“*Thuận theo cái chánh của Trời Đất*”, tức là “*thuận theo cái tánh tự nhiên của mình.*”<sup>[33]</sup> Quan trọng nhất, là gìn giữ cái tánh ấy, đừng để nó lu mờ vì tư dục, đừng để cho hoàn cảnh huyền hoặc, thay đổi... Một cái cây, từ lúc đâm mọc, nảy chồi, trở lá, đơm bông...những cuộc biến động tuy nhiều, nhưng cái Sống của cây vẫn luôn luôn có Một, và toàn mãn từ đầu chí cuối.

Bậc chí nhân vì đã thực hiện được trạng thái “vô kỷ” nên “*thuận với tánh tự nhiên của mình*” và dù lưu chuyển theo cuộc biến động bất tận của Trời Đất, vẫn không làm mất Bản Tánh duy nhất của mình. [34]

Bởi vậy, nơi mình, thì lo mà thực hiện sự huyền đồng cùng tạo vật, không phân trong và ngoài, ta và người nữa, không thấy Lớn Nhỏ, Thọ Yếu; còn nơi vật, thì biết để cho vạn vật, vật nào cũng được “*an theo chỗ đã an bài của chúng*” (各安其所安) nên không ép buộc ai phải theo mình, nghĩa là lấy mình mà đánh giá sự phải quấy của người. Đó gọi là “*chí nhơn vô kỷ*” (至人無己) .

Tóm lại, ta có thể lấy câu này ở thiên Liệt Ngự Khẩu trong sách Trang Tử để kết luận: “*Thánh nhơn thì biếtyên theo chỗ đã an bài của mình, và không yên chỗ không an bài của mình. Chúng nhơn thì không chịu yên theo chỗ đã an bài của mình, lại chịu yên nơi chỗ không an bài của mình.*” (聖人安其所安，不安其所不安，眾人安其所不安，不安其所安。)

Biết yên theo chỗ mà Tạo hóa đã an bài cho mình, tức là thừa nhận cái tánh phận của mình, và yên vui nơi đó mà không đèo bồng tham muốn gì ở ngoài cái tánh phận của mình cả. Đó là hạnh của Thánh nhơn. Còn chúng nhơn thì trái lại, họ không chịu yên vui theo tánh phận của họ, lại mãi tham muốn đèo bồng theo những cái ở ngoài tánh phận của họ, viện đến sự “*tiến bộ*” bên ngoài để tranh đua và bóc lột lẫn nhau. Vì thế không bao giờ yên vui lạc phúc (tiêu diêu). Quách Tượng bảo: “*túc ư thân, nhàn ư thế*” (足於身，閒於世) nghĩa là kẻ “*biết đủ nơi mình, mới được an nhàn nơi đời*”.

## V. HỮU DỤNG VÀ VÔ DỤNG

Trời Đất sinh vạn vật, để cho mỗi vật sống cái sống của nó (各生其生) , chứ không phải sinh ra để cho người dùng nó. Dùng được thì dùng, không dùng được thì bỏ. Gọi là hữu dụng hay vô dụng là sai. Thực ra, tự nó, không có vật gì gọi là hữu dụng hay vô dụng cả.

Như mào Chương phủ, người nước Tống thì đại dụng, mà người nước Việt không dùng, bởi nó không đáp với nhu cầu. Hữu dụng hay vô dụng là việc không thường (無常) cũng như Lớn Nhỏ vậy.”*Một trái dưa to, nặng năm thạch*” mà “*bỏ nó ra để làm cái bầu*” thì lại hỏng cả, không dùng gì được nữa (vô dụng); trái lại, nếu để nó như vậy mà làm phao, đeo lợi qua sông, thì nó là hữu dụng.



Ta thấy rằng nếu biết dùng, thì không có vật gì là vô dụng, như cũng thời món thuốc “bất quy thủ” mà kẻ thì được phong hầu, còn người thì suốt đời chỉ làm cái nghề quay tơ. Đó là Trang Tử trả lời cho Huệ Tử (cùng những ai chê cái học của ông là vô dụng) rằng: nếu biết dùng thì không có cái học nào là vô dụng cả: “*là vì lòng của phu tử còn hẹp hòi chưa thông đạt*”!

Vật nào cũng có cái tánh tự nhiên của nó, không vật nào giống vật nào cả. Bởi vậy, ta phải biết “chịu” chỗ khác biệt nhau đó, nghĩa là phải biết *nhìn nhận* sự “bất bình đẳng tự nhiên” của sự vật mà đừng đem tư tâm mong bình đẳng nhất loại tất cả làm một. Biết nhận sự “bất bình đẳng tự nhiên” giữa vạn vật, tức phải biết kính trọng chỗ riêng biệt của mỗi vật, nghĩa là cái tánh tự nhiên của mỗi vật mà không xen vào làm trở ngại sự phát triển tự nhiên của nó hay sửa đổi uốn nắn nó theo một công thức giả tạo nào khác. Không xen vào làm trở ngại hay làm hư hoại tánh tự nhiên của mỗi vật, là để cho mỗi vật được sống “*tiêu diêu*” (tự do) theo cái sống của nó, tự do phát triển cái tánh tự nhiên của nó.

Tóm lại, tiêu diêu là tự do. Tự do là sống được theo tánh tự nhiên, tức là theo bản tánh của mình. Một hành động được gọi là hành động tự do, khi nào trong hành động ấy, ta biểu lộ được cái Người thâm sâu, thành thực của ta, theo ta, chứ không phải theo kẻ khác, theo một giáo lý hay một mẫu người lý tưởng nào ngoài ta. Và nếu mỗi vật, vật nào cũng được sống theo mình, thì sẽ không còn lớn, nhỏ, quý, tiện nữa, mà thấy đều tiêu diêu như nhau cả (逍遙一也). Tiêu diêu như nhau cả, đó là bình đẳng tuyệt đối, mà bình đẳng tuyệt đối là nhờ có tự do tuyệt đối. Thiên Tê Vật Luận sẽ bàn về cái *bình đẳng tuyệt đối* ấy.



## TỀ VẬT LUẬN

### 齊物論

A. 南郭子綦隱机而坐，仰天而噓，荅焉似喪其耦。

顏成子游立侍乎前，曰：「何居乎？形固可使如槁木，而心固可使如死灰乎？今之隱机者，非昔之隱机者也。」

子綦曰：「偃，不亦善乎，而問之也！今者吾喪我。汝知之乎？女聞人籟而未聞地籟，女聞地籟而未聞天籟夫？」

子游曰：「敢問其方。」

子綦曰：「夫大塊噫氣，其名為風。是唯無作。作則萬竅怒呿，而獨不聞之翬翬乎！山林之畏佳，大木百圍之竅穴，似鼻，似口，似耳，似枅，似圈，似臼，似洼者，似污者；激者，謫者，叱者，吸者，叫者，譟者，突者，咬者。

前者唱于

而隨著唱喁。

泠風則小和，

飄風則大和。

厲風濟則眾竅為虛。而獨不見之調調，之刁刁乎？」

子游曰：「地籟則眾竅是已。人籟則比竹是已。敢問天籟？」

A. Nam Quách Tử Kỳ<sup>1</sup> ẩn kỹ nhi tọa, ngưỡng thiên nhi hư<sup>2</sup>, tháp yên<sup>3</sup> tợ táng kỳ ngẫ<sup>4</sup>.

Nhan Thành Tử Du<sup>5</sup> lập thị hồ tiền, viết: “Hà cư hồ? Hình cố khả sử như kháo mộc, nhi tâm cố khả sử như tử khôi hồ? Kim chi ẩn kỹ giả, phi tích chi ẩn kỹ giả dã”.

Tử Kỳ viết: “Yên, bất diệc thiện hồ, nhữ<sup>6</sup> vấn chi dã. Kim giả ngô táng ngã. Nhữ tri chi hồ. Nhữ<sup>7</sup> vấn nhơn lại<sup>8</sup> nhi vị vấn địa lại, nhữ vấn địa lại, nhi vị vấn thiên lại phù?”

Tử Du viết: “Cảm vấn kỳ phương.”

Tử Kỳ viết: “Phù đại khôi ái khí, kỳ danh vi phong. Thị duy vô tác. Tác, tác vạn khiêu nộ ngạc, nhi độc bất vấn chi liệu liệu hồ. Sơn lâm chi úy giai, đại mộc bách vi chi khiêu huyết, tợ tị, tợ khẩu, tợ nhĩ, tợ kê, tợ quyên, tợ

cự; tợ oa giả, tợ ô giả, kích giả, hao giả, sát giả, hấp giả, kiêu giả, hạo giả, yêu giả, giao giả.

*Tiên giả xướng vu,  
Nhi tùy giả xướng ngu.  
Lãnh phong tắc tiêu hòa,  
Phiêu phong tắc đại hòa,*

Lệ phong tế tắc chúng khiêu vi hư. Nhữ độc bất kiên chi điều điều chi điều điều hô?”

Tử Du viết: “Địa lại tắc chúng khiêu thị dĩ. Nhon lại tắc tử trúc thị dĩ. Cảm vấn thiên lại?”

555

**B.**子綦曰：「夫吹萬不同，而使其自己也，咸其自取，怒者其誰邪！」

大知閑閑，  
小知閒閒；  
大言炎炎，  
小言詹詹。  
其寐也魂交，  
其覺也形開，  
與接為搆，  
日以心鬪，  
縵者，窖者，密者；  
小恐惴惴，  
大恐縵縵。

其發若機括，其司是非之謂也。其留如詛盟，其守勝之謂也。其殺如秋冬，以言其日消也；其溺之所為之，不可使復之也；其厭也如緘，以言其老洩也。近死之心，莫使復陽也。喜怒哀樂，慮嘆變熱，姚佚啟態。樂出虛蒸成菌。日夜相代乎前而莫知其所萌。已乎！已乎！旦暮得此其所由以生乎！非彼無我。非我無所取是亦近矣。而不知其所為使。若有真宰，而特不得其朕可行己信而不見其形。有情而無形。百骸九竅六藏。眩而存焉，吾誰與為親？汝皆說之乎？其有私焉。如是皆有為臣妾乎？其臣妾不足以相治乎？其遞相為君臣乎？其有真君存焉？如求得其情與不得，無益損乎其真。一受其成

形，不忘以待盡，與物相刃相靡，其行盡如馳，而莫之能止。不亦悲乎？終身役役而不見其成功，荼然疲役而不知其所歸，可不哀邪！人謂之不死

？奚益，其形化，其心與之然，可不謂大哀乎？人之生也，固若是芒乎。其我獨芒，而人亦有不芒者乎？夫隨其成心而師之，

誰獨且無師乎？奚必知代，而心自取者有之。愚者與有焉，未成乎心而有是非。是今日適越而昔至也。是以無有為有。無有為有，雖有神禹且不能知。吾獨且奈何哉！

**B.** Tử Kỳ viết: “Phù xuy vạn bất đồng, nhi sử kỳ tự kỳ dã, hàm kỳ tự thủ, nô giả, kỳ thù da?”

*Đại trí hàn hàn.*

*Tiểu trí nhàn nhàn<sup>9</sup>*

*Đại ngôn viêm viêm,*

*Tiểu ngôn chiêm chiêm<sup>10</sup>*

*Kỳ mị dã, hôn giao<sup>11</sup>.*

*Kỳ giác dã, hình khai.*

*Dữ tiếp vi cầu,*

*Nhật dĩ tâm đấu<sup>12</sup>.*

*Mạn<sup>13</sup> giả, giáo<sup>14</sup> giả, mật<sup>15</sup> giả.*

*Tiểu khủng chủ chủ.*

*Đại khủng mạn mạn<sup>16</sup>.*

Kỳ phát nhược cơ quát, kỳ tư thị phi chi vị dã. Kỳ lưu như trở minh, kỳ thủ thắng chi vị dã. Kỳ sát như thu đông, dĩ ngôn kỳ nhật tiêu dã. Kỳ nịch chi sở vi chi, bất khả sử phục chi dã. Kỳ yếm dã như giam, dĩ ngôn kỳ lão dật dã. Cận tử chi tâm, mạc sử phục dương dã. Hỉ nô ai lạc lự thán biến nhiệt diêu dật khái thái<sup>17</sup>. Nhạc xuất hư chung thành khuản. Nhật dạ tương đại hồ tiền nhi mạc tri kỳ sở manh. Dĩ hồ! Dĩ hồ! Đản mộ đắc thủ kỳ sở do dĩ sinh hồ! Phi bỉ vô ngã. Phi ngã vô sở thủ thị diệc cận hĩ. Nhi bất tri kỳ sở vi sử. Nhược hữu chân tể nhi đặc bất đắc kỳ trăm khả hành dĩ tín nhi bất kiến kỳ hình. Hữu tình nhi vô hình. Bách hải cửu khiêu lục tạng, cai nhi tôn yên. Ngô thù dĩ vi thân? Nhữ giai thuyết chi hồ? Kỳ hữu tư yên. Như thị giai hữu vi thân thiếp hồ? Kỳ thần thiếp bất túc dĩ tương trị hồ? Kỳ đại tương vi quân thân hồ? Kỳ hữu chân quân tôn yên? Như cầu đắc kỳ tình dĩ bất đắc, vô ích tôn hồ kỳ chơn. Nhất thụ kỳ thành hình, bất vong dĩ dĩ tận,

dữ vật tương nhãn tương mỹ, kỳ hành tận như trì, nhi mạc chi năng chi. Bất diệc bi hồ? Chung thân dịch dịch nhi bất kiến kỳ thành công, niết nhiên bi dịch nhi bất tri kỳ sở quy, khả bất ai da? Nhơn vị chi bất tử hề ích, kỳ hình hóa, kỳ tâm dữ chi nhiên, khả bất vị đại ai hồ? Nhơn chi sinh dã, cố nhược thị mang hồ. Kỳ ngã độc mang, nhi nhơn diệc hữu bất mang giả hồ? Phù tùy kỳ thành tâm nhi sư chi, thùy độc thả vô sư hồ? Hề tất tri đại, nhi tâm tự thủ giả hữu chi. Ngu giả dữ hữu yên, vị thành hồ tâm nhi hữu thị phi. Thị kim nhật thích Việt nhi tích chí dã. Thị dĩ vô hữu vi hữu. Vô hữu vi hữu, tuy hữu Thần Võ thả bất năng tri. Ngô độc thả nại hà tai!

## CHÚ

1. *Nam Quách Tử Kỳ* 南郭子綦.

Chữ 綦 (Cơ) ở đây, phải đọc là Kỳ 其. Nam Quách là thành phía Nam, nhân lấy chỗ ở mà đặt hiệu.

2. *Hư* 嘘: hơi thổi ra (bằng miệng). Theo phép hô hấp của Đạo gia, thì hít vô bằng mũi\* (吸), thổi ra bằng miệng (嘘).

3. *Tháp yên* 荅焉: viết là 嗒。

*Tháp yên* là hình dáng như kẻ mất hồn (失意喪氣), bơ phờ, ngơ ngác. Sắc thái của người nhập định tham thiên (extase mystique), xuất thần giải thể

(解體) .

4. *Ngẫu* 耦: Cũng viết là 偶.

*Táng kỳ ngẫu*: mất bạn. Câu này, do câu “ngô táng ngã” (吾喪我) phần dưới mà suy ra. Bạn của xác, là hồn. Cho nên thay vì dịch là “mất bạn”, tưởng cần dịch là “mất hồn”.

5. *Nhan Thành Tử Du* 顏成子游:

Họ Nhan, tên là Yên 偃, thụy là Thành 成, tự là Tử Du 子游.

6. *Nhi 而*: đồng với chữ *Nhĩ* 爾 (người, mi, anh). Đọc là “nhữ chi vấn” (câu hỏi của anh).

7. *Nữ* 女: Ở đây, đọc là nhữ 汝 (anh).

8. *Lại* 籟: ống tiêu (gọi là sáo). Địa lại, là sáo đất. *Nhơn lại* 人籟: sáo người. Tiếng sáo tuy có dài có ngắn, có cao có thấp...tự trung chỉ do một hơi thổi thổi vào ống trúc mà gây ra, tùy lỗ hồng gần xa mà sinh những âm thanh khác biệt và muôn điệu.

9. *Hàn hàn* 閑閑: rộng lớn, bao gồm, trùm lấp (寬) .

*Nhàn nhàn* 閒閒: phân tích đến chỗ nhỏ mọn, ưa chỗ tế nhị (好伺察) .

10. *Viêm viêm* 炎炎: đồng thấy thị phi là một (同是非也) .  
*Chiêm chiêm* 詹詹: phân biệt việc nhỏ (小辯也) .
11. *Hồn giao* 魂交: lúc ngủ thì tinh thần hợp nhau làm một, vì không bị ngoại vật làm xao lãng, khi thức, thì bị ngoại cảnh kích động làm cho tinh thần bị xao lãng tán ra ngoài nên nhận thấy chia lìa “vật ngã”, nghĩa là thấy sự chia phân trong vạn sự vạn vật.
12. *Cấu* 構: là hợp lại (合也) .  
*Tâm đấu* 心鬪: lòng bị tranh chấp giữa vấn đề nội ngoại.
13. *Mạn* 緜: Lòng rộng rãi (寬心也) .
14. *Giáo* 窖: âm là giáo, có nghĩa là sâu sắc, chỗ sâu thẳm của lòng (深也深心也) .
15. *Mật* 密: dè dặt, cẩn thận (謹也) .
16. *Mạn mạn* 緜緜: Nhìn tử như sanh, cả hai là một (齊生死貌) .  
*Chúy chúy* 惴惴: đáng cẩn thận tỉ mỉ, tế tâm, chú ý (小心貌) .  
Tiểu khủng chúy chúy, đại khủng mạn mạn: dè dặt cái nhỏ, là phân biệt sanh tử, dè dặt cái lớn là xem tử sanh là một.  
Chữ 恐 cùng nghĩa với chữ 謹 và có nghĩa là dè dặt, lưu ý đến.
17. *Lự* 慮: lo nghĩ nhiều (多思). *Thán* 嘆 (cũng viết 歎): thương xót (多悲) .  
*Biến* 變: hay phản phúc (多反覆) .  
*Nhiệt* 熱: kinh hãi (多怖) .  
*Diêu* 佻: phù phiếm, khinh phù (輕泛) .  
*Dật* 伏: phóng túng.  
*Khải* 啟: tình dục mở rộng.  
*Thái* 態: chỉ tánh tình dung mạo do trời phú cho.

## DỊCH NGHĨA

### TÈ VẬT LUẬN

**A.** *Nam Quách Tử Kỳ* ngồi dựa ghế, ngửa mặt hà hơi, bơ phờ như người mất hồn.

*Nhan Thành Tử Du* đứng hầu trước mặt, thấy vậy, hỏi: “Sao mà hình hài có thể khiến được như cây khô, còn lòng thì có thể khiến được như tro lạnh? Nay người ngồi trên ghế có còn phải là người ngồi trên ghế trước đây nữa không?”

Tử Kỳ nói: “Yên! Câu hỏi của ngươi đâu phải là không đúng! Ta nay đã mắt bần ngã rồi, ngươi có biết chăng? Ngươi chỉ nghe tiếng sáo của Người mà chưa nghe tiếng sáo của Đất. Ngươi chỉ nghe tiếng sáo của Đất mà chưa nghe tiếng sáo của Trời.”

Tử Du nói: “Dám hỏi dùng phương chi nói để cho tôi hiểu được?”

Tử Kỳ nói: “Hơi thở của đại khí, gọi là gió. Nó không nổi lên thì thôi. Nó mà nổi lên thì muôn lỗ hổng gào thét lên, riêng ngươi chẳng nghe nó ào ào đó hay sao? Máy chỗ sâu hõm của núi rừng, những bông của cây to trăm vòng, như mũi, như miệng, như tai, như xà, như vành, như cối, như ao sâu, như vũng cạn...khi thì rập nhau la lối, nạt nộ, gầm thét, khi lại bỏ giọng rừ rì, nỉ non, than thở. Tiếng trước xướng lên, tiếng sau họa lại. Gió hiu hiu thì là tiểu hòa; gió vụt vụt thì là đại hòa. Đến khi gió lặng, thì các khiêu đều êm. Riêng ngươi không thấy cành lá còn rung động đó hay sao?”

Tử Du nói: “Tiếng sáo Đất là tiếng hòa của muôn khiêu.

Tiếng sáo của Người là tiếng hòa của ống trúc. Dám xin hỏi thế nào là tiếng sáo của Trời?”

§§§

**B.** Tử Kỳ nói: “Kìa như gió thổi khiến muôn tiếng không đồng nhau vang lên, nhưng mà lại khiến cho nó tự ngưng đi, hoặc tự nổi lên, là gì đấy? Biết một cách bao trùm rộng rãi, đó là hạng đại trí; biết một cách chia lìa vụn vặt, đó là hạng tiểu trí. Lời nói tổng hợp thị phi, đó là đại ngôn, lời nói chi ly biện biệt, đó là tiểu ngôn. Khi ngủ thì tinh thần giao nhau (làm một). Khi thức, thì tinh thần bị ly khai (vì chạy theo sự vật bên ngoài). Tiếp lẫn nhau, gọi là “cấu” (hợp nhau làm một); tán mạn ra, gọi là “tâm đầu” (lòng bị chia lìa chống đối nhau). Lòng phải rộng, sâu và dè dặt. Dè dặt cái nhỏ là phân biệt sanh, tử; dè dặt cái lớn là xem sanh tử bằng nhau. Người đời bày cuộc bắn bia mà định thị phi, bày tờ khế ước mà phân thắng bại. Lòng người mãi tranh đấu cho thị phi lần lần hao mòn, bị giết như thu đông giết thảo mộc. Họ đấm đuổi trong việc làm đó, không làm sao cho lòng họ phục nguyên lại được. Dè nén như giam nhốt, như dè nén lời nói. <sup>[35]</sup> Cái lòng gân chết, không sao khiến nó nóng lại được.

Nhưng mà mừng giận, thương vui, phản phúc, kinh sợ, phù phiếm, phóng túng, tình dục mở rộng...đều như tiếng nhạc do chỗ hư không mà phát lên, như đám nấm trong chỗ ẩm ướt mà sanh ra. Ngày và đêm, tiếp nhau mà hiện ra trước mặt, ai biết được đầu mối nó nơi đâu?

Ôi! Ôi! Một sớm một chiều, ai biết được từ đâu mà sanh ra?

Không có đó, không có đây. (Nhưng nếu) không có đây thì biết lấy đâu làm chỗ căn cứ! Lý ấy đâu có xa xôi gì! Nhưng mà không rõ ai xui như thế? Đường như có đấng chân tế, nhưng mà không thấy được dấu vết của đó. Đấng ấy có tình mà không có hình. Trăm xương chín khiếu, sáu tạng, riêng biệt ra thì không thành một thân thể; nên phải có cái “hiệp” nó lại kia mới thành một thân thể được. Thần thiếp riêng biệt ra, không đủ sức trị lẫn nhau nên không thể thành một môn hộ; nên phải có cái “hiệp” nó lại, mới thành một môn hộ, quân thần riêng biệt ra thì không thành một quốc gia, nên phải có cái “hiệp” cả hai lại mới thành một quốc gia. Cái mà “hiệp” đặng làm nên một thân thể, một môn hộ, một quốc gia, “cái đó” không bớt, cũng không thêm cho thân thể, cho môn hộ, cho quốc gia, ta gọi nó là “Tình”. Có kẻ nhận cái “hình” do đó gây ra, không quên cho đến ngày cùng tận của nó, rồi đâm chém nhau, hại lẫn nhau, mà không biết dừng, chẳng cũng đáng buồn sao? Có kẻ trọn đời làm mãi mà không thấy thành công, mệt mỏi mà không biết đâu là chỗ về, cũng chẳng đáng thương xót sao? Người ta bảo như thế mà không chết có ích gì không? Hình nó hóa đi, tâm nó cũng một thể, cũng chẳng đáng xót xa lắm sao?

Đời người mờ mệt, há phải riêng ta mờ mệt, còn kẻ khác không mờ mệt hay sao? Như biết lấy cái Tâm đã thành của mình làm Thầy, thì ai là chẳng có Thầy? Cái Tâm “thành” đã sẵn có, sao còn tìm cái chi nữa mà thế nó? Kẻ ngu cũng có nó. Chưa thành được mà lòng đã có chứa thị phi, thì có khác nào hôm nay sang nước Việt mà đã đến từ hôm trước rồi! Như vậy, tức là lấy cái không có làm cái có. Lấy cái không có làm cái có, thì tuy có Thần Võ cũng không biết được, riêng ta có làm thế nào được!”

§§§

○夫言非吹也。言者有言，其所言者特未定也。果有言邪？其未嘗有言邪？其以為異於穀音，亦有辯乎？其無辯乎？道惡乎隱而有真偽？言惡乎隱而有是非？道惡乎往而不存？言惡乎存而不可？

道隱於小成，言隱於榮華。故有儒墨之是非，以是其所非，而非其所是。欲是其所非，而非其所是，則莫若以明。物無非彼，物無非是。自彼則不見，自知則知之。故曰彼出於是，是亦因彼。彼是，方生之說也。雖然，方生方死，方死方生。方可方不可，方不可方可。因是因非，因非因是。

是以聖人不由而照之於天，亦因是也。是亦彼也。彼亦是也。彼亦一是非。此亦一是非。果且有彼是乎哉？果且無彼是乎哉？彼是莫得其偶，謂之道樞。樞始得其環中，以應無窮。是亦一無窮，非亦一無窮也。故曰：莫若以明。

以指喻指之非指，不若以非指喻指之非指也。以馬喻馬之非馬，不若以非馬喻馬之非馬也。天地一指也，萬物一馬也。

可乎可，不可乎不可。道行之而成，物謂之而然。惡乎然？然於然。惡乎不然？不然於不然。物固有所然，物固有所可。無物不然，無物不可。故為是舉莛與楹，厲與西施，恢綈憊怪，道通為一。

其分也成也。其成也，毀也。凡物無成與毀，復通為一。唯達者知通為一。為是不用而寓諸庸。庸也者，用也；用也者，通也；通也者，得也。適得而幾矣。因是已。已而不知其然，謂之道。勞神明為一而不知其同也，謂之朝三。

何謂朝三？曰：狙公賦茅，曰：「朝三而暮四」。眾狙皆怒。曰：「然則朝四而暮三」。眾狙皆悅。名實未虧，而喜怒為用，亦因是也。是以聖人和之以是非，而休乎天鈞，是之謂兩行。

C. Phù ngôn phi xuy dã. Ngôn giả hữu ngôn<sup>1</sup>, kỳ sở ngôn giả, đặc vị định dã. Quả hữu ngôn da? Kỳ vị thường hữu ngôn da? Kỳ dĩ vị dị u khấu âm<sup>2</sup>, diệc hữu biện hồ? Kỳ vô biện hồ? Đạo ô hồ ản nhi hữu chơn nguy? Ngôn ô hồ ản nhi hữu thị phi<sup>3</sup>? Đạo ô hồ vãng nhi bất tồn? Ngôn ô hồ tồn nhi bất khả<sup>4</sup>?

Đạo ản u tiêu thành<sup>5</sup>; ngôn ản u vinh hoa<sup>6</sup>. Cố hữu Nhu Mặc chi thị phi; dĩ thị kỳ sở phi, nhi phi kỳ sở thị. Dục thị kỳ sở phi, nhi phi kỳ sở thị, tắc mạc nhược dĩ minh. Vật vô phi bỉ, vật vô phi thị. Tự bỉ tắc bất kiến tự tri tắc tri chi. Cố viết: Bỉ xuất u thị, thị diệc nhơn bỉ. Bỉ thị, phương sinh chi thuyết dã. Tuy nhiên, phương sinh phương tử, phương tử phương sinh. Phương khả phương bất khả, phương bất khả phương khả. Nhân thị nhân phi, nhân phi nhân thị.

Thị dĩ Thánh nhân bất do nhi chiếu chi vu thiên, diệc nhân thị dã. Thị diệc bỉ dã. Bỉ diệc thị dã. Bỉ diệc nhất thị phi. Thử diệc nhất thị phi. Quả thả hữu bỉ thị hồ tai? Quả thả vô bỉ thị hồ tai? Bỉ thị, mặc đắc kỳ ngẫu<sup>7</sup> vị chi Đạo Xu<sup>8</sup>. Xu thủy đắc kỳ hoàn trung<sup>9</sup>, dĩ ứng vô cùng. Thị diệc nhất vô cùng, phi diệc nhất vô cùng dã. Cố viết: Mạc nhược dĩ minh.



Dĩ chỉ dụ chỉ chi phi chỉ, bất nhược dĩ phi chỉ dụ chỉ chi phi chỉ dã. Dĩ mã dụ mã chi phi mã, bất nhược dĩ phi mã dụ mã chi phi mã dã. Thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã.

Khả hồ khả, bất khả hồ bất khả. Đạo hành chi nhi thành, vật vị chi nhi nhiên. Ô hồ nhiên? Nhiên ư nhiên. Ô hồ bất nhiên? Bất nhiên ư bất nhiên. Vật cố hữu sở nhiên, vật cố hữu sở khả. Vô vật bất nhiên, vô vật bất khả. Cố vi thị cử đình dữ dinh, lệ dữ Tây Thi, khôi nguy quyết quái, Đạo thông vi nhất.

Kỳ phân dã thành dã. Kỳ thành dã, hủy dã. Phàm vật vô thành dữ hủy, phục thông vi nhất. Duy đạt giả tri thông vi nhất. Vi thị bất dụng nhi ngụ chư dung. Dung dã giả, dụng dã; dụng dã giả, thông dã; thông dã giả, đắc<sup>10</sup> dã. Thích đắc nhi cơ<sup>11</sup> hĩ. Nhân thị dĩ<sup>12</sup>. Dĩ nhi bất tri kỳ nhiên, vị chi Đạo. Lao thần minh vi nhất nhi bất tri kỳ đồng dã, vị chi triêu tam.

Hà vị triêu tam? Viết: Thư công phú vu<sup>13</sup> viết: triêu tam nhi mộ<sup>14</sup> tứ. Chúng thư giai nộ. Viết: nhiên tắc triêu tứ nhi mộ tam. Chúng thư giai duyệt. Danh thật vị khuy, nhi hỉ nộ vi dụng, diệc nhơn thị dã. Thị dĩ Thánh nhân hòa chi dĩ thị phi, nhi hưu hồ thiên quân<sup>15</sup>, thị chi vị lưỡng hành<sup>16</sup>.

## CHÚ

### 1. *Ngôn giả hữu ngôn* 言者有言

Chữ 言 (ngôn) trước, là *lời nói*; chữ 言 (ngôn) sau là *nói lên một cái gì*, tức là có một ý nghĩa.

Có một ý nghĩa, thì dĩ nhiên lời nói đã bị hạn định, vì có hạn định thì nghĩa nó mới rõ ràng. Và như vậy, *lời nói* không thể dùng để nói về Đạo, cái mà không thể nào miêu tả được: Đạo khả đạo, phi thường Đạo 道可道非常道.

Chữ *xuy* 吹 ở đây (trong câu 言非吹也) là cùng một chữ dùng ở đoạn văn trên: “*xuy vạn bất đồng*” 吹萬不同. Gió thổi (như Đạo) thì không có tiếng, trời lên muôn tiếng khác nhau là vì gặp các lỗ hổng lớn nhỏ bất đồng mà sanh ra. Cho nên mới nói: “*ngôn phi xuy dã*” 言非吹也.

### 2. *Khẩu âm* 𦉰音: Tiếng kêu của con chim con vừa nở, ám chỉ lời nói vô nghĩa (言而無義) .

### 3. Đạo thì chứa cả chân và nguy; lời, cũng chứa cả thị phi. Như vậy, trong ngôn từ, nếu nói đến phải là có hàm chứa bên trong cái quái.

Thế thì dựa vào đâu mà biết rằng lời nói nào là thật phải (phải tuyệt đối), lời nói nào là thật quấy (quấy tuyệt đối) (何所依據而有是非?) . Bởi vậy mới nói: “*Đạo sao lại dựa vào chân hay nguy; lời, sao lại dựa vào thị với phi*” (道惡乎隱而有真偽, 言惡乎隱而有是非) .

4. *Đạo ô hồ vắng nhi bất tồn* 道惡乎往而不存 (Đạo sao qua mà không còn).

Qua mà không còn, là chỉ về cái biến động của Đạo rất mau lẹ, trong một cái chớp là đã biến mất không còn như trước nữa. Hạn chế Đạo vào một ngôn từ “tĩnh” và “bất biến” không thể được, vì vậy, Đạo không thể dùng lời mà nói được. Cho nên mới nói “*ngôn ô hồ tồn nhi bất khả*” 言惡乎存而不可.” *Bất khả*” 不可 là không nói được (bất khả đạo 不可道). Lời hạn định biến thành một lẽ “tĩnh”, một cái gì không biến được nữa, trong khi Đạo biến không ngừng.

5. *Đạo ẩn ư, tiểu thành* 道隱於, 小成:

Chữ “*ẩn*” 隱 đây, có nghĩa là “*dựa vào*” (依據). “*Tiểu thành*” 小成, là sự vật chưa được đầy đủ (未得其全), như nhân, nghĩa...v. v...

Câu này muốn nói: “Chân nguy thì dựa vào chỗ chưa đầy đủ mà khởi phát”. Nếu sự vật mà đầy đủ, thì sao có sanh ra chân nguy? Có chân có nguy thì chỉ thấy được có một phần chân lý mà thôi.

6. *Ngôn ẩn ư vinh hoa* 言隱於榮華:

“*Vinh hoa*” 榮華 tức là lời nói hoa mỹ, phù phiếm và biện biệt của nhị nguyên không thể dùng để miêu tả được chân lý. Lời nói “bất toàn” của giới nhị nguyên, không sao dùng được để bàn đến Đạo. Cho nên mới nói: “Lời nói là dựa vào thị phi mà khởi” (是非依據榮華而起) . So sánh với câu: “*Mỹ ngôn bất tín; tín ngôn bất mỹ*” (美言不信, 信言不美) của Lão Tử.

7. *Ngẫu 偶*: là chỗ đối đãi của nó, như âm thì dương là “*ngẫu*” của nó, dương thì âm là “*ngẫu*” của nó.

8. *Xu 樞*: nơi cốt yếu.

9. *Hoàn trung 環中*:

Hoàn 環: thị và phi “*phản phúc*”, thị do phi mà có, phi do thị mà sanh, thị biến ra phi, phi biến ra thị...tiếp nối nhau, tìm kiếm nhau không biết đâu là cùng, như trên một cái vòng tròn, cho nên mới

gọi là “hoàn” 環 (vòng tròn).”Hoàn trung” là trung tâm của cái vòng tròn, cũng để ám chỉ luật Thiên quân 天鈞.

10. *Đắc* 得: là “*tự đắc*” 自得 nghĩa là tự mình nắm được cái Đạo và ung dung hạnh phúc, không cần gì đến ngoại vật nữa.
11. *Cơ* 幾: là đã đến được tới chỗ cùng lý (盡理也) .
12. *Nhân thị dĩ* 因是已: là nói kẻ đạt Đạo, vô vi, vô tâm, cho nên nhân chỗ thị phi mà vượt lên, không còn thấy có thị phi nữa.
13. Chữ 茅, tức là chữ Vu 芋 (khoai lang), theo Tư Mã 司馬.
14. Chữ 莫 ở đây đọc là *mộ* 暮: 2 chữ này dùng lẫn nhau, như chữ 知 và 智 vậy.
15. *Thiên Quân* 天鈞: Chữ “*quân*” 鈞 cũng viết là 均.

Theo Thích Văn 釋文, thì chữ 鈞 gốc là chữ 均.

Thôi Tuyên, thì nói: 鈞陶鈞也。Quân 鈞 là cái bánh xe xoay tròn để người thợ bắt đồ sành. Lại có chỗ viết là 均 là có ý nói về sự quân bình, vòng bán kính của bánh xe bao giờ cũng bằng nhau, luôn luôn quân bình. Cũng gọi là Thiên Nghê 天倪 (Ngụ Ngôn 寓言).

Ở thiên Thiên Địa 天地 viết: “*Thiên Địa tuy đại, kỳ hóa quân dã*” 天地雖大，其化均也。(Trời Đất tuy lớn mà sự biến hóa đều quân bình cả). Đó là ông giải cái nghĩa của Thiên Quân 天均 và đây là yếu chỉ của toàn thiên Tề Vật.

16. *Lưỡng hành* 兩行: không lìa khỏi thị phi mà lại được đến chỗ không có thị phi (不離是非而得無是非).

So sánh câu “*tri vong thị phi*” 知忘是非 của Trang Tử: “vong thị phi” đâu phải là không biết (tri 知) thị phi, mà thật ra, là vượt lên trên thị phi, sau khi thật biết rõ thế nào là thị phi.

Bậc đạt Đạo không phải là người không phân biệt thị phi (như kẻ ngu) mà là kẻ đã rành lẽ thị phi, nhưng đã vượt lên cả thị phi để mà điều khiển nó. Cũng như Đạo gồm cả âm dương và vượt lên cả âm dương để điều khiển cả âm dương. Cho nên mới nói “*Thánh nhân hòa chi dĩ thị phi, nhi hưu hồ Thiên Quân*” (聖人和之以是非，而休乎天鈞) .

Daisetz T. Suzuki nói rằng: “Đây là một thứ nghịch thuyết về triết học sâu sắc nhất: “*biện bất biện, và bất biện biện. . .*”. D. T. Suzuki nói đây là nói về thuyết Bát nhã bình đẳng của Phật giáo, nhưng nó cũng đồng một nghĩa với thuyết Tề Vật của Trang Tử.

## DỊCH NGHĨA

C. Lời, không phải như gió thổi: Lời phải có nói lên một cái gì. Nếu chỗ nói của nó mà chưa định, thì lời nói ấy quả đã có nói không, hay là chưa có nói gì cả? Lời nói chưa định ấy, khác nào tiếng chim con: chưa có biết biệ biệt hay không biệ biệt? Đạo, sao dựa vào chân hay ngự; lời, sao dựa vào thị hay phi? Đạo, sao qua mà không còn; lời, sao còn mà chẳng nói được? Đạo ẩn trong tiểu thành; lời, ẩn nơi vinh hoa. Bởi vậy mới có cái phải, quấy của Nhu Mặc. Nhu Mặc thì lấy phải làm quấy, lấy quấy làm phải. (Nhưng) nếu muốn thấy được cái phải trong cái quấy, cái quấy trong cái phải, thì không gì bằng dùng đến ánh sáng (của Đạo). Vật, không vật nào là không phải “đó”; không vật nào là không phải “đây”<sup>[36]</sup>. Lấy chỗ nhận thấy của người mà thấy, thì không thấy; lấy chỗ biết của mình mà biết, thì mới biết. Nên mới có nói rằng: “Đó”, do “đây” mà ra; “đây”, nhân “đó” mà có.”Đó Đây”, ấy là thuốc của “phương sinh”. Nên mới có nói sống, nói chết, nói chết, nói sống, nói được, nói không được, nói không được, nói được. Nhân có phải, nhân có quấy; nhân có quấy, nhân có phải (mà cãi nhau).

Thánh nhân thì không căn cứ vào phải quấy, mà căn cứ vào khiếu biết tự nhiên của mình để hiểu mọi vật. Và cũng do “Đây” trước.”Đây”, cũng là “Đó”; mà “Đó” cũng là “Đây”. “Đó” cũng có một lẽ phải quấy của “đó”; mà “Đây” cũng có một cái lẽ phải quấy của “đây”. Quả có “đó đây” chẳng? Quả chẳng có “đó đây” chẳng? “Đó” và “Đây” mà không gặp chỗ lưa đôi (đối đãi) của nó, thì gọi là Cốt Đạo (Đạo Xu). Cốt ấy khởi đầu nơi trung tâm của cái vòng tròn (hoàn trung), và căn cứ vào đó để mà ứng đối vô cùng (với thị phi). Phải, cũng là một cái lẽ vô cùng. Quấy, cũng là một cái lẽ vô cùng<sup>[37]</sup>. Bởi vậy mới nói: đâu bằng dùng lấy ánh sáng của Đạo.

Lấy ngón tay mà thí dụ rằng ngón tay không phải là ngón tay, sao bằng lấy cái không phải là ngón tay để mà thí dụ rằng ngón tay không phải là ngón tay.

Lấy con ngựa mà thí dụ rằng con ngựa không phải là con ngựa, sao bằng lấy cái không phải là con ngựa để mà thí dụ rằng con ngựa không phải là con ngựa. Trời Đất khác nào ngón tay nói trên. Vạn vật khác nào con ngựa nói trên.

*Được là được. Không được là không được. Con đường có đi mới thành đường đi, vật có gọi được tên mới thành là vật. Sao là phải vậy? Phải vậy là vì phải vậy. Sao là không phải vậy? Không phải vậy, là vì không phải vậy. Vật, có chỗ là phải vậy. Vật, có chỗ là được vậy. Không vật nào là không phải vậy; không vật nào là không được vậy. Cho nên mới có so sánh cọng cỏ với cột trụ, một người đàn bà xấu xí với Tây Thi; khoan đại, kỳ biến, gian trá, quái dị, thầy đều là một.*

*Có phân “nó” ra thì “nó” mới “thành”. Có “thành” thì mới có “hoại”. Phàm vật mà không “thành”, nên không “hoại” thì mới có thể “trở về” mà cùng thông với lẽ Một (của Đạo). Chỉ có bậc đạt Đạo mới thông hiểu được lẽ Một ấy mà thôi: Họ dùng đỡ cái dung mao (bên ngoài) để hòa với mọi người.”Dung”, tức là “dung”; “dung”, tức là “thông”. Mà “thông”, tức là “đắc” vậy. Vui trong chỗ “đắc” ấy, ít ai được. Nhân tới đó mà “thôi đi”. “Thôi đi”, mà cũng không cần phải biết vì sao mà phải vậy, thì gọi là Đạo. Lao nhọc thần minh vì chấp nhất (trong một cái Phải hay cái Quấy nào) mà không biết rằng thầy đều đồng nhau. Nên mới gọi là “sớm ba”.*

*Sao gọi là “sớm ba”? Có lão nuôi khỉ, phát khoai cho khỉ, nói: “Sớm ba, mà chiều bốn”! Khỉ đều giận. Lão lại nói: “Thôi, sớm bốn mà chiều ba”! Khỉ đều mừng. Số cho không thay đổi, danh và thực không thiếu, vậy mà, cái dụng ý của nó lại có mừng có giận. Bởi vậy, bậc Thánh nhân, vì sự hòa mà phải nói đến thị hay phi, rồi đứng yên ở cột trụ của “bánh xe Trời” (thiên quân): đó gọi là “lưỡng hành”.*

§§§

**D.** 古之人，其知有所至矣。

惡乎至？有以為未始有物者至矣，盡矣，不可以加矣。其次以為有物矣，而未始有封也。其次以為有封焉，而未始有是非也。是非之彰也，道之所以虧也。道之所以虧，愛之所以成。果且有成與虧乎哉？果且無成與虧乎哉？有成有虧，故昭氏之鼓琴也，無成與虧，故昭氏之不鼓琴也。昭文之鼓琴也，師曠之枝策也，惠子之據梧也，三子之知幾乎？皆其盛者也，故載之末年。唯其好之也，以異於彼，其好之也。欲以明之。彼非所明而明之，故以堅白之昧終，而其子又以文之綸終，終身無成。若是而可謂成乎？雖我亦成也。若是而不可謂成乎？物與我無成也。是故滑疑之耀，聖人之所圖也。為是不用，而寓諸庸，此之謂以明。

#### D. Cô chi nhơn, kỳ tri hữu sở chí<sup>1</sup> hĩ.

Ô hồ chí? Hữu dĩ vi vị thủy hữu vật giả chí hĩ, tận hĩ, bất khả dĩ gia hĩ. Kỳ thứ dĩ vi hữu vật hĩ, nhi vị thủy hữu phong<sup>2</sup> dã. Kỳ thứ dĩ vi hữu phong yên, nhi vị thủy hữu thị phi dã. Thị phi chi chương dã, Đạo chi sở dĩ khuy dã. Đạo chi sở dĩ khuy, ái chi sở dĩ thành<sup>3</sup>. Quả thả hữu thành dữ khuy hồ tai? Quả thả vô thành dữ khuy hồ tai? Hữu thành dữ khuy, cô Chiêu thị<sup>4</sup> chi cô cầm dã. Vô thành dữ khuy, cô Chiêu thị chi bất cô cầm dã. Chiêu văn chi cô cầm dã, Sư Khoáng<sup>5</sup> chi chi sách dã, Huệ Tử<sup>6</sup> chi cứ ngộ dã, tam tử chi tri cơ hồ? Giai kỳ thanh giả dã, cô tải chi mặt niên. Duy kỳ háo chi dã, dĩ dĩ ư bỉ; kỳ háo chi dã, đục dĩ minh chi, bỉ phi sở minh nhi minh chi. Cố dĩ kiên bạch<sup>7</sup> chi muội chung, nhi kỳ tử hựu dĩ văn chi luân chung, chung thân vô thành. Nhược thị nhi khả vị thành hồ? Tuy ngã diệc thành dã. Nhược thị nhi bất khả vị thành hồ? Vật dữ ngã vô thành dã. Thị cô hoạt nghi chi diệu<sup>8</sup>, Thánh nhơn chi sở đồ dã. Vi thị bất dụng, nhi ngụ chư dụng<sup>9</sup>, thử chi vị dĩ minh<sup>10</sup>.

### CHÚ

1. *Chí 至*: đến nơi, đến chốn (cùng tận).
2. *Phong 封*: có cảnh giới. Tuy thấy là có cảnh giới, nhưng chưa bị phân đây đó (無彼此之分) .
3. Đạo, thì gồm cả thị phi và vượt lên trên cả thị với phi. Nếu lại chia phân thị phi thì Đạo như giảm bớt (khuy 虧). Nhân thế người ta mới bày ra nhân, nghĩa, lễ...tức là “ái” nghĩa là lòng nhân ái (yêu thương) để hòa hợp lại những gì đã bị chia phân. Lão Tử cũng nói: “*Đại Đạo phé, hữu nhân nghĩa. . .*”. Theo Trang Tử, cũng như Lão Tử, đó là công việc miễn cưỡng giả tạo: không bao giờ nói lại vật ngã (hay nhĩ ngã) một khi đã bị chia phân. Cho nên mới nói: “*Đạo chi sở dĩ khuy, ái chi sở dĩ thành*” (道之所以虧, 愛之所以成。 ) .
4. *Chiêu thị 昭氏*: tức là Chiêu Văn 昭文, tên người xưa đờn cầm rất giỏi (古之善鼓琴者) .  
Dùng âm nhạc (lễ) để hòa lại những âm thanh đã bị chia phân, đó là dụng ý của Trang Tử trong thiên Tề Vật khi ông bàn đến “nhơn lại” (人籟) .
5. *Sư Khoáng 師曠*: một nhạc công đời xưa, rất sành âm luật.

6. *Huệ Tử* 惠子: một tay sành biện luận. Có nhà bình luận cho rằng Trang Tử ở đây khi nói đến Chiêu Văn, là muốn ám chỉ Hoàng đế; Su Khoáng, ám chỉ Nghiêu Thuấn, và Huệ Tử, ám chỉ Khổng Tử.
7. *Kiên bạch* 堅白: tức là nói về biện thuyết “*kiên bạch*” (堅白) và “*bạch mã*” (白馬) của Công Tôn Long (đời Chiến Quốc), một thứ ngụy biện mà rốt cuộc mọi người không ai hiểu gì được cả.
8. *Hoạt nghi chi diệu* (滑疑之耀): Ánh sáng mập mờ. Trang tử muốn ám chỉ Đạo, bao gồm thị phi, không thiên hẳn bên thị hay bên phi: có âm mà cũng có dương, có dương mà cũng có âm (âm trung chi dương; dương trung chi âm), tức là cái nhãn quang của người nhận thấy cả thấy các cặp mâu thuẫn trên đời đều là một cả.
9. *Dung* 庸: “Ngũ chư dung” 寓諸庸, tức là dựa theo cái lý thông thường của người đời. Xem lại đoạn trên: thuyết “*triêu tam, mộ tứ*” của người nuôi khí. Bậc thánh trí đối với mình thì dùng cái sáng mập mờ (*hoạt nghi chi diệu* 滑疑之耀) tức là cái ánh sáng của Đạo mà đối xử; nhưng đối với đời, thì lại khác, lấy cái lý thông thường của mọi người mà đối xử, khi thì bàn đến thị, khi thì luận đến phi để mà hòa với mọi người, rồi “*đứng yên ở cốt trọc của bánh xe Trời (thiên quân) đó gọi là lưỡng hành*” (聖人和之以是非而休乎天鈞是之謂兩行。).”*Ngũ chư dung*” (寓諸庸), tức cùng một ý với “*triêu tam nhi mộ tứ*” vậy.
10. *Minh* 明: “Dĩ minh” 以明, tức là lấy cái ánh sáng phân biệt thị phi của người đời để mà xử sự với người đời.

## DỊCH NGHĨA

**D.** *Người xưa, cái biết của họ có chỗ cùng cực. Sao gọi là cùng cực? Có kẻ cho rằng thuở ban đầu chưa hề có vật gì cả, đó là một chủ trương cực đoan cùng tận, không thể còn nói gì thêm được nữa. Có kẻ thì cho rằng đã có vật rồi, nhưng vật ấy chưa từng chia phân. Lại cũng có kẻ cho rằng đã có vật rồi, nhưng vật ấy lại đã có chia phân. Thị phi mà bị chia phân rõ rệt ra rồi, thì Đạo mới có chỗ khuyết. Đạo mà có chỗ “khuyết” (vì không đủ) mới có tạo thành ra chữ “ái” (để mà hòa hợp lại). Quả có “khuyết” có “ái” chẳng? Quả không có “khuyết”, không có “ái” chẳng? Bởi thấy có “khuyết” có “ái”, họ Chiêu mới khảy cầm. Không có “khuyết” có “ái” thì họ Chiêu có khảy cầm làm chi?*

*Có Chiêu Văn khảy cầm, Su Khoáng mới lập luật định ngũ âm, Huệ Tử mới giảng âm luật. Chỗ biết của ba người này có là bao mà thiên hạ đều*

hoan nghênh cho đến đời cuối cùng này mà luật ấy hãy còn thanh hành? Chỗ ưa thích của họ đâu có giống với chỗ ưa thích của chúng nhơn. Muốn đem cái chỗ không sáng của mình mà soi sáng kẻ khác, nên suốt đời cam chịu tối tăm vì câu chuyện “kiên bạch”. Họ thử đem ngón đờn hay của họ mà truyền dạy cho con họ, trọn đời biết có truyền dạy được không! Nếu mà họ truyền dạy được, thì ta đây cũng truyền dạy được. Bằng họ truyền dạy không đặng thì ta đây cũng truyền dạy không được. Cho nên chỗ mà bậc Thánh nhân mong mỏi là được ở trong cái ánh sáng mập mờ (của cái nhìn tổng quát hỗn hợp), không dùng phép tắc của ai cả, chỉ dùng cái lý thông thường của mọi người để xử sự với đời. Đó gọi là mượn lấy ánh sáng của người vậy.

§§§

**D.** 今且有言於此，不知其與是類乎，其與是不類乎？類與不類，相與為類，則與彼無以異矣。雖然，請嘗言之。有始也者，有未始有始也者，有未始有夫未始有始也者。有有也者，有無也者，有未始有無也者，有未始有夫未始有無也者。俄而有無矣，而未知有無之果孰有孰無也。今我則已有謂矣，而未知吾所謂之，其果有謂乎，其果有無謂乎？

天下莫大於秋豪之末，而大山為小。莫壽於殤子，而彭祖為夭。

天地與我並生，而萬物與我為一。既已為一矣，且得有言乎？既已謂之一矣，且得無言乎？一與言為二，二與一為三。自此以往，巧歷不能得，而況其凡乎？故自無適有，以至於三，而況自有適有乎？無適焉，因是已。

夫道未始有封，言未始有常。為是而有畛也。請言其畛：有左有右，有倫有義，有分有辯，有競有爭，此之謂八德，六合之外，聖人存而不論。六合之內，聖人論而不議。春秋經世先王之志，聖人議而不辯。故分也者，有不分也，辯也者，有不辯也。

曰：何也？聖人懷之，眾人辯之。以相示也。故曰：辯也者有不見也。夫大道不稱，大辯不言，大仁不仁，大廉不嗛，大勇不忮。道昭而不道，言辯而不及，仁常而不成，廉清而不信，勇忮而不成，五者圓而幾向方矣。故知止其所不知，至矣。孰知不言之辯，不道之道？若有能知，此之謂天府。注焉而不滿，酌焉而不竭，而不知其所由來，此之謂葆光。



故昔者堯問於舜曰：「我欲代宗，膾，胥敖，南面而不釋然，其故何也？」舜曰：「夫三子者，猶存乎，蓬艾之間。若不釋然何哉？昔者十日並出，萬物皆照，而況德之進乎日者乎！」

**D.** Kim thả hữu ngôn ư “thử”, bất tri kỳ dữ “thị”<sup>1</sup> loại hò, kỳ dữ thị bất loại hò? Loại dữ bất loại, tương dữ vi loại, tác dữ bỉ vô dĩ dị hĩ. Tuy nhiên, thỉnh thường ngôn chi: “hữu thủy” dã giả, “hữu vị thủy hữu thủy” dã giả, “hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu thủy” dã giả. “Hữu hữu” dã giả, “hữu vô” dã giả, “hữu vị thủy hữu vô” dã giả, “hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu vô” dã giả<sup>2</sup>. Nga nhi hữu vô hĩ, nhi vị tri hữu vô chi quả, thực hữu thực vô dã? Kim ngã tác dĩ hữu vị hĩ, nhi vị tri ngô sở vị chi, kỳ quả hữu vị hò, kỳ quả hữu vô vị hò?

Thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mật, nhi đại sơn vi tiêu. Mạc thọ ư thương tử nhi Bành tổ vi yếu.

Thiên địa dữ ngã tịnh sanh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất. Kỳ dĩ vi nhất hĩ, thả đắc hữu ngôn hò? Kỳ dĩ vị chi nhất hĩ, thả đắc vô ngôn hò? Nhất dữ ngôn vi nhị, nhị dữ nhất vi tam<sup>3</sup>. Tự thử dĩ vãng, xảo lịch bất năng đắc nhi huống kỳ phạm hò? Cố tự vô thích hữu, dĩ chí ư tam, nhi huống tự hữu thích hữu hò? Vô thích yên, nhân thị<sup>4</sup> dĩ.

Phù Đạo vị thủy hữu phong<sup>5</sup>, ngôn vị thủy hữu thường<sup>6</sup>. Vi thị nhi hữu chân<sup>7</sup> dã. Thỉnh ngôn kỳ chân: Hữu tả hữu hữu, hữu luân hữu nghĩa, hữu phân hữu biện, hữu cạnh hữu tranh, thử chi vị bát đức, lục hợp chi ngoại<sup>8</sup>, Thánh nhơn tồn nhi bất luận. Lục hợp chi nội, Thánh nhơn luận nhi bất nghị. Xuân thu kinh thế tiên vương chi chí, Thánh nhơn nghị nhi bất biện<sup>9</sup>. Cố phân dã giả, hữu bất phân dã, biện dã giả, hữu bất biện dã<sup>10</sup>. Viết: Hà dã? Thánh nhơn hoài chi, chúng nhơn biện chi. Dĩ tương thị dã. Cố viết: Biện dã giả, hữu bất kiến dã<sup>11</sup>. Phù đại Đạo bất xung, đại biện bất ngôn, đại nhân bất nhân, đại liêm bất khiêm, đại dũng bất ky. Đạo chiêu nhi bất Đạo<sup>12</sup>, ngôn biện nhi bất cập<sup>13</sup>, nhân thường nhi bất thành, liêm thanh nhi bất tín, dũng ky nhi bất thành, ngũ giả viên nhi cơ hướng phương hĩ. Cố tri chỉ kỳ sở, bất tri, chí hĩ<sup>14</sup>. Thực tri bất ngôn chi biện, bất Đạo chi đạo? Nhược hữu năng tri, thử chi vị thiên phủ, chú yên nhi bất mãn, chúc yên nhi bất kiệt, nhi bất tri kỳ sở do lai, thử chi vị bảo quang<sup>15</sup>.

Cố tích giả Nghiêu vấn ư Thuấn viết: ngã dục phạt Tông, Khoái, Tự Ngao; nam diện nhi bất thích nhiên, kỳ cố hà dã? Thuấn viết: Phù tam tử

giả, du tồn hồ, bỗng ngải chi gian? Nhược bất thích nhiên, hà tai? Tích giả thập nhật tịnh xuất, vạn vật giai chiếu nhi huống đức chi tiến hồ nhật giả hồ!

## CHÚ

1. *Thử* 此 và *Thị* 是: có nghĩa là “đó” và “đây”, nghĩa là “vật” 物 và “ngã” 我.
2. *Hữu thủy* 有始: nguồn gốc của cái “hữu” (có): Origine de l'Être.  
*Hữu vị thủy hữu thủy* 有未始有始: cái “hữu” không nguồn gốc: l'Être sans origine.  
*Hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu thủy* 有未始有夫未始有始: nguồn gốc của cái “hữu” không nguồn gốc: Origine de l'Être sans origine.  
*Hữu hữu* 有有: cái Có (hữu): l'Être.  
*Hữu vô* 有無: cái Không (vô): le Néant (Non-Être). *Hữu vị thủy hữu vô* 有未始有無: cái “Có” có trước cái “Không” (l'Être avant le Néant).  
*Hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu vô* 有未始有夫未始有無: cái “Không” có trước cái “Có” (le Néant avant l'Être).
3. *Nhất dĩ ngôn vi nhị* 一與言為二: “Một” và “lời” là “hai việc khác nhau”: Đạo không thể còn dùng được lời nói mà miêu tả được. Tức là cùng một ý với Lão Tử khi ông nói: “Đạo khả đạo phi thường đạo. . .” và “tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri”. *Nhị dĩ nhất vi Tam* 二與一為三:  
*Nhị* 二: ám chỉ âm dương tương đối; *một* 一: ám chỉ Đạo. Cùng nghĩa với câu này của Lão Tử: Nhất sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật (一生二, 二生三, 三生萬物). Nhất, là Đạo tịnh; Tam, là Đạo động, Đạo sinh sinh hóa hóa, tức là số một (Đạo) cộng với số hai (âm dương). Cho nên mới nói tới số ba là trở về số một.  
Thánh nhân thì biết “trở về” với số một; chúng nhân thì chạy mãi đi ra và lưu tán vô cùng.
4. *Thị* 是: *Thị*, là “đây”, là ám chỉ cái hiện tại tuyệt đối, bao gồm cả thời gian. Nhận thấy Đạo một rồi, thì không còn thấy Thời gian chia phân làm ba giai đoạn giả tạo là quá khứ, hiện tại và vị lai nữa, mà thấy, bất cứ ở vào lúc nào, một cái hiện tại vô thủy vô chung.

5. *Phong* 封: là khu vực, là chia ranh. Đạo không hề có chia phân thành từng khu vực hạn định của một cái thị hay phi, của một cái âm hay dương.
6. *Thường* 常: định thức 定式. Lời dùng để bàn về lẽ Đạo cũng không thể hạn định theo một định thức nào, là vì như thế dễ bị hạn chế trong một cái thị hay phi mà thành mất Đạo.
7. *Vi thị* 為是: cũng như nói thị phi sanh ra (是非既生也) .

*Chân* 眡: chia thành từng khu vực.

8. *Lục hap chi ngoai* 六合之外: nói về bên ngoài tánh và phận của vạn vật.  
*Lục hap chi noi* 六合之内: nói về bên trong tánh và phận của vạn vật.

9. *Biện* 辯: phân biệt thị phi mà để bình phẩm theo một chiều nào.

10. *Phân dã giả, hữu bất phân dã* 分也者，有不分也: Phân, là phân biệt thị phi; bất phân, là không thiên hẳn bên nào, mà chỉ gìn giữ thế quân bình của thị hay phi.

*Biện dã giả, hữu bất biện dã* 辯也者，有不辨也: Biện 辯 đây là biện bác (tranh luận). Tranh luận, là có phân thị phi; nhưng tranh luận mà không tranh luận, là tranh luận để làm sáng tỏ lập trường của mình chứ không phải để tranh phần phải cho mình. Người đạt Đạo không bao giờ tranh luận để thuyết phục ai, hay dẫn dụ ai theo mình cả, vì theo Trang Tử người hiểu Đạo không bắt chước ai cả mà trở về sống cái sống của mình, sống yên với cái mà Tạo hóa đã an bài, không đèo bồng ham muốn cái ngoài tánh phận của mình.

11. *Biện dã giả, hữu bất kiến dã* 辯也者，有不見也: Biện là phân biệt thị phi để mà biện luận biện bác, vì vậy không thể nhận thấy được Đạo tuyệt đối là cái lẽ gồm nắm bao trùm và vượt lên trên thị phi, thiện ác. Nên mới nói: “*Hay biện phân, thì có chỗ không thấy rõ được*”, vì chỉ thấy có một bề: bề mặt hay bề trái của sự thật mà thôi.

12. *Đạo chiêu nhi bất Đạo* 道昭而不道: Đạo mà chói sáng, nghĩa là rõ ràng, thì là Đạo theo hẳn một bên nào rồi, thị hay phi. Cho nên Đạo mà như thế, không phải Đạo. Đạo, dường như mịt mờ, nửa tối nửa sáng, lẫn lộn âm dương, thị phi. Trang Tử đã dùng trước đây danh từ như “*hoạt nghi chi diệu*” (滑疑之耀) và tiếp sau đây danh từ “*bảo quang*” (葆光) để ám chỉ Đạo. So sánh câu này

- của Lão Tử: “Tục nhơn chiêu chiêu; ngã độc hôn hôn” (俗人昭昭，我獨昏昏) (Chương 20, *Đạo Đức Kinh*).
13. *Ngôn biện nhi bất cập* 言辯而不及: Cùng một ý với câu trên “*Đạo chiêu nhi bất Đạo*” 道昭而不道. *Biện* 辯 đây là phân biệt thị phi. *Bất cập* 不及, là không đầy đủ, còn thiếu thốn, vì hễ nói thị thì lại còn thiếu phi, chỉ nói có cái bề mặt mà không nói đến bề trái của một sự vật nào, cho nên mới nói “*lời mà rõ ràng thì không tới chốn*”.
  14. *Tri chỉ kỳ sở bất tri* 知此其所不知: Tức là biết dừng lại chỗ mà lý trí và lời nói không làm sao hiểu và nói được, đó mới thật khôn ngoan, thượng trí. Dừng lại, là không đi đâu nữa, ở lại đó. So sánh với câu: “*Tri bất tri, thượng*” (知不知，上) của Lão Tử (Chương 71).”
  15. *Chí hĩ*” 至矣 là đã đến nơi đến chốn, tức là đã đến chỗ cùng cực của sự hiểu biết vậy.
  16. *Bảo quang* 葆光: che đậy ánh sáng. Lại cũng có người cho rằng “*bảo quang*” có nghĩa là “như có như không” (若有若無). Thì cũng cùng một nghĩa như “che đậy ánh sáng”.
  17. So sánh câu “*Bất ngôn chi biện*” (不言之辯) với câu “*Bất ngôn chi giáo*” (不言之教) và “*Thiện giả bất biện; biện giả bất thiện*” (善者不辨，辯者不善) (Chương 51) của Lão Tử.



# DỊCH NGHĨA

**D.** Ví như nay có người hỏi rằng: không rõ chữ “đó” có giống với chữ “đây” chăng; hay không giống với chữ “đây” chăng? Giống và không giống, hay cùng là một giống với nhau, thì là bên này không có gì khác với bên kia nữa. Tuy vậy, còn có nhiều danh từ thông thường mà ý nghĩa tương phản, ta cũng cho nó giống nhau được nữa chăng? Như những danh từ sau đây: “hữu thủy”, “hữu vị thủy hữu thủy”, “hữu vị thủy hữu phù vị thủy”, “hữu hữu”, “hữu vô”, “hữu vị thủy hữu vô”, “hữu vị thủy hữu phù vị thủy hữu vô”. Thoạt trông qua mà “có” là đã “không” rồi, nhưng cũng chưa rõ là “có” hay “không”? Và quả có cái gì là “có”, có cái gì là “không” hay chăng? Nay thì ta cũng đã có nói rồi, nhưng chưa biết rõ điều ta nói đó quả đã “có nói” không, hay “chưa có nói” không?

Dưới trời không có gì lớn bằng cọng lông mùa thu, mà không có gì nhỏ bằng núi Thái; không có gì thọ bằng đĩa bé chẻ yểu, mà không có gì yếu bằng ông Bành Tổ.

Trời Đất cùng Ta đồng sinh, và vạn vật cùng ta là một. Đã là một rồi, thì nói ra có được không? Đã gọi là một rồi, thì không nói ra có được không? Một và lời là hai. Hai với một là ba. Từ ba trở lại một, bậc gọi là xảo lịch còn không hiểu được thay, huống chi là kẻ tầm thường! Cho nên, từ chỗ “không” mà sang chỗ “có”, còn phải đến số ba, huống chi từ chỗ “có” mà sang chỗ “có”? Không phải sang qua đâu cả, chỉ nên theo chỗ “có” đây là đủ.

Vả, Đạo chưa hề có khu vực; lời nói chưa hề có định thức. Có cho đây là Thị, thì mới có sự chia phân Thị với Phi thành từng khu vực. Vậy, xin bàn về khu vực ấy: có mặt, có trái, có luận, có nghĩa, có phân, có biện, có cạnh, có tranh, đó gọi là “bát thức”. Phần ngoài của “lục hạnh”, Thánh nhơn để yên mà không luận đến. Phần trong của “lục hạnh”, thánh nhơn luận đến mà không bàn. Lịch sử đời Xuân Thu của các tiên vương, Thánh nhơn bàn đến mà không chê khen biện luận. Cho nên tuy có phân chia mà không phân chia; biện bác mà không biện bác. Sao vậy? Là vì Thánh nhơn thì ôm giữ, chúng nhân thì biện bác để mà khoe khoang. Nên mới có lời nói này: “Hay biện phân, thì có chỗ không thấy rõ được”. Vả, “đại Đạo” thì không xưng tên; “đại biện” thì không có lời; “đại nhơn” thì không thương ai, “đại

liêm” thì không nhún nhường; “đại dũng” thì không làm hại ai. Đạo mà sáng thì không phải Đạo; lời mà rõ ràng thì không tới chốn, nhân mà thường thì không nên việc; liêm mà thanh thì không thể tin; dũng mà hại người thì không nên việc. Năm điều ấy tròn mà thành vương. Cho nên, biết dùng chỗ mà mình không thể biết, là đến chốn rồi vậy. Có ai biết được cách biện biệt mà không dùng đến lời, nói mà không cần phải nói ra lời? Nếu có kẻ biết được, kẻ ấy gọi là “Thiên phủ” (kho Trời), đổ vô mãi mà không đầy, rót ra mãi mà không cạn, nhưng không biết do đâu mà đến. Nên mới gọi là “che ánh sáng” (bảo quang).

Cho nên ngày xưa Nghiêu hỏi Thuấn:

- Ta muốn phạt Tôn, Khoái, Tư Ngao, ngảnh mặt sang Nam mà không thấy lòng khoan khoái. Như thế là có làm sao?.

Thuấn nói:

- Như ba người ấy (vua của ba nước ấy) khác nào sống ở giữa cỏ bông cỏ ngải. Nhà vua sao lại không thấy lòng khoan khoái? Xưa kia, mười mặt trời cùng mọc, muôn vật đều được soi sáng, hướng chỉ cái Đức của người còn hơn mặt trời!

§§§

E. 齧缺問乎王倪曰：「子知物之所同是乎？」

曰：「吾惡乎知之！」

「子知子之所不知邪？」

曰：「吾惡乎知之。」

「然則物無知邪？」

曰：「吾惡乎知之。」

雖然，嘗試言之。庸詎知吾所謂知之非不知邪？庸詎知吾所謂不知之非知邪？且吾嘗試問乎女：「民溼寢則腰疾偏死，鱗然乎哉？木處則惴慄恟懼，猿猴然乎哉？三者孰知正處？民食芻豢，麋鹿食薦，螂蛆甘帶，鴟鴞耆鼠，四者孰知正味？猿獮狙以為雌，麋與鹿交，鱗與魚游。毛嬙，麗姬，人之所美也，魚見之深入，鳥見之高飛，麋鹿見之決驟。四者孰知天下之正色哉！」

自我觀之，仁義之端，是非之塗，樊然殽亂，吾惡能知其辯！」

齧缺曰：「子不知利害，則至人固不知利害乎？」

王倪曰：「至人神矣！大澤焚而不能熱，河漢涸而不能寒。疾雷破山，飄風振海，而不能驚。若然者，乘雲氣，騎日月，而遊乎四海之外。死生無變於己，而況利害之端乎？」

E. Khiết Khuyết vấn hồ Vương Nghê<sup>1</sup> viết: “Tử tri vật chi sở đồng thị hồ?”

Viết: “Ngô ô hồ tri chi.”

“Tử tri tử chi sở bất tri da?”

Viết: “Ngô ô hồ tri chi.”

“Nhiên tắc vật vô tri da?”

Viết: “Ngô ô hồ tri chi.”

Tuy nhiên, thường thí ngôn chi. Dung cụ tri ngô sở vị tri chi phi bất tri da? Dung cụ tri ngô sở vị bất tri chi phi tri da? Thả ngô thường thí vấn hồ nữ<sup>2</sup>: dân thấp tằm, tắc yêu tật thiên tử<sup>3</sup>, thu nhiên hồ tai? Mộc xử tắc chủy lật tuân<sup>4</sup> cụ, viên hầu nhiên hồ tai? Tam giả thực tri chánh xử? Dân thực sô hoạn<sup>5</sup>, mê lộc thực tiến<sup>6</sup>, lương thu<sup>7</sup> cam đái, xi nha thị thử<sup>8</sup>: tứ giả thực tri chánh vị? Viên biên thư dĩ vi thư<sup>9</sup> mê dữ lộc giao, thu<sup>10</sup> dữ ngư du. Mao Tường Lệ Cơ nhơn chi sở mỹ dã, ngư kiến chi thâm nhập, điều kiến chi cao phi, mê lộc kiến chi quyết sâu<sup>11</sup>. Tứ giả thực tri thiên hạ chi chánh sắc tai?”

Tự ngã quan chi, nhân nghĩa chi đoan, thị phi chi đồ, phiền nhiên hào loạn, ngô ô năng tri kỳ biện.

Khiết Khuyết viết: “Tử bất tri lợi hại, tắc chí nhơn cố bất tri lợi hại hồ?”

Vương Nghê viết: “Chí nhơn thần hĩ! Đại trạch phần nhi bất năng nhiệt, hà hán hộ nhi bất năng hàn. Tật lôi phá sơn, phiêu phong chấn hải, nhi bất năng kinh. Nhược nhiên giả, thừa vân khí, kỳ nhật nguyệt, nhi du hồ tứ hải chi ngoại, tử sanh vô biến ư kỹ, nhi hưởng lợi hại chi đoan hồ?”



# CHÚ

1. *Vương Nghệ* 王倪: Một bậc hiền thời vua Nghiêu 堯. Ở thiên Thiên Địa 天地 thì cho rằng ông là thầy của Khiết Khuyết 齧缺.
2. Đọc là “nhữ” 汝.
3. *Thiên tử* 偏死: chết một bên thân mình (tê liệt).
4. *Tuân* 恂, viết là 洵 (âm là huyện 縣, cùng với huyện 眩 thông dụng).
5. *Sô hoạn* 芻豢.  
Sô 芻: Loài thú ăn cỏ.  
Hoạn 豢: loài gia súc, ăn cùng món ăn với người ta. Nói chung là ăn thịt, cỗ bàn.
6. *Tiến* 薦: cỏ non (美草) .
7. *Lương thu* 螂蛆: là con rết (蜈蚣) .
8. Chữ “thị” 耆 cũng là 嗜.
9. *Thu* 雌: con cái, giống cái (đôi với chữ hùng 雄).
10. *Thu* 鱖: âm là “thu”, tức là “nê thu” 泥鳅 một thứ cá có thể sống trong bùn, lúc nước cạn. Ta gọi là cá chạch (Từ Nguyên). Bản Nhượng Tống dịch là loài nhái, không đúng.
11. *Quyết sậu* 決驟: cúi đầu mà chạy, không ngoái lại sau.

# DỊCH NGHĨA

E. Khiết Khuyết hỏi Vương Nghê:

- Ông biết chỗ đồng phải của mọi vật không?

- Ta biết đâu việc đó.

- Ông biết chỗ mà ông không biết không?

- Ta biết đâu việc đó.

- Vậy thì, mọi vật, cũng không biết gì cả hay sao?

- Ta biết đâu việc đó. Tuy vậy, ta thử nói coi sao. Biết đâu cái mà ta gọi là biết, lại chẳng phải là cái mà ta không biết? Biết đâu cái mà ta gọi là không biết lại chẳng phải là cái mà ta biết? Vả, ta đã từng thử hỏi người: Người nằm trong chỗ ẩm thấp thì sanh ra đau lưng và tê liệt một bên mình; con cá chạch thì có sao không? Người ở trên cây run rẩy sợ sệt; còn loài khỉ vượn thì có sao không? Ba loài ấy, ai biết chỗ ở nào là chỗ ở chánh? Con người thì ưa ăn thịt thà; hươu nai thì thích ăn cỏ non; rết thì cho rắn con là ngon; chim mèo chim cú thì nghiện ăn chuột bọ. Bốn loài ấy, ai biết vị ăn nào là chánh vị? Vượn và khỉ theo với nhau, nai và hươu cùng với nhau, chạch và cá lội với nhau. Mao Tùong, Lê Cơ, người thấy thì cho là đẹp, mà cá thấy thì lặn sâu, chim thấy thì bay cao, hươu nai thấy thì chạy dài. Bốn loài ấy, ai biết sắc đẹp nào là chánh sắc trong thiên hạ?

Tự ta mà xem, thì đầu mối của nhân nghĩa, đường nẻo của thị phi rối loạn lung tung, ta làm sao biết đâu mà phân biệt.

Khiết Khuyết nói:

- Ông không biết lợi hại, còn bậc chí nơn cũng không biết lợi hại nữa hay sao?

Vương Nghê nói:

- Chí nơn là bậc Thần: châm lớn cháy, không thể làm cho đó nóng, sông Hà sông Hán đặc mà không thể làm cho đó lạnh; sét đánh vỡ núi, gió dậy biển cả cũng không làm cho đó sợ. Người như thế thì theo hơi mây, cỡi mặt trời mặt trăng mà rong chơi ngoài bốn biển, chết sống còn không làm cho người họ điên đảo phương chi là mối lợi hại?

G.瞿鵠子問乎長梧子曰：「吾聞諸夫子聖人不從事於務，不就利，不違害，不喜求，不緣道，無謂有謂，有謂無謂，而遊乎塵垢之外。夫子以為孟浪之言，而我以為妙道之行也。吾子以為奚若？」

長梧子曰：「是黃帝之所聽熒也，而丘也何足以知之，且女亦大早計，見卵而求時夜，見彈而求鴉炙。予嘗為女妄言之，女以妄聽之。奚旁日月，挾宇宙？為其脗合，置其滑湑，以隸相尊。眾人役役，聖人愚菟，參萬歲而一成純。」

G. Cù Thuốc Tử<sup>1</sup> vấn hồ Trường Ngô Tử viết:

- Ngô văn chu<sup>2</sup> phu tử thánh nhơn bất tùng sự ư vụ, bất tỵ lợi, bất vi hại, bất hỷ cầu, bất duyên đạo<sup>3</sup>, vô vị hữu vị<sup>4</sup>, hữu vị vô vị<sup>5</sup> nhi du hồ trần cầu chi ngoại<sup>6</sup>. Phu tử<sup>7</sup> dĩ vi mạn lãng<sup>8</sup> chi ngôn, nhi ngã dĩ vi diệu đạo chi hạnh<sup>9</sup> dã. Ngô tử dĩ vi hề nhược?

Trường Ngô Tử viết:

- Thị Hoàng đế chi sở thính uỳnh dã, nhi Khuru<sup>10</sup> dã hà túc dĩ tri chi. Thả nhữ diệc đại tảo kế, kiến noãn nhi cầu thời dạ<sup>11</sup>, kiến đàn nhi cầu hiêu chích. Dư thường vị nhữ võng ngôn chi, nhữ dĩ võng thính chi. Hề<sup>12</sup> bàng<sup>13</sup> nhật nguyệt, hiệp vũ trụ, vi kỳ thân hợp<sup>14</sup> trí kỳ hoạt hôn<sup>15</sup> dĩ lệ tương tôn<sup>16</sup>. Chúng nhơn dịch dịch<sup>17</sup>, thánh nhơn ngu xuân<sup>18</sup> tham vạn tuế nhi nhất thành thuần<sup>19</sup>.

# CHÚ

1. *Cù Thước Tử*: tên một môn đệ của Khổng Tử. Giả thác, không có thật.
2. *Chư* 諸: đồng nghĩa với chữ *ư* 於.
3. *Duyên* 緣: cột lại với nhau, ở đây có nghĩa là quyến luyến, ràng buộc, quán quít. Câu “*bất duyên đạo*”, ý muốn nói: Bậc Thánh nhơn cũng còn phải đeo đuổi, quán quít theo Đạo nữa, nghĩa là không còn chạy theo Đạo, còn mến Đạo, còn cầu Đạo nữa...vì như thế là còn chưa được Đạo, vì Người và Đạo còn là hai mà chưa là một (thành thuần 成 純). Hợp nhất với Đạo, thì không còn thấy có Đạo để mà đeo đuổi, quán quít nữa.
4. *Vô vi hữu vi* 無 謂 有 謂: Không nói (mà) đã nói. Cùng nghĩa với “vô vi nhi vô bất vi” 無 為 而 無 不 為: không làm mà không có gì là không làm. Tức là nói về công dụng của chữ *hư* 無 trong lời nói: tuy không dùng đến lời nói, nhưng ý nghĩa lại nhiều hơn là đã nói nhiều; tức là “bất ngôn chi giáo” (不 言 之 教) của Lão Tử.
5. *Hữu vi vô vi* 有 謂 無 謂: Nói, mà như không có nói gì cả. Đồng nghĩa với câu “*hữu ngôn vô ngôn*” 有 言 無 言. Cái điều mà Thánh nhơn đức Đạo nói, thường chỉ là dùng đến lời nói của giới nhị nguyên, nên chỉ có giá trị “nửa chừng” (demi-vérité) mà thôi; trong khi chân lý gồm cả hai mặt (trái và mặt, âm và dương). Cho nên dù là *có nói* mà dường như *chưa hề có nói*, vì không thể nói ra được cái chân lý toàn diện với những danh từ hạn định của nhị nguyên
6. *Trần cấu chi ngoại* 塵 垢 之 外: Trần, là bụi; cấu, là bụi nhỏ. Ám chỉ sự vô thường của sự vật trên đời: rốt cuộc thấy đều trở thành tro bụi.”Trần cấu chi ngoại” là ngoài sự tiêu vong và bất thường của sự vật, tức ám chỉ cái lẽ thường tồn nơi ta là Đạo 道.
7. *Phu tử* 夫 子: ám chỉ Khổng Tử.
8. *Mạnh lãng* 孟 浪: âm là *mạn lãng* 漫 浪, nghĩa là vu vơ không đúng với thực tế.
9. *Hành* 行: đọc là *hạnh*, tức là tư cách.
10. *Khưu* 丘: tên của Khổng Tử.  
*Võng妄*: Võng nghĩa là bậy bạ, bướng.
11. *Thời dạ* 時 夜: ám chỉ con gà 雞 (thường gọi là tư dạ 司 夜).

12. *Hề 奚*: làm thế nào, làm sao (何如) .
13. *Bàng 旁*: dựa vào (依) .
14. *Thần hợp 膾合*: không phân biệt nhau (無分別) .
15. *Trí 置*: phó mặc cho (任) .  
*Hoạt 滑*: lộn xộn, lẫn lộn, hỗn loạn.  
*Hôn 昏*: không phân biệt, tối tăm, ngu độn, sâu kín.
16. *Dĩ lệ tương tôn 以隸相尊*: Lệ 隸, là chỉ về sự thấp hèn; tôn 尊, là cao quý. Ý muốn nói: Quý tiện cùng xem như nhau.
17. *Dịch dịch 役役*: bôn ba, chạy theo hấp tấp. Câu này “chúng nhơn dịch dịch” là ý nói người đời đua theo thị phi, ồ ạt chạy theo thị phi (馳騖於是非之境) .
18. *Ngu xuân 愚莛*: không nghiên cứu, không chia phân sự vật làm hai. Không nhận thấy sự khác nhau giữa các mâu thuẫn.
19. *Tham vạn tuế nhi nhất thành thuần 參萬歲而一成純*: Chen vào cuộc thiên biến vạn hóa của Trời Đất, mà luôn luôn ôm giữ được cái Đạo Một bất biến và thuần nhất (能抱一而成精純也) .

# DỊCH NGHĨA

## G. Cù Thước hỏi Trường Ngô:

- Tôi nghe nơi ông rằng Thánh Nhơn không bận đến việc đời; không tìm lợi; không lánh hại; không tha thiết đến việc gì; cũng không quán quít với Đạo; có nói (mà như) không có nói; không nói (mà như) đã nói, tha hồ rong chơi ngoài bụi bặm (của cuộc đời). Thầy tôi cho đó là lời nói vu vơ, còn tôi, thì lại cho đó là cái hạnh của kẻ đã nhập diệu nơi Đạo rồi vậy. Ý ông như thế nào?

Trường Ngô nói:

- Đó là điều mà Hoàng đế nghe còn nghi ngờ thay, ông Khuru làm gì đủ để mà hiểu được. Và, người cũng đoán hơi sớm lắm: vừa thấy trống gà là đã mong được nghe tiếng gà gáy, vừa thấy viên đạn là đã mong được ăn chim nướng. Nay ta thử vì người nói bậy mà nghe, còn người cũng nghe bậy mà chơi. Làm thế nào để dựa kê nhật nguyệt, nhập cùng vũ trụ, xáo trộn cả thị phi, quý tiện? Chúng Nhơn thì bôn chôn, thánh Nhơn thì ngu tối, vượt muôn tuổi mà ôm giữ cái chỗ thuần nhất bất biến.

§§§

H. 萬物盡然而以是相蘊。予惡乎知說生之非惑邪？予惡乎知惡死之非弱喪而不知歸者邪？

麗之姬，艾封人之子也。晉國之始得之也，涕泣沾襟；及其至於王所，與王同筐床，食芻豢，而後悔其泣也。

予惡乎知夫死者不悔其始之蘄生乎？夢飲酒者，旦而哭泣。夢哭泣者，旦而田獵。方其夢也，不知其夢也。夢之中又占其夢焉，覺而後知其夢也。且有大覺而後知此其大夢也。而愚者自以為覺，竊竊然知之君乎牧乎？

固哉！丘也與女，皆夢也。予謂女夢，亦夢也。是其言也，其名為弔詭。萬世之後而一遇大聖，知其解者，是旦暮遇之也。

既使我與若辯矣，若勝我，我不若勝。若果是也，我果非也邪？我勝若，若不吾勝，我果是也，而果非也邪？其或是也，其或非也邪？其俱是也，其俱非也邪？我與若，不能相知也，則人固受其黜闇，吾誰使正之？使同乎若者正之，既與若

同矣，惡能正之？使同乎我者正之，既同乎我矣，惡能正之？使異乎我與若者正之，既異乎我與若矣，惡能正之，使同乎我與若者正之，既同乎我與若矣，惡能正之？然則，我與若與人俱不能相知也，而待彼也邪？何謂和之以天倪？曰：是不是，然不然。

是若果是也，則是之異乎不是也，亦無辯。然若果然也，則然之異乎不然也，亦無辯。化聲之相待，若其不相待，和之以天倪，因之以曼衍，所以窮年也。忘年忘義，振於無竟，故寓諸無竟。

**H.** Vạn vật tận nhiên nhi dĩ thị tương uân<sup>1</sup>. Dư ô hồ tri duyệt sinh chi phi hoặc da? Dư ô hồ tri ô tử chi phi nhược táng nhi bất tri qui giả da?

Lệ chi cơ, Ngại phong nhơn chi tử dã. Tấn quốc chi thủy đắc chi dã, thế khắp triêm khâm. Cập kỳ chí ư vương sở, dữ vương đồng khuông sàng, thực sô hoạn<sup>2</sup>, nhi hậu hồi kỳ khắp dã.

Dư ô hồ tri phù tử giả bất hồi kỳ thủy chi kỳ sinh hồ? Mộng ảm tửu giả, đán nhi khóc khắp. Mộng khóc khắp giả, đán nhi điền liệt<sup>3</sup>. Phương kỳ mộng dã, bất tri kỳ mộng dã. Mộng chi trung, hựu chiêm kỳ mộng yên, giác nhi hậu tri kỳ mộng dã. Thả hữu đại giác, nhi hậu tri thử kỳ đại mộng dã. Nhi ngu giả tự dĩ vi giác, thiết thiết nhiên tri chi quân hồ mục hồ?

Cố tai! Khuru dã dữ nhữ, giai mộng dã. Dư vị nhữ mộng diệc mộng dã. Thị kỳ ngôn dã, kỳ danh vi điều quý. Vạn thế chi hậu nhi nhất ngộ đại thánh, tri kỳ giải giả, thị đán mộ ngộ chi dã.

Ký sử ngã dữ nhược biện hĩ nhược thắng ngã, ngã bất nhược thắng. Nhược quả thị dã, ngã quả phi dã da? Ngã thắng nhược, nhược bất ngô thắng, ngã quả thị dã, nhi<sup>4</sup> quả phi dã da? Kỳ hoặc thị dã, kỳ hoặc phi dã da? Kỳ câu thị dã, kỳ câu phi dã da? Ngã dữ nhược, bất năng tương tri dã, tắc nhơn cố thọ kỳ đảm ám, ngô thù sử chánh chi? Sử đồng hồ nhược giả chánh chi, ký dữ nhược đồng hĩ, ô năng chánh chi? Sử đồng hồ ngã giả chánh chi, ký đồng hồ ngã hĩ, ô năng chánh chi? Sử dị hồ ngã dữ nhược giả chánh chi, ký dị hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chánh chi? Sử đồng hồ ngã dữ nhược giả chánh chi, ký đồng hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chánh chi? Nhiên tắc ngã dữ nhược dữ nhơn câu bất năng tương tri dã, nhi đãi bỉ dã da? Hà vị hòa chi dĩ thiên nghê<sup>5</sup>. Viết: thị bất thị, nhiên bất nhiên.

Thị nhược quả thị dã, tắc thị chi dị hồ bất thị dã, diệc vô biện. Nhiên nhược quả nhiên dã, tắc nhiên chi dị hồ bất nhiên dã, diệc vô biện. Hóa

thinh chi tương đãi, nhược kỳ bất tương đãi, hòa chi dĩ thiên nghê, nhơn chi dĩ mạn diễn, sở dĩ cùng niên dã. Vong niên vong nghĩa<sup>6</sup> chán<sup>7</sup> ư vô cảnh<sup>8</sup>, cố ngụ chư vô cảnh.



# CHÚ

1. *Uẩn* 蘊: tích tụ lại, liên hợp lại. Chỉ sự không thể chia lìa giữa vạn vật.
2. *Sô hoạn* 芻豢: *sô* 芻 là thịt các con vật ăn cỏ; *hoạn* 豢 là thịt các con vật nhà: món ăn cao lương, cỗ bàn...
3. *Mộng ẩm tửu giả, đán nhi khóc khấp* 夢飲酒者，旦而哭泣: Chiêm bao vui vẻ (dự tiệc rượu) nên không muốn dứt; tỉnh dậy thì tiếc cảnh vui nên rầu buồn khóc lóc. Cũng như, chiêm bao buồn khổ khóc lóc, tỉnh dậy là thoát được cảnh đau khổ nên vui mừng như được đi săn bắn 夢哭泣者，旦而田獵. Tóm lại, mộng mà vui thì tỉnh buồn; mộng mà buồn thì tỉnh vui. Được cái này thì mất cái kia.
4. Chữ 若 và 而, đồng một nghĩa với chữ 汝.
5. *Thiên nghệ* 天倪: tức là Tự nhiên (自然), *Thiên quân* 天均. *Vong niên, vong nghĩa* 忘年忘義.
6. *Vong niên*, là muốn nói về sự đồng nhau của sống, chết. Chữ *niên* 年 là chỉ về thời gian. Còn chữ *nghĩa* 義 là chỉ về vấn đề giá trị, ám chỉ vấn đề thị phi, thiện ác, nên *vong nghĩa*, là nói về sự đồng nhau của thị phi.
7. *Mạn diễn* 曼衍: cái biến của vô cực (tức là của Đạo). *Chấn* 振: là thông sảng (暢) .
8. *Vô cảnh* 無竟: ám chỉ cảnh của hư vô, hay là Đạo. Có nhà chú giải cho *vô cảnh*, tức là *vô cực* (無極), như thế cũng đồng một nghĩa như trên.

# DỊCH NGHĨA

*H. Hiểu tận vạn vật rồi, mới thấy nó thuần nhất. Ta sao biết ham sống chẳng phải là lầm? Ta sao biết sợ chết lại chẳng là mê, mà không biết cho đó là con đường về?*

*Lê Cơ, con của một vị phong nhơn xứ Ngại, gả cho vua nước Tấn. Khi về nhà chồng, lụy ướt đầm bầu. Kịp khi đến hoàng cung, cùng vua đồng sàng, ném mùi sô hoạn, rồi lại hối hận giọt lệ ngày xưa. Ta biết đâu kẻ chết lại không hối hận vì mình đã mong được sống thêm?*

*Có kẻ chiêm bao cười giữa tiệc, tỉnh giấc khóc trong lòng. Hoặc chiêm bao buồn khóc, khi tỉnh giấc như vui sẵn. Lúc chiêm bao không biết chiêm bao, khi tỉnh giấc mới hay là mộng cả. Chỉ có bậc đại giác mới biết cuộc đại mộng đó thôi. Nhưng mà kẻ ngu lại tự cho họ là tỉnh, rồi họ cũng tin thật rằng họ là bậc vua chúa, hay họ là kẻ chặn ngựa! Gàn thay, ông Khru cùng người đều chiêm bao cả! Mà gọi người chiêm bao thì ta lại cũng chiêm bao luôn nữa! Lời nói ấy, gọi là lời “điều quý” (quái gỡ)! Sau muôn đời, may mà gặp được bậc đại thánh biết cách giải cái nghĩa của nó ra, thì trong một sớm một chiều sẽ ngộ nó được vậy.*

*Nếu ta với người, cùng tranh biện: người thắng được ta, ta không thắng được người, vậy người hẳn đã là phải, mà ta hẳn đã là quấy chưa? Nếu ta thắng được người, người không thắng được ta, vậy ta hẳn đã là phải, mà người hẳn đã là quấy chưa? Hay là, khi thì phải, khi thì quấy hay sao? Hay là, cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc cùng quấy cả hay sao? Ta và người không thể biết được nhau, thì người người đành phải chịu tối tăm rồi! Ta phải nhờ ai chánh lại việc ấy? Nhờ kẻ đồng với người để chánh lại việc đó ư? Nó đã đồng với người thì làm sao chánh được việc đó! Cậy người đồng với ta để chánh lại việc đó ư? Nó đã đồng với ta thì làm sao chánh được việc đó? Cậy người khác với ta và khác với người, để chánh lại việc đó ư? Nó đã khác với ta và khác với người, thì làm sao chánh được việc đó? Cậy người đồng với ta và đồng với người để chánh lại việc đó ư? Nó đã đồng với ta và đồng với người thì làm sao chánh được việc đó? Vậy thì ta với người, cùng với người đó đều không thể biết nhau được, sao phải chờ người đó làm gì?*

*Sao gọi là hòa hợp với Thiên Nghê? Là phải mà cũng là chẳng phải; phải vậy mà cũng là chẳng phải vậy. Cái phải của người, nếu quả thực là phải, thì cái phải đó có khác gì cái không phải, cho nên cũng không biện được. Cái phải vậy của người, nếu quả thực là phải vậy, thì cái phải vậy đó có khác nào cái không phải vậy, thành ra cũng không biện được. Hóa ra thấy đều là đối đãi, nếu muốn không đối đãi chi bằng hòa hợp với Tự Nhiên (Thiên Nghê), nhân đó mà lời nói của ta đặng vĩnh cửu. Quên sống chết, quên phải quấy là suốt thông lẽ hư vô (vô cảnh), nên gởi mình vào cõi hư vô (vô cảnh).*

§§§

**I. 罔兩問景曰：**

「曩子行，今子止。曩子坐，今子起。

何其無特操與？」

景曰：

「吾有待而然者邪？吾所待又有待而然者邪？吾待蛇蚺蝮翼邪？惡識所以然，惡識所以不然？」

**I. Võng lượng vấn cảnh viết:**

- Năng tử hành, kim tử chỉ. Năng tử tọa, kim tử khởi.

Hà kỳ vô, đặc tháo dư?

Cảnh viết:

- Ngô hữu đãi nhi nhiên giả da? Ngô sở đãi hựu hữu đãi nhi nhiên giả da?  
Ngô đãi xà phù điêu dục da? Ô thức sở dĩ nhiên, ô thức sở dĩ bất nhiên?

# DỊCH NGHĨA

**I.** *Bóng lu hỏi bóng tổ:*

- *Nãy anh đi, giờ anh đứng. Nãy anh ngồi, giờ anh dậy.*

*Sao anh không có nét riêng?*

*Bóng tổ nói:*

- *Ta có phải nương chờ mà như thế chẳng? Hay là chỗ ta nương chờ lại còn phải nương chờ nơi chỗ khác mà như thế chẳng? Ta phải nương chờ, như vậy rấn cánh ve chẳng? Sao biết sở dĩ nó là thế? Sao biết sở dĩ nó không phải là thế?*

§§§

**K.** 昔者莊周夢為胡蝶，栩栩然胡蝶也，自喻適志與不知周也。俄然覺，則蘧蘧然周也。不知周之夢為胡蝶與？胡蝶之夢為周與？周與胡蝶，則必有分矣。此之謂物化。

**K.** Tích giả Trang Châu mộng vi hồ điệp, hủ hủ nhiên hồ điệp dã, tự dụ thích chí dữ bất tri Châu dã. Nga nhiên giác, tắc cừ cừ nhiên Châu dã. Bất tri Châu chi mộng vi hồ điệp dư? Hồ điệp chi mộng vi Châu dư? Châu dữ hồ điệp, tắc tất hữu phận hĩ. Thử chi vị vật hóa.

# DỊCH NGHĨA

**K.** *Xưa Trang Châu chiêm bao thấy mình là bướm, vui phận làm bướm, tự thấy thích chí, không còn biết có Châu nữa. Chợt tỉnh giấc, thì lại thấy mình là Châu. Không biết Châu chiêm bao là bướm, hay bướm chiêm bao là Châu? Châu và bướm ắt phải có tánh phận khác nhau. Đó gọi là vật hóa.*

# TỔNG BÌNH

Như ta đã thấy ở thiên Tiêu Diêu Du, mục đích của học thuyết Trang Tử là tự do tuyệt đối.

Muốn đạt đến tự do tuyệt đối, việc cần thiết đầu tiên là giải thoát tâm trí ra khỏi cái vòng nhận định sai lầm của nhãn thức nhị nguyên chia phân cái Sống Một làm hai phần rất phân biệt: tâm vật, thị phi, thiện ác, sanh tử, vinh nhục...

Tề Vật Luận là phương pháp luận của Trang Tử để đạt đến tiêu diêu tự tại. Tề Vật tức là “nhất thiết bình đẳng” nghĩa là vạn vật đều ngang bằng nhau cả, ngang nhau về phẩm, như ta đã thấy ở Tiêu Diêu Du.

Thật vậy, nếu không có được cái nhãn quang nhìn thấy sự “nhất thiết bình đẳng” trong các sự vật thì ắt phải có chỗ chọn lựa, nghĩa là còn có chỗ “lấy bỏ”<sup>[38]</sup>; có chỗ ưa ghét. Lấy cái gì, bỏ cái gì? Lấy cái tốt, bỏ cái xấu; ưa cái hay, ghét cái dở. Và nhân thế mới có sự thiên lệch và nô lệ theo một bảng giá trị chủ quan nào về sự vật. Có cái “phải” đối với ta ngày nay, nhưng qua ngày mai nó sẽ không còn “phải” nữa. Có món hạp với ta, nhưng lại không hạp với người khác. Có việc hạp với người này, lại không hạp với người kia. Một vấn đề tương đối và tạm thời. Nhưng sai lầm và nguy hiểm là khi nào ta lại nhận nó là một chân lý tuyệt đối, nghĩa là một chân lý bất di bất dịch và chung cho bất cứ ở thời gian hay không gian nào. Cho nên mới có nói rằng: “*có chỗ ưa ghét, có chỗ lấy bỏ, thì không còn gọi là tự do tuyệt đối nữa*” (有所好惡, 有所去就, 則不能絕對自由矣)<sup>[39]</sup>.

Tóm lại, người thật là tự do, biết trọng sự tiêu diêu tự tại trong bản tánh là người phải biết “xem bằng”<sup>[40]</sup> thị phi, thiện ác...không chịu sống nô lệ bất cứ một bảng giá trị về thị phi, thiện ác của một chế độ luân lí nào cả. Nên biết rằng họ không phải là người “vô luân lí” (immoral) như người ta đã hiểu lầm mà là một hạng người đã vượt lên trên tất cả mọi thứ luân lí tầm thường chật hẹp: họ là hạng người không còn tư tâm tư dục nữa, nghĩa là hạng người “vô kỹ”, “vô công” và “vô danh”<sup>[41]</sup>.

## A. Sự bình đẳng giữa Phải Quấy và Xấu Tốt

Đứng theo quan niệm nhị nguyên (chỉ thấy có một cái Ta riêng biệt) mà xem, thì sẽ thấy sự vật có phải, có quấy rõ ràng. Phải, là cái gì có lợi cho ta. Quấy là cái gì bất lợi cho ta.

Trái lại, nếu không thiên chấp mà biết nhìn rộng ra sự vật khác bên ngoài Ta, thì biết đâu cái mà ta gọi là “phải” đối với ta đây, vị tất cũng còn là “phải” đối với kẻ khác? Ngay cùng một việc mà ta cho là “phải” đối với ta bây giờ, sẽ không còn là “phải” nữa đối với ta sau này! Như vậy phải và quấy là một việc cá nhân tương đối và chủ quan, hết sức bất thường. Nếu nó ra để mà nói với thiên hạ, để mà làm tiêu chuẩn chung và bắt cả thiên hạ phải cùng theo, thì còn nghĩa lý gì nữa!

*“Người nằm trong chỗ ẩm thấp thì sanh ra đau lưng và tê liệt một bên mình; con cá chạch thì có sao không? Người ở trên cây thì run rẩy, sợ sệt; còn loài khỉ vượn có sao không? Ba loài ấy, ai biết chỗ nào là chỗ ở chánh? Con người thì ưa ăn thịt thà; hươu nai thì thích ăn cỏ non; rết thì cho rắn con là ngon; chim mèo chim cú thì nghiện ăn chuột bọ. Bốn loài ấy, ai biết món ăn nào là chánh vị? Mao Tòng Lê Cơ, người thấy thì cho là đẹp mà cá thấy thì lặn sâu, hươu nai thấy thì chạy dài. Bốn loài ấy, ai biết sắc đẹp nào là chánh sắc trong thiên hạ?”*

Mỗi vật đều thuận theo chỗ hợp của mình: không có chỗ nào là chỗ hợp chung cho tất cả vạn vật. Mỗi vật đều biết ngon theo chỗ ngon riêng của mình: không có vị nào là ngon chung cho tất cả vạn vật. Mỗi vật đều có sự ưa thích theo một cái đẹp riêng theo mình: không có cái đẹp nào là cái đẹp chung cho tất cả vạn vật. Và như vậy, nếu đã không có cái đẹp nào là cái đẹp chung để làm cái gương tận mỹ chung cho tất cả mọi vật, thì cũng không có cái thiện nào có thể đem ra làm cái gương tận thiện chung cho tất cả mọi người.

§§§

Quan niệm về bình đẳng của Trang Tử không giống với quan niệm thông thường của người đời. Bình đẳng của người thường hiểu là một thứ bình đẳng hình thức máy móc, hiểu theo cái nghĩa nông cạn là san bằng mọi sự mọi vật, bất chấp cái luật “bất bình đẳng tự nhiên” trong vạn vật cũng như trong loài người: sang, hèn, trí, ngu, lớn, nhỏ, trai, gái...đều bắt buộc phải uốn mình sống theo một khuôn khổ luân lý, giáo dục, luật pháp giống nhau. Nơi trường học, kẻ sáng, người tối, gái, trai...đều chịu chung một lối giáo

dục như nhau: người ta quên nghĩ đến cái cá tánh đặc biệt của mỗi người mỗi vật. Văn minh loài người sở dĩ không thể phát triển mau lẹ được cũng vì quan niệm lạc lăm này. Trong nhiều chế độ người ta còn đề cao vai trò của xã hội đến nỗi cá nhân không còn chỗ nào để thở được bằng cái mũi của mình, xem được theo cặp mắt của mình, nghĩ được theo đầu óc của mình, cảm được theo quả tim của mình nữa, mà suốt đời chỉ biết nhận những chỉ thị của bề trên, và sống rập theo một khuôn khổ đã ấn định chung cho tất cả mọi người.

Theo Trang Tử, “tánh” của vật không đồng nhau, tức là chỗ mà nhà xã hội học ngày nay gọi là “những bất bình đẳng tự nhiên”. Vậy, chỗ “không đồng” (bất tề 不齊) của vạn vật, ta phải biết “nhận lãnh”, biết “chịu” nó, và hãy để cho mỗi vật tự do sống theo cái sống của nó. Đó là nhân chỗ “bất đồng” mà làm cho vạn vật “đồng nhau” vì mỗi vật đã được tự do sống theo “bản tánh” của mình.

Tất cả mọi xã hội, luân lí từ xưa đến nay đều, ít hay nhiều, quy định một cái tận thiện mẫu để làm tiêu chuẩn chung cho tư tưởng hành vi con người và bắt buộc người người đều theo đó mà sống. Đó là cưỡng ép chỗ “không thể đồng” phải “đồng nhau”. Phải chăng là điều rất sai với tự nhiên, làm thống khổ cho con người vô cùng! Mỗi vật đều có cái tánh tự nhiên của nó: sự ưa ghét cũng vì đó mà không thể “đồng” nhau. Nay lại cưỡng ép người người đều phải thừa nhận một lẽ phải khác với cái lẽ phải của họ, khác với lòng hiếu ó riêng của họ, là làm cho họ mất tự do sống theo cái sống của họ. Cho nên, tự do và bình đẳng không thể đi đôi với nhau được: hễ được tự do thì không bình đẳng, mà theo bình đẳng, cái thứ bình đẳng san bằng mọi vật, thì mất tự do.

Theo Trang Tử thì không phải vậy. Tự do và bình đẳng lại đi đôi với nhau như bóng với hình. Sở dĩ con người được bình đẳng là nhờ có tự do, mà được tự do là nhờ có bình đẳng. Nhận có tự do và quý trọng tự do thì mới có cầu mong cho vạn vật, mỗi vật đều được tự do sống cái sống của mình. Mà, nếu vạn vật, vật nào cũng sống được cái sống của mình, đó là vạn vật nhờ tự do mà được bình đẳng. Cũng như, nhận có bình đẳng thì mới chịu để cho vạn vật, vật nào cũng được sống theo mình thì vạn vật, vật nào cũng nhờ đó mà được tự do.

Tóm lại, phàm đã chủ trương tự do tuyệt đối, ắt cũng phải chủ trương bình đẳng tuyệt đối. Là vì nếu không thừa nhận bình đẳng tuyệt đối, mới có cho rằng giữa người và người, giữa vật và vật có cái này hay hơn cái kia, hoặc có cái kia hay hơn cái này. Đã nhận có cái này hay hơn cái kia, người



này hay hơn người kia mới có cho rằng người hay phải lo cải tạo người không hay, để cho đó trở về đường hay theo quan niệm chủ quan tạm thời của mình. Như thế là ta không nhận có tự do của con người. Không nhìn nhận tự do của con người mới có sự cưỡng ép kẻ khác phải sống theo quan niệm về điều phải lẽ quấy theo ta, không được sống tự do theo cái sống của họ. Nếu đó không phải là chuyên chế, thì đâu mới là chuyên chế?

Người người đều được tự do sống theo mình, thì cái “phải” của mọi người đều được xem là “phải” cả, và cái “đẹp” của mọi người cũng đều được xem là “đẹp” cả. Vậy thì “mọi vật dưới trời không còn vật nào tự nó là không tốt đẹp; mọi ý kiến dưới trời không có ý kiến nào là “không ngang bằng”, nghĩa là bình đẳng như nhau tất cả.

Thị phi, thiện ác là một vấn đề tương đối. Nhưng, tiến thêm một bước sâu hơn, ta lại thấy: Thị cũng do Phi mà có, Phi cũng do Thị mà sinh, cũng như Thiện do Ác mà sinh, Ác do Thiện mà có.

Trang Tử nói: “ (...) *Đó do Đây mà ra; Đây nhân Đó mà có (...)*”

*Đó do Đây mà ra, Đây nhân Đó mà có* (比出於是, 是亦因彼), đó là muốn nói đến cái luật đối đãi, mà cũng vừa muốn nói đến cái luật “vật cùng tác biến”, và hề biến thì biến thành đối đích của nó.

Và lên đến một tầng cao hơn nữa, ta sẽ thấy thị phi chẳng những là một lẽ đối đãi, bổ khuyết cho nhau “nhất âm nhất dương chi vị Đạo”, mà Thị tức là Phi, Phi tức là Thị: cả hai là đồng nhất. Bởi vậy, Trang Tử mới nói: “*Vật, không vật nào là không phải Đây, không vật nào là không phải Đó (...)* *Đó cũng là Đây, mà Đây cũng là Đó* (物無非彼, 物無非是。。。是亦彼也, 彼亦是也) .

Đó và Đây đã là một, thì Đó và Đây riêng ra, đâu có thật. Hay nói một cách khác: cái phải của Đây là cái quấy của Đó, mà Đó là Đây, Đây là Đó, thì chung quy phải và quấy là một vật.

Đây và Đó đã vô định, thì Phải và Quấy cũng vô định, vậy mà người đời lại muốn định phải quấy nên mới có sự tranh biện và giành phần phải cho mình. Nhưng, tranh biện nhau có đủ để rõ đặng đâu là phải, đâu là quấy chẳng?

Thiên Tê Vật Luận nói: “*Ta với người cùng tranh biện: người thắng được ta, ta không thắng được người, vậy người hẳn đã là phải, mà ta hẳn đã là quấy chưa? Nếu ta thắng được người, người không thắng được ta, vậy ta hẳn đã là phải, mà người hẳn đã là quấy chưa? Hay là, khi thì phải, khi thì quấy hay sao? Hay là cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc cùng quấy cả hay sao? Ta và người không thể biết được nhau, thì người người đành phải chịu*

*tối tăm rồi! Ta phải nhờ ai chánh lại việc ấy? Nhờ kẻ đồng với người chẳng để chánh lại việc ấy? Nó đã đồng với người thì làm sao chánh lại được việc ấy. Cây người đồng với ta để chánh lại việc ấy ư? Nó đã đồng với ta thì làm sao chánh được việc đó? Cây người khác với ta và khác với người để chánh được việc đó ư? Nó đã khác với ta và khác với người, thì làm sao chánh được việc đó. Cây người đồng với ta và đồng với người để chánh lại việc đó ư? Nó đã đồng với ta và đồng với người, thì làm sao chánh được việc đó? Vậy thì ta với người, cùng với người đó đều không thể biết nhau được, sao phải chờ người đó làm gì?”*

Vậy thì, tuy tranh biện mà phải quấy cũng không sao định đặng. Là vì còn thấy có Đó, có Đây. Khi mà lòng mình không còn chia phân Nhĩ Ngã, sống được trong cái Sống Một của Đạo rồi, thì Đó là Đây, Đây là Đó, vấn đề Phải Quấy, Thiện Ác tự nhiên theo đó cũng tiêu tan như một cơn mộng mị. Một nhà Đạo học Ấn Độ ngày nay, J. Krisnamurti, nói rất chí lý: *“Không có vấn đề nào để giải quyết cả: chỉ có cái Sống để sống mà thôi”*.

§§§

“Phải là một lẽ vô cùng; quấy cũng là một lẽ vô cùng” (是亦一無窮，非亦一無窮) nghĩa là phải và quấy như trên cái vòng tròn, không biết đâu là khởi điểm. Ta cần đứng ở trung tâm của cái vòng ấy (hoàn trung) để chịu đây chịu đó. Chỗ trung tâm ấy, gọi là Đạo Xu (cốt của bánh xe Đạo). *“Thánh nhân vì chỗ hòa mà nói thị nói phi, rồi đứng yên nơi Thiên Quân: đó gọi là lưỡng hành”* (是以聖人和之以是非而休乎天鈞，是之為兩行) . Lưỡng hành là “không rời khỏi thị phi, mà lại vượt thoát khỏi thị phi”.

Thánh nhân đối với thị phi có hai cách cư xử:

1) Đối với mình, thì tâm trí hợp nhất, chỉ thấy có cái Sống Một mà không thấy có thị phi.

2) Đối với người, thì biết phải quấy là hai lẽ tương đối nương nhau mà có, nên cứ đứng yên nơi trục quân bình để mà hòa với mọi người, tức là chỗ mà Trang Tử gọi *“triêu tam mộ tứ”* (朝三暮四) .

§§§

Nếu bảo rằng không có cái phải nào là tuyệt đối, tại sao Trang Tử lại bài bác chế độ luân lý của người đương thời, há không phải đó là tự mâu thuẫn với mình sao? Không. Trang Tử có bao giờ cho rằng có một cái phải nào là

cái phải tuyệt đối để làm mẫu mực cho thiên hạ loài người đâu! Sở dĩ có bài bác chẳng là bài bác cái óc thiên tư độc đoán cho rằng chỉ có mình là phải mà thiên hạ đều quấy, và cái phải hay cái quấy chỉ là một trạng thái tạm thời và luôn luôn phản biến bất thường, không thể dụng tư tâm đem cái quan niệm về điều phải lẽ quấy của riêng mình mà bắt cả thầy thiên hạ cùng theo, và nhân đó làm cho con người thông khổ. Vậy chứ cái mà thiên hạ thường gọi là *lo đời* chẳng phải là lo đem thiên hạ vào cùng một khuôn tư tưởng như mình sao? Và “hễ đồng với ta, cho ta là phải, không đồng với ta, cho ta là quấy”, hay nói một cách khác, kẻ nào không cùng với ta, là nghịch với ta. Thiên hạ từ xưa đến nay sở dĩ mà loạn, là vì phần nhiều ai ai cũng tưởng cái phải của mình là tuyệt đối, nghĩa là chỉ có mình là phải. Không thế, thì sao có những chế độ độc tài đã làm điêu linh thống khổ thiên hạ!

555

## B. Sự bình đẳng giữa Sống và Chết

Bình đẳng giữa thị phi...đưa ta đến một vấn đề không kém quan trọng hơn: vấn đề sống chết.

Theo Trang Tử thì trong trời đất, chỉ có một cái sống mà thôi, tức là cái sống không sinh, không tử. Còn nói đến sống và chết, những hình thức đối đãi nhau mà có, thì đó chỉ là một sự “thành hoại” của một trạng thái trong cuộc đại hóa của Trời Đất thôi. Sống chết, theo Trang Tử là một “cột”, một “mở” (生為縣, 死為解), một “đi” một “lại” (死生一去一來) nối tiếp nhau như trên cái “vòng tròn”.

Cái sống của ta đối với hình thể ta, như “*lửa đối với củi*”. Cái sống ấy như lửa truyền từ bó củi này sang bó củi kia: “Hỏa truyền mãi mà không tắt, cái Mạng quán mãi mà không tuyệt” (火傳而不滅, 命續而不絕).

Chết, là từ hình thức của một vật hiện tại này chuyển qua một hình thức khác. Nếu từ cảnh này đổi qua cảnh khác mà sanh lòng lo sợ, thì có khác nào cảnh của “*nàng Lệ Cơ, con của một vị phong nhơn xứ Ngại, gả cho vua nước Tấn. Khi sắp về nhà chồng, lụy ướt đầm bâu. Kịp khi đến hoàng cung, cùng vua đồng sàng, ném mùi sô hoạn, rồi lại hối hận giọt lệ ngày xưa*” mà không chịu trở về quê cũ. Như ta cho hình thức hiện đây là đáng vui mừng, thì sau khi chết, chỗ ta sẽ đặng hình thức mới, sao lại biết không có chỗ đáng vui mừng như bây giờ, hoặc hơn bây giờ?

Thiên Đại Tông Sư 大宗師 cũng có nói: “*Gặp hình người mà vui riêng với đó. Mà hình người là gì? Hối vị thủy trong vô cực, theo vạn hóa mà có*

nó ra. Vậy, vui với đó, nhận riêng nó (mà không nhận cái khác) có phải lẽ không? (特逢人之形而猶善之。若人之形者，萬化而未始有極也，其為樂可勝計邪?) . Giải thích đoạn văn trên đây, Quách Tử Huyền viết: “Trong muôn vàn hình thức của vạn vật, hình thức của người là một. Gặp được hình thức ấy, chưa đủ riêng vui với nó mà thôi sao? Trong vô cực, chỗ gặp mới của vạn vật đều như con người, há chỉ riêng có con người là biết vui với cái hình mới ấy mà thôi; còn bao nhiêu vật khác đều không biết vui với hình thức của chúng như con người sao?”. Gốc ta đâu phải là người mà biến thành con người. Hóa làm người, đó là ta đã mất cái chỗ cũ kia, nhưng tuy mất cái cũ mà lại vui, là vui chỗ “gặp mới” khác này đây. Mà cuộc biến hóa thì vô cùng, thì chỗ “gặp mới” cũng sẽ vô tận.

Chúng ta đi trên con đường biến hóa vô cùng của trời đất, có khác nào một lữ khách: cảnh nào cũng mới, chỗ nào cũng đẹp. Nhưng đừng để cho cảnh nào trói buộc được mình, vì trên đời không còn biết bao cảnh lạ bất ngờ vui đẹp khác đang chờ đợi ta.

Trang Tử cũng có nói: “Giả như cánh tay trái tôi hóa làm con gà, thì tôi nhân đó mà gáy canh. Giả như cánh tay phải tôi hóa làm hòn đạn, tôi nhân đó mà kiếm chim quay. Giả như hóa cái xương cụt của tôi thành bánh xe, lấy cái thân hồn tôi làm con ngựa thì tôi sẽ nhân đó mà cỡi lên, há còn phải đợi xe ngựa nào nữa. Vả đắc là thời, thất là thuận. An thời xử thuận thì buồn vui làm sao vào đặng cõi lòng”.

Tóm lại, bậc chân nhân ngày xưa “không ham sống, không ghét chết”, ra không vui, về không buồn, thân nhiên mà đến, thân nhiên mà đi...luôn luôn “an thời xử thuận” vì vậy mới giải quyết được dứt khoát vấn đề sinh tử (古之真人不知說生而惡死，其出不訢其入不距，悠然而往，悠然而來而已奚) .

### C. TA VÀ VẬT BÌNH ĐẲNG (物我為一)

“Xưa, Trang Châu chiêm bao, thấy mình là bướm, vui phận làm bướm, tự nhiên thích chí không còn biết Châu. Chợt tỉnh giấc, thấy mình là Châu. Không biết Châu chiêm bao là Bướm, hay Bướm chiêm bao thấy mình là Châu? Châu và Bướm ắt phải có tánh phận khác nhau. Đó gọi là vật hóa”.

555

“Không biết Châu chiêm bao là Bướm, hay Bướm chiêm bao là Châu?” Một câu hỏi có thể bao trùm được cả vấn đề “Vật Ngã bình đẳng”. Sự hỗn hợp giữa Ta (Trang Châu) và Vật (con bướm) hồn nhiên đến không thể biết

đâu là thực, đâu là mộng. Và như vậy, mộng cũng là thực, thực cũng là mộng, và Ta cũng là Vật, Vật cũng là Ta. Ta và Vật là Một.

Ngoài sự bình đẳng của thọ yêu, lớn nhỏ, nên hư, há chẳng phải đều do đây mà ra cả hay sao?

៥៥៥

Người ta thường bảo thiên Tề Vật Luận là một thiên tinh thâm kỳ diệu. Nhưng chỗ tinh thâm nhất là ở đoạn đầu của thiên, tức là chỗ mà Tử Kỳ giảng cho Nhan Thành Tử Du về cái ý nghĩa của “*Thiên lại*”, “*Địa lại*” và “*Nhơn lại*”.

*Nhơn lại* (人籟) là “sáo người”...Tiếng sáo tuy có cao thấp, dài ngắn khác nhau, mà tựu trung chỉ do một hơi thổi vào mà gây nên: tùy lỗ hồng lớn nhỏ gần xa mà phát ra đủ loại âm thanh khác biệt. Hơi thổi đó (mà Tử Kỳ gọi là *Gió* đối với *Địa lại*) tức là Đạo 道, động cơ duy nhất gây thành muôn điệu âm thanh, cũng như vạn vật.

“*Hơi thổi*” của nhạc công, cũng như “*gió thổi*” mà im bật, thì cả thảy “sáo người”, “sáo đất” sẽ cùng im lặng, không còn có gì cả. Cho nên “*hơi thổi*” hay “*gió thổi*” là cái chánh, tuy không thấy, nhưng mà có. Trái lại, âm thanh muôn điệu ồn ào, tuy có mà kỳ thật, là không.

Chương Tề Vật, chung quy là để giảng về một chữ Hòa 和. Sáo, là nhạc; nhạc, là điều hòa tất cả những gì mà riêng ra, không thể hòa nhau mà lại còn chống đối nhau là khác, như những giọng cao giọng thấp, tiếng thô tiếng trong, tiếng dài tiếng ngắn...Sự vật tuy khác nhau, chống đối nhau như Thị Phi, Thiện Ác...thế mà lại hòa nhau, nên mới gọi là đồng nhau, và đặt tên là Tề Vật. Trang Tử dùng “*nhơn lại*” để dẫn qua “*địa lại*” và nhân “*địa lại*” mà bàn qua “*thiên lại*”.”*Thiên lại*” là yếu điểm của toàn thiên: sự điều hòa của tất cả mọi bất đồng mâu thuẫn trên đời.

Giảng rộng thiên này, thiên Thu Thủy 秋水 viết: “*Hải thần nói: ‘Cùng ếch giếng không thể nói biển ặng: nó chỉ biết cái hang nó mà thôi. Cùng con trùng mùa hạ, không thể nói tuyết ặng: nó chỉ biết có một mùa của nó mà thôi. Cùng kẻ khúc sĩ hẹp hòi, không thể nói chuyện Đạo được: họ bị ràng buộc trong giáo lý của họ mà thôi (...). Dưới trời, nước không đâu nhiều bằng biển. Đó là nơi muôn sông chảy về, không bao giờ vơi. Rồi nước biển lại chảy qua ngã đông mà không hề lưng. Xuân, Thu, mưa nắng không đổi nó, mà nó cũng không hay. Hơn rạch sông không biết lượng số nào mà ta chưa từng cày đó là nhiều, là vì tự xét, sánh với Trời Đất âm*

*ương, ta chẳng khác nào một viên đá nhỏ, một gốc cây nhỏ trong dãy núi to. Đã rằng là ít, sao thấy mình nhiều? Bốn biển, ở trong trời đất phải chẳng chỉ như một cái hang nhỏ trong chằm lớn hay sao? Vạn vật, lấy số muôn mà nói thì người được có số một thôi. Lấy chín châu là nơi lúa thóc sanh sản thuyền xe thông hành mà sánh, thì người cũng không qua số một. Người đối với vạn vật, khác nào một sợi lông trong mình ngựa. Chỗ liên tiếp của ngũ đế, chỗ tranh giành của tam hoàng, chỗ lo lắng của người nhân, chỗ nhọc nhằn của kẻ sĩ, rốt lại có chi: Bá Di từ ngôi, lấy đó làm danh; Trọng Ni nói ra, cho vậy là rộng. Mấy cái mà họ cho là nhiều đó, khác nào người trước khi thấy biển”.*

Đó là thiên tương đối luận có lẽ hùng hồn nhất từ xưa đến nay ở Đông Phương này!

## DUỠNG SINH CHỦ

### 養生主

---

A. 吾生也有涯，而知也無涯。以有涯隨無涯，殆已。  
已而為知者，殆而已矣！為善無近名，為惡無近刑；緣督以  
為經，可以保身，可以全生，可以養親，可以盡年。

A. Ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri<sup>1</sup> dã vô nhai; dĩ hữu nhai tùy vô nhai, đãi dĩ!<sup>2</sup>

Dĩ nhi vi tri giả, đãi nhi dĩ hĩ. Vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình. Duyên đốc<sup>3</sup> dĩ vi kinh, khả dĩ bảo thân, khả dĩ toàn sinh, khả dĩ dưỡng thân, khả dĩ tận niên.<sup>4</sup>

### CHÚ

1. *Tri* 知: ở đây có nghĩa là sự hiểu biết theo nhị nguyên; nhân đó mới có sự lo âu, nghĩ ngợi, do lòng đèo bồng tham muốn chạy theo ngoại vật cũng như chạy theo cái học trực vật. Lão Tử bảo: “*Vi học nhật ích*” (為學日益) .
2. Theo Trang Tử, ở thiên Tề Vật, thì không có gì là thật phải, thật quý, thật thiện, thật ác một cách tuyệt đối. Có cái thiện không nên làm, có cái ác cần phải làm, để lập lại thế quân bình. Nhưng làm việc thiện không nên vì danh (tức là vị ngã), làm việc ác không nên vì nó mà lụy thân: cả hai đều làm thương sinh cả.
3. *Duyên đốc* 緣督. *Duyên* 緣 có nghĩa thuận 順; *đốc* 督 là giữa (中) . Muốn giữ được đạo dưỡng sinh, cần ăn ở mực thước, đừng có cái gì thái quá. No quá, đói quá không nên; vui quá, buồn quá cũng không nên.
4. Nếu làm việc thiện (ám chỉ các việc phải, việc lành) thì coi chừng, đừng để sa vào cái bẫy của tâm lòng hiếu danh; còn làm việc chẳng phải (sái với phép nước, sái với luân lý đạo đức của xã hội mình đang sống) thì phải phòng người trong xã hội trừng phạt lên án. Tránh hai lẽ cực đoan ấy, mà dùng đến trung đạo và nên lấy đó làm phương

châm xử thế thì suốt đời có lẽ sẽ giữ được mình, có thể toàn được sinh mạng, hưởng được hết tuổi trời.

Làm sai với phép nước để đến bị xã hội tru lục, đành rằng, đó là không biết cách phòng hoạn cho bản thân, nhưng làm việc thiện, làm việc phải để được tên tuổi vang lừng trong thiên hạ, cũng chưa phải là biết cách phòng hoạn nữa. Bởi vậy, ở thiên Nhơn Gian Thế sách *Trang Tử* cũng có câu: “*Cây trên núi, tự nó là cừ địch của nó... Cây quế ăn được, nên bị đốt. Cây sơn dùng được, nên bị chặt*”. Con người mà có tài và để cho người người đều biết mình là có tài, thì sẽ như cây sơn, cây quế... bị chặt, bị đốt.” *Người ta đều biết cái lợi của hữu dụng, mà không biết cái lợi của vô dụng.*”

## DỊCH NGHĨA

### DUỠNG SINH CHỦ

**A.** *Sinh lực của ta thì có hạn, mà sự muốn biết của ta thì không bờ bến. Dem cái có hạn (như sinh lực của ta) để mà chạy theo cái không bờ bến (như lòng ham muốn của ta) là nguy vậy! Đã biết thế, lại không dừng, càng nguy hơn nữa. Làm việc thiện mà không bị danh ràng buộc; làm việc ác mà không bị hình phạt tru lục. Thuận theo con đường giữa mà đi, thì có thể giữ được thân mình, có thể toàn được sinh mạng, có thể nuôi dưỡng mẹ cha và có thể hưởng được hết tuổi trời.*

555

**B.** 庖丁為文惠君解牛，手之所觸，肩之所倚，足之所履，膝之所踣，砉然騞然奏刀騞然，莫不中音，合於桑林之舞，乃中經首之會。

文惠君曰：「譔，善哉！技蓋至此乎？」

庖丁釋刀對曰：「臣之所好者道也。進乎技矣。始，臣之解牛之時，所見無非牛者，三年之後，未嘗見全牛也。方今之時，臣以神遇而不以目視，官知止而神欲行，依乎天理，批大卻，導大窾，因其固然，技經肯綮之未嘗，而況大軋乎！良庖歲更刀，割也；族庖月更刀，折也；今臣之刀十九年矣，所解數千牛矣，而刀刃若新發於硎。彼節者有閒，而刀刃者無厚；以無厚入有閒，恢恢乎其於遊刃必有餘地矣。是以十九年



而刀刃若新發於硯。雖然，每至於族，吾見其難為，怵然為戒，視為止，行為遲。動刀甚微，謦然以解，如土委地。提刀而立，為之四顧，為之躊躇滿志，善刀而藏之。」

文惠君曰：「善哉！吾聞庖丁之言，得養生焉。」

**B.** Bào Đỉnh<sup>1</sup> vi Văn Huệ Quân<sup>2</sup> giải ngưu<sup>3</sup>, thủ chi sở xúc, kiên chi sở ỷ, túc chi sở lý, tất chi sở kỳ, hoạch nhiên hương nhiên tấu đao hao nhiên, mạc bất trúng âm, hợp ư Tang Lâm chi vũ, nãi trúng Kinh Thủ chi hội.

Văn Huệ Quân viết: “Hi, thiện tai! Kỹ khái chí thử hồ?”

Bào Đỉnh thích đao đối viết: “Thần chi sở háo giả, Đao dã. Tiến hồ kỹ hĩ. Thủy, thần chi giải ngưu chi thời, sở kiến vô phi ngưu giả, tam niên chi hậu, vị thường kiến toàn ngưu dã. Phương kim chi thời, thần dĩ thần ngô nhi bất dĩ mục thị, quan tri chỉ, nhi thần dục hành, ỷ hồ thiên lý, phê đại khước, đao đại khoản, nhân kỳ cố nhiên, kỹ kinh khăng khái chi vị thường, nhi hướng đại qua hồ. Lương bào tuế cánh đao, cát dã tộc bào, nguyệt cánh đao, chiết dã. Kim thần chi đao thập cửu niên hĩ, sở giải sở thiên ngưu hĩ, nhi đao nhãn nhược tân phát ư hình. Bĩ tiết giả hữu gian, nhi đao nhãn giả vô hậu; dĩ vô hậu nhập hữu gian<sup>4</sup>, khôi khôi hồ kỳ ư du nhãn tất hữu dư địa hĩ. Thị dĩ thập cửu niên nhi đao nhãn nhược tân phát ư hình. Tuy nhiên mỗi chí ư tộc, ngô kiến kỳ nan vi, truyệt nhiên vi giới, thị vi chỉ, hành vi trì, động đao tối vi, hoạch nhiên, dĩ giải, như thổ ủy địa. Đề đao nhi lập, vi chi tứ cố, vi chi trừ mãn chí. Thiện đao nhi tàng chi.”

Văn Huệ Quân viết:

“Thiện tai! Ngô văn Bào Đỉnh chi ngôn, đắc dưỡng sinh yên.”

## CHÚ

1. *Bào 庖*: là người đầu bếp (庖人). Ở đây lấy nghề làm họ.  
*Đỉnh 丁*: là tên của người đầu bếp. Theo Chu Qué  
Diệu dẫn *Thích Văn* (釋文: 庖丁, 丁其名也).
2. *Văn Huệ Quân* 文惠君: tức là *Lương Huệ Vương* 梁惠君.
3. *Ngưu* 牛: là bò. (Ta thường nhận lầm chữ 牛 là trâu. Con trâu gọi là *thủy ngưu* 水牛).
4. Ở đây, đọc là *gian*: hai chữ này cổ văn dùng lẫn nhau.

## DỊCH NGHĨA

**B.** Bào Đỉnh mổ bò cho Văn Huệ Quân.

*Lúc ra thịt, điệu bộ của tay động, của vai đưa, của chon đạp, của gói chạm, tiếng da xương lia nhau, tiếng dao cạo cắt đều trúng cung bực, hợp với điệu múa Tang Lâm, với bài nhạc Kinh Thủ.*

*Văn Huệ Quân nói: “Hay thật! Nghệ thuật đến đó là cùng!”*

*Bào Đình buông dao, thưa rằng: “Cái chỗ ưa thích của thần, là Đạo. Ban sơ, lúc ra thịt một con bò, chỗ mà thần chỉ có thấy mà thôi, là con bò. Về sau ba năm, thần không còn thấy con bò nữa. Bây giờ, thần không dùng con mắt để nhìn, mà dùng cái ‘thần’ để xem: ngũ quan dừng lại, mà ‘thần’ thì muốn đi, nương theo thiên lý. Tách các gân lớn, lùa các khớp lớn, nhân chỗ cố nhiên của nó mà cắt. Bắp thịt còn không xắt qua, huống chi là khớp xương to. Người bếp thường mỗi tháng thay dao một lần, vì họ chặt. Nay con dao của thần đã dùng mười chín năm; số bò đã mổ có trên nghìn con, vậy mà dao như mới mài xong. Các khớp xương kia có kẽ hở mà lưỡi dao này thì mỏng. Lấy cái bề mỏng của con dao mà đưa vào chỗ kẽ, thì rộng có thừa. Vì vậy mà lưỡi dao đã dùng mười chín năm nay vẫn còn sắc như mới mài. Tuy vậy, mỗi khi gặp những chỗ gân xương sát nhau quá cảm thấy khó làm, thì thần phải nhìn kỹ, hành động chậm lại; con dao cử động một cách rất nhẹ nhàng, thế mà thịt lại đứt và rơi xuống như bùn rơi xuống đất. Bây giờ thần cầm dao đứng yên, ngảnh nhìn bốn phía, đặc ý vì được con dao tốt, rồi đem cắt nó đi. . .”*

*Văn Huệ Quân nói: “Hay biết chừng nào! Ta nghe lời nói của Bào Đình mà hiểu được cái đạo dưỡng sinh!”*

§§§

C. 公文軒見右師而驚曰：「是何人也？惡乎介也？天與，其人與？」

曰：「天也，非人也。天之生是使獨也，人之貌有與也。以是知其天也，非人也。」

澤雉十步一啄，百步一飲，不蕪畜乎樊中。神雖王，不善也。

C. Công Văn Hiên kiến Hữu Sư<sup>1</sup> nhi kinh viết: “Thị hà nhơn dã? Ô hồ giới<sup>2</sup> chi? Thiên dư, kỳ nhơn dư?”

Viết: “Thiên dã, phi nhơn dã. Thiên chi sinh thị sử độc dã. Nhơn chi mạo hữu dư<sup>3</sup> dã; dĩ thị tri kỳ thiên dã, phi nhơn dã.”

Trạch trĩ thập bộ nhứt trác bách bộ nhứt ảm; bất kỳ súc hồ phàn<sup>4</sup> trung, thần tuy vượng<sup>5</sup>, bất thiện dã.

## CHÚ

1. *Hữu Sư* 右師: một tước quan.
2. *Giới* 介: Một chơn. Người một chơn.
3. *Hữu dư* 有與: hai chơn cùng đi (兩足並行也) .
4. *Kỳ* 藪: cầu mong.  
*Phàn* 樊: cái lồng.
5. *Độc* là *vượng* 旺.

## DỊCH NGHĨA

*C. Công Văn Hiến thấy vị quan Hữu Sư mà kinh ngạc:*

- *Ấy là ai đó vậy? Tại sao mà lại chỉ còn có một chơn? Trời làm ra thế chằng? Hay người làm ra thế chằng?*

*Hữu Sư* *đáp:*

- *Do Trời đày, không phải do người đày. Trời sinh ta, bắt phải một chơn. Hình dung của con người thì phải có hai chơn cùng đi mới được. Vì vậy, mới biết rằng, đó là do Trời, chứ không phải do người làm ra.*

*Con trĩ ở trong chằm, mười bước đi, một lần mổ, trăm bước đi, một lần uống, nhưng nào có mong được nuôi dưỡng ở trong lồng. Thần thái tuy khỏe, nhưng ai đâu có ưa việc ấy.*

§§§

**D.** 老聃死，秦失弔之，三號而出。

弟子曰：「非夫子之友邪？」曰：「然。」

「然則弔焉若此，可乎？」

曰：「然。始也吾以為其人也，而今非也。向吾入而弔焉，有老者哭之，如哭其子；少者哭之，如哭其母。彼其所以會之，必有不蘄言而言，不蘄哭而哭者，是遁天倍情，忘其所受，古者謂之遁天之刑。適來，夫子時也；適去，夫子順也。安時而處順，哀樂不能入也，古者謂是帝之縣解。」

指窮於為薪，火傳也，不知其盡也。

**D.** Lão Đam tử. Tần Thát điều chi, tam hào nhi xuất. Đệ tử viết: “Phi Phu tử chi hữu da?”

Viết: “Nhiên.”

“Nhiên tắc điều yên nhược thử khả hồ?”

Viết: “Nhiên. Thủy dã ngô dĩ vi kỳ nhơn dã, nhi kim phi dã. Hướng ngô nhập nhi điều yên, hữu lão giả khốc chi như khốc kỳ tử, thiếu giả khốc chi như khốc kỳ mẫu. Bỉ kỳ sở dĩ hội chi, tất hữu bất kỳ ngôn nhi ngôn, bất kỳ khốc nhi khốc giả, thị độn thiên bội tình<sup>1</sup> vong kỳ sở thọ, cổ giả vị chi độn thiên chi hình. Thích lai, phu tử thời dã.

Thích khứ<sup>2</sup>, phu tử thuận dã. An thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập giả.”

“Cổ giả, vị thị Đế<sup>3</sup> chi huyền giải<sup>4</sup>.”

“Chỉ cùng ư vi tân, hỏa truyền dã, bất tri kỳ tận<sup>5</sup> dã.”

## CHÚ

1. *Bội tình* 倍情: Tình, là tình cảm vui buồn (vui được, buồn mất) của thường nhơn chưa huyền đồng với tạo vật (未玄同之物我) .
2. *Thích lai* 適來 là chỉ về cái sống; *thích khứ* 適去 là chỉ về cái chết.
3. Chữ 帝 (đế) là ám chỉ Tạo hóa, Tự nhiên (không phải là Thượng đế theo quan niệm Thần quyền).
4. *Huyền giải* 縣解: *Huyền*, là cột lại; *giải*, là mở ra. Ở thiên Đại Tông Sư cũng có nói: “Đắc giả thời dã, thất giả thuận dã; an thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập dã, thử cổ chi sở vị huyền giải dã” (得者時也, 失者順也, 安時而處順哀樂不能入也, 此古之所謂縣解也。) . Bởi vậy, chỗ mà Trang Tử gọi là huyền giải, là ám chỉ cảnh giới mà sống chết bằng nhau, quên cả sự đắc thất (同死生忘得失之境界) .
5. *Cùng* 窮, tức là hết (盡) , ám chỉ *củi*. Củi là thân thể; lửa, là tinh thần. Củi tuy có chỗ tận, chỗ cùng, nhưng hết bó này đến bó kia (vô tận), thì lửa truyền từ bó củi này sang bó củi kia cũng vô đây. Ở đây ta thấy chủ trương của Trang Tử là tinh thần và vật chất đều nương nhau mà có, đều là một, và sinh tử cũng là một.

## DỊCH NGHĨA

**D.** Lão Đam chết. Tần Thát đến điều, khóc gào ba tiếng rồi bước ra.

Học trò hỏi:

- Không phải bạn của Thầy sao?

- Phải.

- Vậy thì, điều như vậy coi được không?

- Được chứ! Trước kia, đó là bạn ta thật; nay thì không phải vậy nữa. Lúc này ta vào điều, thấy có người già khóc như khóc con, có người trẻ khóc như khóc mẹ. Cái chỗ hợp lại đó (cái xác của ông ta), có cầu ai nói đến mà nói, có cầu ai khóc nó mà khóc. Thế là đã trốn trời, thêm tình, quên chỗ mình thọ lãnh. Người xưa gọi đó là hình phạt của sự trốn trời. Vui mà đến, là phu tử an thời; vui mà đi, là phu tử xử thuận. An thời xử thuận, thì buồn vui không sao xâm nhập cõi lòng. Người xưa cho rằng đó là tháo mở cái sợi dây mà Tạo hóa đã cột ta vào cõi sống. Thì cũng như việc lửa và củi, lửa truyền mãi không biết đến đâu là cùng.

§§§

## TỔNG BÌNH

Ở thiên Tề Vật, Trang Tử cho rằng sinh tử là một. Vậy sao còn quý cái sống mà dưỡng nó?

Hỏi thế là hỏi sai. Không ham sống, không sợ chết, xem tử như sinh, sinh như tử, và sinh tử là một, đó là cái đạo của Tề Vật. Nhưng ở cảnh nào phải biết vui với cảnh ấy<sup>[42]</sup>. Đang sống mà không lo dưỡng nó, để phải tật bệnh đau khổ, không biết thuận theo tự nhiên của nó mà dưỡng nó, thì còn đâu gọi là vui với nó! Không dưỡng nó để cho nó đau khổ, như vậy là cầu cái chết hay sao? Có biết bao kẻ quá đau khổ, đi cầu cái chết để thoát khổ của cảnh sống đầy tật bệnh, đó chẳng phải coi cái chết là quý sao? Như vậy đâu còn phải là cái đạo của Tề Vật nữa!

§§§

A. Những nguyên nhân làm cho ta thương sinh rất nhiều, nhưng không có chi nguy hiểm bằng tham vọng. Sự đeo bòng tham muốn chạy theo ngoại vật, cũng như chạy theo cái hiểu biết của cái học trực vật, đeo đuổi theo những vật bất thường và mộng ảo, là mối ưu tư không bờ bến làm mòn mỏi sinh lực con người không sao cứu được. Bởi vậy, ở đầu thiên Dưỡng Sinh, Trang Tử nói: “*Sinh lực của ta thì có hạn, mà sự muốn biết của ta thì không bờ bến. Dem cái có hạn (như sinh lực của ta) để mà chạy theo cái không bờ*

*bén (như lòng ham muốn) là nguy vậy! Đã biết thế mà còn không biết dừng, càng nguy hơn nữa.”*

Tiến thêm bước nữa, ông nói: *“Làm việc thiện mà không bị danh ràng buộc; làm việc ác mà không bị hình phạt tru lục. Thuận theo con đường giữa mà đi, thì có thể giữ được thân mình, có thể toàn được sinh mạng (...) có thể hưởng được tận tuổi trời.”*

Ở thiên Biền Mẫu 騙拇 có đoạn giải rất rõ cái ý nghĩa trên đây: *“Bá Di vì danh mà chết ở núi Thú Dương, còn Đạo Chích thì vì lợi mà chết ở gò Đông Lăng. Hai người ấy, tuy cái chỗ theo mà chết không giống nhau, nhưng đều làm tàn hại cái sống, thương tổn cái tánh mình cả. Chắc gì Bá Di là phải, mà Đạo Chích là quấy? Người trong thiên hạ đều chết theo như thế cả. Nếu mà cái mình chết theo ấy là nhân, là nghĩa, thì tục gọi là cái chết của người quân tử. Nếu cái mình chết theo ấy là tiền bạc, thì tục gọi là cái chết của tiểu nhân. Cái chỗ mà mình chết theo chỉ có một, vậy mà cũng quân tử tiểu nhân ư? Đến như cái việc tàn cái sống, tổn cái tánh, thì Đạo Chích cũng như Bá Di, đâu có khác nhau chỗ nào!”*

Người đạt Đạo, không thiên về lẽ phải hay lẽ quấy, hoặc nói cho đúng hơn, đã vượt lên trên phải quấy và đã *“thuận theo con đường giữa”* (duyên đốc dĩ vi kinh 緣督以爲經) nghĩa là gìn giữ quân bình (天鈞), nên không thiên hẳn bên nào đến phải *“chết vì một cái gì cả”* dù là cho lẽ phải hay lẽ quấy nào. Đạo là quân bình, bao giờ cũng ở trên thiên ác, cho nên người đạt Đạo biết rằng thiện ác nương nhau mà có, trong thiện có ẩn cái ác, trong ác có ẩn cái thiện, cho nên không vì điều phải lẽ quấy nào cả, mà phải ràng buộc mình và lo âu đến phải thương sinh vì nó cả. Nghĩa là người đạt Đạo là kẻ hoàn toàn tự do, không còn nô lệ bất cứ một bảng giá trị về điều phải lẽ quấy của một thứ luân lý tịnh nào nữa cả, cổ cũng như kim.

☪☪☪

**B.** Lưỡi dao của Bào Đinh đi giữa xương thịt mà không chạm gân xương nên đặng lâu dài mà không mòn mẻ. Đạo dưỡng sinh của người cũng một thế: cứ hoạt động trong chỗ hư không, thuận với lý tự nhiên, thì vật không thương tổn được.

Lòng tham muốn của ta về những vật ngoài ta, khác nào như gân xương, còn sinh lực của ta khác nào như lưỡi dao. Hễ còn lòng tham muốn, đeo bòng theo những vật ngoài mình, tức là *“những vật không tùng mình”*...thì mới có lo sợ: lo được, sợ mất. Đắc thất, doanh hư, thị phi, vinh nhục...đều là những cớ để làm náo loạn tinh thần, thương tổn sinh mạng. Tranh đấu với

những điều không thể tranh được, như thị phi, vinh nhục, với những lẽ doanh hư đắc thất trong đời, thì tranh ắt phải thất, đó là đem “lưỡi dao bén” mà chạm vào “gân xương”, thì dao mòn lưỡi mẻ. Vì vậy mà Lão Tử mới đề xướng thuyết Bất tranh (不爭) : “*Vì ta không tranh nên thiên hạ không ai tranh nổi với ta*” (夫唯不爭是以天下莫能與之爭) .

Tranh với nhau, là vì còn cùng nhận một bản giá trị như nhau, chứ đối với kẻ đã vượt lên trên mọi giá trị về thị phi, thiện ác...thì còn đi tranh với họ phải quấy làm gì được nữa. Có ai lại đi tranh giành phú quý với kẻ đã xem thường phú quý? Cho nên mới nói: “*Vì ta không tranh, nên thiên hạ không ai tranh nổi với ta*”.

§§§

**D.** Lại còn một nguyên nhân nữa làm cho con người thành một con vật đau khổ nhất trên đời, là lòng ham sống, sợ chết. Lòng ham sống và sợ chết mà không còn, thì tinh thần ta mới không nao loạn. Tinh thần mà không nao loạn, thì bệnh hoạn do đâu mà sinh ra?

*“Lão Đan chết. Tần Thắt đến điếu, khóc gào ba tiếng rồi bước ra:*

*Học trò hỏi:*

*- Không phải bạn của Thầy sao?*

*- Phải.*

*- Vậy thì, điếu như thế coi được không?*

*- Được chứ! Trước kia, đó là bạn ta thật; nay thì không phải vậy nữa. Lúc này ta vào điếu thấy có người già khóc như khóc con, có người trẻ khóc như khóc mẹ. Cái xác ấy có cầu ai nói đến mà nói, có cầu ai khóc nó mà khóc. Thế là đã trốn Trời, thêm tình, quên chỗ mình thọ lãnh. Người xưa gọi đó là cái hình khổ của sự trốn Trời. Vui mà đến, là phu tử an thời, vui mà đi, là phu tử xử thuận. An thời xử thuận, thì buồn vui không sao xâm nhập được cõi lòng. Người xưa gọi đó là huyền giải. Thì cũng như việc lửa với củi; lửa truyền mãi không biết đến đâu là cùng.”*

Dùng lửa mà nhen củi, củi tận mà tưởng là lửa tận, đó là chỗ thấy của thường nhơn. Thật ra, củi có tận, mà lửa thì vô tận, truyền mãi từ bó củi này sang bó củi khác, không khác nào cái sống của ta truyền từ hình thể này qua hình thể kia (火之傳於新猶神之傳於形) .

§§§

Dưỡng sinh có hai phương diện! Dưỡng cái sống “có sống có chết” (thân thể) và dưỡng cái sống “không sống không chết” (chân tính). Trên đây, là bàn về cái đạo dưỡng cái sống “có sống có chết”. Đến khi bàn đến cái sống “không sống không chết”, Trang Tử kết luận bằng cái tỉ dụ “củi và lửa” như vậy: *“khi lửa cháy hết bó củi này, thì truyền sang qua bó củi khác...không bao giờ tắt”*. Cái sống “không sống không chết” như lửa, không bao giờ cùng. Hãy gìn giữ nó, và đừng bao giờ để nó vì tư tâm tư dục mà đèo bồng tham muốn những cái ngoài phận mình mà mờ tắt đi.

§§§

Dưỡng sinh cũng phải vừa lo trong, vừa lo ngoài, không nên thái quá hay bất cập.

Thiên Đạt Sinh 達生 giải về cái đạo dưỡng sinh vừa bên trong bên ngoài này rất rõ: *“Diễn Khai Chi yết kiến Châu Uy Công. Uy Công nói: ‘Ta có nghe Thầy của Khanh là Chúc Thận có được cái đạo sống. Khanh cùng Chúc Thận ở chung nhau, vậy Khanh có nghe nói về đạo ấy không?’*

*Diễn Khai Chi nói: ‘Tôi là đũa quét nhà, làm gì nghe đặng!’*

*Uy Công nói: ‘Diễn tử chớ khiêm nhượng. Quả nhân muốn nghe điều đó.*

*Diễn Khai Chi nói: ‘Nghe Thầy tôi nói: Người khéo dưỡng sinh giống như người chăn chiên. Thấy con nào lẻ bầy, thì quất nó (cho nó trở về với bầy).’*

*Uy Công nói: ‘Nghĩa là sao?’*

*Diễn Khai Chi nói: ‘Tại nước Lỗ, có tên Đơn Báo ở trong non, uống nước suối, không cùng người cộng lợi. Đã bảy mươi tuổi mà nhan sắc còn như đứa con nít. Rủi bị cọp đói bắt ăn. Cũng có tên Trương Nghị, không cửa cao nhà rộng nào mà y không chạy đến (để cầu thân). Được bốn mươi tuổi, bị bệnh nội nhiệt mà chết. Báo, thì dưỡng phần trong mà cọp ăn phần ngoài; Nghị, thì dưỡng phần ngoài mà bị bệnh giết phần trong. Hai người đó đều không biết quất con chiên lẻ bầy.’”*

Trong và ngoài, là hai điều không thể lìa nhau. Vật chất, tinh thần, đối với Trang Tử, không phải chỉ ảnh hưởng lẫn nhau rất mật thiết mà thôi, hơn nữa, *cả hai là một*. Để cho lìa nhau, là sai với tự nhiên, không khác nào con chiên lạc bầy. Đánh cho nó trở về, là hợp lại hai lẽ “trong” và “ngoài”: đạo dưỡng sinh đến đó mới là đầy đủ và toàn hảo.

§§§



Đến như cái hại về sinh lực do sự sắc dục ăn uống mà gây nên, người dưỡng sinh cũng không nên không để ý: “*Gặp nơi tử địa, anh em cha con còn biết lo sợ, răn bảo nhau đừng bước vào. Còn như trên chăn chiếu, giữa cuộc uống ăn, cũng là nơi tử địa, sao không mấy kẻ biết lo sợ, không biết răn nhủ nhau, lại còn mạo hiểm lấn mình vào, thì là quá rồi!*” (Đạt Sinh)

Nhất là đừng để kẻ khác lợi dụng lòng háo danh của mình để bắt mình phụng sự cho tư dục họ: Trang Tử, cũng trong thiên Đạt Sinh, có nói: “*Một vị quan lãnh việc tế tự, nói với heo: ‘Sao bây giờ ghét chết? Ta nuôi bây giờ trọn ba tháng. Vì bây giờ mà ta phải giữ ba ngày chay, mười ngày giới. Lúc tế, ta để bày trên chiếu trắng, trên mâm chạm. Bây giờ còn phàn nàn nổi gì nữa?’ Ôi! Nếu vị quan ấy, thật tình nuôi heo (vì nó), sao không để cho nó tự do ăn tấm cám, sao cũng được. Vị quan ấy thích sống theo áo mũ, chết có quan quách, và cho vậy là vinh, rồi lại tưởng cho heo cũng như thế!*”

Người ta nói: “Nuôi quân ngàn thuở, nhờ có một khi”...Và chỉ một khi thôi, nhưng có khi lại phải thương sinh tánh mạng là thường. . .”*Trang Tử câu trên sông Bộc. Sở vương sai hai quan đại phu đem lễ vật mời ông ra làm quan. Trang Tử cảm cần câu không nhúc nhích cũng không thềm nhìn lại, nói: ‘Tôi nghe vua Sở có con thần quy, chết đã ba nghìn năm. Vua Sở quý nó và cất trên miếu đường. Con quy ấy chịu chết để lưu lại cái xương của mình cho người sau quý trọng, hay chịu thà sống mà kéo lê cái đuôi của mình trong bùn?’ Hai vị đại phu nói: ‘Thà sống mà kéo lê cái đuôi trong bùn còn hơn!’ Trang Tử nói: ‘Thôi về đi! Ta đây cũng chịu kéo lê cái đuôi của mình trong bùn...’” (Thu Thủy)*

Người theo đạo dưỡng sinh có đâu lại lao đầu vào vòng “cân đai áo mũ”, “cá chậu chim lồng” để phải bị chặt chớn, lại còn ngoan cố ngụy biện cho là số trời<sup>[43]</sup>! “*Con trỉ ở trong chằm, mười bước đi một lần mổ, trăm bước đi một lần uống, nhưng nào có mong được nuôi dưỡng ở trong lồng. . .*” dù đó là một cái lồng sơn son thếp vàng...

## ĐỨC SUNG PHÙ

### 德充符

---

A. 魯有兀者王骀，從之遊者與仲尼相若。常季問於仲尼曰：「王骀，兀者也，從之遊者與夫子中分魯。立不教，坐不議，虛而往，實而歸。固有不言之教，無形而心成者邪？是何人也？」

仲尼曰：「夫子，聖人也。丘也，直後而未往耳。丘將以為師，而況不若丘者乎！奚假魯國！丘將引天下而與從之。」

常季曰：「彼兀者也，而王先生，其與庸亦遠矣。若然者，其用心也獨若之何？」

仲尼曰：「死生亦大矣，而不得與之變；雖天地覆墜，亦將不與之遺。審乎無假而不與物遷，命物之化而守其宗也。」

常季曰：「何謂也？」

仲尼曰：「白其異者視之，肝膽楚越也；自其同者視之，萬物皆一也。夫若然者，且不知耳目之所宜，而遊心乎德之和；物視其所一而不見其所喪，視喪其足猶遺土也。」

常季曰：「彼為己，以其知得其心，以其心得其常心，物何為最之哉？」

仲尼曰：「人莫鑒於流水而鑒於止水，唯止能止眾止。受命於地，唯松柏獨也在冬夏青青；受命於天，唯舜獨也正，幸能正生，以正眾生。夫保始之徵，不懼之實；勇士一人，雄入於九軍。將求名而能自要者，而猶若是，而況官天地，府萬物，直寓六骸，象耳目，一知之所知，而心未嘗死者乎！彼且擇日而登假，人則從是也。彼且何肯以物為事乎！」

A. Lỗ hữu ngột giả Vương Đài, tùng chi du giả, dĩ Trọng Ni tương nhưc.

Thường Quý vấn ư Trọng Ni viết: “Vương Đài ngột giả dã, tùng chi du giả dĩ phu tử trung phân Lỗ. Lập bất giáo, tọa bất nghị, hư nhi vãng, thực

nhi quy; cố hữu bất ngôn chi giáo, vô hình nhi tâm thành giả da? Thị hà nhơn dã?”

Trọng Ni viết: “Phu tử, thánh nhơn dã. Khuru dã trực hậu nhi vị vãng nhĩ! Khuru tương dĩ vi sư, nhi huống bất nhược Khuru giả hồ! Hề giả Lỗ quốc, Khuru tương dẫn thiên hạ nhi dữ tòng chi.”

Thường Quý viết: “Bỉ ngọt giả dã, nhi Vương tiên sinh, kỳ dữ dung diệc viễn hĩ! Nhược nhiên giả, kỳ dụng tâm dã, độc nhược chi hà?”

Trọng Ni viết: “Tử sinh diệc đại hĩ, nhi bất đắc dữ chi biến, tuy thiên địa phúc trụy, diệc tương bất dữ chi di. Thảm hồ vô giả, nhi bất dữ vật thiên, mạng vật chi hóa, nhi thủ kỳ tông dã.”

Thường Quý viết: “Hà vị dã?”

Trọng Ni viết: “Tự kỳ dị giả thị chi, can đảm Sở Việt<sup>1</sup> dã; tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã. Phù nhược nhiên giả, thả bất tri nhĩ mục chi sở nghi<sup>2</sup>, nhi du tâm hồ đức chi hòa<sup>3</sup>. Vật thị kỳ sở nhất nhi bất kiến kỳ sở táng, thị táng kỳ túc, do di thô dã.”

Thường Quý viết: “Bỉ vị kỳ, dĩ kỳ tri<sup>4</sup>, đắc kỳ tâm, dĩ kỳ tâm, đắc kỳ thường tâm<sup>5</sup>, vật hà vi tối<sup>6</sup> chi tai?”

Trọng Ni viết: “Nhơn mạc giám ư lưu thủy, nhi giám ư chỉ thủy, duy năng chỉ, năng chỉ chúng chi<sup>7</sup>. Thụ mạng ư địa, duy tòng bá độc dã tại. Đông hạ thanh thanh, thụ mạng ư thiên, duy Thuấn độc dã chính. Hạnh năng chính sinh<sup>8</sup>, dĩ chính chúng sinh. Phù bão thủy chi trung, bất cụ chi thực; dưỡng sĩ nhất nhơn, hùng nhập ư cửu quân, tương cầu danh nhi năng tự yếu giả, nhi do nhược thị; nhi huống quan thiên địa, phủ vạn vật, trực ngu lục hải, tượng nhĩ mục, nhất tri chi sở tri, nhi tâm vị thường tử giả hồ? Bỉ thả trạch nhật nhi đăng giả, nhơn tắc tòng thị dã; bỉ thả hà khảng dĩ vật vi sự hồ?<sup>9</sup>”

## CHÚ

1. Với nhãn quang nhị nguyên, thì ngay trong thân thể của ta sẽ thấy các tạng phủ như là nghịch với nhau cả (như nước Sở nước Việt cách biệt nhau vậy).
2. Tức là quên mất cả thanh sắc thị phi, mỹ ác...
3. 德之和 (đức chi hòa), tức là “hòa” của Đạo và Đức, tức là chỗ mà Lão tử gọi “*thượng đức bất đức*” (上德不德) cái Đức siêu việt của Đạo gồm nắm cả thị phi, thiện ác...
4. Cái “biết” 知 đây, là ám chỉ “chân trí” (真智) (cái biết thật).

5. Tâm thường 常 心: tức là cái tâm thường trụ, bất biến đồng với Đạo thường (常 道) nơi mình. Chữ “tâm” 心 trước, là ám chỉ cái tâm bất thường, còn vọng động của mình.
6. Chữ 最 ở đây có nghĩa là “tụ” 聚: hợp lại, tụ lại. Ý nói, tại sao chúng nhơn lại tụ về theo ông ta (Vương Đài).
7. Không ai lại đi cầu học nơi một kẻ mà lòng còn vọng động (náo loạn vì ngoại vật). Chỉ có sự điềm đạm hư vô là đặc tánh của bậc Thánh nhơn sống giữa sự náo động không dừng của thiên hạ. Cũng như mọi thứ cây cối đều thụ mạng nơi đất, thế mà chỉ riêng có cây tùng cây bách thì cành lá bốn mùa vẫn xanh tươi không thay đổi...vì nó còn giữ được đặc tính trường xuân của nó.
8. Chữ chính 正 đây, là chính kỷ 正 己. Chữ sinh 生 đây, nguyên là chữ tánh 性, hay là bản tánh 本性 (theo Quách Tượng).
9. Chông lại với tư cách “khuyến dụ” người theo đạo của phân đông các tôn giáo.

## DỊCH NGHĨA

### ĐỨC SUNG PHÙ

**A.** Nước Lô, có người cắt chơn, tên là Vương Đài. Số người theo học ngang với Trọng Ni.

Thường Quý hỏi Trọng Ni: “Vương Đài là kẻ cắt chơn, lại cùng Thầy chia hai học trò nước Lô. Người ấy, đứng thì không dạy điều chi; ngồi thì không nghị luận việc gì. Thế mà, người học đến thì không có gì cả, mà khi ra về thấy mình đầy đủ. Vậy thì, có lối dạy mà không cần đến lời, mặc nhiên mà cảm hóa được lòng người hay sao? Người ấy là người gì vậy?”

Trọng Ni đáp: “Phu tử là bậc Thánh nhơn đấy! Khuru này đi sau, chưa thể theo kịp đó. Khuru còn muốn tôn đó làm Thầy, huống hồ là những kẻ không bằng Khuru! Nói chi là một nước Lô, Khuru này còn muốn dẫn cả thiên hạ mà cùng theo đó.”

Thường Quý nói: “Đó là kẻ cắt chơn, vậy mà được Phu tử gọi là bậc Thầy họ Vương, tất nhiên người ấy phải có cái gì khác xa với kẻ tầm thường! Như vậy thì, riêng ông ta đã sử dụng cái Tâm như thế nào?”

Trọng Ni đáp: “Chết sống là việc lớn còn không làm cho đó biến đổi; Trời Đất dù sụp đổ, cũng không làm cho đó xao động. Xét rõ Tánh Mạng, mà không để cho vật ngoài đời đổi. Khiến vật hóa sinh, mà giữ lấy phân chủ của vật hóa.”

Thường Quý nói: “Như thế nghĩa là gì?”

Trọng Ni đáp: “Có hai cách nhận thức sự vật, nếu đứng chỗ khác biệt nhau mà xem, thì dù như gan với mật cũng thấy cách nhau xa như Sở với Việt; nhưng, nếu đứng chỗ đồng nhau mà xem, thì sẽ thấy vạn vật đều là một cả. Và nếu được vậy (tức là biết đứng chỗ đồng nhau mà xem vạn vật) thì đâu cần gì đến sự nhận thức của tai mắt nữa mà để cho lòng mình rong chơi nơi chỗ ‘hòa’ của Đức. Vì vậy mà coi sự mất một chơn của mình như một hòn đất bị đánh rơi thôi!”

Thường Quý nói: “Ông ấy tu kỹ, lấy cái biết của mình mà xét được cái tâm của mình; lấy cái tâm của mình mà xét được cái tâm thường của mình. Nhưng rồi, tại sao người người lại chạy về với ông ấy?”

Trọng Ni nói: “Người ta, không ai lại soi mình ở làn nước chảy, mà soi mình ở làn nước đứng. Chỉ có cái ‘lặng đứng’ mới dừng lại được cái lòng mong lặng đứng của người người. Cùng thụ Mạng nơi Đất mà riêng chỉ có cây tùng cây bách là luôn luôn tồn tại: một màu xanh xanh, bất cứ ở mùa nào, mùa hạ hay mùa đông. Cùng thụ Mạng nơi Trời mà riêng chỉ có ông Thuấn là giữ được cái Chánh của mình. Cầm đầu thiên hạ mà chính được cái Tánh của mình, thì chính được mọi người. Hạng người mà giữ được Bản Tánh, thì bên ngoài rất điềm tĩnh, chẳng biết sợ gì cả, như người dũng sĩ một mình xông vào chín vòng quân. Vì hiếu danh mà họ còn dám làm việc ấy, huống hồ hạng người chủ được Trời Đất, chứa được vạn vật thì đối với cái thân này chẳng qua là gói vào sáu hài, nương vào tai mắt, còn sự hiểu biết của họ thì bao la mà cái tâm họ chưa từng có chết? Con người ấy chọn ngày để trút bỏ cái giả. Người ta tự chạy theo đấy thôi, chứ tự người ấy đâu có chịu đem mình mà phụng sự cho thiên hạ?”

§§§

**B.**申徒嘉，兀者也，而與鄭子產同師於伯昏無人。子產謂申徒嘉曰：「我先出則子止，子先出則我止。」

其明日，又與合堂同席而坐。子產謂申徒嘉曰：「我先出則子止，子先出則我止。今我將出，子可以止乎，其未邪？且子見執政而不違，子齊執政乎？」

申徒嘉曰：「先生之門，固有執政焉如此哉！子而說子之執政而後人者也！」

聞之曰：『鑒明則塵垢不止，止則不明也。久與賢人處則無過。』子今之所取大者，先生也，而猶出言若是，不亦過乎

？」

子產曰：「子既若是矣，猶與堯爭善，計子之德不足以自反邪？」

申徒嘉曰：「自狀其過以不當亡者眾，不狀其過以不當存者寡。知不可奈何而安之若命，唯有德者能之；遊於羿之彀中，中央者，中地也；然而不中者，命也。人以其全足笑吾不全足者眾矣，我怫然而怒；而適先生之所，則廢然而反。不知先生之洗我以善邪！吾與夫子遊十九年矣，而未嘗知吾兀者也。今子我遊於形骸之內，而子索我於形骸之外，不亦過乎？」

子產蹴然改容更貌曰：「子無乃稱！」

**B. Thân Đồ Gia** ngọt giả dã, nhi dữ Trịnh Tử Sản<sup>1</sup> đồng sư ư Bá Hôn Vô Nhơn. Tử Sản vị Thân Đồ Gia viết: “Ngã tiên xuất, tắc tử chi, tử tiên xuất tắc ngã chi.”

Kỳ minh nhật hựu dữ hợp đường đồng tịch nhi tọa. Tử Sản vị Thân Đồ Gia viết: “Ngã tiên xuất, tắc tử chi, tử tiên xuất, tắc ngã chi. Kim ngã tương xuất, tử khả dĩ chi hồ? Kỳ vị da? Thả tử kiến chấp chính nhi bất vi, tử tề chấp chánh hồ?”

Thân Đồ Gia viết: “Tiên sinh chi môn cố hữu chấp chính yên như thử tai? Tử nhi duyệt<sup>2</sup> tử chi chấp chính nhi hậu nhơn giả dã!”

Văn chi viết: Giám minh tắc trần cấu bất chi, chi tắc bất minh dã. Cửu dữ hiền nhân xử tắc vô quá. Tử kim chi sở thủ đại giả, tiên sinh dã, nhi do xuất ngôn nhược thị bất diệc quá hồ?”

Tử Sản viết: “Tử ký nhược thị hĩ, do dữ Nghiêu tranh thiện, kế tử chi đức, bất túc dĩ tự phản da?”

Thân Đồ Gia viết: “Tự trạng kỳ quá dĩ bất đương vong giả chúng; bất trạng kỳ quá dĩ bất đương tồn giả quả. Tri bất khả nại hà nhi an chi nhược mạng, duy hữu đức giả năng chi. Du ư Nghệ<sup>3</sup> chi cốc trung, trung ương giả, trung địa dã, nhiên nhi bất trúng giả, Mạng dã. Nhơn dĩ kỳ toàn túc tiểu ngô bất toàn túc giả, chúng hĩ. Ngã phát nhiên nhi nộ, nhi thích tiên sinh chi sở, tắc phé nhiên nhi phản bất tri tiên sinh chi tẩy ngã dĩ thiện da? Ngô dữ phu tử du thập cửu niên hĩ, nhi vị thường tri ngô ngọt giả dã. Kim tử ngã du ư hình hài chi nội, nhi tử sách ngã ư hình hài chi ngoại, bất diệc quá hồ?”

Tử Sản thác nhiên cải dung canh mạo, viết: “Tử vô nãi xưng”.

## CHÚ

1. Tử Sản đang là tướng quốc nước Trịnh.
2. Chữ 說 cùng với chữ 悅 đồng nhau. Trong Kinh Truyện thường viết là 說 thay vì 悅 (Từ Nguyên).
3. 羿, tên của một người xưa có biệt tài bắn cung không ai bì kịp.

## DỊCH NGHĨA

**B.** Thân Đồ Gia là người cụt chơn, cùng với Tử Sản nước Trịnh đồng học với Bá Hôn Vô Nhân. Tử Sản bảo với Thân Đồ Gia: “Ta ra trước thì người ở lại. Người ra trước thì ta ở lại”.

Ngày hôm sau, lại cùng một chỗ học, cùng ngồi một chiếu. Tử Sản bảo với Thân Đồ Gia: “Ta ra trước thì người ở lại. Người ra trước thì ta ở lại. Nay ta sắp đi ra, vậy người có thể ở lại chẵn, hay là chưa có thể được? Và người thấy kẻ cầm chính quyền sao không biết tránh qua một bên? Người ngang hàng với kẻ cầm chính quyền ư?”

Thân Đồ Gia nói: “Ở cửa Thầy đây sao lại có kẻ gọi là cầm chính quyền? Người thích thú với cái việc cầm chính quyền của người mà xem mọi người đều đứng sau người cả! Ta nghe Thầy nói rằng: Gương sáng là vì bụi bặm không vương, bụi bặm mà vương lên thì mặt gương sẽ lu mờ! Ở lâu với bậc hiền giả thì ắt không lỗi lầm. Nay người ở trong cửa Thầy để cầu học cái đại thức, thế sao lại còn thốt ra được những lời như vậy, há chẳng cũng làm lỗi hay sao?”

Tử Sản nói: “Người đã là người (tàn tật) như thế, lại còn mong cùng với Nghiêu mà tranh thiên hay sao? Kẻ về đức của người, không đủ để mà xét lại mình ư?”

Thân Đồ Gia nói: “Tự che đây lỗi của mình, cho là không đáng bị hình chặt chơn, thì nhiều! Không che đây lỗi của mình, cho là không đáng còn chơn, thì ít. Biết là không thể làm thế nào khác được mà yên lòng chịu nó và cho là số mạng, thì chỉ có người có Đức mới có thể làm nổi. Ở ngay trung tâm lần tên của Nghê mà lại thoát khỏi bị tên, đó là Mạng vậy. Những kẻ cậy mình có đủ hai chơn để chế nhạo người không đủ hai chơn như ta, thì nhiều lắm! Ta nghĩ cũng tức giận, nhưng khi đến học với Thầy thì lại bâng khuâng mà trở về, không rõ Thầy đã đem cái hay gì mà rửa ráy được lòng ta? Ta ở cùng Thầy đã mười chín năm thế mà Thầy chưa thường thấy ta là đứa cụt chơn! Nay người chơi với ta ở chỗ bên trong của hình hài, mà

ngươi lại còn khất khe với cái hình hài bên ngoài của ta, chẳng cũng làm lỗi hay sao?”

Tử Sản áy náy, đổi sắc mặt mà nói: “Thôi, đừng nói đến chuyện ấy nữa!”

§§§

C. 魯有兀者叔山無趾，踵見仲尼。仲尼曰：「子不謹，前既犯患若是矣。雖今來，何及矣！」

無趾曰：「吾唯不知務而輕用吾身，吾是以亡足。今吾來也，猶有尊足者存，吾是以務全之也。夫天無不覆，地無不載，吾以夫子為天地，安知夫子之猶若是也！」

孔子曰：「丘則陋矣！夫子胡不入乎，請講以所聞！」

無趾出。孔子曰：「弟子勉之！夫無趾，兀者也，猶務學以復補前行之惡，而況全德之人乎！」

無趾語老聃曰：「孔丘之於至人，其未邪

？彼何賓賓以學子為？彼且蘄以諛詭幻怪之名聞，不知至人之以是為己桎梏邪？」

老聃曰：「胡不直使彼以死生為一條，以可不可為一貫者，解其桎梏，其可乎？」

無趾曰：「天刑之，安可解！」

C. Lỗ hữu ngột giả Thúc Sơn Vô Chi, chủng kiến Trọng Ni. Trọng Ni viết:

“Tử bất cẩn, tiền ký phạm hoạn nhược thị hĩ, tuy kim lai hà cập hĩ!”

Vô Chi viết: “Ngô duy bất tri vụ nhi khinh dụng ngô thân, ngô thị dĩ vong túc. Kim ngô lai dã, do hữu tôn túc giả tồn. Ngô thị dĩ vụ toàn chi dã. Phù thiên vô bất phú, địa vô bất tái, ngô dĩ phu tử vi thiên địa; an tri phu tử chi do nhược thị dã!”

Khổng Tử viết: “Khuru tác lậu hĩ! Phu tử hồ bất nhập hồ? Thỉnh giảng dĩ sở văn.”

Vô Chi xuất. Khổng Tử viết: “Đệ tử miễn chi! Phù Vô Chi ngột giả dã, do vụ học dĩ phục bổ tiền hành chi ác, nhi huông toàn đức chi nhơn hồ?”

Vô Chi ngữ Lão Đam viết: “Khổng Khuru chi ư chí nhơn, kỳ vị da? Bĩ hà tân tân dĩ học tử vi! Bĩ thả kỳ dĩ xúc quý<sup>[44]</sup> huyễn quái chi danh văn, bất tri chí nhơn chi dĩ thị vi kỳ chất cóc da?”

Lão Đam viết: “Hồ bất trực sử bĩ dĩ tử sinh vi nhất điều, dĩ khả bất khả vi nhất quán giả, giải kỳ chất cóc, kỳ khả hồ?”



Vô Chi viết: “Thiên hình chi, an khả giải.”

## **DỊCH NGHĨA**

*C. Nước Lỗ, có người cụt chơn, tên là Thúc Sơn Vô Chi, khắp khễnh đến ra mắt Trọng Ni. Trọng Ni nói:*

*- Người trước đây không cẩn thận nên phải bị tai họa như thế, nay dù có đến đây cũng không sao kịp nữa!*

*Vô Chi nói: “Tôi vì không biết việc nên khinh dụng tám thân này mà phải bị mất hết một chơn. Nay tôi đến đây, còn lại có một chơn quý này, thời tôi mong giữ cho nó vẹn toàn. Trời, không gì là không che; Đất không gì là không chở, tôi mong xem phu tử như Trời Đất. Nào ngờ Phu tử lại xử với tôi như thế!”*

*Khổng Tử nói: “Khuru này quả hẹp hòi! Sao ông không vào trong chơi, tôi xin đem những gì đã nghe được mà giảng cho ông nghe!”*

*Vô Chi ra đi. Khổng Tử nói:*

*- Các đệ tử hãy cố gắng lên! Kia như Vô Chi là kẻ cụt chơn mà còn biết mong học để bù lại cái việc làm sai lầm buổi trước, huống chi kẻ mà đức vẫn còn vẹn toàn!*

*Vô Chi nói chuyện với Lão Đam:*

*- Khổng Khuru hình như chưa phải là bậc chí nhon! Ông ta dạy làm gì mà đông học trò thế? Ông lại còn mong được tẩm tiếng về những cái học kỳ dị huyền hoặc, vậy chứ ông không biết rằng đối với bậc chí nhon, đó toàn là những gông cùm cho mình ư?*

*Lão Đam nói:*

*- Sao ông không bảo thẳng cho ông ta biết rằng sống và chết đều là cùng một lẽ, nên và chẳng nên đều cùng là một việc, hầu mở gông cùm cho ông ta có được không?*

*Vô Chi nói:*

*- Trời đã hành tội ông ta, gỡ ra sao được!*

§§§

**D.**魯哀公問於仲尼曰：「衛有惡人焉，曰哀駘它。丈夫與之處者，思而不能去也。婦人見之，請於父母曰：與人為妻寧為夫子妾者，十數而未止也。未嘗有聞其唱者也，常和人而已矣。無君入之位以濟乎人之死，無聚祿以望人之腹；又以惡駘天下，和而不唱，知不出乎四域，且而雌雄合乎前，是必有

異乎人者也。寡人召而觀之，果以惡駭天下，與寡人處，不至以月數，而寡人有意乎其為人也；不至乎期年，而寡人信之。國無宰，而寡人傳國焉。悶然而後應，汜而若辭。寡人醜乎，卒授之國。無幾何也，去寡人而行，寡人卹焉若有亡也，若無與樂是國也。是何人者也？」

仲尼曰：「丘也嘗使於楚矣，適見子食於其死母者，少焉眴若皆棄之而走。不見己焉爾，不得類焉爾。所愛其母者，非愛其形也，愛使其形者也。戰而死者，其人之葬也不以嬰資；則者之履，無為愛之；皆無其本矣。今哀駘它未言而信，無功而親，使人授己國，唯恐其不受也，是必才全而德不形者也。」

哀公曰：「何謂才全？」

仲尼曰：「死生存亡，窮達貧富，賢與不肖毀譽，飢渴寒暑，是事之變，命之行也。日夜相代乎前，而知不能規乎其始者也。故不足以滑和，不可入於靈府。使之和豫，通而不失於兌；使日夜無卻，而與物為春，是接而生時於心者也。是之謂才全。」

「何謂德不形？」

曰：「平者，水停之盛也。其可以為法也，內保之而外不蕩也。德者，成和之脩也。德不形者，物不能離也。」

哀公異日以告閔子曰：「始也吾以南面而君天下，執民之紀而憂其死，吾自以為至通矣。今吾聞至人之言，恐吾無其實，輕用吾身而亡吾國。吾與孔丘，非君臣也，德友而已矣！」

**D. Lỗ Ai Công vấn ư Trọng Ni viết:** “Vệ hữu ác nhơn yên, viết Ai Đài Đà, trượng phu dữ chi xử giả, tư nhi bất năng khứ dã, phụ nhơn kiến chi, thỉnh ư phụ mẫu, viết: “Dữ nhơn vi thê, ninh vi phu tử thiếp giả, sở thập nhi vị chi dã. Vị thường hữu văn kỳ xướng giả dã, thường họa nhơn nhi dĩ hĩ. Vô quân tử chi vị, dĩ tế hồ nhơn chi tử, vô tỵ lộc dĩ vọng nhơn chi phúc, hựu dĩ ác hải thiên hạ, họa nhi bất xướng, tri bất xuất hồ, tứ vực, thả nhi thư hùng hợp hồ tiên, thị tất hữu dị hồ nhơn giả dã. Quả nhân triệu nhi quan chi, quả dĩ ác hải thiên hạ, dữ Quả nhân xử, bất chí dĩ ngoạt số, nhi Quả nhân hữu ý hồ kỳ vi nhơn dã; bất chí hồ cơ niên, nhi Quả nhân tín chi. Quốc vô tể, nhi Quả nhân truyền quốc yên. Muộn nhiên nhi hậu ứng. Tỵ nhược nhi từ, Quả nhân xú hồ tốt thụ chi quốc, vô kỹ hà dã, khứ Quả nhân nhi hành. Quả nhân tuất yên, nhược hữu vong dã, nhược vô dữ lạc thị quốc dã. Thị hà nhơn giả dã?”

Trọng Ni viết: “Khuru dã thường sử ư Sở hĩ, thích kiến đồn tử thực ư kỳ tử mẫu giả; thiếu yên tuần nhược giai khí chi nhi tẩu; bất kiến kỷ yên nhĩ, bất đắc loại yên nhĩ! Sở ái kỳ mẫu giả, phi ái kỳ hình dã, ái sử kỳ hình giả dã. Chiến nhi tử giả, kỳ nhơn chi táng dã, bất dĩ sấp tư, tắc giả chi lữ, vô vi ái chi, giai vô kỳ bản hĩ. Kim Ai Đài Đà vị ngôn nhi tín, vô công nhi thân, sử nhơn thụ kỷ quốc, duy khùng kỳ bất thụ dã, thị tất tài toàn nhi đức bất hình giả dã.

Ai Công viết: “Hà vị tài toàn?”

Trọng Ni viết: “Tử sinh, tồn vong, cùng đạt, bản phú, hiền dữ bất tiếu, hủy dự, cơ khát hàn thử: thị sự chi biến, mạng chi hành dã. Nhật dạ tương đại hồ tiền, nhi tri bất năng quy hồ kỳ thủy giả dã; cố bất túc dĩ hoạt hòa, bất khả nhập ư linh phủ<sup>1</sup> sử chi hòa dự, thông nhi bất thất ư duyệt; sử nhật dạ vô khước nhi dữ vật vi xuân thị tiếp nhi sinh thời ư tâm giả dã, thị chi vị tài toàn.”

“Hà vị đức bất hình?”

Viết: “Bình giả thủy đình chi thịnh dã kỳ khả dĩ vi pháp dã, nội bảo chi nhi ngoại bất đặng dã. Đức giả thành hòa chi tu dã, đức bất hình giả, vật bất năng ly dã.”

Ai Công dị nhật dĩ cáo Mẫn Tử viết:

“Thủy dã ngô dĩ nam diện nhi quân thiên hạ, chấp dân chi kỷ, nhi ưu kỳ tử, ngô tự dĩ vi chí thông hĩ. Kim ngô văn chí nhơn chi ngôn khùng ngô vô kỳ thực, khinh dụng ngô thân, nhi vong ngô quốc. Ngô dữ Khổng Khuru, phi quân thân dã, đức hữu nhi dĩ hĩ.”

## CHÚ

1. *Linh phủ* 靈府: chỗ ở của tinh thần (精神之所宅也), ám chỉ cái tâm của mình. Ý nói những vấn đề thuộc về việc sống chết, cùng thông, hiền ngu, phải quấy v. v...chỉ là những sự bất thường, không nên để cho nó làm điên đảo sự yên tĩnh của tâm hồn (吾之太和).
2. *Linh phủ*, đồng một nghĩa với *linh đài* 靈臺 mà Trang Tử thường dùng ở Canh Tang Sở 庚桑楚 trong câu “不可內於靈臺”. Ở đây Quách Tượng giải chữ *linh đài* là ám chỉ cái tâm (靈臺者心也).

## DỊCH NGHĨA

D. Lỗ Ai Công hỏi Trọng Ni:

- Nước Vệ có một người xấu xí, tên là Ai Đài Đà. Đàn ông nào ở với nó, nhớ không thể bỏ đặng. Đàn bà nào thấy nó, về xin cha mẹ rằng: thà làm vợ bé của nó hơn làm vợ lớn kẻ khác. Số người ấy có đến mười mấy rồi, thế mà cũng chưa hết. Chưa thường nghe nó xưng lên ý gì, chỉ có họa theo ý người mà thôi. Không có địa vị quyền thế gì để cứu người khỏi chết; không có tiền bạc của cải gì để nuôi ai no bụng, lại còn hình thù xấu xí để làm thiên hạ phải sợ. Chỉ có họa mà không có xưng. Trí nó không ra ngoài bốn vách rào làng. Thế mà giống đực giống cái lại xúm xít trước mặt, ấy là kẻ tất phải có cái gì khác lạ hơn người. Quả nhân triệu nó đến xem, thì quả là hình thù xấu xí làm cho thiên hạ đều phải sợ. Ở với quả nhân không đầy một tháng, mà quả nhân đã để ý đến cách ăn ở của nó. Không đầy một năm, quả nhân tin nó. Nước không có kẻ cầm quyền chính, quả nhân giao việc nước cho nó. Nó buồn buồn, thờ ơ ra vẻ chối từ làm cho quả nhân hổ thẹn. Sau cùng nó nhận, nhưng rồi, không bao lâu lại bỏ quả nhân mà đi. Quả nhân buồn bực như mất một vật gì, như không còn có người để cùng vui trong nước nữa! Vậy người ấy là người thế nào?

Trọng Ni nói: “Khuru này, từng sang sứ bên nước Sở. Thấy đàn heo con đang bú mẹ, mà mẹ chúng đã chết rồi.

Một lúc, chúng ngo ngác chạy tứ tán cả vì chúng thấy mẹ không nhìn đến chúng nữa. Chúng sợ dĩ yêu mẹ, không phải là yêu cái xác kia, mà yêu cái sai khiến xác kia của mẹ chúng! Ra trận mà chết, đâu cần phải yên ngựa để bọc thân. Cho kẻ cụt chơn giày dép, họ đâu có ưa thích! Họ đều không có góc! (...) Nay Ai Đài Đà chưa nói gì mà người lại tin; không công gì mà người lại thân, khiến có người muốn trao cho quốc chính mà lại còn sợ không chịu nhận, như vậy ắt phải là kẻ toàn được cái Tài, và không để lộ ra cái Đức.”

Ai Công nói: “Sao gọi là toàn được cái Tài?”

Trọng Ni nói: “Sống chết, còn mất, cùng đạt, giàu nghèo, hiền và bất hiếu, khen chê, nóng lạnh...là những cái biến của sự vật, cái chuyển của mạng (cũng như) ngày đêm thay phiên tiếp nối nhau trước mặt ta mà trí thông minh của con người cũng không sao nhận thấy được chỗ khởi đầu. Như vậy, đâu có đáng gì để cho nó lọt vào “linh phủ”, làm loạn lòng mình. Ngay cả sự hân hoan vui mừng cũng đừng để cho lòng mình dấy động. Đối với tất cả mọi việc, hòa nhã vui tươi như tiếp đón bốn mùa...Đó gọi là “toàn được cái Tài”.

- Thế nào là Đức không lộ ra?

- Là bình thản như mặt nước đứng im lìm, có thể lấy đó làm khuôn phép: bên trong giữ được thật trong sáng mà bên ngoài như bất động không bị lôi cuốn theo ngoại vật. Đức là thành được việc mình mà vẫn giữ được sự hòa với mọi người. Đức không lộ ra nên mọi vật không rời bỏ được mình <sup>[45]</sup>.

§§§

Ai Công ngày khác nói chuyện với Mãn Tử:

- Trước kia tôi cho việc dạy mắt về phía Nam làm vua thiên hạ, cầm quyền trị dân, lo cho chúng được an ninh, tôi tự cho được như thế là thông đạt lắm rồi. Nhưng từ khi nghe bậc chí như <sup>[46]</sup> nói, tôi sợ không có thực tài, khinh dụng thân mình mà làm mất cả nước. Từ đây, tôi và Không Khuru sẽ không còn phải là đạo vua tôi nữa, mà là bạn với nhau về đạo đức mà thôi vậy.

§§§

E. 闔跂支離無脈說衛靈公，靈公說之，而視全人，其脰肩肩。

甕（上是“央”，下是“瓦”）大癭說齊桓公，桓公說之，而視全人，其脰肩肩。

故德有所長而形有所忘，人不忘其所忘，而忘其所不忘，此謂誠忘。故聖人有所遊，而知為孽，約為膠，德為接，工為商。聖人不謀，惡用知？不斲，惡用膠？無喪，惡用德？不貨，惡用商？四者，天鬻也。天鬻者，天鬻者也，天食也。既受食於天，又惡用人！有人之形，無人之情。有人之形，故群於人，無人之情，故是非不得於身，眇乎小哉，所以屬於人也！瞽乎大哉，獨成其天！

E. Nhân kỳ Chi Ly Vô Thần<sup>1</sup> thuyết Vệ Linh Công. Linh Công duyệt chi nhi thị toàn nhơn, kỳ đậu kiên kiên.

Ứng Ánh Đại Anh<sup>2</sup> thuyết Tề Hoàn Công. Hoàn Công duyệt chi, nhi thị toàn nhơn, kỳ đậu kiên kiên.

Cố đức hữu sở trường nhi hình hữu sở vong; nhơn bất vong kỳ sở vong, nhi vong kỳ sở bất vong thử vị thành vong<sup>3</sup>. Cố thánh nhơn hữu sở du<sup>4</sup> nhi

trí vi nghiệt<sup>5</sup>, ước vi giao đức<sup>6</sup> vi án, công vi thương. Thánh nhơn bất mưu, ố dụng trí? Bất trác ố dụng giao? Vô táng, ố dụng đức? Bất hóa, ố dụng thương? Tứ giả, Thiên Dục<sup>7</sup> dã, Thiên Dục dã giả, thiên thực dã. Ký thụ thực u thiên, hựu ố dụng nhơn? Hữu nhơn chi hình, vô nhơn chi tình. Hữu nhơn chi hình, cố quần u nhơn; vô nhơn chi tình, cố thị phi bất đắc u thân. Điều hồ tiêu tai, sở dĩ thuộc u nhơn dã, ngao hồ đại tai, độc thành kỳ thiên.

## CHÚ

1. *Chi Ly Vô Thần*, là người có hình thể chia lìa như què chân và sút môi (xấu xí, kỳ dị).
2. *Ứng Ánh Đại Anh*, tức là người cổ bươu dị hình. Nhân đấy mà gọi tên.  
Thích cái đẹp bên trong, đến quên cả sự xấu xí của hình hài bên ngoài: đó là cái thích đến tột độ.  
Trong *Tình sử Trung Hoa* có chép câu chuyện một chàng trai si tình một người đàn bà một mắt, bấy giờ trong thiên hạ anh ta nhìn lại tất cả mọi người đàn bà khác trong nước đều có thừa một mắt cả.  
Hình thì nên quên; mà Đức, thì không nên quên (形宜忘德不宜忘) .
3. *Du 遊*: là rong chơi trong cõi hư không. Chữ *du 遊*, nghĩa đen là rong chơi, mà nghĩa bóng, là tiêu diêu tự đắc, để cho cái tâm ung dung linh hoạt trong cõi hư vô (遊心於虛), tức là đã đến cõi “toàn đức” rồi vậy.
4. Hoặc viết là “yêu nghiệt” 妖孽. *Nghiệt*, tức là yêu nghiệt, là tội ác. Tư Mã 司馬 bàn rằng: “*Trí tuệ sinh yêu nghiệt*” (智慧生妖孽) .
5. *Đức 德* ở đây, là ám chỉ lễ nghĩa. So sánh với câu “*Đại Đạo phé, hữu nhân nghĩa.*” (*Lão tử Đạo Đức Kinh*).
6. Chữ 鬻 đây phải âm là dục 育 (chứ không đọc là *chúc*) tức là nuôi dưỡng (養也) .

## DỊCH NGHĨA

*E. Chi Ly Vô Thần vào thuyết Vệ Linh Công. Linh Công ưa thích đến nỗi nhìn lại những kẻ thân hình toàn vẹn đều có cái cổ bé nhỏ khắng khiu!*

*Ứng Ánh Đại Anh vào thuyết Tề Hoàn Công. Hoàn Công ưa thích đến nỗi nhìn lại những kẻ thân hình toàn vẹn đều có cái cổ bé nhỏ khắng khiu!*

Cho nên Đức mà hơn người có thể làm cho quên hẳn được hình hài. Người ta (trái lại) không biết quên cái nên quên (hình hài) mà lại hay quên cái không nên quên (Đức), đó mới là thật quên. Bởi vậy, Thánh Nhơn có chỗ để mà tự tại; hiểu rằng Trí là mầm của tội ác thế wóc là keo sơn, Đức là nối tiếp, công là buôn bán. Thánh Nhơn không mưu tính, thì dùng chi đến Trí? Không đẽo gọt thì dùng chi đến keo? Không mất Tánh thì dùng chi đến Đức? Không bán chác thì dùng chi đến buôn? Bốn cái đó là “Trời nuôi”. Trời nuôi, tức là trời cho hấp thụ (cái món ăn của Trời). Đã được Trời nuôi, cần gì dùng đến nhân tạo nữa! Thánh Nhơn có cái hình của người mà không có cái tình của người. Có cái hình của người nên mới cùng một đàn với người. Không có tình của người, nên thị phi mới không động được lòng. Cùng một đàn với người là việc nhỏ, mà riêng cùng làm một với Trời là việc lớn vậy!

§§§

G. 惠子謂莊子曰：「人故無情乎？」莊子曰：「然。」  
惠子曰：「人而無情，何以謂之人？」莊子曰：「道與之貌，天與之形，惡得不謂之人？」  
惠子曰：「既謂之人，惡得無情？」  
莊子曰：「是非吾所謂情也。吾所謂無情者，言人之不以好惡內傷其身，常因自然而不益生也。」  
惠子曰：「不益生，何以有其身？」  
莊子曰：「道與之貌，天與之形，無以好惡內傷其身。今子外乎子之神，勞乎子之精，倚樹而吟，據槁梧而暝，天選子之形，子以堅白鳴！」

G. Huệ Tử vị Trang Tử viết: “Nhơn cố vô tình hồ?” Trang Tử viết: “Nhiên!”

Huệ Tử viết: “Nhơn nhi vô tình, hà dĩ vị chi nhơn?”

Trang Tử viết: “Đạo dữ chi mạo, thiên dữ chi hình, ô đắc bất vị chi nhơn?”

Huệ Tử viết: “Ký vị chi nhơn ô đắc vô tình?”

Trang Tử viết: “Thị phi ngô sở vị tình dã, ngô sở vị vô tình giả, ngôn nhơn chi bất dĩ hảo ác nội thương kỳ thân, thường nhơn tự nhiên nhi bất ích sinh dã.”

Huệ Tử viết: “Bất ích sinh<sup>1</sup>, hà dĩ hữu kỳ thân?”

Trang Tử viết: Đạo dữ chi mạo thiên dữ chi hình, vô dĩ hảo ác nội thương kỳ thân. Kim tử ngoại hồ tử chi thân, lao hồ tử chi tinh, ý thụ nhi ngâm, cứ cáo ngô nhi minh, thiên tuyền tử chi hình, tử dĩ kiên bạch<sup>2</sup> minh.”

## CHÚ

1. *Sinh* 生, ở đây cùng nghĩa với chữ *tính* 性.
2. *Kiên bạch* 堅白: là thuyết biện luận của Công Tôn Long 公孫龍, tức là thuyết “*bạch mã kiên thạch*” 白馬堅石. Trang Tử chê Huệ Thi không biết thiện dưỡng Thiên Chân, suốt đời biện luận để tiêu hao sinh lực trong những cái học tranh biện vô ích cho con đường giải thoát.

## DỊCH NGHĨA

**G.** Huệ Tử gọi Trang Tử, bảo:

- Người ta không có tình hay sao? Trang Tử nói:

- Phải!

Huệ Tử nói:

- Người mà không có tình, thì lấy gì gọi là người được? Trang Tử nói:

- Đạo ban cho nó dung mạo, Trời ban cho nó hình hài, sao không gọi được là người?

Huệ Tử nói:

- Đã gọi là người, mà không có tình, được không? Trang Tử nói:

- Đó không phải là cái mà tôi gọi là tình đâu? Chỗ mà tôi gọi là không tình, chính là chỗ tôi muốn nói rằng con người, bên trong, đừng để cho cái tình cảm yêu ghét làm hại đến thân, thường nên theo lẽ tự nhiên mà đừng thêm gì cho thiên tính.

Huệ Tử nói:

- Không thêm cho thiên tính, sao có được thân? Trang Tử nói:

- Đạo cho nó dung mạo; Trời cho nó hình hài bên trong, không để cho sự ưa ghét làm hại thân. Nay ông vụ cái bên ngoài của thân mình của ông, để hao tổn tinh lực của ông, ngồi dựa cội mà ngâm vang, bám vào góc ngóc cần, nhắm mắt làm thính! Trời đã chọn cho ông một cái hình hài này, đem chi thuyết “*kiên bạch*” mà nhọc thân.



## TỔNG BÌNH

Thiên Đức Sung Phù là đề mà giải cái nghĩa của thuyết “*bất ngôn chi giáo*” 不言之教 của Lão Tử.

Thuyết này gốc ở chương thứ II sách *Đạo Đức Kinh*: “*Thị dĩ Thánh nhơn, xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo*” 是以聖人，處無爲之事，行不言之教 (Thánh nhân dùng “vô vi” mà xử sự, dùng “bất ngôn” mà dạy dỗ.)

Sở dĩ Trang Tử, cũng như Lão Tử, chủ trương thuyết “bất ngôn” là căn cứ vào ba điểm này:

Đạo mà nói ra được, không còn phải là Đạo thường nữa. Nghĩa là Đạo là một lẽ siêu hình, không thể dùng lời nói mà truyền dạy được. Đức mà đầy đủ nơi trong thì người hóa nơi ngoài, tự nhiên cảm hóa được chung quanh, không đợi dùng đến lời mới dạy dỗ được. Nhân theo tự nhiên mà không cần phải nói mới là dạy.

1. Bậc Thánh nhơn không dùng lời nói mà dạy người, là vì bàn về lẽ Đạo, tức là “cái điều chỉ có thể cảm mà không thể nói” không sao có thể được, nhất là phải dùng đến lời nói của giới tương đối nhị nguyên.

Cho nên Lão Tử mới nói: “*Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*” (知者不言，言者不知) (Biết, thì không nói; nói, là không biết), là vì “*Đạo khả đạo, phi thường Đạo*”. Kẻ nào tự cho là đã hiểu Đạo và đem cái Đạo ấy mà dạy ta, là kẻ dối ta, nếu không phải họ tự dối với lòng.

Thiên Trí Bắc Du giải đoạn này có nói: “*Trí, đi phương Bắc, tới Huyền Thủy, lên núi Ấn Phần, gặp Vô Vi Vị.*”

*Trí gọi Vô Vi Vị bảo: “Tôi muốn hỏi ông vài lời. Lo làm sao, liệu làm sao mà biết được Đạo? Xử cách nào, làm cách nào mà hiểu Đạo? Theo ngã nào, đi đường nào mà đặng Đạo?”*

*Hỏi ba lời, Vô Vi Vị không đáp lại lời nào.*

*Hỏi không đặng, Trí đi xuống Bạch Thủy, ở phương Nam, lên núi Hồ Quyết, thấy Cuồng Khuất. Trí đem ba câu hỏi trước, hỏi Cuồng Khuất.*

*Cuồng Khuất nói: “À! Tôi biết, để tôi nói”. Nhưng vừa muốn nói, thì lại quên chỗ mình muốn nói.*

*Trí không hỏi đặng, trở lại để cung hỏi Hoàng đế. Hoàng đế nói: “Không lo, không liệu, mới biết Đạo. Không xử, không làm, mới biết Đạo. Không theo, không đi, mới được Đạo.”*

*Trí hỏi Hoàng đế: “Ông cùng tôi biết Đạo, còn như hai người kia (Vô Vi Vị và Cuồng Khuất) không biết Đạo. Vậy ai là phải?”*

*Hoàng đế nói: “Vô Vi Vị là thật phải. Cuồng Khuất thì cùng giống như Vô Vi Vị. Chỉ rút lại có người cùng ta là không cần Đạo. Và, kẻ biết thì không nói, kẻ nói là không biết. Nên bậc Thánh hơn mới thực hành cái thuyết bất ngôn!”*

*Ấy, Đạo chẳng thể nói ra đặng; nói ra đặng chẳng phải còn là cái Đạo “thường” nữa. Cho nên Trang Tử mới nói: “Kẻ hỏi Đạo cũng như người đáp lại đều là những kẻ không hiểu Đạo!”*

§§§

2. Thánh hơn biết rằng mỗi vật trong đời đều có cái Đức của nó, và phận sự duy nhất của mỗi vật là phải biết gìn giữ cái Đức ấy nơi mình cho đầy đủ, nghĩa là lo sống cái sống ấy một cách triệt để và nuôi dưỡng nó được luôn luôn đầy đủ nơi trong. Đức mà đầy đủ bên trong thì tự nhiên ứng hiện ra ngoài, thiên hạ nhờ đó mà tự hóa, đâu cần phải dùng lời nói mà hóa ai. Nên mới gọi là “đức sung phù”, nghĩa là “đức mà đầy đủ nơi trong, thì người ở ngoài nhờ đó mà tự hóa; tự nhiên cảm hóa, không phải cần dùng đến lời mà dạy” (德充於內，而人化於外，自然感化，不待教言者也) .

§§§

*Tại nước Lỗ, có người cụt chơn, tên là Vương Đài. Số người theo học ngang với Trọng Ni.*

*Thường Quý hỏi Trọng Ni: “Vương Đài là kẻ cụt chơn lại cùng với Thầy chia hai học trò nước Lỗ. Người ấy, đứng thì không dạy điều chi, ngồi thì không nghị luận việc gì. Thế mà người học, đến thì không có gì cả, mà khi ra về, thấy mình đầy đủ. Vậy thì, có lời dạy mà không cần đến lời, mặc nhiên mà cảm hóa được lòng người ư?”*

§§§

*Nước Vệ có một người xấu xí tên là Ai Đài Đà. Đàn ông nào ở với nó, nhớ mà không thể rời bỏ đặng. Đàn bà nào thấy nó, về xin cha mẹ rằng: thà làm bé nó hơn làm vợ lớn kẻ khác (...) Chưa thường nghe nó xưng lên ý gì, chỉ có họa theo ý người thôi. Thế mà Lỗ Ai Công phong cho nó chức Tướng quốc, nó nhận rồi từ bỏ mà đi, Ai Công buồn bã đến tự thấy không làm sao an ủi được khi mất nó.*

§§§

Chi Ly Vô Thân, cũng như Úng Ánh Đại Anh, người thì què chon, sứt môi, người thì cổ bướu dị hình...thế mà khiến cho Vệ Linh Công và Tề Hoàn Công ưa thích đến nỗi nhìn thấy kẻ thân hình toàn vẹn đều xấu xí cả.

Cho nên “đức mà hơn người có thể làm cho ta quên hẳn cả hình hài xấu xí”.

Trên đây, một Vương Đài tàn tật, không nói gì cả mà thiên hạ tự hóa; một Ai Đài Đà hình thù xấu xa, không nói gì cả mà thiên hạ đều quên cái xấu xí của hình thù, đủ thấy rằng Đức mà đủ nơi trong thì người sẽ hạp với mọi người, đâu đợi cần phải nhiều lời mới cảm hóa.

§§§

Điểm thứ ba của thuyết “*bất ngôn chi giáo*” là căn cứ vào lý tự nhiên. Thiên Biền Mẫu giải rất rõ về điều này: “*Thiên hạ có vật thường tự nhiên như vậy! Có vật tự nhiên cong, đâu cần phải dùng đến câu móc! Có vật tự nhiên ngay, đâu cần phải dùng đến dây mực! Có vật tự nhiên tròn, đâu cần phải dùng đến cái khuynh! Có vật tự nhiên vuông, đâu cần phải dùng đến thước nách! Vạn vật tự nhiên chằng chịt dính líu nhau, đâu cần phải dùng đến keo sơn. Vạn vật sống, đâu cần gì phải biết vì có gì mà sống; đặng, cũng không cần biết vì làm sao mà đặng. Nguyên lý của cái sống và cái đặng kia là việc cố hữu, xưa nay không hai. Nó là cái luật bất di bất dịch. Vậy thì, vì có gì lại đòi đem những thứ nhân, nghĩa, lễ, nhạc những sợi dây nhơn tạo để mà trói buộc thiên hạ, khiến cho thiên hạ làm lạc!*”

Đó gọi là lẽ thường nhiên, tức là lẽ tự nhiên. Tự nhiên là cái lẽ phải như vậy, vì nó phải như vậy, không vậy không đặng<sup>[47]</sup>. Đã nhận theo lẽ tự nhiên, thì hãy để cho vạn vật tự nhiên sống theo cái sống của nó, cần gì phải dùng đến lời nói mà làm chi?



ĐẠI TÔNG SƯ

大宗師

---

A. 知天之所為，知人之所為者，至矣。知天之所為者，天而生也；知人之所為者，以其知之所知，以養其知之所不知，終其天年而不中道夭者，是知之盛也。雖然，有患。夫知有所待而後當，其所待者，特未定也。

庸詎知吾所謂天之非人乎？所謂人之非天乎。且有真人，而後有真知。

A. Tri thiên chi sở vi, tri nhơn chi sở vi giả, chí hĩ. Tri thiên chi sở vi giả, thiên<sup>1</sup> nhi sinh dã. Tri nhơn chi sở vi giả, dĩ kỳ tri chi sở tri, dĩ dưỡng kỳ tri chi sở bất tri, chung kỳ thiên niên nhi bất trung Đạo yếu giả<sup>2</sup>, thị tri chi thịnh dã. Tuy nhiên, hữu hoạn, phù tri hữu sở đãi nhi hậu đương. Kỳ sở đãi giả, đặc vị định dã.

Dung cụ tri ngô sở vi thiên chi phi nhơn hồ. Sở vi nhơn chi phi thiên hồ. Thả hữu chân nhơn nhi hậu hữu chân tri.

## CHÚ

1. *Thiên* 天: tức là thiên nhiên, là tự nhiên 自然. Bản của Thôi Tuyền, chữ *thiên* 天 đây lại viết là 失 (thất). Vô nghĩa! “*Thiên nhi sinh dã*” 天而生也: tức là thuận theo thiên nhiên (hay tự nhiên) mà sống.
2. Cái mà ta thọ lãnh của Tạo hóa lúc sanh ra, cái đó gọi là *Thiên* 天. Cái vai trò của người là tìm mà hiểu cái mà mình không biết căn cứ nơi cái mà mình đã biết, tìm cách để mà dưỡng nuôi cái sống của mình cho đến ngày cùng tận mà Tạo hóa đã an bài, không để phải chết giữa chừng, như trái rụng trước ngày nó chín muồi. Căn cứ vào đâu để phân biệt đâu là hành động của Trời, đâu là hành động của Người?...Căn cứ vào giáo lý của các bậc chân nhơn, vì chỉ có bậc chân nhơn mới gồm nắm được cái biết (chân tri 真知) mà thôi. Chương này dọn đường cho chương dưới: “Thế nào là chân nhơn...?”

## DỊCH NGHĨA

A. *Biết được cái chỗ làm của Trời, biết được cái chỗ làm của Người, đó là biết đến chỗ cùng tận rồi vậy. Biết được cái chỗ làm của Trời, là biết thuận theo cái lẽ tự nhiên của Trời Đất mà sống. Biết được cái chỗ làm của Người, là biết lấy cái mà trí mình biết được để dưỡng nuôi cái mà mình*

*không thể biết được, hầu hưởng trọn tuổi trời mà không giữa đường chết yểu. Ấy là sự biết đến cùng cực rồi.*

*Tuy nhiên, cũng có điều lo: sự hiểu biết cần phải có chỗ căn cứ, nhiên hậu mới có thể thích đương được. Nếu chỗ căn cứ ấy mà chưa định được, thì lấy đâu phân biệt Trời và Người? Chẳng lẽ cái mà ta gọi là Trời lại chẳng phải là Người, và cái mà ta gọi là Người lại chẳng phải là Trời.*

*Vả, chỉ có chân non, mới có được chân tri.*

§§§

## B. 何謂真人？

古之真人，不逆寡，不雄成，不謨士。若然者，過而弗悔，當而不自得也。若然者，登高不慄，入水不濡，入火不熱。是知之能登假於道也若此。

古之真人，其寢不夢，其覺無憂，其食不甘，其息深深。真人之息以踵，眾人之息以喉。屈服者，其嗑言若哇；其耆欲深者，其天機淺。

古之真人，不知說生，不知惡死；其出不訢，其入不距。

翛然而往，翛然而來而已矣。不忘其所始，不求其所終；受而喜之，忘而復之。是之謂不以心捐道，不以人助天，是之謂真人。

若然者，其心志，其容寂，其顙顙；淒然似秋，煖然似春，喜怒通四時，與物有宜而莫知其極。故聖人之用兵也，亡國而不失人心；利澤施乎萬世，不為愛人。故樂通物，非聖人也；有親，非仁也；天時，非賢也；利害不通，非君子也；行名失己，非士也；亡身不真，非役人也。若狐不偕，務光，伯夷，叔齊，箕子，胥餘，紀他，申徒狄，是役人之役，適人之適，而不自適其適者也。

古之真人，其狀義而不朋，若不足而不承，與乎其觚而不堅也，張乎其虛而不華也。

邴邴乎其似喜乎。崔乎其不得已乎。濔乎其進我色也，與乎止我德也；厲乎其似世乎。

警乎其未可制也；連乎其似好閉也，悞乎忘其言也。以刑為體，以禮為翼，以知為時，以德為循。以刑為體者，綽乎其殺也，以禮為翼者，所以行於世也，以知為時者，不得已於事也；以德為循者，言其與有足者至於丘也；而人真以為勤行者

也。故其好之也一，其弗好之也一。其一也一，其不一也一。其一與天為徒，其不一與人為徒，天與人不相勝也，是之謂真人。

### **B. Hà vị chân nhờn?**

Cổ chi chân nhờn, bất nghịch quả, bất hùng thành, bất mộ sĩ. Nhược nhiên giả, quá nhi phát hối, đương nhi bất tự đắc dã. Nhược nhiên giả, đấng cao bất lật, nhập thủy bất nhu, nhập hỏa bất thực. Thị tri chi năng đấng giả ư Đạo dã nhược thử.

Cổ chi chân nhờn, kỳ tâm bất mộng, kỳ giác vô ưu, kỳ thực bất cam, kỳ tức thâm thâm. Chân nhờn chi tức dĩ chủng, chúng nhờn chi tức dĩ hậu. Khuất phục giả kỳ ích ngôn nhược oa, kỳ kỳ dục thâm giả, kỳ thiên cơ thiên.

Cổ chi chân nhờn, bất tri duyệt<sup>1</sup> sanh, bất tri ó tử, kỳ xuất bất hân, kỳ nhập bất cự<sup>2</sup>.

Tiêu nhiên nhi vãng, tiêu nhiên<sup>3</sup> nhi lai nhi dĩ hĩ. Bất vong kỳ sở thủy, bất cầu kỳ sở chung, thụ nhi hĩ chi, vong nhi phục chi. Thị chi vị bất dĩ tâm tôn Đạo, bất dĩ nhờn trợ thiên. Thị chi vị chân nhờn.

Nhược nhiên giả, kỳ tâm chí, kỳ dung tịch, kỳ tàng quý, thê nhiên tợ thu, noãn nhiên tợ xuân. Hỉ nộ thông tứ thời dữ vật hữu nghi nhi mạc tri kỳ cực. Cố Thánh nhờn chi dụng binh dã, vong quốc nhi bất thất nhờn tâm. Lợi trách thí hồ vạn thế bất vi ái nhờn. Cố lạc thông vật, phi Thánh nhờn dã. Hữu thân, phi nhờn dã. Thiên thời, phi hiền dã. Lợi hại bất thông, phi quân tử dã. Hành danh thất kỹ, phi sĩ dã. Vong thân bất chân, phi dịch nhờn dã. Nhược Hồ Bất Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, Cơ Tử, Tử Du, Kỷ Tha, Thân Đồ Địch, thị dịch nhờn chi dịch, thích nhờn chi thích, nhi bất tự thích kỳ thích giả dã.

Cổ chi chân nhờn, kỳ trạng nghĩa nhi bất bằng; nhược bất túc nhi bất thừa<sup>4</sup>, dữ hồ kỳ cô nhi bất kiên dã, trương hồ kỳ hư nhi bất hoa dã.

Bình bình hồ kỳ tợ hĩ hồ. Thôi hồ kỳ bất đắc dĩ hồ. Súc hồ tiến ngã sắc dã. Dữ hồ chi<sup>5</sup> ngã đức dã. Lệ hồ kỳ tợ thế hồ.

Ngao hồ kỳ vị khả chế dã. Liên hồ kỳ tợ hiếu bé dã. Vãn hồ vong kỳ ngôn dã. Dĩ hình vi thể, dĩ lễ vi dục, dĩ tri vi thời. Dĩ đức vi tuần. Dĩ hình vi thể giả, xước hồ kỳ sát dã. Dĩ Lễ vi dục giả, sở dĩ hành ư thế dã. Dĩ tri vi thời giả, bất đắc dĩ ư sự dã. Dĩ đức vi tuần giả, ngôn kỳ dữ hữu túc giả chí ư khuru dã, nhi nhờn chân dĩ cần hành giả dã. Cố kỳ hiếu chi dã nhất, kỳ phát hiếu chi dã nhất, kỳ nhất dã nhất, kỳ bất nhất dã nhất. Kỳ nhất dữ thiên vi



đồ. Kỳ bát nhất dữ nhơn<sup>6</sup> vi đồ, thiên dữ nhơn bát tương thảng dã. Thị chi vị chân nhơn.

ㄟㄟㄟ

## CHÚ

1. 說, gốc là 悅 (duyệt): Hai chữ này dùng lẫn nhau.
2. 距, gốc là 拒 (âm là “cự”).
3. Tiêu nhiên: vô tâm tự nhiên, tức là thái độ thuận nhiên bất động (自然無心)
4. Theo *Thuyết Văn* 說文, chữ thừa 乘 có nghĩa là *thụ lãnh* (乘受也). Nghĩa là bậc chân nhơn không chạy theo cái ngoài (dù là cái học trực vật).
5. Chữ 止 (chỉ) có nghĩa là làm dừng lại những cử chỉ thân mật sỗ sàng của kẻ khác.
6. Họ có được vừa cái nhìn tổng quát, vừa cái nhìn phân tích nghĩa là họ thấy được chỗ chia phân của sự vật, cũng như chỗ hợp nhất của sự vật. Nói một cách khác: họ rất rành về cái lẽ thị phi, lại còn biết vượt lên trên thị phi mà xét đoán.

## DỊCH NGHĨA

### B. Thế nào là bậc chân nhơn?

*Bậc chân nhơn ngày xưa không nghịch với ai, dù là thiếu số, không cầu công, không cầu danh. Người như vậy, mắt không tiếc, được không mừng; lên cao không biết sợ, xuống nước không bị ướt, vào lửa không bị cháy. Là vì sự biết của họ đã lên đến Đạo rồi!*

*Bậc chân nhơn ngày xưa ngủ không mộng寐, thức chẳng lo âu, ăn không cầu ngon, thở hít thì thâm sâu. Hơi thở của chân nhơn thì thâm đến gót chơn, còn hơi thở của người thường thì dừng nơi cổ họng; kẻ muốn khuất phục người (ham biện bác) thì lời nghẹn nơi cuống họng. Lòng tham dục mà càng sâu, thì cái máy trời nơi ta càng nông.*

*Bậc chân nhơn ngày xưa không ưa sống không ghét chết; lúc ra không hăm hở, lúc vào không do dự; thuận nhiên mà đến, thuận nhiên mà đi; không quên lúc bắt đầu, không cầu lúc sau chót. Nhận lãnh thì vui với đó, mà quên đi khi phải trở về. Đó gọi là không lấy cái tình người mà chống với lẽ Đạo nơi mình, không lấy cái “người” nơi mình mà làm trở ngại lẽ “trời” nơi*

mình. Thế gọi là chân nhọn. Nhờ được thế mà lòng của họ luôn luôn vững vàng, cử chỉ điềm đạm, gương mặt bình thản; lạnh như mùa thu, mà ấm như mùa xuân: mừng giận luân chuyển như bốn mùa, nên cùng vạn vật hợp nhau, không biết đến đâu là cùng. Bởi vậy, bậc chân nhọn dụng binh, làm mát nước mà không làm mát lòng người; làm lợi và ban bố ân trạch đến muôn đời mà không phải vì yêu người.

Nên chi, kẻ nào còn vui thích trong việc cầu thân và thông cảm với người đời, kẻ ấy chẳng phải là bậc Thánh; kẻ nào còn người thân, chẳng phải là bậc Nhân; kẻ nào còn tính toán đến thời cơ, chẳng phải là bậc Hiền; kẻ nào không thông suốt được điều lợi hại, chẳng phải là người quân tử; kẻ nào làm theo danh mà bỏ mất mình chẳng phải là kẻ sĩ; kẻ nào làm mất mạng, không rõ cái lẽ chân thật nơi mình, cũng chẳng phải là kẻ để sai khiến được người vậy. Như Hồ Bất Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, Cơ Tử, Tử Dư, Kỷ Tha, Thân Đồ Dịch đều chỉ là hạng làm cái việc của người khác, theo cái thích của người khác mà không biết tự thích với cái thích của mình.

Bậc chân nhọn ngày xưa, thấy như là người có nghĩa mà không bè đảng; thấy như không đủ mà không thọ của bên ngoài. Họ khuôn thước mà không cứng rắn, lòng họ thì rộng rãi hư không và không thích việc phù hoa. Họ hóm hở như có vẻ vui sướng, nhưng bình tĩnh. Hành động thì tự nhiên, gây được lòng cảm mến bằng sắc mặt hiền hòa, và làm cho người người kính nể vì cái đức của họ. Bề ngoài thì có vẻ hòa nhã với mọi người, mà kỳ thực, lòng họ cách xa với thế nhân. Họ thích sống một mình, không nói gì với ai, như quên cả lời nói. Hình phạt theo họ là cần, nhưng họ áp dụng hình phạt một cách khoan hậu. Lễ, theo họ là phụ thuộc, chỉ dùng để dừng dừng chạm với đời thôi. Họ thuận theo thời, theo việc. Đối với họ, ưa ghét là một, nghĩa là họ không yêu mà cũng không ghét ai; họ xem cả thấy là một, như Trời, nhưng cũng phân biệt những gì bị phân chia giả tạo như Người. Và như vậy Trời và Người (nơi họ) không nghịch nhau. Bởi vậy, mới gọi họ là chân nhọn.

555

C. 死生，命也，其有夜旦之常，天也。人之有所不得與，皆物之情也。彼特以天為父，而身猶愛之，而況其卓乎！人特以有君為愈乎己，而身猶死之，而況其真乎。

泉涸，魚相與處於陸，相呴以濕，相濡以沫，不如相忘於江湖。

與其譽堯而非桀也，不如兩忘而化其道。夫大塊載我以形，勞我以生，佚我以老，息我以死。故善吾生者，乃所以善吾死也。夫藏舟於壑，藏山於澤，謂之固矣！然而夜半有力者負之而走，昧者不知也。

藏小大有宜，猶有所遯。若夫藏天下於天下而不得所遯，是恆物之大情也。特犯人之形而猶喜之。若人之形者，萬化而未始有極也，其為樂可勝計邪？故聖人將遊於物之所不得遯而皆存。善妖善老，善始善終，人猶效之，又況萬物之所係，而一化之所待乎。

C. Tử sinh Mạng<sup>1</sup> dã. Kỳ hữu dạ đán chi thường. Thiên<sup>2</sup> dã. Nhơn chi hữu sở bất đắc dĩ, giai vật chi tình<sup>3</sup> dã. Bĩ trì dĩ thiên vi phụ, nhi thân do ái chi. Nhi huống kỳ trác hồ. Nhơn đặc dĩ hữu quân vi dĩ hồ dĩ, nhi thân do tử chi nhi huống kỳ chân hồ.

Tuyên hạc ngư tương dĩ xử ư lục, tương hú dĩ thấp, tương nhu dĩ mật, bất tri như tương vong ư giang hồ<sup>4</sup>.

Dĩ kỳ dự Nghiêu nhi phi Kiệt dã, bất như lưỡng vong nhi hóa kỳ đạo. Phù đại khối tái ngã dĩ hình, lao ngã dĩ sinh, dật ngã dĩ lão, tức ngã dĩ tử. Cố thiện ngô sinh giả, nãi sở dĩ thiện ngô tử dã. Phù tàng chu ư hác, tàng sơn ư trạch, vị chi cố hĩ, nhiên nhi dạ bán hữu lực giả, phụ chi nhi tâu, muội giả bất tri giả.

Tàng tiêu đại hữu nghi, do hữu sở độn. Nhược phù tàng thiên hạ ư thiên hạ, nhi bất đắc sở độn, thị hằng vật chi đại tình dã. Đặc phạm nhơn chi hình nhi do hĩ chi. Nhược nhơn chi hình giả, vạn hóa nhi vị thủy hữu cực dã. Kỳ vi lạc khả thắng kế da. Cố thánh nhơn tương du ư vật chi sở bất đắc độn nhi giai tồn, thiện yếu, thiện lão, thiện thủy, thiện chung, nhơn do hiệu chi. Hựu huống vạn vật chi sở hệ, nhi nhất hóa chi sở đãi hồ.

## CHÚ

1. Tức là *định mạng*.
2. Chữ *Thiên* 天 đây là ám chỉ *Lẽ Trời*, không ám chỉ đẳng tối cao như Thượng Đế.
3. *Bất đắc dĩ* 不得與: Chữ 與 có nghĩa là cùng nhau thuận hòa, vui vẻ. "Bất đắc dĩ": không được thỏa lòng, tức là sở dĩ có điều đau

đón, thương tổn...là vì đã có thương yêu vật này vật nọ...Có luyện ái là bị ràng buộc và vì đó bị đau khổ.

Chữ *Tình* 情 là chỉ sự quyến luyến, yêu thương nhau. Không yêu thương gì cả, thì sẽ là người không gì làm đau khổ được nữa. Trên nữa, còn có nhiều tình cảm cao hơn là thương yêu sự vật và làm tô mọi cho nó.

4. Đem chỗ tương thân tương ái mà thương nhau lúc họa hoạn, sao bằng phòng hoạn, cùng nhau sống với nhau ở sông hồ, không cần phải thương nhau chi! Cá ở trong nước như ở sông, ở hồ, ví như người cùng sống với nhau trong Đạo, thì có cần gì đến nhân nghĩa, thương yêu giúp đỡ nhau...để mà đề cao chữ nhân, chữ nghĩa...Đạo mà mất rồi, mới có nhân nghĩa. . ."Đại Đạo phé, hữu nhân nghĩa." (Đạo Đức Kinh)

## DỊCH NGHĨA

*C. Chết sống là Mạng. Cũng như có đêm có ngày: lẽ thường là vậy! Đều là do Trời. Người ta, nếu có chỗ không được vừa lòng, đều là vì cái chỗ lưu luyến với vật. Lấy Trời (làm cha) mà còn đem thân hiến dâng cho Đó, hướng chi là đối với cái cao hơn! Có vua và cho đó là cao nên đem thân mà chết vì đó, hướng chi là đối với chân lý! Suối cạn, cá cùng bị mắc cạn với nhau trên đất, bèn cùng nhau lấy ướt mà đắp nhau, lấy nước dãi mà thấm cho nhau, sao bằng cùng ở sông hồ mà quên nhau! Cùng nhau khen vua Nghiêu, chê vua Kiệt, sao bằng quên cả hai người ấy đi, để mà hóa theo cái Đạo của mình!*

*Kìa Đại Khôi dùng hình mà chở ta, dùng cái sống mà lao nhọc ta, lấy tuổi già mà nhàn hạ ta, lấy cái chết mà cho ta nghỉ. Cho nên, khéo nuôi cái sống của ta là khéo lo liệu cho cái chết của ta.*

*Kìa như giấu thuyền vào trong khe, giấu trái núi vào trong chằm sâu, cho thế là vững chắc rồi ư. Nhưng mà nửa đêm có kẻ sức lực vác nó mà chạy: Kẻ ngu muội mới không biết thế! Bất luận là cát giấu những vật nhỏ lớn gì đều cũng có thể bị biến mất được. Nếu đem thiên hạ mà giấu vào trong thiên hạ thì không có cách gì làm cho nó biến mất được. Đó là cái Tình lớn của vật không thay đổi. Lần này tôi được đúc thành hình người thì là việc đáng mừng rồi! Nếu có được hình người, rồi lại hóa ra muôn cách khác mà chưa biết đâu là cùng, thì cái vui sẽ không biết đâu là tận! Cho nên Thánh*

nhơn sẽ tự do rong chơi ở chỗ mà mọi vật không trốn tránh được mà thấy đều được trường tồn<sup>[48]</sup>, họ vui trong cái chết, vui trong cái già, vui trong khi khởi đầu, vui trong khi chấm dứt và muốn cho mọi người cùng vui như họ đối với mọi biến cố trên đời, hướng chi họ còn đợi gì trong khi tất cả vạn vật đều cùng nhất tề biến hóa.

§§§

**D.** 夫道，有情有信，無為無形；可傳而不可受，可得而不可見；自本自根，未有天地，自古以固存；神鬼神帝，生天生地；在太極之先而不為高，在六極之下而不為深，先天地生而不為久，長於上古而不為老。

豨韋氏得之，以挈天地；伏戲得之，以襲氣母；維斗得之，終古不忒；日月得之，終古不息；堪壞得之，以襲崑崙，馮夷得之，以遊大川；肩吾得之，以處太山。

黃帝得之，以登雲天；顓頊得之，以處玄宮；禹強得之，立乎北極；西王母得之，坐乎少廣，莫知其始，莫知其終，彭祖得之，上及有虞，下及五伯；傅說得之，以相武丁奄有天下，乘東維，騎箕尾，而比於列星。

**D.** Phù Đạo hữu tình hữu tín, vô vi vô hình, khả truyền nhi bất khả thụ, khả đắc nhi bất khả kiến. Tự bản tự căn vị hữu thiên địa tự cổ dĩ cổ tồn, thần quỷ thần đế, sinh thiên sinh địa. Tại thái cực chi tiên nhi bất vi cao, tại lục cực chi hạ nhi bất vi thâm. Tiên thiên địa sinh nhi bất vi cửu, trường ư thượng cổ nhi bất vi lão.

Hi Vi thị đắc chi dĩ khiết thiên địa. Phục Hy đắc chi dĩ tập khí mẫu. Duy đầu đắc chi chung cổ bất thác. Nhật nguyệt đắc chi chung cổ bất tức. Kham Phi đắc chi dĩ tập Côn lân. Phùng Di đắc chi dĩ du đại xuyên. Kiên Ngô đắc chi dĩ xử Thái Sơn.

Hoàng đế đắc chi dĩ chứng vân thiên. Chuyên Húc đắc chi dĩ xử huyền cung. Ngung Cường đắc chi lập hồ Bắc cực. Tây Vương Mẫu đắc chi tọa hồ thiếu quang. Mạc tri kỳ thủy, mạc tri kỳ chung. Bành Tổ đắc chi, thượng cập Hữu Ngu, hạ cập ngũ bá. Phó Duyệt đắc chi dĩ tương Vũ Đinh Yêm hữu thiên hạ thừa đông duy kỳ cơ vĩ, nhi tỉ ư liệt tinh.

## **DỊCH NGHĨA**

**D.** Đạo thì có tình, có tính, vô vi, vô hình; có thể trao cho mà không thể thụ lãnh; có thể hiểu được mà không thể thấy được. Đạo thì tự bản tự căn. Trời chưa có Trời Đất, Đạo đã có rồi. Đạo sinh ra quỷ, sinh ra Đế; sinh ra Trời, sinh ra Đất. Ở trước Thái cực mà chẳng gọi là cao; ở dưới lục cực mà không gọi là sâu; sinh ra trước Trời Đất, mà chẳng gọi là lâu; dài hơn thượng cổ mà chẳng gọi là già.

Hi Vi được Nó mà nắm được yếu chỉ của Trời Đất. Phục Hy được nó mà đoạt được cái nguồn gốc của nguyên khí. Bắc Đẩu được Nó mà chiếm được địa vị không thay đổi của mình. Mặt trời mặt trăng được Nó mà vận chuyển không ngừng. Kham Phi được Nó mà làm được thần núi Côn Lôn. Phùng Di được Nó mà rong chơi ở các sông to. Kiên Ngô được Nó mà ở Thái Sơn. Hoàng Đế được Nó mà lên đến chốn trời mây. Chuyên Húc được nó mà ngự đến cung Huyền. Ngung Cường được Nó mà đứng ngay Bắc Cực. Tây Vương Mẫu được Nó mà ngồi ở ngôi đền Thiếu Quang, không ai biết sinh Nó từ bao giờ, không ai biết bao giờ Nó mới chết. Bàn Tổ được Nó mà sống từ đời Hữu Ngu đến đời Ngũ Bá. Phó Duyệt được Nó mà giúp Vũ Đinh, gồm thiên hạ, lên tận cõi Đông, cõi sao Cơ, sao Vĩ mà sánh vai với các vì tinh tú.

§§§

**E.** 南伯子葵問乎女偶曰：「子之年長矣，而色若孺子何也？」曰：「吾聞道矣。」

南伯子葵曰：「道可得學邪？」曰：「惡！惡可！子非其人也。夫卜梁倚有聖人之才而無聖人之道，我有聖人之道而無聖人之才。吾欲以教之，庶幾其果為聖人乎！不然，以聖人之道，告聖人之才，亦易矣。吾猶守而告之，參日而後能外天下；已外天下矣，吾又守之，七日而後能外物；已外物矣，吾又守之，九日，而後能外生；已外生矣，而後能朝徹；朝徹，而後能見獨；見獨，而後能無古今；無古今，而後能入於不死不生。殺生者不死，生生者不生。其為物，無不將也，無不迎也；無不毀也，無不成也。其名為撻寧。撻寧也者，撻而後成者也。」

南伯子葵曰：「子獨惡乎聞之？」曰：「聞諸副墨之子，副墨之子聞諸洛誦之孫，洛誦之孫聞之瞻明，瞻明聞之聶許，

聶許聞之需役，需役聞之於謳，於謳聞之玄冥，玄冥聞之參寥，參寥聞之疑始。」

E. Nam Bá Tử Quỷ vấn hồ Nhữ Vũ viết: “Tử chi niên trưởng hĩ, nhi sắc nhược nhự tử hà dã?” Viết: “Ngô văn Đạo<sup>1</sup> hĩ.”

Nam Bá Tử Quỷ viết: “Đạo khả đắc học da.”

Viết: “Ô! Ô khả! Tử phi kỳ nhơn dã. Phù Bốc Lương Ý<sup>2</sup> hữu thánh nhơn chi tài, nhi vô thánh nhơn chi Đạo. Ngã hữu thánh nhơn chi Đạo, nhi vô thánh nhơn chi tài. Ngô dục dĩ giáo chi, thứ cơ kỳ quả vi thánh nhơn hò? Bất nhiên, dĩ thánh nhơn chi Đạo, cáo thánh nhơn chi tài, diệc dị hĩ. Ngô do thủ nhi cáo chi. Tham nhật nhi hậu năng ngoại thiên hạ. Dĩ ngoại thiên hạ hĩ, ngô hựu thủ chi, thất nhật nhi hậu năng ngoại<sup>3</sup> vật. Dĩ ngoại vật hĩ, ngô hựu thủ chi cửu nhật, nhi hậu năng ngoại sinh<sup>4</sup>. Dĩ ngoại sinh hĩ, nhi hậu năng triêu triệt. Triêu triệt<sup>5</sup> nhi hậu năng kiến độ<sup>6</sup>. Kiến độ nhi hậu năng vô cổ kim. Vô cổ kim nhi hậu năng nhập ư bất tử bất sinh. Sát sinh<sup>7</sup> giả bất tử. Sinh sinh giả bất sinh. Kỳ vi vật vô bất tương dã, vô bất nghinh<sup>8</sup> dã, vô bất hủy dã, vô bất thành<sup>9</sup> dã. Kỳ danh vi oanh ninh<sup>10</sup>. Oanh ninh dã giả, oanh nhi hậu thành giả dã.”

Nam Bá Tử Quỷ viết: “Tử độc ô hồ văn chi”. Viết: “Văn chư Phó Mặc chi tử. Phó Mặc chi tử văn chư Lạc Tụng chi tôn. Lạc Tụng chi tôn văn chi Chiêm Minh. Chiêm Minh văn chi Nhiếp Hứa. Nhiếp Hứa văn chi Nhu Dịch. Nhu Dịch văn chi ư Âu, ư Âu văn chi Huyền Minh. Huyền Minh văn chi Tham Liâu. Tham Liâu văn chi Nghi Thủy.”<sup>11</sup>

☪☪☪

## CHÚ

1. *Văn Đạo* 聞道, tức là đã hiểu Đạo. Hiểu Đạo, tức là đã hành Đạo, thì được chỗ tự sinh của nó, mà sắc diện được toàn.  
Chữ *Văn* 聞 đây, không phải có nghĩa là *nghe* ngoài tai, mà *nghe* được bên trong. Có hiểu biết thì mới nghe được vào tâm, cho nên *Văn Đạo* 聞道 ở đây lại có nghĩa là người đã được Đạo (得道) .
2. Đọc là “y”, không đọc là “ỷ”.
3. *Ngoại* 外: là gạt bỏ ra ngoài tâm trí. Không bận đến ngoại vật nữa, tức là những vật không tùng mình, như danh, lợi, thi, phi, vinh nhục v. v...

4. *Cái sống* 外生 (ngoại sinh). Cái “sống” đây, là sự hiện sinh, hiện hữu của “cái ta” (hữu ngã).”Ngoại sinh” 外生, là quên mất rằng “ta” đây là có, hay nói theo danh từ triết học ngày nay: quên mất sự hiện sinh của mình.
5. *Triêu triệt* 朝徹: một sớm mà suốt lẽ. Tức là sự “hoát nhiên đại ngộ” 豁然大語 mà nhà Phật gọi là “đốn ngộ” 頓悟.
6. *Kiến độc* 見獨: thấy được cái Một (tức là Đạo). Độc 獨 là “độc nhất vô nhị” (獨一無二) .
7. *Sát sinh* 殺生: là diệt cái lòng ham sống, trừ được cái lòng ham sống cho cái “ta” của mình, tức là cái sống theo tư dục...thì mới sống được trong cái mà Lão Tử gọi là “tử nhi bất vong giá thọ” 死而不亡者壽 ám chỉ chân tánh. Cho nên mới gọi là “bất tử” (除其管生為殺) .
8. *Sinh sinh* 生生 là sống theo cái sống của tư dục. Chữ 生 trước là sống, Chữ 生 sau có nghĩa là “tự sinh” 自生 (sống cho mình).  
*Đưa, đón* là chỉ cái *sau*, cái *trước*, cái *đuôi*, cái *đầu*, cái *chung*, cái *thủy*...
9. *Hủy, thành* là nói cái chết, cái sống...
10. Chữ 攪 (anh), phải đọc là 縈 (oanh).”Oanh ninh” có nghĩa là bình thản điềm đạm, mặc dù bị ngoại vật kích động. Sanh tử, thành hoại,...tất cả đều không còn làm rối loạn lòng ta. Ninh 寧 là yên lặng; oanh 攪 là kích động, kêu khích.
11. Phó Mặc, Lạc Tụng, Chiêm Minh v. v...phải chăng là tên người? Nhưng có nhà chú giải cho là “những danh từ có ý nghĩa trừu tượng. Phó Mặc, ám chỉ sách vở, văn tự (Phó Mặc có nghĩa là bút mực). Lạc Tụng, có nghĩa là học hành. Chiêm Minh, là xem xét. Nhiếp Hứa là ngẫm nghĩ. Nhu Dịch là chăm chỉ. Âu là ca ngợi. Huyền Minh là hư vô mà không là hư vô (Vô nhi phi vô 無而非無). Tham Liêu, là bao la, man mác. Nghi Thủy, là ngờ không có đầu mối. Có người cho rằng đây là đoạn thuyết minh thứ tự của sự học Đạo: do đọc văn tự mà hiểu biết, do hiểu biết mà lĩnh hội, do lĩnh hội mà thực hành, do thực hành mà vui vẻ ca xang, do vui vẻ mà tĩnh mặc, do tĩnh mặc mà đến chỗ hư vô, do hư vô mà được Đạo.

## DỊCH NGHĨA



**E. Nam Bá Tử Quyè hỏi Nhữ Vũ:**

- Tuổi của ông đã cao rồi, mà sắc diện như đứa trẻ thơ, sao vậy?

- Ta đã nghe được Đạo! Nam Bá Tử Quyè hỏi:

- Đạo có thể học được chăng?

- Ô! Sao được! Người đâu phải hạn người ấy! Kìa như Bốc Lương Y có cái tài của Thánh nhơn mà không có cái Đạo của Thánh nhơn. Ta, thì có cái Đạo của Thánh nhơn, mà không có cái tài của Thánh nhơn. Ta muốn đem cái Đạo ấy mà dạy hấn, may ra hấn có thể trở thành Thánh nhơn chăng? Nếu không được như thế, thì đem cái Đạo của Thánh nhơn mà bảo cho kẻ có cái tài của Thánh nhơn cũng là dễ rồi. Vậy mà ta còn phải giữ hấn lại, rồi mới dạy bảo hấn! Ba ngày, hấn mới bỏ được thiên hạ ra ngoài! Đã bỏ thiên hạ ra ngoài, vậy mà ta còn phải giữ hấn lại nữa. Bảy ngày, hấn mới biết bỏ vật ra ngoài. Đã bỏ vật ra ngoài, vậy mà còn phải giữ hấn lại nữa. Chín ngày, hấn mới bỏ được cái sống ra ngoài. Bỏ được cái sống ra ngoài, thì mới có thể “triêu triết”. Có “triêu triết” mới có thể “kiến độc”. Có “kiến độc” mới không còn thấy có xưa có nay nữa. Không còn thấy có xưa có nay, mới đi vào cõi không sống không chết. Giết được cái lòng ham sống cho mình thì sẽ không chết. Sống cái sống cho mình thì không sống. Đã là vật, thì không lúc nào là không có đũa, không lúc nào là không có đón, không lúc nào là không có hủy, không lúc nào là không có thành. Tên nó gọi là “oanh ninh”. Oanh ninh, có nghĩa là kích thích, rồi sau mới có thành.

Nam Bá Tử Quyè hỏi:

- Riêng ông đã nghe được cái Đạo ấy nơi đâu? Rằng:

- Nghe nó ở con của ông Phó Mặc. Con của ông Phó Mặc nghe ở cháu ông Lạc Tụng. Cháu ông Lạc Tụng nghe ở ông Chiêm Minh. Ông Chiêm Minh nghe ở ông Nhiếp Hứa. Ông Nhiếp Hứa nghe ở ông Nhu Dịch. Ông Nhu Dịch nghe ở ông Âu. Ông Âu nghe ở ông Huyền Minh. Ông Huyền Minh nghe ở ông Tham Liêu. Ông Tham Liêu nghe ở ông Nghi Thủy.

§§§

**F. 子祀，子輿，子犁，子來四人相與語，曰：「孰能以無為首，以生為脊，以死為尻。孰知生死存亡之一體者，吾與之友矣。」**四人相視而笑，莫逆於心，遂相與為友。

俄而子輿有病，子祀往問之曰：「偉哉，夫造物者將以予為此拘拘也。曲僂發背，上有五管，頤隱於齊，肩高於頂。句贅

指天，陰陽之氣有沴。」其心閒而無事，跣(足鮮)而鑑於井，曰：

「嗟乎！夫造物者又將以予為此拘拘也。」子祀曰：「女惡之乎？」曰：「亡，予何惡！浸假而化予之，左臂以為雞，予因以求時夜；浸假而化予之右臂以為彈，予因以求鴉炙；浸假而化予之尻以為輪，以神為馬，予因以乘之，豈更駕哉！且夫得者，時也；失者，順也。安時而處順，哀樂不能入也，此古之所謂縣解也，縣而不能自解者，物有結之。且夫物不勝天久矣，吾又何惡焉！」

俄而子來有病，喘喘然將死。其妻子環而泣之。子犁往問之，曰：「叱避無怛化！」倚其戶與之語曰：「偉哉造化！又將奚以汝為，將奚以汝適？以汝為鼠肝乎？以汝為蟲臂乎？」

子來曰：「父母於子，東西南北，唯命之從。陰陽於人，不翅於父母；彼近吾死而我不聽，我則悍矣，彼何罪焉？夫大塊載我以形，勞我以生，佚我以老，息我以死。故善吾生者，乃所以善吾死也。今大冶鑄金，金踴躍曰：『我且必為鏝邪！』大冶必以為不祥之金。今一犯人之形而曰：『人耳！人耳！』夫速化者必以為不祥之人。今一以天地為大爐，以造化為大冶，惡乎往而不可哉！」成然寐，遽然覺。

F. Tử Tụ, Tử Dư, Tử Lê, Tử Lai, tứ nhơn tương dữ ngư viết: Thực năng dĩ vô, vị thủ, dĩ sinh vi tích, dĩ tử vi khao. Thực tri tử sinh tồn vong chi nhất thể giả, ngô dữ chi hữu chi. Tứ nhơn tương thị nhi tiếu, mạc nghịch ư tâm, toại tương dữ vi hữu.

Nga nhi Tử Dư hữu bệnh. Tử Tụ vãng vấn chi viết: “Vĩ tai, phù tạo vật giả tương dĩ dư vi thủ câu câu dã, khúc lữ phát bồi, thượng hữu ngũ quản, di ân ư tè kiên cao ư đỉnh. Cú chuế chi thiên, âm dương chi khí hữu điền”. Kỳ tâm, nhàn nhi vô sự, nghiêng tiên nhi giám vu tỉnh viết: “Ta hò! Phù tạo vật giả hựu tương dĩ dư vi thủ câu câu dã”. Tử Tụ viết: “Nhữ<sup>1</sup> ô chi hò!”. Viết: “Vong. Dư hà ô. Tâm giả<sup>2</sup> nhi hóa dư chi. Tả ty dĩ vi kê, dư nhân dĩ câu thời dạ. Tâm giả nhi hóa dư chi hữu ty dĩ vi đàn, dư nhân dĩ câu hào chích. Tâm giả nhi hóa dư chi khao<sup>3</sup> dĩ vi luân, dĩ thân vi mã, dư nhân nhi thừa chi, khởi cánh giá tai. Thả phù đắc giả, thời dã. Thất giả thuận dã. An thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập dã. Thủ cổ chi sở vị huyền giải. Huyền nhi bất năng tự giải giả, vật hữu kết chi. Thả phù vật bất thắng thiên cửu hĩ. Ngô hựu hà ô yên.”

Nga nhi Tử Lai hữu bệnh, suyển suyển nhiên tương tử. Kỳ thê tử hoàn nhi khắp chi. Tử Lê vãng vấn chi. Viết: “Sát ty, vô đất hóa”. Ý kỳ hộ dữ chi ngữ viết: “Vĩ tai tạo hóa hựu tương hề dĩ nhữ vi. Tương hề dĩ nhữ thích, dĩ nhữ vi thử can hồ. Dĩ nhữ vi trùng ty hồ”.

Tử Lai viết: “Phụ mẫu ư tử, đông tây nam bắc, duy mạng chi tòng. Âm dương ư nhơn. Bất sí ư phụ mẫu. Bỉ cận ngô tử nhi ngã bất thính. Ngã tắc hãn hĩ. Bỉ hà tội yên, phù đại khôi tái ngã dĩ hình, lao ngã dĩ sinh, dật ngã dĩ lão, tức ngã dĩ tử. Cố thiện ngô sinh giả, nãi sở dĩ thiện ngô tử dã”. Kim đại dã chú kim, kim đồng dục viết: “Ngã thả tất vi Mạc Da. Đại dã tất dĩ vi bất tường chi kim. Kim nhất phạm nhơn chi hình, nhi viết nhơn nhĩ nhơn nhĩ. Phù tốc hóa giả, tất dĩ vi bất tường chi nhơn. Kim nhất dĩ thiên địa vi đại lô dĩ tạo hóa vi đại dã. Ô hồ vãng nhi bất khả tai. Thành nhiên mị, cự nhiên giác”.

## CHÚ

1. Đọc là “nhữ” 汝.
2. *Tắm giả* 浸假: ví như, giả thử...
3. *Khao* 尻: xương cùng của xương sống.

## DỊCH NGHĨA

**F.** *Tử Tụ, Tử Dư, Tử Lê, Tử Lai, bốn người nói với nhau:*

- *Ai có thể lấy cái Vô làm đầu, lấy cái Sống làm xương sống, lấy cái Chết làm xương cùng? Ai biết Chết Sống Còn Mất là một, - thì ta sẽ cùng họ kết bạn.*

*Bốn người nhìn nhau mà cười, không ai thấy nghịch với lòng mình, nên cùng làm bạn với nhau.*

*Chẳng bao lâu, Tử Dư<sup>[49]</sup> lâm bệnh. Tử Tụ qua thăm Tử Dư, nói:*

- *Lớn lao thay! Tạo vật bắt tôi như thế này: lưng thì gù, năm tạng thì ở trên, mồm, mép thì sát rốn, vai thì cao hơn đỉnh đầu, núm tóc thì dựng lên! Khí âm dương chùng như sai đảo! Nhưng mà lòng này nhàn rồi vô sự, lom khom ra bờ giếng mà soi mình: Than ôi! Tạo vật lại muốn bắt ta làm cái hạng người gù như thế này nữa ư?*

*Tử Tụ nói:*

- *Anh ghét cái đó sao? Tử Dư nói:*

- Không, tôi sao lại ghét? Giá như hóa cánh tay trái tôi thành con gà, thì tôi nhân đó mà gáy canh; giá như hóa cánh tay mặt tôi thành hòn đạn, thì tôi nhân đó mà kiếm chim quay. Giá như hóa cái xương cùmg của tôi thành bánh xe, hóa cái thân hồn tôi thành con ngựa, thì tôi nhân đó mà cỡi, há còn đợi xe ngựa nào nữa! Vả, được là thời, mất là thuận. An thời xử thuận thì buồn vui làm sao vào được cõi lòng. Đó là chỗ mà người xưa gọi là huyền giải<sup>[50]</sup>. Huyền mà không tự mở ra được là vì vật có chỗ trói buộc của nó. Vậy mà từ lâu vật vẫn không thắng nổi Trời. Tôi sao lại ghét mà làm chi!

Chẳng bao lâu, Tử Lai cũng lâm bệnh nặng, hôn hển gần chết. Vợ con đứng bao quanh mà khóc. Tử Lê qua thăm. Thấy vậy, bèn nói: “Tránh ra xa! Đừng làm rộn người sắp hóa<sup>[51]</sup>.”

Rồi đứng dựa cửa, nói với Tử Lai:

- Lớn lao thay! Tạo hóa lại sắp làm gì anh đây? Lại sắp đem anh đi đâu? Lại sắp biến anh thành gan chuột, hay hóa anh thành cánh trùng?

Tử Lai nói:

- Con mà đối với cha mẹ, thì sai bảo đi đâu cũng phải nghe theo, dù là Đông, Tây, Nam, Bắc. Âm dương cũng như cha mẹ, chẳng phải như thế ư? Đó xô ta gần đến chỗ chết, mà ta không tuân theo, là ta ngỗ nghịch, chứ Đó có tội gì đâu! Kia như Đại khố<sup>[52]</sup> dùng hình mà chớ ta, dùng cái sống mà lao nhục ta, lấy tuổi già mà nhàn hạ ta, lấy cái chết để ta nghỉ ngơi. Bởi vậy, khéo nuôi cái sống của ta, là khéo lo liệu cho cái chết của ta<sup>[53]</sup>. Nay có người thợ đúc kim khí. Kim khí lại nhảy dựng lên mà đòi: “Ta muốn là thanh gươm Mạc Da”, thì người thợ đúc, tất cho đó là thứ kim khí bất thường! Nay lại có kẻ sắp được đem đúc ra hình người, lại cũng đòi: “Người mà thôi! Người mà thôi!” thì Tạo hóa tất cũng cho người đó là người quái gở! Nay Trời Đất là cái lò lớn, Tạo hóa là người thợ đúc. Vậy thì sao mà chẳng được? Yên lặng để mà ngủ, hốt nhiên để mà thức!<sup>[54]</sup>

H. 顏回問仲尼曰：「孟孫才，其母死，哭泣無涕，中心不戚，居喪不哀。無是三者，以善喪蓋魯國。固有無其實而得其名者乎？回壹怪之。」

仲尼曰：「夫孟孫氏盡之矣，進於知矣。唯簡之而不得，夫已有所簡矣。孟孫氏不知所以生，不知所以死；不知就先，不知就後；若化為物，以待其所不知之化已乎！且方將化，惡知不化哉？方將不化，惡知已化哉？吾特與汝其夢未始覺者邪！且彼有駭形而無損心，有旦宅而無情死。孟孫氏特覺，人哭亦哭，是自其所以乃。且也相與吾之耳矣，庸詎知吾所謂吾之乎？且汝夢為鳥而厲乎天，夢為魚而沒於淵。不識今之言者，其覺者乎？其夢者乎？造適不及笑，獻笑不及排，安排而去化，乃入於寥天一。」

**H. Nhan Hồi vấn Trọng Ni viết:**

“Mạnh Tôn Tài kỳ mẫu tử, khóc khắp vô thể, trung tâm bất thích cư tang bất ai. Vô thị tam giả, dĩ thiện tang cái Lỗ Quốc, cố hữu vô kỳ thực nhi đắc, kỳ danh giả hồ! Hồi nhất quái chi.”

Trọng Ni viết: “Phù Mạnh Tôn thị tận chi hĩ! Tiến ư tri hĩ. Duy giản chi nhi bất đắc. Phù dĩ hữu sở giản hĩ. Mạnh Tôn thị bất tri sở dĩ sinh, bất tri sở dĩ tử, bất tri tỵ tiên, bất tri tỵ hậu. Nhược hóa vi vật, dĩ đãi kỳ sở bất tri chi hóa dĩ hồ. Thả phương tương hóa. Ô tri bất hóa tai. Phương tương bất hóa, ô tri dĩ hóa tai. Ngô đặc dữ nhữ kỳ mộng, vị thủy giác giả da. Thả bi hữu hĩ hình nhi vô tôn tâm, hữu đán trạch nhi vô tình tử. Mạnh Tôn thị đặc giác, nhơn khóc diệc khóc, thị tỵ kỳ sở dĩ nãi. Thả dã, tương dữ ngô chi nhĩ hĩ. Dung cự tri ngô sở vị ngô chi hồ. Thả nhữ mộng vi điều nhi lệ hồ thiên, mộng vi ngư nhi một ư uyên. Bất thức kim chi ngôn giả, kỳ giác giả hồ. Kỳ mộng giả hồ. Tạo thích bất cập tiểu, hiển tiểu bất cập bài. An bài nhi khứ hóa, nãi nhập ư liêu thiên nhất.”

**DỊCH NGHĨA**

:

**H. Nhan Hồi hỏi Trọng Ni:**

- Mạnh Tôn Tài, mẹ chết, kêu khóc mà không có nước mắt. Trong lòng không xót xa, để tang mà không tỏ ra bi thảm. Không có ba điều ấy, vậy mà được tiếng là người khéo để tang nhất ở nước Lỗ. Anh ta vốn chẳng có cái thực bên trong mà sao lại được danh như thế? Hồi cho thế là lạ thật!

Trọng Ni nói:

- Ông Mạnh Tôn đã hiểu đến chỗ tận cùng rồi, đã tiến đến bậc Trí rồi! Ông không bỏ cái mà người đời không bỏ được, nhưng ông bỏ được những

tình cảm bên trong của người đời <sup>[55]</sup>. Đối với ông, sống chết là một, ông cũng không phân biệt giữa hai trạng thái ấy cái nào là trước, cái nào là sau... <sup>[56]</sup> Nếu hóa làm một vật khác, là để đợi một cái hóa sắp đến cho mình mà mình không biết. Đang sắp sẽ hóa, biết đâu rồi lại không hóa! Đang sẽ không hóa, biết đâu mình đã hóa rồi! Riêng ta và người là những người trong mộng mà chưa tỉnh đó chẳng? Và, sống chết, đối với ông Mạnh Tôn chỉ là một cuộc thay hình đổi tướng, có gì mà phải bận lòng; cũng chẳng hơn gì cái cảnh đổi nhà (cái nhà trọ mà mình chỉ ở một ngày)... Ông Mạnh Tôn chỉ riêng biết rằng người khóc thì mình cũng khóc, nhưng trong lòng thì không khóc. (Như vậy, không động chạm đến thể nhân, mà cũng được thành thực với cõi lòng). Và lại, ai cũng tưởng cái hình thức này là của ta, đâu biết rằng cái mà mình cho rằng là của ta, quả thật có là của ta chẳng? Hay không phải là của ta? Như người nằm mộng thấy mình là chim mà bay lên trời, rồi lại thấy mình là cá mà lặn dưới vực sâu. Chẳng rõ lời nói ta hôm nay là nói trong khi thức, hay là lời nói trong lúc mộng? <sup>[57]</sup> Thích chí mà không kịp cười. Cười mà không kịp sắp đặt. Sắp đặt sẵn sàng rồi nên quên mất sự sinh hóa, thì mới vào được cõi trời vắng lặng <sup>[58]</sup>.

☪☪☪

I. 意而子見許由，許由曰：「堯何以資汝？」

意而子曰：「堯謂我：『汝必躬服仁義而明言是非。』」

許由曰：「而奚來為軹？夫堯既已黥汝以仁義，而劓汝以是非矣，汝將何以遊夫遙蕩恣睢轉徙之塗乎？」

意而子曰：「雖然，吾願遊於其藩。」許由曰：「不然。夫盲者無以與乎眉目顏

色之好，瞽者無以與乎青黃黼黻之觀。」

意而子曰：「夫無莊之失其美，據梁之失其力，黃帝之亡其知，皆在鑪捶之間耳。庸詎知夫造物者之不息我黥而補我劓，使我乘成以隨先生邪？」

許由曰：「噫！未可知也。我為汝言其大略，吾師乎！吾師乎！萬物而不為義，澤及萬世而不為仁，長於上古而不為老，覆載天地刻雕眾形而不為巧。此所遊已。」

I. Ý Nhi Tử kiến Hứa Do. Hứa Do viết:

- Nghiêu hà dĩ tư nhữ? Ý Nhi Tử viết:

- Nghiêu vị ngã, nhữ tất cung phục nhân nghĩa, nhi minh ngôn thị phi.

Hứa Do viết:

- Nhi hề lai vi chỉ. Phù Nghiêu ký dĩ kinh nhữ dĩ nhân nghĩa nhi tử nhữ dĩ thị phi hĩ. Nhữ tương hà dĩ du phù, điều thang tứ tụy chuyển tử chi đồ hồ!

Ý Nhi Tử viết:

- Tuy nhiên ngô nguyện du ư kỳ phiên. Hứa Do viết:

- Bất nhiên phù manh giả vô dĩ dữ hồ mi mục nhan sắc chi hảo, cổ giả vô dĩ dữ hồ thanh hoàng phát chi quan.

Ý Nhi Tử viết:

- Phù vô Trang chi thất kỳ mỹ. Cự Lương chi thất kỳ lục, Hoàng Đế chi vong kỳ tri, giai tại lự chủy chi gian nhĩ. Dung cự tri phù tạo vật giả chi bất tức ngã kinh nhi bỏ ngã tử, sử ngã thừa thành dĩ tùy tiên sinh da.

Hứa Do viết:

- Y, vị khả tri dã. Ngã vi nhữ ngôn kỳ đại lược. Ngô sư hồ. Ngô sư hồ.

Tê<sup>[59]</sup> vạn vật nhi bất vi nghĩa, trạch cập vạn thể nhi bất vi nhân, trường ư thượng cổ nhi bất vi lão phú tái thiên địa khắc điều chúng hình nhi bất vi xảo. Thử sở du dĩ.

## DỊCH NGHĨA

I. Ý Nhi Tử ra mắt Hứa Do. Hứa Do hỏi:

- Nghiêu đã giúp được anh việc gì? Ý Nhi Tử nói:

- Ông Nghiêu bảo tôi trau dồi nhân nghĩa, biện biệt thị phi.

Hứa Do nói:

- Vậy thì anh còn đến đây làm gì nữa? Nghiêu đã đem nhân nghĩa mà làm rối mắt anh, đem thị phi mà cắt mũi anh, thì anh làm sao còn vào được cõi tiêu dao, không câu thúc và biến hóa vô cùng!

- Nhưng mà tôi muốn vào chốn ấy! Hứa Do nói:

- Không thể được! Người mù không làm sao có thể dự biết được cái đẹp của mây, mắt, mặt, mũi; người lòa không làm sao có thể dự biết được cái màu của xiêm y bào mẫn xanh vàng...

Ý Nhi Tử nói:

- Kìa như Vô Trang đã làm hỏng sắc đẹp của mình; Cự Lương đã làm mất sức mạnh của mình; Hoàng Đế đã làm mất trí huệ của mình, đều là bị

rèn luyện mà ra. Biết đâu Tạo hóa, rồi chẳng xóa lốt rỗ mặt của tôi, vá lại chỗ mũi tôi bị cắt, để tôi có thể lại theo Thầy!

Hứa Do nói:

- Ôi! Cũng chưa biết được không! Nay thì ta cũng thử vì anh mà nói đại lược thôi. Thầy ta à! Thầy ta à! Sắp đặt cho cả vạn vật, mà đâu phải là vì Nghĩ! Ân huệ truyền khắp muôn đời, mà đâu phải là vì Nhân! Lâu dài đến thượng cổ mà chẳng phải là già! Che chở trời đất, chạm trở các hình hài mà không gọi là khéo. Đó là chỗ rong chơi của Thầy ta vậy.

§§§

J. 顏回曰：「回益矣。」仲尼曰：「何謂也？」曰：「回忘仁義矣。」曰：「可矣，猶未也。」

他日，復見，曰：「回益矣。」曰：「何謂也？」

曰：「回忘禮樂矣。」曰：「可矣，猶未也。」

他日，復見，曰：「回益矣。」曰：「何謂也？」

曰：「回坐忘矣。」

仲尼蹴然曰：「何謂坐忘？」

顏回曰：「墮肢體，黜聰明，離形，去知，同於大通，此謂坐忘。」

仲尼曰：「同則無好也，化則無常也。而果其賢乎！丘也請從而後也。」

J. Nhan Hồi viết: “Hồi ích hĩ.” Trọng Ni viết: “Hà vị dã?”

Viết: “Hồi vong nhân nghĩa hĩ.” Viết: “Khả hĩ. Du vị dã.”

Tha nhật; phục kiến, viết: “Hồi ích hĩ.” Viết: “Hà vị dã?”

Viết: “Hồi vong lễ nhạc hĩ.” Viết: “Khả hĩ. Du vị dã.”

Tha nhật, phục kiến, viết: “Hồi ích hĩ.” Viết: “Hà vị dã?”

Hồi viết: “Hồi tọa vong hĩ.”

Trọng Ni xúc nhiên viết: “Hà vị tọa vong?”

Nhan Hồi viết: “Đọa chi thể, truất thông minh, ly hình, khứ tri, đồng ư đại thông, thử vị tọa vong.”

Trọng Ni viết: “Đồng tắc vô háo<sup>1</sup> dã; hóa tắc vô thường<sup>2</sup> dã. Nhi quả kỳ hiên hồ! Khuru dã thỉnh tùng nhi hậu dã.”

## CHÚ

1. Vô háo 無好: không ham muốn gì nữa cả.



2. Vô thường 無常: biến đổi không dừng.  
Vô háo, chỉ về lẽ tĩnh; vô thường, chỉ lẽ động.

### DỊCH NGHĨA

**J.** Nhan Hôi nói: “Hôi được thêm.”

Trọng Ni nói: “Là nghĩa gì?”

Hôi nói: “Tôi quên nhân nghĩa.”

Trọng Ni nói: “Được, nhưng mà chưa trọn.”

Một hôm khác, lại ra mắt và nói:

- Hôi được thêm.

- Là nghĩa gì thế?

- Hôi quên lễ nhạc.

- Được, nhưng chưa trọn.

Một hôm khác nữa, lại ra mắt mà rằng:

- Hôi được thêm.

- Là nghĩa gì thế?

- Hôi “ngồi mà quên” rồi. Trọng Ni ngạc nhiên hỏi:

- Ngồi mà quên, là thế làm sao? Nhan Hôi nói:

- Giải thể, bỏ thông minh, lìa hình bỏ trí, đồng với Đạo lớn. Đó gọi là “ngồi mà quên” vậy.

Trọng Ni nói:

- Đồng (với Đạo lớn) thì không còn tham muốn nữa; hóa (cùng vạn vật)

thì không khư khư chấp nhất <sup>[60]</sup> nữa. Quả Hôi là người hiền. Khuru này nguyện theo sau đó.

§§§

**K.** 子輿與子桑友，而霖雨十日，子輿曰：

「子桑殆病矣！」裹飯而往食之。至子桑之門，則若歌若哭，鼓琴曰：「父邪！母邪！天乎！人乎！」有不任其聲而趨舉其詩焉。」

子輿入，曰：「子之歌詩，何故若是？」曰：「吾思夫使我至此極者而弗得也。父

母豈欲吾貧哉？天無私覆，地無私載，天

地豈私貧我哉？求其為之者而不得也。然而至此極者，命也夫！」

**K.** Tử Dư dữ Tử Tang hữu. Nhi lâm vũ thập nhật. Tử Dư viết: Tử Tang đãi bệnh hĩ. Lý phạm nhi vãng thực chi. Chí Tử Tang chi môn, tắc nhược ca nhược khóc, cổ cầm viết: “Phụ da, mẫu da! Thiên hồ, nhơn hồ! Hữu bất nhiệm kỳ thịnh nhi sô cử kỳ thi yên.”

Tử Dư nhập viết: “Tử chi ca thi, hà cố nhược thị?”

Viết: “Ngô tư phù sử ngã chí thử cực giả nhi phát đắc dã. Phụ mẫu khởi dục ngô bản tai! Thiên vô tư phú, địa vô tư tái. Thiên địa khởi tư bản ngã tai! Cầu kỳ vi chi giả nhi bất đắc dã. Nhiên nhi chí thử cực giả, mạng dã phù!”

§§§

## DỊCH NGHĨA

**K.** Tử Dư cùng Tử Tang là bạn với nhau. Một khi mưa dầm suốt cả mười ngày.

Tử Dư nói: Tử Tang có lẽ đau. Bèn gói cơm sang cho bạn. Khi đến cửa Tử Tang, thì lại nghe như vừa ca vừa khóc, vừa khảy đàn mà rằng: “Cha ôi, mẹ ôi! Trời chẳng, Đất chẳng?”. Dường như nói không ra tiếng, hát phải nghẹn lời.

Tử Dư bước vào nói: “Thơ của anh hát, có sao lại thế?”

Tử Tang nói: “Tôi nghĩ không ra vì có gì đã làm cho tôi ra nông nổi này! Cha mẹ há lại muốn cho tôi nghèo như thế này ư? Trời không riêng che cho ai! Đất không riêng chở cho ai! Trời Đất há lại muốn riêng làm cho tôi nghèo ư? Tìm xem mãi mà không nghĩ ra cái gì đã làm cho tôi ra nông nổi này! Vậy mà lại đến nỗi này, là do Mạng ư?” <sup>[61]</sup>

§§§

## TỔNG BÌNH

Phàm sự vật trong đời, hễ có sống ắt có chết. Chỉ có cái gì không có *sinh ra* là sẽ không *chết đi* mà thôi. Nói đến “bất tử” (không chết) là muốn nói đến cái Nguồn gốc Sống “không có sống có chết” 不生不死, tức là cái mà Lão Tử bảo “*tử nhi bất vong*” (chết mà không mất). Đó là cái mà ta thọ lãnh của Đạo, tức là cái Chân thể, mà Trang tử gọi là “*thiên*” hay là “*thiên tánh*” 天性. Ở chương 7, sách Lão Tử có nói: “*Thiên trường địa cửu. Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh, cố năng trường*

*sinh.*” 天長地久。天地所以能長且久者以其不自生故能長生。  
(Trời dài đất lâu. Trời Đất sở dĩ dài lâu, là vì không sống cho mình, nên mới  
đặng trường sinh). Không sống cho mình mà được trường sinh, tức là nói  
đến cái Gốc Sống của cái không sống không chết. Thiên Đại Tông Sư này  
bàn về cái đạo “sống mà không chết” (不死之道) đó.

Thiên này có hai ý chánh:

Ý thứ nhất, được miêu tả ở đoạn văn sau đây: “Đạo thì có tình, có tín, vô  
vi, vô hình; có thể trao cho mà không thể thụ lãnh; có thể hiểu được mà  
không thể thấy được. Đạo thì tự bản, tự căn. Hỏi chưa có Trời Đất, Đạo đã  
có rồi. Đạo sinh ra Quỷ, sinh ra Đế, sinh ra Trời, sinh ra Đất. Ở trước Thái  
cực mà chẳng gọi là cao; ở dưới lục cực mà không gọi là sâu; sinh trước  
Trời Đất mà chẳng gọi là lâu; dài hơn thượng cổ mà chẳng gọi là già.” Ở  
một đoạn khác: “Không còn thấy có xưa có nay, mới đi vào cõi không sống  
không chết. Giết được cái lòng ham sống cho mình, thì không chết. Sống cái  
sống cho mình mới là không sống. . .” (無古今而後能入於不死不生, 殺生者不死生, 生者不生。)

Xem hai đoạn văn trên đây, ta thấy phần trên thì gọi là Đạo, phần dưới lại  
gọi là vật, tức là chỉ về nguồn sống của vũ trụ vạn vật vậy. Cái Đó không có  
sống, không có chết, hay nói một cách khác, cái Đó không có chỗ khởi  
điểm, không có chỗ cùng tận (無始無終). Tạo hóa dùng cái Sống ấy mà  
tạo ra vạn vật khác nhau, khác nào người thợ đúc dùng loại kim mà đúc ra  
đồ vật đủ mọi hình thức khác nhau. Hoặc phá hình này đúc ra hình khác.  
Đứng theo phương diện hình thức đồ rền, thì có sinh, có tử có thành, có  
hủy. Cho nên Trang Tử mới nói: “Đã là vật, thì không lúc nào là không có  
đưa, không lúc nào là không có đón, không lúc nào là không có hủy, không  
lúc nào là không có thành”. Nghĩa là đã có hình thức (nên gọi là vật) thì tất  
phải có chung, có thủy, có chết, có sống, có thành, có hủy. Nhưng, nếu đứng  
về phương diện bản thể mà xem, thì loại kim, trước sau vẫn một, không có  
thành có hủy, có thêm có bớt. Làm thành đồ vật cũng vẫn là loại kim, mà bị  
phá hủy cũng vẫn là loại kim. Vật có khác nhau về hình thức, nhưng về  
“bản thể” vẫn trước sau là một.

Ý thứ hai, được giải rõ ở đoạn Tử Lai lâm bệnh, sau đây: “Con mà đối với  
cha mẹ thì sai bảo đi đâu cũng phải nghe theo, dù là Đông, Tây, Nam, Bắc.  
Âm dương cũng như cha mẹ, chẳng phải như thế ư? (...) Nay có người thợ  
đúc kim khí, kim khí lại nhảy dựng lên mà đòi: “Ta muốn là thanh gươm  
Mạc Da”, thì người thợ đúc, tất cho đó là thứ kim khí bất tường! Nay lại có  
kẻ sắp được đem đúc ra hình người, lại cũng đòi: “Người mà thôi! Người

*mà thôi”, thì Tạo hóa tất cũng cho người đó là người quái gở! Nay Trời Đất là cái lò lớn, Tạo hóa là người thợ đúc. Vậy thì sao mà chẳng được?”*

Làm người hay làm vật, chỉ là hình thức khác nhau, chứ đều cùng chung một nguồn sống mà ra cả. Vậy sao lại có việc trọng người mà khinh vật? Lại sao có việc vui buồn trong đó? Trang Tử mượn người thợ đúc để ví Tạo hóa. Người thợ đúc dùng ròng một loại kim để đúc ra đồ vật khác nhau, vậy bắt tất phải bày thêm quý tiện để phân chia cao thấp vinh nhục. Nguồn sống đã là một thì bắt tất người là quý mà vật là tiện! Nên nhớ rằng chỗ mà Trang Tử gọi là tạo vật, không phải là ông ám chỉ một đấng Thượng đế, chủ tể trời đất có nhơn cách, mà để chỉ Tự Nhiên.

Sự biến đổi hình thức bên ngoài là việc mà không vật nào có thể tránh được. Sở dĩ nay ta quý cái hình người và cho nó là hơn tất cả mọi hình thể khác là vì ta đang là người. Giá thử ta là chim, thì chắc chắn không có hình thể nào quý đối với ta bằng hình thể chim. Nếu hiện thời, ta là cá, ắt không có hình thể nào quý đối với ta bằng hình thể cá. Cho nên, ở vào cảnh nào nên vui với cảnh ấy, không nên bận lòng đến sự biến hóa bất thường sẽ đến mà làm gì: *“Giá như hóa cánh tay trái tôi thành con gà, thì tôi nhân đó mà gáy canh. Giá như hóa cánh tay mặt tôi thành hòn đạn, thì tôi nhân đó mà kiếm chim quay. . .”* (...) *An thời, xử thuận, thì buồn vui làm sao vào được cõi lòng.”*

Mỗi một cuộc biến hóa, là một lần gặp được cái mới. Mỗi lần gặp được cái mới, là mỗi lần vui. Mà cuộc vạn hóa là vô tận, thì cái vui cũng sẽ nhân đó, mà vô cùng. Đó là yếu chỉ của Tiêu Diêu Du, mà cũng là yếu nghĩa của Tề Vật Luận.

Lão Tử nói: *“Ta riêng khác người là vì ta quý thực mẫu”* (我獨異於人而貴食母) (chương 20). *“Thực mẫu”* đây, tức là *“cái sống không sống không chết”* (不死不生) nguồn gốc của vạn vật. Ta phải biết tôn trọng nó như bậc “tông sư” của mình vậy, nên gọi thiên này là Đại Tông Sư. Còn những cuộc biến đổi bất thường như khi sống khi chết, chẳng khác nào lúc thức lúc ngủ, hai trạng thái không thể biết được lúc nào là mộng lúc nào là thực, vì cả hai đều là một! *“Vả lại, ai cũng tưởng cái hình thức này là của ta, đâu biết rằng cái mà mình cho rằng là của ta quả thật có là của ta chẳng, hay không phải là của ta! Như người nằm mộng thấy mình là chim mà bay lên trời, rồi lại thấy mình là cá mà lặn dưới vực sâu. Chẳng rõ lời ta nói hôm nay là nói trong khi thức, hay là lời ta nói trong lúc mộng?”*. Sống là thức, chết là mộng, hay sống là mộng, mà chết là thức? Đó, cũng là tùy vị trí mình đang ở.

Tóm lại, Đại Tông Sư là thiên bản về cái “*chân tri*” (真知) của bậc “*chân nhơn*” (真人). “*Chân tri*” là “biết được cái chỗ làm của Trời, biết được cái chỗ làm của người”<sup>[62]</sup>, nghĩa là biết rõ thế nào là Tự Nhiên, thế nào là Nhân vi. Còn chân nhơn là người đã “*triêu triệt*” và “*kiến độc*”. Và chỉ có bậc “*chân nhơn mới có được chân tri*”<sup>[63]</sup> mà thôi.

Vậy thế nào là *chân nhơn*? *Chân nhơn* là người đã đắc Đạo. Bởi đã đắc Đạo vì đã “*kiến độc*”<sup>[64]</sup> nên “*không ưa sống, không ghét chết; lúc ra không hăm hở, lúc vào không do dự; thản nhiên mà đến, thản nhiên mà đi; tuy không quên lúc bắt đầu, nhưng không cầu lúc sau chót. Nhận lãnh thì vui với đó, mà quên đi khi phải trở về. . .*”

Chết, chẳng qua như một “*cảnh đổi nhà*” một “*cuộc thay hình đổi tướng, có gì mà phải bận lòng*”... Trước đây đã có ví *sống chết* như lửa với củi. Củi hết thì lửa truyền đi nơi khác... Người ta như một lữ khách đi trên một con đường vô tận, ghé vào quán trọ nghỉ chân, chả lẽ mỗi lúc ra đi lại bận lòng quỵên luyến. Bậc chân nhơn “*thản nhiên mà đến, thản nhiên mà đi*” không như tình cảm thường của thế nhơn là thiết tha quỵên luyến với cái hiện hữu mà chống lại với cái biến đổi lạnh lùng của Tạo hóa. Cho nên mới nói rằng “*không lấy cái tình người mà chống lại với lẽ Đạo nơi mình, không lấy cái Người nơi mình mà làm trở ngại lẽ Trời nơi mình*”. Và nhờ thế, mà lòng họ luôn luôn điềm đạm, vẻ mặt luôn luôn bình thản, đối với việc đời tuy lòng họ “*lạnh như mùa thu, mà cũng ấm như mùa xuân*”.

Bề ngoài của họ thì có vẻ “*hòa nhã với mọi người, mà kỳ thực, lòng họ cách xa với thế nhơn*”. Nghĩa là họ “*hòa*” 和 mà “*không đồng*” 不同. Thái độ ấy đã được Trang Tử miêu tả rõ ràng trong câu chuyện Mạnh Tôn Tài. . .” *Mạnh Tôn Tài, mẹ chết, kêu khóc mà không có nước mắt..., để tang mà tỏ ra không bi thảm (...)* Vậy mà được tiếng là người khéo để tang nhất ở nước Lỗ (...)

Bởi người cư tang “*kêu khóc nên ông cũng kêu khóc, nhưng trong lòng không kêu khóc*”, người người cư tang thì ông cũng cư tang mà lòng chẳng bi ai... Như vậy là vừa không đụng chạm với đời mà cũng vừa được thành thực với lòng mình.” *Hình phạt, theo họ là cần, nhưng họ áp dụng hình phạt một cách khoan hậu. Lễ, theo họ, là phụ thuộc, chỉ dùng để đừng đụng chạm với đời. Họ thuận*

*theo thời*” (...). “*Và như vậy, Trời và Người (nơi họ) không nghịch nhau*”, nghĩa là họ đã giải quyết được sự xung đột giữa cá nhân và xã hội, giữa tự

nhiên và xã ước, giữa tự do và nô lệ. Đó là cách xử thế “*triêu tam mộ tứ*” mà trước đây Trang Tử gọi là “*lưỡng hành*” ở thiên Tề Vật Luận.

៥៥៥

Lại còn một điểm nữa mà ta cần lưu ý:

Bậc chân nhơn là kẻ “*làm lợi và ban bố ân trạch đến muôn đời mà không phải vì yêu người*”.

Ở thiên Thiên Đạo 天道 cũng có nói: “*Trạch cập vạn thế nhi bất vi nhơn*” (澤及萬世而不為仁) (Ân huệ nhuần thấm đến muôn đời mà không phải vì lòng thương người). Thiên Thiên Vận 天運 cũng nói “*Chí nhơn vô thân*” (至人無親) . Bậc chí nhơn không thân ai cả.

Là tại sao? Là vì họ là Đạo, họ là cái Sống Một, họ là người đã “*kiến độc*”. Cho nên mới có nói “*kẻ nào còn có người thân, chưa phải là bậc nhơn*”. Nhơn đây là *chí nhơn* vậy. Phạm hễ có *thân*, tức có *sơ*, mà bậc *chí nhơn* không yêu riêng ai, cũng không ghét riêng ai. Chỉ có người đã mất Đạo nơi lòng rồi, mới còn bàn đến nhơn, đến nghĩa: “*Đại Đạo phế, hữu nhơn, nghĩa*” (大道廢有仁義) . Bậc chí nhơn, như mặt trời mặt trăng soi sáng thiên hạ, không riêng gì cho kẻ lành hay người dữ: họ chiếu sáng vì không thể không chiếu sáng, họ làm một cách vô tâm, vì họ không thể không làm vậy cho được.

## ỨNG ĐẾ VƯƠNG

### 應帝王

A. 齧缺問於王倪，四問而四不知。齧缺因躍而大喜，行以告蒲衣子。

蒲衣子曰：「而乃今知之乎？有虞氏不及泰氏。有虞氏其猶藏仁以要人；亦得人矣，而未始出於非人。泰氏，其臥徐徐，其覺于于；一以己為馬，一以己為牛；其知情信，其德甚真，而未始人於非人。」

A. Khiết Khuyết vấn ư Vương Nghiê<sup>1</sup>, tứ vấn nhi tứ bất tri. Khiết Khuyết nhân được nhi đại hỉ, hành dĩ cáo Bồ Y Tử.

Bồ Y Tử<sup>2</sup> viết:

“Nhi nãi kim tri chi hò? Hữu Ngu Thị bất cập Thái Thị<sup>3</sup>, Hữu Ngu Thị kỳ do tàng nhân dĩ yếu nhơn, diệc đắc nhơn hĩ, nhi vị thủy<sup>4</sup> xuất ư phi nhơn. Thái Thị kỳ ngọa từ từ, kỳ giác vu vu, nhất dĩ kỳ vi mã, nhất dĩ kỳ vi ngưu, kỳ tri tình tín, kỳ đức thậm chân, nhi vị thủy nhập ư phi nhơn<sup>5</sup>.”

#### CHÚ

1. Xem lại Tề Vật Luận.
2. *Bồ Y Tử* 蒲衣子: bậc hiền tài mà vua Thuấn đem thiên hạ nhường cho lúc ông chỉ mới tám tuổi.
3. *Hữu Ngu Thị* 有虞氏: tức là vua Thuấn.  
*Thái Thị* 泰氏: tức là *Thái Hạo Phục Hy* 太昊伏羲.
4. *Vị thủy* 未始: tức là cái chân thể (l'Être sans Origine).  
*Hữu Ngu Thị* thì chưa huyền đồng vật ngã; *Thái Thị* thì huyền đồng vật ngã rồi (đắc Đạo).
5. Ở thiên Thiên Đạo cũng nói: “Người ta có gọi là ngựa thì ta cũng tự nhận là ngựa; gọi ta là bò thì ta cũng tự nhận là bò”. Đó là muốn nói rằng không còn phân biệt giữa người và vật nữa.

#### DỊCH NGHĨA

A. Khiết Khuyết hỏi Vương Nghiê, hỏi bốn câu không trả lời được câu nào. Vương Nghiê cả mừng, nhảy nhót, qua cho Bồ Y Tử hay.

Bồ Y Tử nói:

- Nay anh mới biết thế sao? Hữu Ngu Thị không bằng Thái Thị. Hữu Ngu Thị thì chứa “nhân” để mà cầu người và được người theo, nhưng cái “vị thủy” lại đứng ngoài sự vật. Thái Thị ngủ thì khoan thai, thức thì lờng khờng, khi thì xem mình ngang như ngựa, khi thì xem mình ngang như bò, hiểu biết thì suốt lẽ, đức thì chân thật <sup>[65]</sup>, còn cái “vị thủy” thì nhập làm một cùng sự vật.

§§§

**B.** 肩吾見狂接輿。狂接輿曰：「日中始何以語女？」

肩吾曰：「告我君人者以己出經式義度，人孰敢不聽而化諸！」

狂接輿曰：「是欺德也。其於治天下也，猶涉海鑿河而使蚤負山也。夫聖人之治也，治外乎？正而後行，確乎能其事者而已矣，且鳥高飛以避矰弋之害，鼯鼠深穴乎神丘之下以避熏鑿之患，而曾二蟲之無知！」

**B.** Kiên Ngô kiến Cuồng Tiếp Dư. Cuồng Tiếp Dư viết:

- Nhật Trọng Thủy<sup>1</sup> hà dĩ ngữ nhữ? Kiên Ngô viết:

- Cáo ngã: Quân nhơn giả, dĩ kỹ xuất kinh thức nghi<sup>2</sup> độ, nhơn chấp cảm bất thính nhi hóa chư.

Cuồng Tiếp Dư viết:

- Thị khi đức dã. Kỳ ư trị thiên hạ dã, do thiệp hải tạc hà, nhi sử văn phụ sơn dã. Phù thánh nhơn chi trị dã, trị ngoại<sup>3</sup> hồ? Chánh nhi hậu hành xác hồ năng kỳ sự giả, nhi dĩ hĩ. Thả điều cao phi dĩ tị tăng dục chi hại, hề thử thâm huyết hồ thần khuru chi hạ, dĩ tị huân tạc chi hoạn, nhi tăng nhị trùng chi vô tri.

§§§

## CHÚ

1. Theo *Thích Văn* 釋文 thì chữ 中 gốc là chữ 仲, âm là “trọng”, mà không đọc là “trung”.

Theo bản của Thôi Tuyên thì không có chữ “nhật 日”, mà chỉ có Trọng Thủy 仲始. Chữ “nhật” 日 ở đây có nghĩa là ngày trước 往日. *Sư cổ* 師古 nói: “Nhật, vị vãng nhật” (日為往日).



2. Chữ 義 chính là chữ 儀 (nên đọc là “nghi”), tức là phép tắc (luật pháp).

3. Chữ “ngoại” 外 đây là ám chỉ “pháp độ”, tức là “kinh thức nghi độ” (經式儀度) .

4.

## DỊCH NGHĨA

**B.** *Kiên Ngô viếng Cuồng Tiếp Dư. Cuồng Tiếp Dư hỏi:*

- Ngày trước Trọng Thủy nói gì với ông? Kiên Ngô nói:

- Nói rằng: Kẻ làm vua chúa mà biết lấy mình làm phép tắc, thì thiên hạ ai dám chẳng nghe mà hóa.

*Tiếp Dư nói:*

- Đó là đức giả dối. Dem nó mà trị thiên hạ thì khác nào lội biển, đào sông, bắt muỗi mòng vác núi! Cách trị của Thánh nhơn có lo trị bằng cái ngoài đâu! Trước lo chánh kỷ rồi sau mới hành sự. Chỉ có bao nhiêu thôi. Vả, con chim cũng biết bay cao để tránh lẩn tên dò bẫy, chuột cống cũng biết khoét đất đào sâu hang ngách dưới gò thờ thần để lánh họa un khói, đào bắt. Hai con vật ấy, há lại chẳng hiểu biết gì cả hay sao!

§§§

**C.** 天根遊於殷陽，至蓼水之上，適遭無名人而問焉，曰：「請問為天下。」

無名人曰：「去！汝鄙人也！何問之不豫也？予方將與造物者為人，厭，則又乘夫莽眇之鳥，以出六極之外，而遊無何有之鄉，以處壙垠之野。汝又何帛以治天下感予之心為？」

又復問。無名人曰：「汝遊心於淡，合氣於漠，順物自然而無容私焉，而天下治矣。」

**C.** Thiên Căn du ư Ân Dương, chí Liễu thủy chi thượng, thích tao Vô Danh Nhơn nhi vấn yên, viết:

- Tỉnh vấn vi thiên hạ. Vô Danh Nhơn viết:

- Khứ! Nhữ bỉ nhơn dã. Hà vấn chi bất dự dã! Dư phương tương dữ tạo vật giả vi nhơn<sup>1</sup>, yếm tắc hựu thừa phù mãng diêu chi điểu<sup>2</sup>, dĩ xuất lục cực chi ngoại, nhi du vô hà hữu chi hương, dĩ xứ khoáng lạng chi dã. Nhữ hựu hà vị dĩ trị thiên hạ cảm dư chi tâm vi?

Hựu phục vấn. Vô Danh Nhơn viết:

- Nhữ du tâm ư đạm, hợp khí ư mạc, thuận vật tự nhiên nhi vô dụng tư yên, nhi thiên hạ trị hĩ.

## CHÚ

1. *Nhơn* 人 ở đây chính là chữ 偶 (ngẫu) nghĩa là bạn.
2. Âm chỉ “khí thanh hư” ở tầng không khí trên lớp không khí của trái đất.

## DỊCH NGHĨA

C. Thiên Căn đi chơi núi Ân Dương, đến sông Liễu, gặp Vô Danh Nhơn, mới hỏi:

- Xin hỏi cách trị thiên hạ? Vô Danh Nhơn nói:

- Đi đi, anh là người quê dốt! Sao không dự trước lời hỏi? Ta sắp làm bạn cùng tạo vật mà có chán, thì cỡi chim khinh hư ra ngoài lục cực, ngao du làng “Vô hà hữu”, giữa cánh đồng nội mệnh mông! Tại sao anh lại lấy việc trị thiên hạ để làm rộn lòng ta?

Nhưng lại hỏi nữa. Vô Danh Nhơn nói:

- Giữ tâm cho điềm đạm, khí cho điềm tịnh, thuận theo tánh tự nhiên của mọi vật mà không theo ý riêng của mình, thì thiên hạ trị vậy.

§§§

D. 陽子居見老聃，曰：「有人於此，嚮疾強梁，物徹疏明，學道不勸。如是者，可比明王乎？」

老聃曰：「是於聖人也，胥易技係，勞形怵心者也。且也，虎豹之文來田，猿狙之便執爨之狗來藉。如是者，可比明王乎？」

陽子居蹙然曰：「敢問明王之治。」

老聃曰：「明王之治：功蓋天下而似不自己，化貸萬物而民弗恃；有莫舉名，使物自喜；立乎不測，而遊於無有者也。」

D. Dương Tử Cư<sup>1</sup> kiến Lão Đạm, viết:

- Hữu nhơn ư thử, hương tậ cường lương, vật triệт sơ minh, học đạo bất quyệт; như thị giả khả tỉ minh vương hồ?<sup>2</sup>

Lão Đạm viết:

- Thị ư thánh nhơn dã, tứ dịch chi hệ, lao hình truật tâm giả dã. Thả dã hồ báo chi văn lai điềн viên thư chi tiệт chấp lại chi cầu lai tạ. Như thị giả khả tỉ minh vương hồ?

Dương Tử Tư xúc nhiên viết:

- Cảm vấn minh vương chi trị. Lão Đam viết:

- Minh vương chi trị, công cái thiên hạ nhi tự bất tự kỷ, hóa thái vạn vật nhi dân phát thi, hữu mạc cử danh, sử vật tự hi<sup>3</sup>, lập hồ bất trắc, nhi du ư vô hữu<sup>4</sup> giả dã.”

## CHÚ

1. *Dương Tử Tư*: *Dương* là họ. *Tư*, là tên người. Có nhà chú giải cho rằng đây cũng chính là *Dương Chu* 陽朱. Không chắc.
2. Chính là chỗ giản minh thêm cái thuyết “*vô dụng chí dụng*” ở thiên Tiêu Diêu Du.
3. Chính đây là thuyết “*chí nhơn vô kỷ, thân nhơn vô công, thánh nhơn vô danh*” ở thiên Tiêu Diêu Du.
4. “*Vô hữu*”, cùng một nghĩa với “*Vô hà hữu chi hương*” ở thiên Tiêu Diêu Du, đều là để ám chỉ Đạo.

## DỊCH NGHĨA

**D.** *Dương Tử Tư* ra mắt *Lão Đam*, hỏi:

- Ở đây có người mẫn cán, quả quyết, việc đời thông suốt minh bạch, học Đạo không mỏi, người như thế có thể sánh với đáng minh vương không?

*Lão Đam* nói:

- Hạng ấy mà sánh với *Thánh nhơn* chỉ là những kẻ nô dịch, lao tâm nhọc xác. Sở dĩ hùm beo mà bị bắt là vì bộ lông tốt đẹp của chúng. Vượn và chó mà bị xiềng nhốt là vì cái tài hay của chúng.

Sao lại có thể sánh họ với đáng minh vương? *Dương Tử Tư* ngạc nhiên hỏi:

- Dám xin hỏi phép trị nước của minh vương là thế nào? *Lão Đam* nói:

- Phép trị của minh vương là công trùm thiên hạ mà làm như không phải tự của mình làm. Hóa cả vạn vật mà không đợi người dân cậy đến. Làm mà không ai biết được tên, khiến cho mọi vật, vật nào cũng tự vui. Đứng ở chỗ không thể đo lường mà vui chơi nơi “*vô hữu*”.

§§§

**E.** 鄭有神巫曰季咸，知人之死生，存亡，禍福，壽夭，期以歲月旬日，若神。鄭人見之，皆棄而走。

列子見之而心醉，歸，以告壺子，曰：

「始吾以夫子之道為至矣，則又有至焉者矣。」

壺子曰：「吾與汝既其文，未既其實，而固得道與？眾雌而無雄，而又奚卵焉？而以道與世亢，必信，夫故使人得而相汝。嘗試與來，以予示之。」

明日，列子與之見壺子。

出而謂列子曰：「嘻！子之先生死矣！弗活矣！不以旬數矣！吾見怪焉！見濕灰焉。」

列子入，泣涕沾襟以告壺子。

壺子曰：「鄉吾示之以地文，萌乎不震不正。是殆見吾杜德機也。嘗又與來。」

明日，又與之見壺子。出而謂列子曰：

「幸矣！子之先生遇我也！有瘳矣！全然有生矣！吾見其杜權矣！」

列子入，以告壺子。

壺子曰：「鄉吾示之以天壤，名實不入，而機發於踵。是殆見吾善者機也。嘗又與來。」

明日，又與之見壺子。出而謂列子曰：

「子之先生不齊，吾無得而相焉。試齊，且復相之。」

列子入，以告壺子。壺子曰：「吾鄉示之以太沖莫勝，是殆見吾衡氣機也。鯢桓之審為淵，止水之審為淵，流水之審為淵。淵有九名，此處三焉。嘗又與來。」

明日，又與之見壺子。立未定，自失而走。壺子曰：「追之。」

列子追之不及。反，以報壺子曰：「已滅矣，已失矣，吾弗及已。」

壺子曰：「鄉吾示之以未始出吾宗。吾與

之虛而委蛇，不知其誰何，因以為弟靡，因以為波流，故逃也。」

然後列子自以為未始學而歸。三年不出，為其妻爨，食豕如食人，於事無與親。雕琢復朴，塊然獨以其形立。紛而封哉，一以是終。

E. Trịnh hữu thần vụ, viết Quý Hàm, tri nhơn chi tử sinh, tôn vong, họa phúc, thọ yếu, kỳ dĩ tuế nguyệt tuần nhật, nhược thần. Trịnh nhơn kiến chi, giai khí nhi tâu.

Liệt Tử kiến chi nhi tâm túy qui dĩ cáo Hồ Tử, viết:

- Thủy ngô dĩ phu tử chi Đạo vi chí hĩ, tắc hựu hữu chí yên giả hĩ.

Hồ Tử viết:

- Ngô dữ nhữ, ký kỳ văn vị ký kỳ thực<sup>1</sup>, nhi cố đắc Đạo dư? Chúng thư nhi vô hùng, nhi hựu hề noãn yên<sup>2</sup>? Nhi dĩ Đạo dữ thể kháng tất tín, phù cố sử nhơn đắc nhi tương nhữ. Thường thí dữ lai, dĩ dư thị chi.

Minh nhật, Liệt Tử dữ chi kiến Hồ Tử. Xuất nhi vị Liệt Tử viết:

- Hi, tử chi tiên sinh tử hĩ, phát hoạt hĩ, bất dĩ tuần số hĩ! Ngô kiến quái yên. Kiến thấp khôi yên.

Liệt Tử nhập, khắp thể triêm khâm, dĩ cáo Hồ Tử. Hồ Tử viết:

- Hương ngô thị chi dĩ địa văn<sup>3</sup>. Manh hồ bất chân, bất chánh<sup>4</sup>. Thị đãi kiến ngô đồ đức cơ dã. Thường hựu dữ lai.

Minh nhật, hựu dữ chi kiến Hồ Tử. Xuất nhi vị Liệt Tử viết: “Hạnh hĩ, tử chi tiên sinh ngô ngã dã! Hữu liêu hĩ, toàn nhiên hữu sinh hĩ; ngô kiến kỳ đồ quyền hĩ!

Liệt Tử nhập dĩ cáo Hồ Tử. Hồ Tử viết:

- Hương ngô thị chi dĩ thiên như<sup>5</sup>. Danh thực<sup>6</sup> bất nhập, nhi cơ phát u chủng<sup>7</sup>. Thị đãi kiến ngô thiện<sup>8</sup> giả cơ dã. Thường hựu dữ lai.

Minh nhật hựu dữ chi kiến Hồ Tử. Xuất nhi vị Liệt Tử, viết:

- Tử chi tiên sinh bất tề, ngô vô đắc nhi tương yên. Thí tề, thả phục tương chi.

Liệt Tử nhập dĩ cáo Hồ Tử. Hồ Tử viết:

- Ngô hương thị chi dĩ thái xung mạc thẳng<sup>9</sup>. Thị đãi kiến ngô hoành khí<sup>10</sup> cơ dã. Nghệ hoàn chi thẩm<sup>11</sup> vi uyên, chỉ thủy chi thẩm vi uyên, lưu thủy chi thẩm vi uyên; uyên hữu cửu danh, thử xứ tam yên. Thường hựu dữ lai.

Minh nhật hữu dữ chi kiến Hồ Tử: lập vị định, tự thất nhi tâu. Hồ Tử viết: “Truy chi”.

Liệt Tử truy chi, bất cập, phản dĩ báo Hồ Tử viết:

- Dĩ diệt hĩ! Dĩ thất hĩ! Ngô phát cập dĩ! Hồ Tử viết:

- Hương ngô thị chi dĩ vị thủy xuất ngô tông. Ngô dữ chi hư nhi ủy đi<sup>12</sup>, bất tri kỳ thủy hà, nhân dĩ vi đệ mị, nhân dĩ vi ba lưu, cố đào dã.

Nhiên hậu Liệt Tử tự dĩ vi vị thủy học<sup>13</sup> nhi quy. Tam niên bất xuất, vi kỳ thê thoán, thực thi như thực nhơn; ư sự vô dữ thân, điều trác phúc phác, khối nhiên độc dĩ kỳ hình lập, phân nhi phong tai, nhất dĩ thị chung.

**CHÚ**

1. *Văn* 文: dáng bên ngoài, về hình thức (tức là chỗ mà ta thường gọi là “hình nhi hạ học”).  
*Thực* 實: phần chân thực bên trong (tức là chỗ mà ta thường gọi là “hình nhi thượng học” (phần tâm đắc, tâm truyền tâm)).  
*Dữ* 與: Chữ này trong câu này, không có nghĩa là “và”, “với” như Nguỵ Tông đã dịch; mà có nghĩa là “thụ” (授) tức là *trao cho, dạy dỗ, truyền cho*.  
*Ký* (即) : Chữ “ký” ở đây có nghĩa là cùng tận 盡, đến mức.
2. Hồ Tử chê Liệt Tử chưa hoài bão được Đạo bên trong, khác nào lũ gà mái chưa chịu trống nên trứng đẻ ra không có “ngòi”, làm gì nở con ra được. Cái học cần chứa đựng cả trong lẫn ngoài, tức là “nhất âm nhất dương chi vị Đạo”.
3. *Địa văn* 地文: như một khối đất.
4. Như non núi, không động (不動不止如山也) . Chữ 正 (chánh) ở đây, gốc là chữ “chỉ” 止. Tất cả nghị lực đều ngưng đọng lại cả, nên Quý Hàm mới thấy như là trạng thái của sự chết.
5. *Thiên nhưỡng* 天壤: đất mềm mà được ánh Thái dương rọi sáng, đầy sinh khí.  
 Nhưỡng 壤: đất mềm; thiên 天: ánh sáng mặt trời, ám chỉ Trời và Đất hợp nhau, âm dương điều hòa.
6. *Danh thực* 名實: Hương Tú và Quách Tượng, đều cho hai chữ “*danh thực*” này đồng nghĩa với “*danh lợi*” 名利.
7. 踵 (chủng): gót chân, tức là ám chỉ “nguồn sống” phát động ngay từ gốc dưới (của quả Phục Kinh Dịch), âm cực thì dương sinh.
8. Chữ “thiện” 善 ở đây có nghĩa là “nguồn sống” (生) .
9. Chữ “thắng” 勝 đây, gốc là chữ “trẫm” 朕, tức là lộ điếm ra cho người ta thấy trước. Chữ “mạc” 莫 có nghĩa là không (無) . 太沖莫勝 (thái xung mạc thắng) là tình trạng hỗn độn của Đạo lúc chưa phân Trời Đất (Grand Chaos).
10. *Hoành khí* 衡氣: khí âm dương còn hỗn độn, quân bình.
11. *Thảm* 審: gốc là chữ 漩, đọc là “phiên”: tức là sóng to (大波也) .  
*Hoàn* 桓: tức là *bàn hoàn* (盤桓) : tinh thần bất định.  
*Ủy di* 委蛇: vẻ nhàn nhã, khoan thai, thản nhiên bất động cảm.  
*未始學* (Vị Thủy học): cái học về vị thủy nghĩa là cái học về cái chưa từng có cái ban đầu (không có nguồn gốc).

## DỊCH NGHĨA

**E.** Nước Trịnh có một người đồng bóng rất tài tên là Quý Hàm, biết được cả sự sống chết, còn mắt, may rủi, thọ yếu, lại hẹn được từng năm, từng tháng, từng tuần, từng ngày, đoán trúng như thần.

Người nước Trịnh thấy anh đều bỏ chạy.

Liệt Tử thấy anh ta thì mê say. Về, đem việc ấy thưa lại với thầy là Hồ Tử:

- Trước đây tôi cho đạo của thầy là đã đến mực rồi! Nhưng nay lại có kẻ còn tài giỏi hơn!

Hồ Tử nói:

- Ta dạy người chỉ mới đến chỗ cùng của phần văn, chưa từng dạy đến chỗ cùng của phần thực. Người cho thế là được đến Đạo rồi ư? Lũ gà mái không chịu trống mà lại đẻ, thì trứng làm gì nở được? Người đem Đạo chống với đời, tất phải tỏ nó ra ngoài, nhân thế mới để cho anh ta xem tướng được. Người hãy thử cùng nó đến đây, đưa ta cho nó xem!

Ngày mai, Liệt Tử cùng hắn vào ra mắt Hồ Tử. Ra ngoài, gọi Liệt Tử mà bảo:

- Ôi! Thầy của tiên sinh chết rồi! Không sống được nữa! Cũng chẳng được vài tuần đâu! Ta thấy lạ quá: thấy như là tro ẩm?

Liệt Tử vào, nước mắt ướt đầm cả áo, đem nói lại với Hồ Tử. Hồ Tử nói:

- Khi này, ta hiện về “địa văn” cho nó xem mầm sống không động, không dừng. Chắc là anh ta nhìn thấy cái nền tảng vững chắc của cái Đức của ta. Lại người thử cùng hắn tới đây lần nữa!

Ngày mai, Liệt Tử cùng hắn vào ra mắt Hồ Tử. Bước ra về, gọi Liệt Tử, nói:

- May thay! Thầy của tiên sinh gặp được ta, có phần thuyên giảm nhiều, chắc là sống được. Ta thấy cái máy quyền biến đã phát động rồi!

Liệt Tử trở vào, đem thưa lại với Hồ Tử. Hồ Tử nói:

- Khi này, ta hiện về “thiên nương” cho hắn ta xem: danh lợi không cảm được lòng nhưng quyền cơ của mầm sống phát động ngay từ gốc. Chắc là ông ta thấy được cái cơ phát động của nguồn sống nơi ta. Vậy, người thử cùng anh ta tới đây!

Ngày mai, Liệt Tử cùng ông ấy vào ra mắt Hồ Tử. Ra về, gọi Liệt Tử mà bảo:

- Thầy của tiên sinh trạng thái không quân bình, cho nên không định, ta không thể xem được. Vậy, thử chờ cho đồng đều lại rồi sẽ trở lại xem cho.

Liệt Tử trở vào, đem thuật lại Hồ Tử. Hồ Tử nói:

- Khi này ta hiện về “thái xung” mờ mệt cho hấn xem. Chắc là anh ta thấy cái khí quân bình của ta, nên không nhận rõ gì cả. Rõ là một cái vực sâu, chỗ mà cá nghê vung vây, nơi mà nước tụ, nơi mà nước chảy dồn vào, thật là một cái gì hỗn độn, cho nên cái vực sâu ấy có đến chín tên, trên đây đã là ba rồi. Người thử cùng hấn đến đây!

Ngày mai, Liệt Tử cùng hấn vào ra mắt Hồ Tử. Đứng chưa yên chỗ, hết hồn bỏ chạy.

Hồ Tử bảo: “Đuổi theo hấn đi!”

Liệt Tử đuổi theo mà không kịp, trở về thưa với Hồ Tử: “Để mắt dạng rồi! Đã thất lạc rồi! Tôi không theo kịp!”

Hồ Tử nói:

- Khi này, ta hiện cho hấn xem cái bản thể vừa mới xuất tự nguồn gốc. Ta cho hấn thấy cái hư không mà thân nhiên, nên hấn không nhận biết là gì, nhân thể mà ta làm ra về uể oải, làm ra về sóng tan, cho nên hấn mới chạy trốn.

§§§

Về sau Liệt Tử tự trở về với cái học về “vị thủy”. Ba năm không ra khỏi cửa, nấu cơm cho vợ, nuôi heo như nuôi người (không phân biệt vật và người), không tha thiết đến việc gì cả. Phá bỏ tất cả mọi trang sức giả tạo để cho lòng trở về cõi thuần phác tự nhiên. Thành như cục đất, giữa cảnh náo nhiệt mà lòng vẫn không xao động. Như thế, cho đến trọn đời mình.

§§§

F. 無為名尸，無為謀府，無為事任，無為知主。體盡無窮，而遊無朕；盡其所受乎天，而無見得，亦虛而已。至人之用心若鏡，不將不逆，應而不藏，故能勝物而不傷。

F. Vô vi danh thi, vô vi mưu phủ, vô vi sự nhiệm, vô vi tri chủ; thể tận vô cùng, nhi du vô trẫm. Tận kỳ sở thụ hồ thiên, nhi vô kiến đắc, diệc hư nhi dĩ! Chí nhưn chi dụng tâm nhược kính; bất tương bất nghịch<sup>1</sup>, ứng nhi bất tàng, cố năng thắng vật nhi bất thương.

§§§

CHÚ



1. *Tương* 相: có nghĩa là đi theo (送) .

*Nghịch* (逆) : bỏ mà trở lại. Hai chữ “tương” và “nghịch” đều có nghĩa là “ưa” và “ghét”.

## DỊCH NGHĨA

*F. Lấy vô vi làm danh vọng chánh của mình, làm mưu vọng chánh của mình, làm việc làm chánh của mình, làm sự hiểu biết chánh của mình; vô vi dùng mãi không cùng, còn cách sinh hoạt của nó thì không để dấu vết gì cả. Nhận tất cả những gì đã thụ ở trời mà không giữ lại cái gì cho mình cả: cũng vì nó là hư không mà thôi! Bậc chí nhưn dùng cái tâm mình như tấm gương: không đi theo, không từ bỏ, ứng mà không chấp chứa, vì vậy hay thắng được mọi vật mà không làm hại nó.*

§§§

*G. 南海之帝為儻，北海之帝為忽，中央之帝為渾沌。儻與忽時相與遇於渾沌之地，渾沌待之甚善。儻與忽謀報渾沌之德，曰：「人皆有七竅，以視聽食息，此獨無有，嘗試鑿之。」日鑿一竅，七日而渾沌死。*

*G. Nam Hải chi đế vi Thúc. Bắc Hải chi đế vi Hốt. Trung ương chi đế vi Hồn Độn.*

*Thúc dữ Hốt thời tương dữ ngô ư Hồn Độn chi địa, Hồn Độn đãi chi thậm thiện. Thúc dữ Hốt mưu báo Hồn Độn chi đức, viết: “Nhơn giai hữu thất khiêu, dĩ thị thính thực tức, thử độc vô hữu, thường thí tạc chi”.*

*Nhật tác nhất khiêu, thất nhật nhi Hồn Độn tử.*

## DỊCH NGHĨA

*G. Vua biển Nam là Thúc. Vua biển Bắc là Hốt. Vua khu giữa là Hồn Độn.*

*Thúc và Hốt thường gặp nhau trên đất của Hồn Độn. Hồn Độn tiếp đãi họ rất tốt. Thúc cùng với Hốt tính trả ơn Hồn Độn, bàn với nhau: “Người ta, ai cũng có bảy khiêu để nhìn, để nghe, để ăn, để thở. Chỉ riêng có ông bạn chúng ta đây là không có. Vậy, ta thử đục ông ta xem nào.”*

Mỗi ngày đục một khiếu, bảy ngày Hồn Độn chết <sup>[66]</sup>.

## TỔNG BÌNH

Ứng Đế Vương là thiên cuối cùng nói về cái Đạo của các bậc Thánh nhơn, dùng đến phép vô vi mà trị nước (無為而治) gốc ở *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, chương 57: “Ngã vô vi nhi dân tự hóa” (我無為而民自化) mà ra. Tự hóa 自化 là tự mình hóa lấy mình, mà không phải do kẻ ngoài, vật ngoài hóa mình. Quan trọng nhất là hai chữ “tự hóa” này.

☪☪☪

Như ta đã thấy ở các thiên Tiêu Diêu Du và Tề Vật Luận, phàm xã hội nào mà không biết để cho thiên hạ yên theo tánh phận của mình, đều làm cho chúng ta đau khổ cả.

Tánh của vật, không đồng nhau. Mỗi vật đều có chỗ nhận là *tốt*, là *phải*, riêng theo vật ấy. Vậy, ta không nên cưỡng ép phải đồng. Mà thật sự, ta cũng không làm sao cưỡng ép cho đồng được. Chỗ *không thể đồng* của vạn vật, ta phải biết nhận nó, biết chịu nó: đó là ta dùng chỗ *không thể đồng* mà làm cho *đồng* vậy. (Xem lại chương Tổng bình thiên Tề Vật Luận). Thật thế, nếu biết để cho mỗi người trong thiên hạ đều “yên theo cái tự tánh của mình” 各安其性 thì tuy nhận thấy có sự “bất tề” 不齊 trong vạn vật, mà kỳ thật thì vật nào cũng được *đồng* nhau, nghĩa là đồng được sống tự do theo cái sống của mình. Tự do và bình đẳng là điều không thể lìa nhau đặng. Hễ làm mất tự do thì không có bình đẳng, mà làm mất bình đẳng thì không có tự do.

Như vậy thì, bất cứ xã hội nào mà định ra một cái *tận thiện mẫu* để làm tiêu chuẩn chung cho mọi tư tưởng và hành vi, khiến cho cả thiên hạ đều phải theo đó mà hành động, là sai với tự nhiên, là ép chỗ *không thể đồng* phải *đồng* với nhau tất cả.

Thánh nhơn của phái “hữu vi” lập ra pháp độ (quy củ chuẩn thẳng 規矩準繩) cùng các thứ chế độ phiền phức để mà định chế chính trị xã hội và khiến cho người người đều phải phục tùng, tuy chỗ dụng ý chưa phải là không yêu người, nhưng kết quả thì lại như Lỗ hầu yêu chim: “*Xưa có một con chim biển đậu ở nền Lỗ giao. Lỗ hầu ngự đến, rước về đền tông miếu, dạy trời nhạc Cửu thiên, dọn yến thái lao. Chim ta ngó dớn dác, bộ sầu bi,*

*không dám ăn dám uống. Cách ba hôm thì chết. Đó là dùng cách nuôi người mà nuôi chim. Nếu dùng cách nuôi chim mà nuôi người, thì phải để cho nó đậu nơi rừng sâu, dạo ngoài gò đất, trôi nổi giang hồ, kiếm ăn lươn cá, đi theo hàng liệt, ung dung tự đắc, thích đâu ở đó. Nó nghe tiếng người cũng đủ nao nao lòng dạ rồi, phương chi là tiếng nhạc. . .”*<sup>[67]</sup> Đó là yêu theo chỗ thích riêng của mình, chứ không yêu theo chỗ thích riêng của mọi vật, và như thế là làm hại cho vật mà mình yêu vậy. Đó là mong giúp đời mà hại đời, mong cứu người mà giết người vậy.

Như vậy, ta thấy Trang Tử rất phản đối cái phép “*lấy trị mà trị thiên hạ*” (以治治天下) . Muốn thiên hạ được trị, thì không chi bằng lấy cái phép “*không trị mà trị thiên hạ*” (以無治治天下) . Đó gọi là phép “*vô vi nhi trị*” (無為而治) .

§§§

Vô vi là gì?

Vô vi có ba nghĩa:

1. Mỗi vật đều có cái tánh tự nhiên của nó, đâu có cần đến người phải nhúng tay chen vào giúp nó!

*“Kiên Ngô viếng Cuồng Tiếp Dư. Cuồng Tiếp Dư hỏi:*

*- Ngày trước, Trọng Thủy nói gì với ông? Kiên Ngô nói:*

*- Nói rằng: kẻ làm vua chúa mà biết lấy mình làm phép tắc thì thiên hạ ai dám chẳng nghe theo mà hóa!*

*Tiếp Dư nói:*

*- Đó là đức giả dối. Dem nó mà trị thiên hạ thì khác nào lội biển, đào sông, bắt muỗi mòng vác núi! Cách trị của Thánh nhơn có lo trị bằng cái ngoài đâu! Trước lo chánh kỷ, rồi sau mới hành sự. Chỉ có bao nhiêu thôi. Vả, con chim cũng biết bay cao để tránh lằn tên dò bẫy, chuột cống cũng biết khoét đất sâu hang gác dưới gò thờ thần để lánh họa un khói, đào bắt. Hai con vật ấy, há lại chẳng hiểu biết gì cả hay sao!”*

Cái trị của hữu vi là lấy mình làm phép tắc, làm khuôn mẫu cho tất cả thiên hạ đều phải theo. Đó là làm loạn thiên hạ. Cái việc mà người ta thường gọi là *lo đời* từ xưa đến nay, phải chăng phần nhiều là lo đem thiên hạ về cùng một quan niệm lý tưởng của mình về điều phải lẽ quấy. Dem thiên hạ về cùng một quan niệm lý tưởng của mình, hoặc bằng sự khuyến dụ, tuyên truyền hay bằng sự bắt buộc cưỡng ép đều là công việc “*lội biển đào sông, bắt muỗi mòng vác núi*”!

Ôi! “Con chim bay để tránh lửa, con chuột đào hang sâu để lánh họa”...nào phải cần có ai dạy bảo mới biết. Huống chi con người: lánh nguy cầu an là lẽ tự nhiên, có cần phải ai dạy ai mới biết được. Muốn đem nhân nghĩa mà dạy người...há không phải là đa sự hay sao? Bởi vậy, Thánh Nhơn mà trị nước để cho thiên hạ yên theo tánh tự nhiên của mọi vật mà không cần nhúng tay vào sửa dạy.

Đó là nghĩa thứ nhất của vô vi.

2. Thuận theo tự nhiên của mình mà làm, đó là làm mà không phải là mình làm.

Cũng như lửa thì nóng và sáng. Có lửa nào mà không nóng và không sáng hay không? Nóng và sáng là cái “đức” tự nhiên của lửa: nó sở dĩ như thế là vì không như thế không đặng. Cho nên, đó không còn gọi là *làm* nữa, mà phải gọi là *không làm* 無為, vì đó không còn phải là chỗ dụng của tư tâm mình nữa.

Nếu ta dụng tư tâm mà làm, đem cái mà ta gọi là “hay” là “đẹp”...mà cưỡng ép người người đều phải nghe theo, đó là ta làm cho thiên hạ mất cả tự do và bình đẳng. Buộc lửa không được nóng, giá không được lạnh...có tự nhiên không? Làm như thế là làm cho thiên hạ thống khổ, không phải là cái đạo trị quốc của Thánh Nhơn.

“Thiên Căn đi chơi núi Ân Dương, đến sông Liễu, gặp Vô Danh Nhơn, mới hỏi:

- Xin hỏi cách trị thiên hạ? Vô Danh Nhơn nói:

- Đi đi, anh là người quê dốt! Sao không dự trước lời hỏi? Ta sắp làm bạn cùng tạo vật, mà có chán thì cỡi chim khinh hư ra ngoài lục cực, ngao du làng “Vô hà hữu”, giữa cánh đồng nội mệnh mông! Tại sao anh lại lấy việc trị thiên hạ để làm rộn lòng ta?

Nhưng lại hỏi nữa. Vô Danh Nhơn nói:

- Giữ tâm cho điềm đạm, khí cho điềm tịnh, thuận theo tánh tự nhiên của mọi vật mà không theo ý riêng của mình, thì thiên hạ trị vậy.”

Điềm đạm, điềm tịnh đều có nghĩa là *không để cho ngoại vật động đến lòng mình* (不以外物動其心). Sống theo cái sống đầy đủ của mình mà không tham muốn đèo bồng những chi ngoài mình thì còn có vật ngoài nào động đến tâm mình được nữa.

Tự mình được như thế rồi, bấy giờ mới thuận theo lẽ tự nhiên để cho mọi vật đều được “điềm đạm, điềm tịnh” như mình, nghĩa là để cho mỗi vật

sống tự do theo cái tánh tự nhiên của nó, không ép buộc ai phải thế theo ý riêng của mình cả.

Đó là cái đạo “vô vi nhi trị” của Thánh Nhơn: thuận theo tánh tự nhiên của mỗi vật mà hóa, nên tuy làm, mà là làm theo tự nhiên chứ không làm theo ý riêng của mình. Cho nên cái làm ấy không được gọi là của mình làm. Ấy là cái nghĩa thứ hai của vô vi vậy.

3. Nếu trị thiên hạ mà làm được như trên, thì tuy có làm, dân không hay là mình có làm.

*“Dương Tử Cư ra mắt Lão Đam, hỏi:*

*- Ở đây có người mẫn cán, quả quyết, việc đời thông suốt minh bạch, học Đạo không mỏi, người như thế có thể sánh với minh vương không?*

*Lão Đam nói:*

*- Hạng ấy mà sánh với Thánh Nhơn chỉ là những kẻ nô dịch, lao tâm nhọc xác. Vả, hùm beo mà bị bắt là vì bộ lông tốt đẹp của chúng; vượn và chó mà bị xiềng bị nhốt là vì cái tài hay của chúng. Sao lại có thể sánh với minh vương?*

*Dương Tử Cư ngạc nhiên hỏi:*

*- Dám xin hỏi phép trị nước của minh vương là thế nào? Lão Đam nói:*

*- Phép trị của minh vương là công trùm thiên hạ mà làm như không phải tự của mình làm. Hóa cả vạn vật mà không đợi người dân cậy nhờ. Làm mà không ai biết được tên, khiến cho mọi vật, vật nào cũng tự vui. Đứng ở nơi không thể đo lường (vạn hóa) mà vui chơi nơi “vô hữu”.*

Mặt trời chiếu sáng và đem sự sống cho khắp cả vạn vật, giúp cho mỗi vật đều được sống cái sống của mình mà không vật nào dè đến cái công ân của mình, và tự mình cũng không hay mình có làm vì không thể không làm vậy choặng. Đó là nghĩa thứ ba của vô vi.

§§§

Trở lên là vô vi theo cái nghĩa tiêu cực. Còn theo cái nghĩa tích cực, thì vô vi chỉ là *phá hoại tất cả những điều gì có thể trở ngại cho sự tự do bình đẳng của nhân loại*. Bởi vậy, Trang Tử rất cực lực phải đối tất cả mọi luân lý, giáo thuyết...những cái mà ta gọi chung là “văn minh tiên bộ” căn cứ trên quan niệm lạc lảm của bản ngã, lấy sự “người bóc lột người” làm tôn chỉ. Chính là chỗ mà ở thiên Tử Vô Quỷ 徐無鬼 nói: “Cái đạo trị thiên hạ không khác nào việc chăn ngựa, chỉ lo trừ khử những cái gì có hại cho

*ngựa mà thôi” (夫為天下者，亦奚以異乎、牧馬者哉，亦去其害馬者而已矣) .*

☪☪☪

Tóm lại, bậc trị nước, cần phải để ý đến hai điều này:

1. Làm cách nào cho tất cả mọi người trong thiên hạ đều được tự do sống cái sống của mình (各生其生) , hay nói một cách khác, làm cho sống lại cái “Đức” của mọi người (欲同乎德而心居矣) .

2. Bài trừ hoặc phòng ngừa cho thiên hạ những gì làm trở ngại đến sự phát triển cái sống tự do của mọi người (去其害馬而已矣) . Thiên Tại Hựu 在宥 có nói: “Nghe phòng giữ thiên hạ, không nghe có việc trị thiên hạ. Phòng, nghĩa là sợ thiên hạ đấm đuổi mà mất tánh. Giữ, là sợ thiên hạ dòm dõi mà mất Đức. Thiên hạ mà không đấm đuổi để mất tánh, dòm dõi để mất Đức thì sao lại cần đến kẻ trị thiên hạ!” (聞在宥天下，不聞治天下也。在之也者恐天下之淫其性也。宥之也者恐天下之遷其德也。天下不淫其性不遷其德，有治天下者哉) .

☪☪☪

**NAM HOA KINH**

**NGOẠI THIÊN**

**TẠP THIÊN**

**TRÍCH YẾU**

## LỜI NÓI ĐẦU

Như trước đây có nói, phần thứ hai của bản dịch này, sẽ không dịch tất cả các thiên chương trong phần Ngoại thiên và Tạp thiên, mà chỉ trích ra những chương hay nhất có thể tiêu biểu cho cái học của Trang Tử, loại bỏ những chương xét ra quá thiên lậu và làm sai lạc tôn chỉ của Trang Tử đã biểu diễn ở thiên đầu của Nội thiên. Và như thế là để tránh cho *Nam Hoa Kinh* những mâu thuẫn và xuyên tạc của nhiều đoạn văn quá nông nổi, vụng về mà không hiểu tại sao các học giả như Quách Tượng lại tiếc gì không vớt bớt đi, để di ngộ cho người sau không phải ít.

§§§

Như chúng tôi đã trình bày trước đây, nhất là ở trong quyển *Trang Tử Tinh Hoa*, thì tư tưởng căn bản của Trang Tử chỉ gồm trong hai thiên đầu của Nội thiên là Tiêu Diêu Du và Tề Vật Luận. Các thiên khác trong Nội thiên thực ra cũng chỉ để trình bày thêm đủ mọi phương diện hai thiên đầu ấy mà thôi.

Ngoại và Tạp thiên, xét về văn lý thì thường loạn chạc, vụng về, nông nổi, mâu thuẫn lại hay dùng cái giọng ngạo mạn của người phần thế, ít có được cái thần thái thâm trầm sâu sắc như ở Nội thiên.

§§§

Các thiên Đạt Sinh 大生, Sơn Mộc 山木, Nhơn Gia Thế 人間世, Trí Bắc Du 知北遊, Thu Thủy 秋水, Tắc Dương 則陽, Điền Tử Phương 田子方 đều do các bậc hậu học viết ra vào khoảng sau Chiến Quốc nghĩa là đầu nhà Tần và nhà Hán.

Đạt Sinh thì giảng rộng ý nghĩa của thiên Dưỡng Sinh Chủ.

Thiên Sơn Mộc và Nhơn Gian Thế thì đại để diễn rộng cái thuyết “vô dụng chi dụng” 無用之用 ở Tiêu Diêu Du.

§§§

Thiên Thu Thủy thì thuyết vấn đề “tề thị phi” và “phản bản hoàn nguyên” của các thiên Tề Vật và Tiêu Diêu.

Trí Bắc Du, diễn rộng chủ trương “bất ngôn chi giáo” của thiên Đức Sung Phù.

Tắc Dương thì giảng về thuyết “Thiên Quân” và “Hoàn Trung” của Trang Tử đã đề xướng ở thiên Tề Vật, còn Điền Tử Phương thì giảng rộng thêm ý nghĩa “bảo toàn thiên chân” ở thiên Dưỡng Sinh Chủ.

Trái lại, các thiên Canh Tang Sở 庚桑楚, Chí Lạc 至樂, Tù Vô Quỷ 徐無鬼, Ngoại Vật 外物, Liệt Ngự Khâu 列禦寇, tuy ý là để diễn rộng tư



tưởng của Trang Tử ở Nội thiên, nhưng phần nhiều thuyết minh làm lạc, người viết chưa nắm được yếu chỉ của cái học của Trang Tử, lại còn dùng toàn giọng văn của người phần thế, pha lẫn với mồm mép của Nho gia. Diệp Quốc Khánh 葉國慶 nói rất đúng rằng, do Ngoại thiên mới có đề ra thuyết thân tiên, và trường sinh cửu thị (外篇直把神仙記出, 欲求長生久視與內篇不同). Nhất là trong các thiên Tại Hựu 在宥 và Thiên Địa 天地, tư tưởng thân tiên đầy dẫy.

Trong thiên Chí Lạc 至樂, lại còn bàn đến thuyết “duyet sinh nhi ó tử” (悅生而惡死), thật rất khác xa với tư tưởng “sinh tử vi nhất” (生死為一) của Trang Tử ở thiên Tề Vật.

Thiên Mã Đê 罵蹄 thì giảng về thuyết “vô vi tự chính” 無為自正 của Lão Tử; Biên Mâu 駢拇 thì giảng câu “Vi thiện vô cận danh, vi ác vô cận hình” (為善無近名, 為惡無近刑) của Trang Tử ở thiên Dưỡng Sinh, nhưng ý tưởng tạp nhạp, tầm thường, chưa thông đến huyền nghĩa của đạo dưỡng sinh.

Các cô sự trong thiên Nhượng Vương thì lại giống với những cô sự trong các sách *Lữ Giám* 呂監, *Hoài Nam Tử* 淮南子, *Hàn Thi Ngoại Truyện* 韓詩外傳. Còn Duyệt Kiếm 說劍 thì giọng văn lại giống với *Chiến Quốc Sách* 戰國策.

Hai thiên Ngụ Ngôn 寓言 và Thiên Hạ 天下 có lẽ là đặc biệt nhất và lẽ ra nên để một thiên ở đầu, và một thiên sau chót, vì trong Ngụ Ngôn người sau thuật lại phép cấu tạo văn chương trong sách Trang Tử, còn ở Thiên Hạ, bình giả đời sau luận về cái học của bách gia ở thời Xuân thu Chiến quốc trong đó có Lão Tử, Trang Tử, Huệ Thi, Mặc Địch... Thiên Hạ là một tài liệu rất quý cho sự khảo cứu về lịch sử tư tưởng của Trung Hoa cổ đại, và dĩ nhiên không phải của Trang Tử viết ra.

## THU THỦY

### 秋水

A. 秋水時至，百川灌河。涇流之大，兩涘渚崖之間，不辯牛馬。於是焉河伯欣然自喜，以天下之美為盡在己。順流而東行，至於北海，東面而視，不見水端。於是焉河伯始旋其面目，望洋向若而嘆曰：「野語有之曰：『聞道百以為莫己若者』，我之謂也。且夫我嘗聞少仲尼之聞而輕伯夷之義者，始吾弗信。今我睹子之難窮也，吾非至於子之門則殆矣，吾長見笑於大方之家。」

北海若曰：「井蛙不可以語於海者，拘於虛也；夏蟲不可以語於冰者，篤於時也；曲士不可以語於道者，束於教也。今爾出於崖涘，觀於大海，乃知爾醜，爾將可與語大理矣。天下之水，莫大於海，萬川歸之，不知何時止而不盈；尾閭泄之，不知何時已而不虛；春秋不變，水旱不知。此其過江河之流，不可為量數。而吾未嘗以此自多者，自以比形於天地，而受氣於陰陽，吾在於天地之間，猶小石小木之在大山也。方存乎見少，又奚以自多！計四海之在天地之間也，不似壘空之在大澤乎？計中國之在海內，不似稊米之在大倉乎？號物之數謂之萬，人處一焉；人卒九州，穀食之所生，舟車之所通，人處一焉。此其比萬物也，不似豪末之在於馬體乎？五帝之所連，三王之所爭，仁人之所憂，任士之所勞，盡此矣！伯夷辭之以為名，仲尼語之所以為博。此其自多也，不似爾向之自多於水乎？」

A. Thu thủy thời chí, bách xuyên quán hà; kinh lưu chi đại mãn sĩ chử nhai chi gian, bất biện ngư mã. Ư thị yên, Hà Bá<sup>1</sup> hân nhiên tự hỉ, dĩ thiên hạ chi mỹ vi tận tại kỷ; thuận lưu nhi đông hành, chí ư Bắc Hải. Đông diện nhi thị bất kiến thủy đoan, ư thị yên Hà Bá thủy tuyền kỳ diện mục, vọng dương hương nhược nhi thán viết: “Dã ngữ hữu chi viết: Văn Đạo bách, dĩ vi mạc kỷ nhược giả, ngã chi vị dã. Thả phù ngã thường văn thiểu Trọng Ni văn nhi khinh Bá Di chi nghĩa giả. Thủy ngô phát tín, kim ngã đồ tử chi nan cùng dã, ngô phi chí ư tử chi môn, tác đãi hĩ, ngô trường kiến tiếu ư đại phương<sup>2</sup> chi gia”.

Bắc Hải nhược viết: “Tinh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả câu ư hư dã; hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng giả, đốc ư thời dã; khúc sĩ<sup>3</sup> bất khả dĩ ngữ ư Đạo giả, thúc ư giáo dã. Kim nhĩ xuất ư nhai sĩ, quan ư đại hải, nãi tri, nhĩ xú nhĩ tương khả dĩ ngữ đại lý hĩ. Thiên hạ chi thủy, mạc đại ư hải, vạn xuyên quy chi bất tri hà thời chỉ, nhi bất doanh, vĩ lư tiết chi bất tri hà thời dĩ, nhi bất hư; xuân thu bất biến, thủy hạn bất tri, thử kỳ quá giang hà chi lưu, bất khả vi lượng số nhi ngô vị thường dĩ thử tự đa giả, tự dĩ tỉ hình ư thiên địa nhi thụ khí ư âm dương, ngô tại ư thiên địa chi gian, do tiêu thạch tiêu mộc chi tại đại sơn dã. Phương tồn hồ kiến thiếu hựu hề dĩ tự đa? Kế tứ hải chi tại thiên địa chi gian dã, bất tự lũy không chi tại đại trạch hồ; kế Trung Quốc chi tại hải nội, bất tự đề mẽ chi tại đại thương hồ? Hiệu vật chi số vị chi vạn nhơn xử nhất yên; nhơn tốt<sup>4</sup> cứu châu cốc thực chi sở sinh châu xa chi sở thông, nhơn xử nhất yên; thử kỳ tỉ vạn vật dã, bất tự hào mặt chi tại ư mã thể hồ? Ngũ đế chi sở liên<sup>5</sup>, tam vương chi sở tranh, nhơn nhơn chi sở ưu, nhiệm sĩ chi sở lao, tận thử hĩ! Bá Di từ chi dĩ vi danh, Trọng Ni ngữ chi sở dĩ vi bác; thử kỳ tự đa dã, bất tự nhĩ hướng chi tự đa ư thủy hồ?”

## CHÚ

1. Hà Bá 河伯: Theo Thích Văn 釋文, Hà Bá tên là Di 夷, họ Phùng 馮. Đại diện tư tưởng của Khổng Tử.
2. Đại phương 大方: Theo Tư Mã 司馬, đại phương đây là ám chỉ các nhà Đạo học hay đại Đạo.

Chữ 方 (phương) ở đây, thiết nghĩ là do chữ *phương thuật* 方術 mà ra. *Phương thuật* là dùng để đối chiếu với *Đạo thuật* 道術. Nói đến 方 (phương) là đủ thấy rõ rằng không phải cái thuật toàn diện của Đạo học, cho nên không thể giải nó là cái phương của Đạo học.

*Phương thuật*, thì có lớn, có nhỏ để phân chia, còn *Đạo thuật* sao lại còn lớn, nhỏ? (方術, 有大小, 道術, 無大小。)

*Phương thuật*, thì nhãn quang chia phân, có những cái nhìn chi ly, riêng biệt, những phương tiện chuyên môn, khác xa với *Đạo thuật*, là cái nhìn tổng hợp đủ mọi khía cạnh, cả bề mặt và bề trái của cuộc đời.

Hà Bá chưa ngộ Đạo, còn sợ tiếng chê khen của nhóm người phương thuật. Thiên Thiên Hạ có câu: “Thiên hạ chi trị 方術者多矣” (天下之治方術者多矣) .

3. *Khúc sĩ* 曲士: là bọn học thức hẹp hòi, không biết gì ngoài cái vòng hương khúc (làng mạc) của họ (鄉曲之士) .
4. 卒: có nghĩa là tận cùng (盡也) .
5. 連 có nghĩa là liên tục, nối tiếp nhau.

## DỊCH NGHĨA

### NƯỚC THU

**A.** *Lúc nước thu đọng, trăm rạch đổ vào sông to. Lòng sông rộng cho đến đứng bờ nọ ngó bờ kia không sao phân biệt được bờ với ngửa.*

*Thấy vậy, Hà Bá đắc ý cho cái đẹp trong thiên hạ chưa còn ai hơn mình. Thuận dòng theo hướng Đông đi tới biển Bắc, ngoảnh lại hướng Đông, không thấy mé.*

*Hà Bá mới than với Hải Thần: “Tục ngữ có câu: Kẻ biết ít, cho không ai bằng mình. Lời nói ấy, để nói tôi là phải. Tôi thường nghe chê chỗ thiếu học của Trọng Ni, nghe khinh cái lòng nghĩa của Bá Di mà tôi không tin. Nay thấy chỗ không cùng của Ngài, nếu tôi không đến cửa Ngài mà thụ giáo, các nhà đại phương ắt sẽ chê cười tôi”.*

*Thần Bắc Hải nói: “Cùng ếch giếng không thể nói biển rộng: nó chỉ biết có cái hang nó mà thôi. Cùng con trùng mùa hạ, không thể nói băng tuyết rộng: nó chỉ biết có cái mùa của nó mà thôi! Cùng bọn khúc sĩ không thể nói Đạo rộng: họ bị trói buộc trong giáo lý của họ. Nay người ra khỏi lòng sông, thấy biển cả mà biết xấu hổ. Vậy thì, nói đại lý với người được.*

*Dưới trời, nước không đâu nhiều hơn biển. Đó là nơi muôn sông chảy về, không biết bao giờ thôi, mà không hề đầy; rồi nước biển lại chảy vào các sông không biết bao giờ ngưng, mà không hề vơi. Xuân, Thu chẳng biến đổi nó, mà thủy hạn nó cũng chẳng cần biết đến làm gì. Hơn rạch sông không biết lượng số nào kể, mà ta chưa từng cây đó là nhiều, là vì tự sánh với Trời Đất, âm dương, thì ta có khác nào một viên đá nhỏ, một gốc cây gậy trong dãy núi to! Đã rằng là ít, sao thấy mình nhiều? Bốn biển ở trong Trời Đất phải chăng cũng chỉ là những hang nhỏ ở trong chằm lớn hay sao? Trung Quốc nằm trong bốn biển cũng chẳng giống hạt lúa ở trong kho lớn hay sao? Vạn vật, lấy số muôn mà nói, thì người chỉ được số một mà thôi! Lấy chín châu, nơi lúa thóc sinh sản toàn xe thông hành, thì người cũng không qua số một. Vậy, người đối với vạn vật, khác nào một sợi lông trên mình ngựa. Chỗ liên hiệp của Ngũ Đế, chỗ tranh giành của Tam Hoàng, chỗ lo*

*lắng của người nhân, chỗ nhọc nhằn của kẻ sĩ, rốt lại có gì! Bá Di từ ngôi, lấy đó làm danh; Trọng Ni nói ra, gọi đó là rộng. Những cái mà họ cho rằng nhiều đó, thì có khác nào người trước khi thấy biển, cho rằng nước của mình là nhiều vậy.”*

555

**B.** 河伯曰：「然則吾大天地而小豪末，可乎？」

北海若曰：「否。夫物，量無窮，時無止，分無常，終始無故。是故大知觀於遠近，故小而不寡，大而不多：知量無窮。證曩今故，故遙而不悶，掇而不跂：知時無止。察乎盈虛，故得而不喜，失而不憂，知分之無常也。明乎坦塗，故生而不說，死而不禍：知終始之不可故也。計人之所知，不若其所不知；其生之時，不若未生之時；以其至小求窮其至大之域，是故迷亂而不能自得也！由此觀之，又何以知毫末之足以定至細之倪，又何以知天地之足以窮至大之域！」

**B.** Hà Bá viết: “Nhiên tắc ngô đại thiên địa nhi tiểu hào mạt khả hồ?”

Bắc Hải nhược viết: “Phủ. Phù vật lượng<sup>1</sup> vô cùng, thời vô chỉ, phận<sup>2</sup> vô thường, chung thủy vô cố. Thị cố đại tri<sup>3</sup> quan u viễn cận, cố tiểu nhi bất quá đại nhi bất đa<sup>4</sup>, tri lượng vô cùng. Chứng hưởng kim cô, cố diêu nhi bất muộn<sup>5</sup>, đoạt nhi bất kỳ; tri thời vô chỉ, sát hồ doanh hư, cố đắc nhi bất hỉ thất nhi bất ưu; tri phận chi vô thường dã. Minh hồ thảo đồ, cố sinh nhi bất duyệt<sup>6</sup>, tử nhi bất quá; tri chung thủy chi bất khả cố dã. Kê nhơn chi sở tri, bất nhược kỳ sở bất tri; kỳ sinh chi thời, bất nhược vị sinh chi thời; dĩ kỳ chí tiểu cầu cùng kỳ chí đại chi vực, kỳ cố mê loạn nhi bất năng tự đắc dã! Do thử quan chi, hựu hà dĩ tri hào mạt chi túc dĩ định chí tế chi nghệ, hựu hà dĩ tri thiên địa chi túc dĩ cùng chí đại chi vực?”

## CHÚ

1. 物量 (vật lượng): Chữ *lượng* đây, có nghĩa là số nhiều do sự biến hóa liên miên làm cho ta thấy dường như vạn vật càng ngày càng tăng số, không biết đâu là cùng. Trong khi thực sự không có gì tăng, hay giảm cả.
2. Phận 分: là chỉ vào sự được, mất 得失.  
*Phận vô thường*, là muốn nói về sự không thể định được chỗ nên hư, đắc thất.

3. 知 đồng nghĩa với 智 (trí). Bậc đại trí thì xem trùn vụn vặt, không nhìn riêng ở một bề mặt hay bề trái nào của sự vật mà thôi.
4. 小而不寡 (tiểu nhi bất quả): là muốn nói vật, vật nào cũng có chỗ “tự túc” 自足 của nó, dù là nhỏ đến đâu, cho nên tuy ít cũng không được gọi là thiếu.  
大而不多 (đại nhi bất đa) cũng như dù là lớn đến đâu cũng không gọi là nhiều (tức là có dư). Nghĩa là dù nhỏ hay lớn, thấy đều “tự túc” cả, vì đều là Đạo cả.
5. Cùng một nghĩa với chữ 悶 trong câu này của Lão Tử: “Kỳ chính muôn muôn” 其政悶悶 (chính lệnh mờ mờ).
6. 說 ở đây đọc là duyệt 悅.

## DỊCH NGHĨA

**B.** Hà Bá nói: “VẬY, TÔI CHO TRỜI ĐẤT LÀ CỰC ĐẠI, MẪY LÔNG LÀ CỰC TIỂU, ĐƯỢC KHÔNG?”

Thần Bắc Hải nói: “KHÔNG ĐƯỢC! KÌA NHƯ MUÔN VẬT BIẾN HÓA KHÔNG CÙNG, THỜI GIAN ĐI MÃI KHÔNG DỪNG, SỐ PHẬN ĐỜI ĐỔI KHÔNG THƯỜNG, TRƯỚC SAU LIÊN TIẾP KHÔNG THÔI. ẤY NÊN, BẬC ĐẠI TRÍ XÉT VIỆC XA GẦN, THẤY NHỎ KHÔNG CHO LÀ ÍT, THẤY LỚN KHÔNG CHO LÀ NHIỀU, ĐÓ LÀ BIẾT ĐƯỢC CHỖ BIẾN VÔ CÙNG. LUẬN QUA KIM CỔ, THÌ VIỆC ĐÃ QUA KHÔNG ƯU TƯ, VIỆC ĐƯƠNG THỜI KHÔNG BẬN LÒNG: ĐÓ LÀ BIẾT ĐƯỢC CHỖ KHÔNG DỪNG CỦA THỜI GÌ. XÉT VIỆC LƯNG VƠI, THÌ ĐƯỢC KHÔNG VUI, MẮT KHÔNG BUỒN: ĐÓ LÀ BIẾT ĐƯỢC CHỖ KHÔNG THƯỜNG CỦA SỐ PHẬN. THẤY ĐẶNG NHƯ VẬY THÌ SỐNG KHÔNG MỪNG, CHẾT KHÔNG LO: ĐÓ LÀ BIẾT ĐƯỢC CHỖ TRƯỚC SAU LIÊN TIẾP KHÔNG NGỪNG VẬY. CHỖ BIẾT CỦA NGƯỜI, KHÔNG BẰNG CHỖ HỌ KHÔNG BIẾT. THUỞ SANH RA KHÔNG BẰNG THUỞ CHƯA SANH. MUỐN LẤY CHỖ CỰC TIỂU CỦA MÌNH MÀ CẦU HIỂU TẬN CHỖ CỰC ĐẠI, LÀ MÊ LOẠN, LÀ NGU XUẨN. NHƯ THẾ, LÀM SAO BIẾT ĐƯỢC CÁI LÔNG ĐỦ ĐỂ LÀM MẪU CỦA CÁI CỰC TIỂU, LÀM SAO BIẾT TRỜI ĐẤT ĐỦ ĐỂ LÀM MẪU CỦA CÁI CỰC ĐẠI?”

§§§

**C.** 河伯曰：「世之議者皆曰：『至精無形，至大不可圍。』是信情乎？」

北海若曰：「夫自細視大者不盡，自大視細者不明。夫精，小之微也；埴，大之殷也，故異便。此勢之有也。夫精粗者，期於有形者也；無形者，數之所不能分也；不可圍者，數之

所不能窮也。可以言論者，物之粗也；可以意致者，物之精也；言之所不能論，意之所不能察致者，不期精粗焉。

是故大人之行，不出乎害人，不多仁恩；動不為利，不賤門隸；貨財弗爭，不多辭讓；焉不借人，不多食乎力，不賤貪污；行殊乎俗，不多辟異；為在從眾，不賤佞諂；世之爵祿不足以為勸，戮恥不足以為辱；知是非之不可為分，細大之不可為倪。聞曰：『道人不聞，至德不得，大人無己。』約分之至也。」

C. Hà Bá viết: “Thế chi nghị giả, giai viết: Chí tinh vô hình, chí đại bất khả vi, thị tín, tình hồ?”

Bắc Hải nhược viết: Phù tự tế thị đại giả bất tận, tự đại thị tế giả bất minh. Phù tinh, tiểu chi vi dã, phù<sup>1</sup>, đại chi ân dã, cố dị tiện; thử thế chi hữu dã. Phù tinh thô giả, kỳ ư hữu hình giả dã, vô hình giả, số chi sở bất năng phân dã; bất khả vi giả, số chi sở bất năng cùng dã. Khả dĩ ngôn luận giả, vật chi thô dã, khả dĩ trí giả, vật chi tinh dã; ngôn chi sở bất năng luận ý chi sở bất năng sát trí giả, bất kỳ tinh thô yên.

Thị cố đại nhơn chi hành: bất xuất hồ hại nhơn, bất đa nhân ân, động bất vi lợi, bất tiện môn lệ; hóa tài phát tranh bất đa từ nhượng; yên bất tá nhơn, bất đa thực hồ lực, bất tiện tham ô; hạnh thù hồ tục, bất đa tự dị; vi tại tùng chúng, bất tiện ninh siểm; thế chi tước lộc bất túc dĩ vi khuyến lục sĩ bất túc dĩ vi nhục; tri thị phi chi bất khả vi phân tế đại chi bất khả vi nghệ. Văn viết: Đạo nhơn bất văn, chí đức bất đắc, đại nhơn vô kỹ<sup>2</sup>: ước phân chi chí dã.”

## CHÚ

1. Đọc là phù 孚.
2. Vô kỹ: không thấy có mình. Chữ đại ở đây, không có nghĩa là lớn, mà là để phân biệt con người đã được đại Đạo. Được Đạo, thì không còn thấy phân chia Đây và Đó, Ta và Vật nữa, nên gọi là “không thấy có Ta”.

## DỊCH NGHĨA

C. Hà Bá hỏi: “Luận giả trong đời đều nói: một vật rất tinh, thì vô hình; một vật thật lớn, thì không thể bao gồm được. Có phải thực vậy không?”

*Thần Bắc Hải nói: “Tự nhỏ mà xem lớn, làm sao thấy hết được! Tự lớn mà nhìn nhỏ, làm sao thấy rõ rệt được! Tinh, là cái nhỏ thật nhỏ, thô là cái lớn rất lớn vậy. Cho nên, phương tiện dùng phải khác nhau. Tinh và thô là để nói về những vật hữu hình; còn vật vô hình thì con số không phân chia được nữa. Không thể bao gồm được, là vật vô cùng mà con số không hạn định được. Cái mà còn luận được, nói được, là cái thô của vật. Cái mà ý xét được, là cái tinh của vật. Nhưng còn cái mà lời không thể luận, ý không thể xét, là bởi nó không phải tinh mà cũng không phải thô.*

*Thế nên, bậc đại nhơn hành động không gây hại cho ai mà cũng không ân huệ cho ai. Động không vì lợi, không coi kẻ cạnh của là hèn. Không vì tiền của mà tranh, cũng không lấy sự tự nhượng làm quý. Công việc thì không nhờ vả vào ai, cũng không khinh kẻ tham lam. Hạnh thì khác người thế tục, nhưng chẳng chuộng sự khác lạ, và làm theo đám đông, không khinh người siểm nịnh. Tước lộc của đời không đủ khuyến, hình phạt không đủ nhục, bởi họ biết phải trái không chỗ phân, lớn nhỏ không chỗ định. Nghe nói rằng: Người có Đạo thì lặng lẽ, bậc chí đức thì không mong được gì cả, còn người đại nhơn thì không có mình: họ đã hợp tất cả làm một.”*

§§§

**D.**河伯曰：「若物之外，若物之內，惡至而倪貴賤？惡至而倪小大？」

北海若曰：「以道觀之，物無貴賤；以物觀之，自貴而相賤；以俗觀之，貴賤不在己。以差觀之，因其所大而大之，則萬物莫不大；因其所小而小之，則萬物莫不小。知天地之為稊米也，知毫末之為丘山也，則差數觀矣。以功觀之，因其所有而有之，則萬物莫不有；因其所無而無之，則萬物莫不無。知東西之相反而不可以相無，則功分定矣。以趣觀之，因其所然而然之，而萬物莫不然；因其所非而非之，則萬物莫不非。知堯、桀之自然而相非，則趣操觀矣。昔者堯舜讓而帝，之噲讓而絕

；湯武爭而王，白公爭而滅。由此觀之，爭讓之禮，堯桀之行，貴賤有時，未可以為常也。梁麗可以衝城，而不可以窒穴，言殊器也；騏驥驂騮，一日而馳千里，捕鼠不如狸狌，言殊技也；鴟鵂夜撮蚤，察毫末，晝出瞋目而不見丘山，言殊性也。故曰，蓋師是而無非，師治而無亂乎？是未明天地之理，萬物之情者也。是猶師天而無地，師陰而無陽，其不可行



明矣。然且語而不舍，非愚則誣也。帝王殊禪，三代殊繼。差其時，逆其俗者，謂之篡夫；當其時，順其俗者，謂之義之徒。默默乎河伯，女惡知貴賤之門，小大之家！」

**D.** Hà Bá viết: “Nhược vật chi ngoại, nhược vật chi nội, ô chí nhi nghệ quý tiện, ô chí nhi nghệ tiếu đại?”

Bắc Hải nhược viết: “Dĩ Đạo quan chi, vật vô quý tiện; dĩ vật quan chi, tự quý nhi tương tiện; dĩ tục quan chi, quý tiện bất tại dĩ. Dĩ sai quan chi, nhân kỳ sở đại nhi đại chi, tắc vạn vật mạc bất đại, nhân kỳ sở tiếu nhi tiếu chi, tắc vạn vật mạc bất tiếu; tri thiên địa chi vi đề mẽ dã, tri hào mạt chi vi khuru sơn dã, tắc sai số đồ hĩ. Dĩ công quan chi nhân kỳ sở hữu nhi hữu chi tắc vạn vật mạc bất hữu, nhân kỳ sở vô nhi vô chi, tắc vạn vật mạc bất vô. Tri đông tây chi tương phản nhi bất khả dĩ tương vô, tắc công phân định hĩ. Dĩ thú quan chi, nhân kỳ sở nhiên nhi nhiên chi, tắc vạn vật mạc bất nhiên, nhân kỳ sở phi nhi phi chi tắc vạn vật mạc bất phi; tri Nghiêu Thuấn chi tự nhiên nhi tương phi, nhi thú thao đồ hĩ. Tích giả Nghiêu Thuấn nhượng nhi đế, Chi Khoái nhượng nhi tuyết, Thang Vũ tranh nhi vương, Bạch Công tranh nhi diệt. Do thử quan chi tranh nhượng chi lễ, Nghiêu Thuấn chi hành, quý tiện hữu thời vị khả dĩ vi đế dã. Lương lê khả dĩ xung thành, nhi bất khả dĩ thất huyết, ngôn thù khí dã. Kỳ Ký Hoa Lưu<sup>1</sup> nhất nhật nhi trì thiên lý, bồ thử bất như ly tinh, ngôn thù chi dã. Xi hư dạ toát tảo, sát hào mạt, trú xuất tân mục nhi bất kiến khuru sơn, ngôn thù tính dã. Cổ viết: Cái sư thị nhi vô phi, sư trị nhi vô loạn hồ? Thị vị minh thiên địa chi lý, vạn vật chi tình giả dã. Thị do sư thiên nhi vô địa, sư âm nhi vô dương, kỳ bất khả hành minh hĩ. Nhiên thả ngữ nhi bất xá, phi ngu tắc vu dã! Đế vương thù thiện, tam đại thù kế. Sai kỳ thời, nghịch kỳ tục giả, vị chi soán phù. Đương kỳ thời, thuận kỳ tục giả, vị chi nghĩa chi đồ. Mặc mặc hồ Hà Bá! Nhữ ô tri quý tiện chi môn, tiếu đại chi gia!<sup>2</sup>”

## CHÚ

1. Kỳ, Ký, Hoa, Lưu: tên các ngựa hay chạy khỏe.
2. Thế tục thường căn cứ những vật bên ngoài để phân quý, tiện. Phân có cao có thấp, mới có phân ra quý, tiện khác nhau. Nhưng đứng trong Đạo mà xem, thì không đâu là quý tiện cả, mà cũng không đâu lớn nhỏ cả, là vì “không ở đâu là không có Đạo”. Cái cực tiếu

là hình ảnh cái cực đại: khoa học nguyên tử ngày nay cũng không nói khác hơn được.

## **DỊCH NGHĨA**

**D.** Hà Bá lại hỏi: “Nhờ đâu mà phân biệt được chỗ trong ngoài, chỗ quý tiện, chỗ lớn nhỏ của vật?”

*Thần Bắc Hải nói: “Lấy con mắt Đạo mà xem, thì vật không có quý, tiện. Lấy vật mà xem, thì vật có quý có tiện, vì bởi vật nào cũng tự xem là quý, nên khi sánh lại với vật khác, thường cho đó là tiện. Lấy con mắt của thế tục mà xem thì sự phân quý tiện lại không phải ở nơi mình. Lấy con mắt sai biệt mà xem, thì nhân cái lớn của nó mà cho là lớn thì vạn vật không có cái gì là không lớn; nhân cái nhỏ của nó mà cho là nhỏ thì vạn vật không có cái gì là không nhỏ. Biết Trời Đất như hạt thóc, biết mây lông như hòn núi là biết rõ chỗ sai biệt rồi vậy. Lấy theo chỗ công ích mà xem, nhân cái có của nó mà cho là có thì vạn vật không gì là không có; nhân cái không của nó mà cho là không, thì vạn vật không gì là không không. Biết Đông Tây là nghịch nhau mà không có nhau không được, thì là biết phân định được sự công dụng rồi. Lấy chỗ ưa thích mà xem, nhân cái phải vậy của vật này mà cho nó là phải, thì vạn vật không vật gì là không phải; nhân cái không phải vậy của vật này mà cho nó là không phải, thì vạn vật không vật nào là không phải. Biết Nghiêu và Kiệt đều tự cho rằng mình là phải mà cho nhau là quấy, đó là rõ được cái cốt của sự ưa thích rồi! Xưa kia Nghiêu Thuấn nhường ngôi nhau mà làm vua, còn Chi và Khoái cũng nhường nhau mà phải mất. Thang Vũ tranh nhau mà được nước; Bạch Công tranh nhau mà phải chết. Do đó mà xem, trong lễ tranh nhường, trong hành động của Nghiêu Kiệt, quý tiện tùy thời, chưa lấy đâu làm mực thường được. Cái lương lê dùng phá thành, không dùng mà lấp hang được: khí cụ khác nhau. Kỳ, Kỳ, Hoa, Lư một ngày chạy nghìn dặm mà không bắt chuột như mèo: tài năng khác nhau. Chim cú ban đêm mắt tỏ đến bắt rận được, mà ban ngày gò núi sờ sờ không thấy: tánh khác nhau. Nên chi, muốn có phải mà không có quấy, muốn có trị mà không có loạn là chưa rõ cái lý của Trời Đất, cái tình của vạn vật. Ấy là mơ Trời mà không có Đất, mơ âm mà không có dương đó.*

*Vậy mà cứ bàn mãi mà không thôi, thì rõ nếu không phải là ngu; thì là vu không vậy! Đế Vương tranh nhường, hễ sai thời nghịch tục thì gọi là oán,*

*còn nhằm thời thuận tục, thì gọi là nghĩa. Hà thần này! Hãy lảng lạng mà xét lại, sẽ thấy rõ đâu là cái gốc của quý tiện, của lớn nhỏ.”*

§§§

E. 河伯曰：「然則我何為乎？何不為乎？吾辭受趣舍，吾終奈何？」

北海若曰：「以道觀之，何貴何賤，是謂反衍；無拘而志，與道大蹇。何少何多，是謂謝施；無一而行，與道參差。嚴乎若國之有君，其無私德；繇繇乎若祭之有社，其無私福；泛泛乎其若四方之無窮，其無所畛域。兼懷萬物，其孰承翼，是謂無方。萬物一齊，孰短孰長？道無終始，物有死生，不恃其成。一虛一滿，不位乎其形。年不可舉，時不可止。消息盈虛，終則有始。是所以語大義之方，論萬物之理也。物之生也，若驟若馳。無動而不變，無時而不移。何為乎，何不為乎？夫固將自化。」

E. Hà Bá viết: “Nhiên tắc ngã hà vi hồ, hà bất vi hồ? Ngô từ thụ thú xá, ngô chung nại hà?”

Bắc Hải nhược viết: “Dĩ Đạo quan chi hà quý hà tiện, thị vị phản diễn<sup>1</sup>; vô câu nhi chí, dữ đạo đại kiến hà thiếu hà đa, thị vị tạ thí; vô nhất nhi hành, dữ đạo tham sai nghiêm hồ nhược quốc chi hữu quân, kỳ vô tư đức<sup>2</sup>, dao dao hồ nhược tế chi hữu xã kỳ vô tư phúc<sup>3</sup> phiếm phiếm hồ kỳ nhược tứ phương chi vô cùng, kỳ vô sở chân vực; kiên hoài vạn vật, kỳ thực thừa dục, thị vị vô phương. Vạn vật nhất tề thực đoản thực trường? Đạo vô chung thủy, vật hữu tử sinh, bất thị kỳ thành. Nhất hư nhất mãn, bất vị hồ kỳ hình<sup>4</sup>. Niên bất khả cử, thời bất khả chỉ, tiêu tức<sup>5</sup> doanh hư<sup>6</sup>, chung tắc hữu thủy. Thị sở dĩ ngự đại nghĩa chi phương, luận vạn vật chi lý dã. Vật chi sinh dã, nhược sậu nhược trì, vô động nhi bất biến, vô thời nhi bất di<sup>7</sup>. Hà vi hồ? Hà bất vi hồ? Phù cố tương tự hóa.”

## CHÚ

1. 反衍: quý tiện chỉ là sự “*phản phúc tìm nhau*” (反覆相尋) : cái quý gọi cái tiện đến, cái tiện gọi cái quý đến. So sánh với câu này trong *Đạo Đức Kinh*: “Tương dục phé chi, tất cố hưng chi.” 相欲

- 廢之，必固興之 (chương 36): sự phé hưng gọi lẫn nhau, cũng như vinh nhục, quý tiện. .
2. *Tư đức* 私德: đức riêng tư, tây vị.
  3. *Tư phúc* 私福: phúc ban riêng, tây vị.
  4. Vật thì vô thường 無常, luôn luôn biến đổi.
  5. *Tiêu tức* 消息: *Tiêu*, là giảm; *tức*, là tăng. Thời gian vận chuyển tuần hoàn, tăng giảm không ngừng, đó gọi là “*tiêu tức*” 消謂減, 息謂增, 時運循環, 增減不息, 謂之消息 (Tiêu, vị giảm; tức, vị tăng. Thời vận tuần hoàn, tăng giảm bất tức, vị chi tiêu tức) (Dịch 易).
  6. *Doanh* 盈 là đầy; *Hư* 虛 là vơi (lưng). *Doanh hư*, tức là khi đầy khi vơi (chỉ sự bất thường). Cùng một nghĩa với “doanh hư tiêu trưởng”. Bản của Nhưộng Tống lại dịch câu “*Doanh hư tiêu tức*” là “*thăm dò tin tức đầy vơi*”, đó là dịch sai vì đã lẫn lộn với cái nghĩa “*tiêu tức*” là âm tín.
  7. Tức là phải biết theo con đường biến chuyển của sự vật, không nên khư khư chịu chết trong một khuôn khổ nào, của một nền luân lý, giáo phái hay chế độ nào cả. Tùy cảnh mà biến mãi cho hợp với hoàn cảnh mà đừng làm mất Thiên chân.

## DỊCH NGHĨA

**E. Hà Bá hỏi:** “*Vậy thì tôi phải làm gì bây giờ, phải đừng làm gì bây giờ? Tôi phải từ, phải nhận, phải ưa, phải bỏ cái gì, tôi phải làm sao đây?*”

**Thần Bắc Hải nói:** “*Lấy con mắt Đạo mà xem thì có gì là quý, là tiện, đó chỉ là chuyện phản phúc biến thiên, đấp qua đổi lại, đừng bận lòng câu chấp đến. Lấy Đạo lớn mà xem thì có gì là ít, là nhiều, đó chỉ là chuyện cho ra lấy vào, cũng đừng phải bận lòng. Cùng với đạo sai biệt, thì nghiêm nghị như một quốc quân không tư đức, tự nhiên như tế thần xã mà đừng câu phúc riêng tư. Lòng mênh mông như cái vô cùng của bốn phương, không phân bờ cõi. Ôm chằm tất cả vạn vật, không thiên về phương nào! Muôn vật đều là nhất tề, cho nên có gì đâu là dài, là ngắn. Đạo thì không sau, không trước, vật thì có chết có sống, đừng trông cậy nó ở lúc thành tựu. Một vơi, một đầy: không hình thức nào đứng vững mãi. Không ai thêm được tuổi, không ai chận được thời. Khi tăng khi giảm, khi đầy, khi vơi nổi*

tiếp nhau luân: có sau ắt có trước. Đó là lấy cái phương của đại nghĩa mà nói, lấy cái lý của vạn vật mà luận. Mạng sống của vạn vật như ngựa chạy mau lẹ: không có cái động nào mà không có biến, không phút nào mà không dòi dôi. Phải làm đi gì? Phải không làm đi gì? Hãy để cho vạn vật tự nhiên tự hóa!”

ㄟㄟㄟ

F. 河伯曰：「然則何貴於道邪？」

北海若曰：「知道者必達於理，達於理者必明於權，明於權者不以物害己。至德者，火弗能熱，水弗能溺，寒暑弗能害，禽獸弗能賊。非謂其薄之也，言察乎安危，寧於禍福，謹於去就，莫之能害也。故曰，天在內，人在外，德在乎天。知天人之行，本乎天，位乎得，躋躅而屈伸，反要而語極。」

F. Hà Bá viết: “Nhiên tắc hà quý ư Đạo da?”

Bắc Hải nhược viết: “Tri Đạo giả tất, đạt ư lý; đạt ư lý giả tất minh ư quyền; minh ư quyền giả bất dĩ vật hại kỷ. Chí đức giả hỏa phát năng nhiệt, thủy phát năng nịch, hàn thử phát năng hại, cầm thú phát năng tặc; phi vị kỳ bạc chi dã, ngôn sát hồ an nguy, ninh ư họa phúc, cần ư khứ tự, mạc chi năng hại dã. Cố viết: Thiên tại nội, nhơn tại ngoại<sup>1</sup>, đức tại hồ thiên; tri thiên nhơn chi hành, bản hồ thiên, vị hồ đắc, trích trực nhi khuất thân, phản yếu<sup>2</sup> nhi ngự cực”.

## CHÚ

1. *Nhơn tại ngoại*: ám chỉ cái con người giả tạo được uốn nắn theo những ước lệ xã hội.

*Thiên tại nội*: Chữ *Thiên* đây là ám chỉ Thiên chân, đồng với Đạo. Còn cái ta gọi là *Đức*, là cái chỗ ứng của Đạo.

2. *Phản kỳ thân*: Tất cả thiên Thu Thủy nói riêng, và cả hệ thống tư tưởng của Trang Tử nói chung đều gồm trong ba chữ này.

## DỊCH NGHĨA

F. Hà Bá hỏi: “Vậy, Đạo quý ở chỗ nào?”

*Bắc Hải thần nói: “Người biết Đạo, thì thông Lý. Thông Lý thì rõ quyền. Rõ Quyền thì không vật nào hại đặng. Người chí đức vô lửa không nóng, xuống nước không chìm, lạnh nóng không thể hại, cầm thú không thể phạm. Nói vậy chẳng phải là nói người chí đức không sợ các điều ấy, mà là muốn nói: người chí đức xét rõ sự an nguy, nên mới yên nơi họa phúc; cẩn thận lúc tới lui, nên không có gì hại được.*

*Cho nên mới nói rằng: Trời ở trong, Người ở ngoài, Đức ở nơi trời. Biết được cái hành vi của Trời và của Người, gốc ở nơi Trời, vững ở chỗ được, tới lui co duỗi, trở về chỗ cốt yếu mà nói đến chuyện vô cùng.”*

☪☪☪

**G. 曰：「何謂天？何謂人？」**

北海若曰：「牛馬四足，是謂天；落馬首，穿牛鼻，是謂人。故曰，無以人滅天，無以故滅命，無以得殉名。謹守而勿失，是謂反其真。」

**G. Viết: “Hà vị thiên? Hà vị Nhơn?”**

Bắc Hải nhược viết: “Ngu mã tứ túc, thị vị thiên; lạc mã thủ, xuyên ngư tử, thị vị nhơn. Cố viết: Vô dĩ nhơn diệt thiên, vô dĩ cố<sup>1</sup> diệt Mạng<sup>2</sup>, vô dĩ đắc<sup>3</sup> tuấn danh. Cẩn thủ nhi vật thất, thị vị phản kỳ chân.”

## CHÚ

3. Chữ **Cố 故**, có nghĩa là “tạo tác”, sự chế tạo do con người bày ra, tức là nhân vi, nhân tạo (故, 謂造作) .
4. **Mạng 命**: tức là Tự Nhiên (hay thiên nhiên).
5. Chữ **đắc 得**: tức là được cái ngoài mình làm đắc ý, chết theo ngoại vật như danh vọng, tiền bạc (So sánh với câu “bất dục đắc” của Lão Tử).

## DỊCH NGHĨA

**G. Hà Bá hỏi: “Sao gọi là Trời? Sao gọi là Người?”**

*Bắc Hải thần nói: “Ngựa bò bốn cẳng, đó là Trời; ràng đầu ngựa, xỏ mũi bò, đó là Người. Bởi vậy mới nói: đừng lấy Người giết Trời; đừng lấy nhân tạo mà giết Mạng, đừng lấy được mát mà chết theo danh. Cẩn thận mà giữ gìn đừng làm mát, đó gọi là trở về cái Chân của mình.”*

## **TỔNG BÌNH**

Đây là một chương có thể xem là đặc sắc vào bậc nhất nhì của Ngoại thiên, cốt xiển minh thêm cái ý “tề thị phi, thiện ác” của thiên Tề Vật.

Hà thần đại diện cho tư tưởng nhị nguyên của Nho gia, còn Hải thần là đại diện cho tư tưởng của Trang và Lão. Ngoài ra, cũng không có ý kiến nào mới lạ.

Như đã thấy trước đây, Tự do và Bình đẳng, tức là Tiêu Diêu và Tề Vật là tất cả then chốt cái học của Trang Châu, vậy nên để Thu Thủy ở đầu thiên này có lẽ là hợp lý hơn.

# THÁNH NHÂN CHI DŨNG

## 聖人之勇

孔子遊於匡，宋人圍之數帀，而絃歌不憊。

子路入見，曰：「何夫子之娛也？」孔子曰：「來，吾語女。我諱窮久矣，而不免，命也；求通久矣，而不得，時也。當堯舜而天下无窮人，非知得也；當桀紂而天下無通人，非知失也，時勢適然。夫水行不避蛟龍者，漁父之勇也；陸行不避兇虎者，獵夫之勇也；白刃交於前，視死若生者，烈士之勇也；知窮之有命，知通之有時，臨大難而不懼者，聖人之勇也。由處矣！吾命有所制矣！」

無幾何，將甲者進，辭曰：「以為陽虎也，故圍之。今非也，請辭而退。」

Khổng Tử du ư Khuông. Tống nhơn vi chi số táp, nhi huyền ca bất chuyết<sup>1</sup>.

Tử Lộ nhập kiến viết: “Hà phu tử chi ngu<sup>2</sup> dã?” Khổng Tử viết: “Lai, ngô ngư nhữ. Ngã hứy cùng cửu hĩ, nhi bất miễn, mạng dã; cầu thông cửu hĩ, nhi bất đắc, thời dã. Đương Nghiêu Thuấn nhi thiên hạ vô cùng nhơn, phi trí đắc dã, đương Kiệt Trụ nhi thiên hạ vô thông nhơn, phi trí thất dã, thời thể thích nhiên. Phù thủy hành bất ty giao long giả, ngư phụ chi dũng dã. Lục hành bất ty tử hồ giả, liệt phu chi dũng dã. Bạch nhữn giao ư tiên thị tử nhược sinh giả, liệt sĩ chi dũng dã. Tri cùng chi hữu Mạng, tri thông chi hữu thời, lâm đại nạn nhi bất cụ giả, thánh nhơn chi dũng dã. Do, xử hĩ! Ngô mạng hữu sở chế hĩ.”

Vô kỷ hà, tướng giáp giả tiến từ viết: “Dĩ vi Dương Hồ dã, cố vi chi; kim phi dã, thỉnh từ nhi thôi.”

### CHÚ

1. Góc là chữ 輟 (chuyết), nghĩa là ngưng, thôi (止也) .
2. 娛 ngu: là vui.

### DỊCH NGHĨA

#### DŨNG CỦA THÁNH NHÂN



*Khổng Tử đi chơi nơi đất Khuông, bị người nước Tống bao vây. Vậy mà ông vẫn đàn hát không ngưng.*

*Tử Lộ vào ra mắt, thưa: “Sao Phu tử lại vui được thế?”*

*Khổng Tử nói: “Lại đây! Ta bảo cho mà nghe: ta vốn rất kiêng tránh sự cùng khốn đã lâu rồi, thế mà nay không chạy khỏi được, đó là Mạng. Ta cầu được thông đã lâu rồi, thế mà nay cũng không được, đó là thời. Đời Nghiêu Thuấn, thiên hạ không ai khốn cùng, đâu phải vì họ khôn cả đâu; đời Kiệt Trụ thiên hạ không ai thông, đâu phải vì họ ngu cả đâu! Chỉ vì thời thế xui ra như thế! Kia xuống nước mà chẳng biết sợ giao long, đó là cái dưng của bọn chài lưới! Đi trên bộ mà chẳng biết sợ hùm beo, đó là cái dưng của bọn thợ săn! Vào nơi grom giáo, mà xem tử như sinh, đó là cái dưng của người liệt sĩ! Biết cùng thông là Mạng, là thời, lâm nạn lớn mà không biết kính sợ, đó là cái dưng của bậc thánh nhơn. Do, người hãy yên trí đi! Mạng ta đã có chỗ định rồi!”*

*Chẳng bao lâu, người cầm đầu toán quân vây khốn Khổng Tử đến thưa: “Trưởng làm Ngài là Dương Hồ, cho nên mới bao vây. Nay biết là không phải, vậy xin từ biệt Ngài để rút lui.”*

## THẦN QUI

### 神龜

莊子釣於濮水，楚王使大夫二人往先焉，曰：「願以境內累矣！」

莊子持竿不顧，曰：「吾聞楚有神龜，死已三千歲矣。王巾笥而藏於廟堂之上。此龜者，寧其死為留骨而貴乎？寧其生而曳尾於塗中乎？」

二大夫曰：「寧生而曳尾塗中。」

莊子曰：「往矣！吾將曳尾於塗中。」

Trang Tử điều ư Bộc thủy, Sở vương sử đại phu nhị nhơn vãng tiên yên, viết: “Nguyện dĩ cảnh nội luy hĩ.”

Trang Tử trì cán bất cố viết: “Ngô văn sở hữu thần qui, tử dĩ tam thiên tuế hĩ, vương bô tứ nhi tàng ư miếu đường chi thượng. Thử qui giả, ninh kỳ tử vi lưu cốt nhi quý hồ? Ninh kỳ sinh nhi duệ vĩ ư nê trung hồ?”

Nhị đại phu viết: “Ninh sinh nhi duệ vĩ nê trung.” Trang Tử viết: “Vãng hĩ! Ngô tương duệ vĩ ư nê trung.”

### DỊCH NGHĨA

#### CON THẦN QUI

*Trang Tử câu trên sông Bộc. Vua Sở sai hai quan đại phu đến cho hay trước rằng: xin đem đất nước để làm phần rỗi ông [68].*

*Trang Tử cầm cần câu, cũng chẳng thèm nhìn lại, nói: “Tôi nghe nước Sở có con thần qui chết đã ba ngàn năm. Nhà vua đựng vào rương vải, cất trên miếu đường. Con qui ấy, chịu chết để lưu lại cái xương của mình cho người ta thờ, hay chịu thà sống mà kéo lê cái đuôi của mình trong bùn?”*

*Hai vị đại phu nói: “Thà sống lê cái đuôi trong bùn còn hơn.”*

*Trang Tử nói: “Thôi, về đi. Ta đây cũng chịu kéo lê cái đuôi của mình trong bùn.”*

## UYÊN SÒ

### 鴉鵂

惠子相梁，莊子往見之。或謂惠子曰：「莊子來，欲代子相。」於是惠子恐，搜於國中三日三夜。

莊子往見之，曰：「南方有鳥，其名鴉鵂，子知之乎？夫鴉鵂，發於南海而飛於北海，非梧桐不止，非練實不食，非醴泉不飲。於是鴟得腐鼠，鴉鵂過之，仰而視之曰：『嚇！』今子欲以子之梁國而嚇我邪？」

Huệ Tử tướng<sup>1</sup> Lương, Trang Tử vãng kiến chi. Hoặc vị Huệ Tử viết: “Trang tử lai dục đại tử tướng”. Ư thị Huệ Tử khủng, sưu ư quốc trung, tam nhật tam dạ.

Trang Tử vãng kiến chi viết: “Nam phương hữu điều, kỳ danh Uyên Sò; tử tri chi hồ? Phù Uyên Sò phát ư Nam hải, nhi phi ư Bắc hải, phi ngô đồng bất chỉ, phi luyện thực bất thực, phi lễ tuyên bất âm; ư thị xi đắc hủ thử Uyên Sò quá chi, ngưng nhi thị chi viết: hách! Kim tử dục dĩ tử chi Lương quốc nhi hách ngã da?”

### CHÚ

1. Tướng 相 ở đây là bậc Tể tướng 宰相 hay Tướng quốc 相國, tức là người giúp vua mà tể chế cả nước.

### DỊCH NGHĨA

#### UYÊN SÒ

C. Huệ Tử làm tướng quốc nước Lương, Trang Tử định qua đó thăm. Nhưng, có kẻ nói với Huệ Tử rằng Trang Tử mà qua đây là để cùng ông tranh ngôi Tướng quốc. Huệ Tử sợ, cho kẻ lòng xét trong nước ba ngày ba đêm.

Sau, gặp Huệ Tử, Trang Tử bảo: “Phương Nam có con chim, tên là Uyên Sò, ông có biết không? Uyên Sò từ biển Nam bay qua biển Bắc, nếu không gặp hột luyện thì không ăn, nếu không gặp nước suối ngọt thì không uống. Có con chim cú đang rĩa xác chuột chù, thấy Uyên Sò bay ngang, sợ nó giành miếng ăn, bèn kêu to lên để dọa Uyên Sò đừng đáp xuống. Nay, vì sợ cái ngôi Tướng quốc của ông ở nước Lương, nên ông kêu lên để dọa tôi sao?”



## NGƯ LẠC

### 魚樂

莊子與惠子遊於濠梁之上。莊子曰：「儵魚出遊從容，是魚之樂也。」

惠子曰：「子非魚，安知魚之樂？」

莊子曰：「子非我，安知我不知魚之樂？」惠子曰：「我非子，固不知子矣；子固非

魚也，子之不知魚之樂，全矣！」

莊子曰：「請循其本。子曰『汝安知魚樂』云者，既已知吾知之而問我。我知之濠上也。」

Trang Tử dữ Huệ Tử du ư hào lương<sup>1</sup> chi thượng.

Trang Tử viết: “Du ngư<sup>2</sup> xuất du thung dung, thị ngư chi lạc dã.”

Huệ Tử viết: “Tử phi ngư, an tri ngư chi lạc?”

Trang Tử viết: “Tử phi ngã, an tri ngã bất tri ngư chi lạc.”

Huệ Tử viết: “Ngã phi tử, cố bất tri tử hĩ; tử cố phi ngư dã, tử chi bất tri ngư chi lạc toàn hĩ.”

Trang Tử viết: “Thỉnh tuần kỳ bốn. Tử viết: Nhữ an tri ngư lạc, vân giá, ký dĩ tri ngô tri chi nhi vấn ngã. Ngã tri chi hào thượng dã.”<sup>3</sup>

### CHÚ VÀ BÌNH

2. Hào: tên một con sông (水名) .

*Lương* 梁: cái cầu bắc ngang sông.

3. *Du ngư* 儵魚: có chỗ cho là một thứ cá bạc 白魚, nhưng lội trong nước xanh, thấy bóng lảnh như màu xanh bạc.

4. Câu nói của Trang Châu, muốn chứng tỏ rằng cảnh vật vui buồn bên ngoài là một trạng thái của nội tâm, mà một thi hào người Pháp đã có nói: *Le paysage est un état d'âme*. Có lẽ Trang Tử tự nghĩ: “Ta rong chơi trên cầu sông Hào mà lòng vui vẻ, nên biết rằng cá lội nhón nhờ dưới sông cũng vui vẻ như ta” (我遊濠上而樂則知魚遊濠下亦樂也) . Tức là “*vật ngã đồng nhất*” (物我同一) . Huệ Tử hỏi, là đứng ở lập trường nhị nguyên mà nói, còn Trang Tử thì đứng ở lập trường nhất nguyên mà trả lời.

Bài Ngự lạc trên đây lại cũng muốn nói với ta rằng: nếu ta nhìn đời với cặp mắt yêu thương thì đời đối với ta cũng yêu thương, trái lại, nếu ta nhìn nó với một tấm lòng hằn học thì nó sẽ đối với ta cũng hằn học. Đời như mảnh gương trong, ta cười thì nó cười với ta, mà ta khóc thì nó cũng khóc với ta. Người mà mang theo mình cặp mắt bi quan yếm thế, một tâm hồn ích kỷ, đầy tư dục thì dù sống giữa cảnh đẹp nhất trần gian, giữa cảnh giàu sang tuyệt thế, cũng vẫn đau khổ luôn luôn vì đã mang một cõi địa ngục trong lòng. Hoán cải xã hội chung quanh, tuy là cần, nhưng phải lo hoán cải tâm hồn mình, nghĩa là phải lo hoán cải nhãn quang mình về cuộc đời trước hết.

Cho hay người thi sĩ dễ sống gần Đạo hơn các triết gia nhị nguyên thường hay chẻ tư sợi tóc. Và người thoát tục là người có một nhãn quang khác tục, một nhãn quang “tề vật” hay “huyền đồng”.

## DỊCH NGHĨA

### CÁ VUI

*Trang Tử cùng Huệ Tử đứng chơi trên cầu sông Hào. Trang Tử nói: “Đàn cá xanh bơi lội thung dung. Cá vui đó.”*

*Huệ Tử nói: “Ông không phải cá, sao biết cá vui?”*

*Trang Tử nói: “Ông không phải tôi, sao biết tôi không biết?”*

*Huệ Tử nói: “Tôi không phải ông, nên không thể biết được ông, còn ông không phải cá, ông cũng hẳn không sao biết được cái vui của cá!”*

*Trang Tử nói: “Xin hãy xét lại câu hỏi đầu. Ông đã hỏi tôi làm sao biết được cá vui? Đã biết là tôi biết, ông mới có hỏi “làm sao mà biết”...Thì đây, làm thế này: tôi đứng trên cầu sông Hào mà biết được.”*

## SÔ CẦU

### 芻狗

孔子西遊於衛，顏淵問師金曰：「以夫子之行為奚如？」

師金曰：「惜乎！而夫子其窮哉！」顏淵曰：「何也？」

師金曰：「夫芻狗之未陳也，盛以篋衍，巾以文繡，尸祝齋戒以將之。及其已陳也，行者踐其首脊，蘇者取而爨之而已。將復取而盛以篋衍，巾以文繡，遊居寢臥其下，彼不得夢，必且數眯焉。今而夫子，亦取先王已陳芻狗，取弟子游居寢臥其下。故伐樹於宋，削迹於衛，窮於商周，見非其夢邪？圍於陳蔡之間，七日不火食，死生相與鄰，是非其眯邪？」

夫水行莫如用舟，而陸行莫如用車。以舟之可行於水也而求推之於陸，則沒世不行尋常。古今非水陸與，周魯非舟車與？今蘄行周於魯，是猶推舟於陸也，勞而無功，身必有殃。彼未知夫之無方傳，應物而不窮者也。

。。。故夫三皇五帝之禮義法度，不矜於同而矜於治。

故譬三皇五帝之禮義法度，其猶粗梨橘柚邪！其味相反而皆可於口。故禮義法度者，應時而變者也。今取猿狙而衣以周公之服，彼必齧齧挽裂，盡去而後慊觀古今之異，猶猿狙之異乎周公也。故西施病心而曠其里，其里之醜人。見而美之，歸亦捧心而曠其里。其里之富人見之，堅閉門而不出；貧人見之，挈妻子而去之走。彼知美曠而不知曠之所以美。惜乎，而夫子其窮哉！」

(天運)

Khổng Tử tây du ư Vệ. Nhan Uyên vấn Sư Kim viết: “Dĩ phu tử chi hành vi hề như?” Sư Kim viết: “Tích hồ nhi phu tử kỳ cùng tai”. Nhan Uyên viết: “Hà dã?” Sư Kim viết: “Phù sô cầu chi vị trần dã. Thanh dĩ hiệp diễn, cân dĩ văn tú, thi chúc trai<sup>1</sup> giới dĩ tương chi. Cập kỳ dĩ trần dã, hành giả tiền kỳ thủ tích, tô giả thủ nhi thoạn chi nhi dĩ. Tương phục thủ nhi thanh dĩ hiệp diễn. Cân dĩ văn tú du cư tâm ngọa kỳ hạ, bỉ bất đắc mộng tất thả sô mê yên. Kim nhi phu tử diệc thủ tiên vương dĩ trần sô cầu, thủ đệ tử du cư tâm ngọa kỳ hạ. Cô phạt thọ ư Tống, tước tích ư Vệ, cùng ư Thương Châu, kiến

phi kỳ mộng da. Vì ư Trần Thái chi gian, thất nhật bất hỏa thực, tử sinh tương dữ lân, thị phi kỳ mế da?

Phù thủy hành mạc như dụng chu, nhi lục hành mạc như dụng xa. Dĩ chu chi khả hành ư thủy dã, nhi cầu thôi chi ư lục, tắc một thể bất hành tầm thường<sup>2</sup>. Cổ kim phi thủy lục dư, Châu Lỗ phi chu xa dư? Kim ky hành Châu ư Lỗ, thị du thôi chu ư lục dã, lao nhi vô công, thân tất hữu ương. Bĩ vị tri phù chi vô phương truyền ứng vật nhi bất cùng giả dã.

(...) Cổ phù tam hoàng ngũ đế chi lễ nghĩa pháp độ, bất căng ư đồng nhi căng ư trị.

Cổ tử tam hoàng ngũ đế chi lễ nghĩa pháp độ, kỳ du lê quật hữu do da. Kỳ vị tương phản nhi giai khả ư khẩu. Cổ lễ nghĩa pháp độ giả, ứng thời nhi biến giả dã. Kim thủ viên<sup>3</sup> thư nhi y dĩ Châu công chi phục, bĩ tất hột niết văn liệt. Tận khứ nhi hậu khiếm quán cổ kim chi dị, du viên thư chi dị hồ Châu công dã. Cổ Tây Thi bệnh tâm nhi tân kỳ lý, kỳ lý chi xú nhơn. Kiến nhi mỹ chi qui diệc bổng tâm nhi tân kỳ lý. Kỳ lý chi phú nhơn kiến chi, kiên bẽ môn nhi bất xuất, bản nhơn kiến chi khiết thê tử nhi khứ chi tẩu. Bĩ tri mỹ tân nhi bất tri tân chi sở dĩ mỹ. Tích hồ nhi phu tử kỳ cùng tai.”

(Thiên Vận)

## CHÚ

1. Gốc là chữ trai 齋, nhiều bản viết là tè 齊.
2. Tầm 尋 là tám thước; thường 常 là hai thước. Tức là mười thước.
3. Hoặc viết 猿 (viên).

## DỊCH NGHĨA

### CHÓ RƠM

*Khổng Tử sang chơi miền tây nước Vệ. Nhan Uyên hỏi Sư Kim:*

*- Ông cho thầy tôi đi chuyến này như thế nào? Sư Kim nói:*

*- Thầy của ông đi chuyến này chắc sẽ khốn cùng! Nhan Uyên hỏi:*

*- Sao vậy? Sư Kim nói:*

*- Con chó rơm lúc chưa bày ra để cúng tế, thì được cất kỹ trong rương, bọc bằng gấm vóc; thầy cúng chạy tịnh rồi mới dám đem nó ra. Kịp khi bày ra và cúng tế xong thì lại đem quăng nó ra ngoài đường cho kẻ đi đường đạp lên trên lưng nó, kẻ lượm củi hốt về để chụm. Nếu lại còn tiếc, lượm nó*



*cát giữ trong rương, bọc bằng gấm vóc và ngòi nằm ở dưới thì nếu nó không làm cho ta bị ác mộng, cũng đến làm cho ta bị bóng đè. Nay Thầy của ông cũng chỉ là kẻ lượm lại những con chó rom đã dùng rồi của các bậc tiên vương đời trước, bắt đệ tử ngòi nằm ở dưới...Bởi vậy mà phải bị chặt cây chặn đường ở Tống, phải lăn tròn dấu vết ở Vệ, bị cùng khốn ở Thương, Châu. Đó chẳng phải là những ác mộng của Thầy ông ư? Bị vây ở giữa Trần Thái, bảy ngày không thể ăn đồ nấu, chết sống kề bên nhau. Đó chẳng phải là những bóng đè Thầy ông ư?*

*Đi trên mặt nước thì không chi bằng dùng thuyền mà đi trên bộ thì không gì bằng dùng xe. Lấy thuyền chuyên đi trên mặt nước để mà đẩy nó trên bộ, thì suốt đời không đi được mười thước. Xưa và nay không phải là mặt nước và trên bộ sao? Pháp độ nhà Châu và tình trạng xã hội nước Lỗ ngày nay chẳng phải là thuyền là xe sao? Nay có lấy pháp độ ở nhà Châu mà truyền vào nước Lỗ thì có khác nào đem thuyền mà đẩy trên mặt đất, nhọc mà không thành công, thân ắt mang hại. Đó chưa biết được chỗ truyền dạy của phép không phương ứng với vật không cùng...*

*(...) Cho nên, lễ nghĩa pháp độ của Tam Hoàng Ngũ Đế đâu cần ở chỗ giống nhau mà cần ở chỗ trị được thiên hạ, cũng như cam, lê, quýt, bưởi, tuy mùi vị khác nhau, nhưng ăn đều ngon cả! Bởi vậy, lễ nghĩa pháp độ phải biết đáp ứng với thời buổi mà thay đổi. Nay bắt vợ khi mà cho mặc áo của ông Châu, ắt nó cắn bứt, cào xé, vứt bỏ hết, thế mới vừa lòng cho. Xã hội, chế độ xưa và nay khác nhau xa, (có mà đem cái xưa tròng vào cái nay) thì cũng như cho vợ khi mặc áo của ông Châu vậy. Cho nên Tây Thi đau tim, nhăn mặt mà thiên hạ cho là đẹp, có người đàn bà xấu xí kia thấy thế, về bắt chước ôm tim mà nhăn mặt, những kẻ giàu trong làng thì đóng chặt cửa không dám ra; kẻ nghèo thấy nó, dẫn vợ con bỏ chạy. Mụ ấy chỉ biết Tây Thi nhăn mặt là đẹp mà không biết cái chỗ phải sao nhăn mặt mới đẹp. Rất đáng tiếc, Thầy của ông ắt phải cùng khốn!”*

## **LỜI BÌNH**

Lão Tử, cũng như Trang Tử, không bao giờ quan niệm cuộc đời như một cái gì bất động, mà trái lại, là một cuộc thiên diễn động biến không ngừng. Thế sao ở chương 80 sách Lão Tử lại có đoạn bảo: “*khiến cho dân trở lại cái lối ‘thắt nút dây’ mà dùng. . .*” (使人復結繩而用之) . Sách Trang Tử ở thiên Mã Đề cũng nói: “*Kìa, dân vốn có tánh thường: cày để ăn, dệt*

để mặc, đó gọi là đức chung. Cùng nhau sống chung mà không bè đảng, gọi là mặt trời. Cho nên, họ đi rất chắc chắn trên con đường đạo đức. . .” (...) “Về thời vua Hách Tu, dân ở không biết là làm gì! Đi, không biết là đi đâu! Ngậm cơm mà vui! Vô bụng mà chơi! Dân đã được thế rồi. Kịp đến đời các vị Thánh nhơn bắt bẻ lễ nhạc để bó buộc hình người đời; treo cao nhân nghĩa để yên ủi lòng người nên dân mới bắt đầu cạnh khốe, thích khôn, tranh nhau về việc lợi, không thể không ngăn được nữa. Đó cũng là lỗi của Thánh nhơn”. Thiên Đạo Chích thì viết: “Xưa kia, dân không biết vận xiêm áo. Mùa hè chứa nhiều củi; mùa đông thì đốt nó để sưởi... Cho nên gọi họ là dân biết sống. Về đời Thần Nông, nắm thì uế oải, dậy thì lãng xăng. Dân biết có mẹ, không biết có cha. Cùng ở với hươu nai... Cày mà ăn... Dệt mà mặc... Không có lòng hại nhau. Đó là những lúc đức đang thịnh. Thế nhưng Hoàng Đế không gây được đức đến nơi, đến đổi cùng Si Vưu đánh nhau ở Trác Lộc, máu chảy hàng trăm dặm. Nghiêu Thuấn lên, lập quan viên... Thang Vũ đến giờ đều là bọn làm cho thiên hạ loạn cả. . .”

Vịn vào những đoạn văn trên đây, các học giả về sau, phần đông cho Trang Lão là cái học thoái hóa, hay là phản tiến hóa, muốn kéo nhân loại trở về đời sống lạc hậu của các bộ lạc dã man...

Bảo thế, là hiểu sai thâm ý của cái học Lão Trang về vấn đề xã hội.

Sự “trở về” (phục kỳ bản 復其本) hoặc trở về với cái sống giản dị (kiến tồ bão phác 見素抱樸) không có nghĩa là “phục cổ” 復古 mà là khuyên ta trở về với một đời sống tự nhiên, chất phác, không có những phiền phức đa đoan của những thứ văn minh giả tạo dùng trí mưu để mà trị nước.

Lão Tử, cũng như Trang Tử, đều cực lực bài bác những chế độ cổ là vì, theo các ông, tất cả mọi chế độ đều tùy thời mà dùng, không có chế độ xã hội nào có thể làm khuôn mẫu cho thiên hạ cố kim được. Lão Tử bảo: “Thiên Địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sở cầu; Thánh nhơn bất nhân, dĩ bách tánh vi sở cầu” (chương 5). Trang Tử cũng bảo:

“Kìa như chó rom, khi chưa dùng thì đựng trong rương kín, cho mặc gấm vóc; thầy cúng chay tịnh rồi mới dám đem nó ra. Kịp khi cúng tế xong, thì lại đem quăng nó ra ngoài đường cho kẻ đi đường đạp lên trên lưng nó, kẻ lượm củi hốt về để chum, thế thôi! Nếu lại còn lượm nó cất giữ trong rương, mặc cho gấm vóc, thì nếu nó không làm cho ta bị chiêm bao, cũng đến làm cho ta bị bóng đè. . .” (...) “cho nên, pháp độ, lễ, chế của Tam Hoàng Ngũ Đế không cần ở chỗ giống nhau mà cần ở chỗ trị được thiên hạ, như cam, lê, bưởi, quýt: tuy mùi vị nó khác nhau, nhưng ăn đều ngon cả! Bởi vậy, lễ nghĩa, pháp độ là cái mà ta phải biết tùy thời thay đổi cho thích hợp. Nay

*lấy ngay như vượn, khi mà cho mặc bộ áo của ông Châu, ắt nó cắn rứt, cào xé, vứt bỏ hết, thế mới vừa lòng cho. Xã hội chế độ xưa và nay khác nhau xa, (cổ mà đem cái xưa tròng vào cái nay) thì cũng như cho khỉ vượn mặc áo của ông Châu vậy. Cho nên Tây Thi đau tim, nhân mặt mà thiên hạ cho là đẹp. Có người đàn bà rất xấu kia, thấy thế, về bắt chước ôm tim mà nhân mặt, những kẻ giàu trong làng thì đóng chặt cửa không dám ra, kẻ nghèo thấy nó, dẫn vợ con bỏ chạy. . .” (Thiên Vận 天運 ). Thật là rõ ràng đến mực.*

Trần Trụ bình giảng câu “*Thiên Địa bất nhân*” của Lão Tử trên đây có nói rất chí lý: “*Trời Đất sinh vạn vật, như sinh cây cỏ. Xuân thì đâm chồi, thu thì rụng lá. Đang sinh thì quý, đang rụng thì bỏ đi. Xuân tới sinh lại, nhưng không còn là cây cỏ ngày xưa. Thánh hơn đối với trăm họ cũng thế. Trăm họ, tức là trăm quan lãnh phần thi hành chánh giáo. Trăm quan ngày nay không còn là trăm quan ngày xưa, thì chánh giáo ngày xưa cũng không dùng cho ngày nay được nữa...Như thế, ta thấy Lão Tử phản đối thuyết Phục cổ, như Trang Tử thường bài bác Nho gia nói nhân nghĩa để tâng bốc tiên vương. . .”*

Xem thế, Lão Trang có bao giờ khuyên ta trở về xã hội cổ sơ và bộ lạc. Sở dĩ các ông ca tụng xã hội cổ là vì xã hội văn minh ấy đã đạt tới cái mục đích của nó, là làm cho người người trong xã hội ấy sống được an vui lạc phúc.

Tự nó, không có một xã hội văn minh nào là cao quý hơn một xã hội văn minh nào cả. Cũng như không có một cái lẽ phải nào là lẽ phải chung cho tất cả mọi người. Có thể có nhiều thứ văn minh khác nhau, nhưng giá trị vẫn bằng nhau. Văn minh của một dân tộc, nếu nó hợp với trình độ dân tộc ấy, hợp với những điều kiện sinh lý, kinh tế của dân tộc ấy là thứ văn minh hay, dù là văn minh của dân bán khai. Trái lại, nếu văn minh của một dân tộc mà không hợp với trình độ dân tộc ấy, chỉ làm cho nhân dân đó bị lầm than điêu đứng, khốn khổ đau thương, thì là văn minh dở, dù đó là những thứ văn minh tối cao và tế nhị. Tôn chỉ của một xã hội văn minh nào cũng đều quy vào một điểm quan trọng duy nhất này: mưu được hạnh phúc cho mỗi cá nhân trong đó. Nếu thiên hạ trong xã hội ấy đều được an vui hạnh phúc thì văn minh của xã hội ấy đã đạt đến cái sứ mạng của nó rồi! Trái lại, nếu thiên hạ điêu linh thống khổ, thì văn minh của xã hội ấy đã đi sai với sứ mạng của nó. Văn minh xã hội là để phụng sự con người, chứ không phải con người để mà phụng sự cho văn minh. Như văn minh cơ giới ngày nay mà chúng ta đều cho là văn minh cao nhất nhân loại, theo Trang Tử chắc

chấn sẽ không được gọi là văn minh cao. Là vì, thiên hạ sống trong đó đã không đủ Đức để làm chủ nó; trái lại, bị nó làm chủ, và vì thế mà thiên hạ loạn ly không ngớt. Đó là thứ văn minh không thích ứng với trình độ người bấy giờ. Kể về tài trí thì có thừa, nhưng kể về tâm đức thì rất thiếu nên chỉ không đủ sức để làm chủ những ngoại vật mà mình đã tạo ra.

Xã hội của trẻ con, đâu phải thua gì xã hội của người lớn. Người lớn không thể sống trong xã hội của trẻ con, nhưng mà trẻ con cũng đâu có thể sống thích ứng kịp với xã hội của người lớn. Đâu phải vừa với đó. Không được vậy là sai với lẽ tự nhiên. Người xưa, văn minh của họ có thể ví như xã hội của trẻ con. Nhưng ở vào buổi ấy, văn minh của họ rất thích hợp với trình độ của họ, nên họ được hạnh phúc. Trái lại, văn minh ngày nay, là văn minh của những người lớn, văn minh của những con người tự do, của những kẻ đã làm chủ được tư tâm, tư dục, làm chủ ngoại vật mà mình tạo ra...nhưng thực sự, phần đại đa số thiên hạ ngày nay chưa được trưởng thành về đức độ, chưa làm chủ được tư tâm tư dục, chưa làm chủ được ngoại vật...còn tham lam ích kỷ vô cùng, như vậy, chẳng khác nào, như Trang Tử đã nói, con khỉ mà cho mặc áo ông Châu, chưa phải Tây Thi mà bắt chước nhả mặt. Tóm lại, họ chỉ là con người còn ở tâm trạng cổ sơ đầy thú tính và tham vọng. Cũng như những cơ khí của người lớn, mà để cho trẻ con sử dụng trong khi họ chưa đủ đức để trị nó, làm chủ nó, dĩ nhiên sẽ bị nó hại lại. Các bậc thức giả Tây phương ngày nay như G. Duhamel, Albert Einstein, René Guénon, Daniel Ropps (trong quyển *Le Monde Sans Âme*), Branly, A. Carrel, cũng đều nhận thấy như thế, và đã lên tiếng cảnh cáo...

Con gà con, lúc chưa tới thời kỳ nở, thì cái vỏ bao ngoài là cần thiết, rất ích lợi cho nó. Đến khi tới thời kỳ nở, thì cái vỏ bao ngoài bấy giờ trở lại là một trở ngại cho sự sống của nó. Nó phải tự phá cái vỏ ấy đi. Lúc nó chưa tới thời kỳ nở, nếu mình dùng tâm phá cái vỏ bao ngoài đi, là làm hại nó...Xã hội văn minh của mỗi thời, đều có cái giá trị riêng của nó. Hễ hợp thời thuận cảnh, là hay; mà sai thời nghịch cảnh là dở <sup>[69]</sup>.

Như vậy, Trang Tử ca tụng đời sống cổ sơ, đâu phải bảo ta “phản tiến hóa”, cũng như khi Lão Tử khuyên ta “*hàm đức chi hậu, tỉ ư xích tử*”, lấy cái tâm của đứa trẻ sơ sinh làm chỗ tận thiện của con người theo Đạo, đâu phải là khuyên ta nhỏ lại và sống như đứa trẻ thơ...Lão và Trang muốn chỉ cho ta thấy, không phải xã hội văn minh mà ta đang sống đây (dĩ nhiên là ám chỉ đời của hai ông ấy đang sống) là cao hơn xã hội văn minh đời thái cổ, nếu nó không mưu được cho mình hạnh phúc như người xưa trong xã

hội văn minh họ. Không cần đến lượng, quý là nơi cái phẩm. Cũng như không cần để ý đến sự giàu nghèo, nếu giàu mà đau khổ, sao bằng nghèo mà vui vẻ. Nhưng bảo thế, đâu phải bảo ta đừng giàu, vì nếu giàu mà biết vui, nghèo mà đau khổ thì sao lại cố chấp đến giàu nghèo mà làm gì! Cốt yếu là có được hạnh phúc cùng không có hạnh phúc hay không mà thôi. Cũng như cần gì phải câu chấp đến văn minh nào là cao, văn minh nào là thấp. Sống theo văn minh Âu Mỹ mà đau khổ ly loạn thì tất nhiên sao bằng sống trong văn minh thấp kém hơn mà được an vui lạc phúc. Còn như, nếu sống trong văn minh Âu Mỹ mà được hạnh phúc hoàn toàn, thì sao ngu dại gì không cầu sống trong văn minh ấy, mà lại mong trở về với những xã hội cổ sơ! Đành rằng chế độ nâng cao dân trí, mà dân trí cũng rất cần để giữ gìn chế độ, nhưng cả hai không được quá chênh lệch nhau. Xã hội văn minh đời Trang Tử đang sống là xã hội văn minh cao hơn đời Thượng cổ nhiều, thế nhưng thiên hạ thời bấy giờ lầm than khốn khổ đến cực điểm (Chiến Quốc), dĩ nhiên sánh với nền văn minh cổ sơ trong đó thiên hạ đương thời sống an vui hạnh phúc, thì chưa ắt văn minh đương thời của Trang Tử được gọi là hay! Bởi vậy ông cực lực bài bác xã hội đương thời và ca tụng đời sống chất phác của xã hội cổ sơ: chỗ dụng ý thật rất rõ ràng, nhưng rất tiếc phần đông sau này không chịu té tâm suy nghĩ nên mới có những lời phê bình xuyên tạc bất công như thế.

## ĐÔNG QUÁCH TỬ

### 東郭子

東郭子問於莊子曰：「所謂道，惡乎在？」  
莊子曰：「無所不在。」東郭子曰：「期而後可。」莊子曰：「在螻蟻。」曰：「何其下邪？」曰：「在稊稗。」  
曰：「何其愈下邪？」曰：「在瓦甃。」曰：「何其愈甚邪？」曰：「在屎溺。」  
東郭子不應。  
莊子曰：「夫子之問也，固不及質。正獲之問於監市履豨也，每下愈況。汝唯莫必，無乎逃物。至道若是，大言亦然。周徧咸三者，異名同實，其指一也。」  
(知北遊)

Đông Quách Tử vấn ư Trang Tử viết: “Sử vị Đạo, ô hồ tại?”

Trang Tử viết: “Vô sở bất tại.”

Đông Quách Tử viết: “Kỳ nhi hậu khả.” Trang Tử viết: “Tại lâu nghĩ.”

Viết: “Hà kỳ hạ da?” Viết: “Tại đề bại.”

Viết: “Hà kỳ dụ hạ da?” Viết: “Tại ngôa bích.” Viết: “Hà kỳ dụ thậm da?”  
Viết: “Tại thử nịch.”

Đông Quách Tử bất ứng.

Trang Tử viết: “Phu tử chi vấn dã, cô bất cập chất<sup>1</sup>. Chánh hoạch chi vấn ư giám thị<sup>2</sup> lý thi<sup>3</sup> dã, mỗi hạ dụ huống. Nhữ duy mạc tất vô hồ đào vật. Chí Đạo nhược thị đại ngôn diệc nhiên. Châu biến hàm tam giả: dị danh đồng thực, kỳ chỉ nhất dã.

### CHÚ

1. 質 có nghĩa là “thực” 實, là “chân” 真. Ý Trang Tử bảo rằng câu hỏi của Đông Quách Tử không đưa đến thực chất của câu hỏi, không phải cố đi tìm cho tới chân lý.
2. *Giám thị*: chức người kiểm xét chợ để đánh thuế hàng.
3. Âm là thử 豕: một thứ heo lớn 大豕.

## DỊCH NGHĨA

### ĐÔNG QUÁCH TỬ

*Đông Quách Tử hỏi Trang Tử:*

*- Cái gọi là Đạo ở đâu?*

*Trang Tử nói:*

*- Không có chỗ nào là không có Nó.*

*Đông Quách Tử hỏi:*

*- Xin chỉ ra mới được.*

*Trang Tử nói:*

*- Trong con kiến.*

*Hỏi: Thấp hơn nữa! - Trong cọng cỏ.*

*Hỏi: Thấp hơn nữa! - Trong miếng sành vỡ.*

*Hỏi: Rất thấp hơn nữa! - Trong cục phân.*

*Đông Quách Tử không hỏi nữa.*

*Trang Tử nói:*

*- Lời hỏi của ông không đi đến cái thực chất của nó. Nó giống như cách người xét thuế heo dùng để đánh giá heo: mỗi lần đập trên lưng heo là mỗi lần ấn mạnh càng xuống thêm. Ông đừng chỉ hấn vào một vật nào, vì không có một vật nào là không có Nó. Đạo cả là thế, mà lời nói cao cả cũng thế. Như ba tiếng này: “đều”, “cùng”, “cả thảy” tuy danh từ gọi có khác mà tựu trung đều cùng một ý.*

(Trí Bắc Du)

## TRÍ BẮC DU

### 知北遊

知北遊於玄水之上，登隱弇之丘，而適遭無為謂焉。

知謂無為謂曰：「予欲有問乎若：何思何慮則知道？何處何服則安道？何從何道則得道？」

三問而無為謂不答也。非不答，不知答也。

知不得問，反於白水之南，登狐闕之上，而睹狂屈焉。知以之言也問乎狂屈。

狂屈曰：「唉！予知之，將語若。」中欲言而忘其所欲言。

知不得問，反於帝宮，見黃帝而問焉。黃帝曰：「無思無慮始知道，無處無服始

安道，無從無道始得道。」

知問黃帝曰：「我與若知之，彼與彼不知也，其孰是邪？」

黃帝曰：「彼無為謂真是也，狂屈似之，我與汝終不近也。夫知者不言，言者不知。」

故聖人行不言之教。

道不可致，德不可至。仁可為也，義可虧也，禮相偽也。

故曰：失道而後德，失德而後仁，

失仁而後義，失義而後禮。

禮者道之華而亂之首也。

故曰：『為道者日損，損之又損之，以至於無為。無為而無不為也。』

今已為物也，欲復歸根，不亦難乎！其易也，其唯大人乎！

生也死之徙，死也生之始，孰知其紀！

人之生，氣之聚也。聚則為生，散則為死。若死生為徙，吾又何患！故萬物一也。

Trí<sup>1</sup> Bắc du ư Huyền thủy chi thượng, đặng Ân phần chi khu, nhi thích tao Vô Vi Vị yên.

Trí vị Vô Vi Vị viết: “Dư dục hữu vấn hồ nhược. Hà tư hà lự tắc tri Đạo, hà xử hà phục tắc an Đạo, hà tùng hà Đạo tắc đắc Đạo.”

Tam vấn nhi Vô Vi Vị bất đáp dã. Phi bất đáp, bất tri đáp dã.



Trí bất đắc vấn, phản ư Bạch thủy chi Nam, đăng Hồ Quyết chi thượng, nhi đồ Cuồng Khuất yên. Trí dĩ chi ngôn dã vấn hồ Cuồng Khuất.

Cuồng Khuất viết: “Ai, dư tri chi, tương ngữ nhược, trung dục ngôn, nhi vong kỳ sở dục ngôn.”

Trí bất đắc vấn, phản ư Đế cung, kiến Hoàng đế nhi vấn yên.

Hoàng đế viết: “Vô tư vô lự, thủy tri Đạo. Vô xứ vô phục, thủy an Đạo, vô tùng vô đạo, thủy đắc Đạo.”

Trí vấn Hoàng đế viết: “Ngã dữ nhược tri chi? Bĩ dữ bĩ bất tri dã. Kỳ thực thị da?”

Hoàng đế viết: “Bĩ Vô Vi Vị chân thị dã. Cuồng Khuất tợ chi, ngã dữ nữ chung bất cận dã. Phù tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri<sup>2</sup>”.

Cổ Thánh nơn hành bất ngôn chi giáo<sup>3</sup>. Đạo bất khả trí.

Đức bất khả chí. Nhân khả vi dã. Nghĩa khả khuy<sup>4</sup> dã. Lễ tương nguy dã.

Cổ viết: “Thất Đạo nhi hậu đức. Thất đức nhi hậu nhân.

Thất nhân nhi hậu nghĩa. Thất nghĩa nhi hậu lễ.

Lễ giả Đạo chi hoa nhi loạn chi thủ<sup>5</sup> dã.”

Cổ viết: “Vi Đạo giả nhật tồn, tồn chi hựu tồn chi, dĩ chí ư vô vi, vô vi nhi vô bất vi dã<sup>6</sup>.”

Kim dĩ vi vật dã, dục phục quy căn, bất diệc nan hồ! Kỳ dị dã, duy đại nơn hồ!”

Sinh dã tử chi đồ. Tử dã sinh chi thủy. Thực tri kỳ kỳ.

Nơn chi sinh, khí chi tụ dã. Tụ tắc vi sinh, tán tắc vi tử. Nhược tử sinh vi đồ, ngô hựu hà hoạn. Cổ vạn vật nhất dã.

## CHÚ

1. Đọc là Trí 智.
2. Chính là lời của Lão Tử ở chương 56 sách *Đạo Đức Kinh*.
3. *Lão Tử Đạo Đức Kinh*, chương 2: “Thị dĩ Thánh nơn xứ vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo”.
4. Gốc là chữ 窺 trong chữ “khuy kiến” 窺見 có nghĩa là dòm ngó bằng tinh thần, chứ không phải dùng con mắt thường.
5. Câu này lấy trong *Lão Tử Đạo Đức Kinh* chương 38: “Thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân nhi hậu Nghĩa, thất Nghĩa nhi hậu Lễ...Phù Lễ giả trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ.”

6. Đạo Đức Kinh chương 48: “Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn; tổn chi hựu tổn, dĩ chí ư vô vi. Vô vi nhi vô bất vi.”

## DỊCH NGHĨA

### TRÍ CHƠI PHƯƠNG BẮC

*Trí đi chơi phương Bắc, tới Huyền Thủy, lên núi Ân Phần, gặp Vô Vi Vị.*

*Trí gọi Vô Vi Vị, bảo: “Tôi muốn hỏi ông ít điều. Nghĩ làm sao, lo làm sao mà biết được Đạo? Dựa vào đâu, làm cách nào mà hiểu được Đạo? Theo đâu và đi đường nào mà tìm được Đạo?”*

*Hỏi ba lời, Vô Vi Vị không đáp. Chẳng phải không đáp, mà là không biết phải đáp làm sao.*

*Hỏi không được, Trí trở lại Bạch Thủy, ở phương Nam, lên núi Hồ Quyết, gặp Cuồng Khuất. Trí cũng đem ba câu hỏi trước, hỏi Cuồng Khuất.*

*Cuồng Khuất nói: “À! Tôi biết, để tôi nói cho”. Nhưng, vừa muốn nói, thì lại quên mất chỗ mình muốn nói.*

*Trí không hỏi ai được, bèn trở lại để cung ra mắt Hoàng đế để hỏi.*

*Hoàng đế nói: “Không nghĩ, không lo mới biết Đạo. Không dựa vào đâu, không làm gì mới rõ Đạo. Không theo đâu, không đi đường nào cả mới được Đạo.”*

*Trí hỏi Hoàng đế: “Tôi cùng ông biết Đạo chẳng? Còn hai người kia không biết Đạo chẳng? Ai phải?”*

*Hoàng đế nói: “Vô Vi Vị mới thật là phải. Cuồng Khuất cũng giống như Vô Vi Vị. Rốt lại, chỉ có Ta và Ngươi là không gần Đạo mà thôi. Vả, kẻ biết thì không nói, kẻ nói là không biết. Nên chi, bậc Thánh nhơn mới thực hành cái lối dạy mà không cần đến lời. Đạo thì không thể nhận được, Đức thì không thể hiểu được. Còn như Nhân, Nghĩa (là cái đạo hữu vi) có thể làm được, có thể dòm thấy được. (Chỉ như) Lễ là để mà lừa dối nhau, cho nên mới có nói: Mất Đạo, rồi mới có Đức; mất Đức rồi mới có Nhân; mất Nhân, rồi mới có Nghĩa; mất Nghĩa, rồi mới có Lễ. Lễ là cái phù hoa của Đạo, là đầu mối của hỗn loạn. Lại cũng có nói: Theo Đạo thì càng ngày càng bớt. Bớt rồi lại bớt mãi, cho đến chỗ “vô vi”. Không làm, mà không có gì là không làm.*

*Nay đã là vật mà muốn trở về cội, chẳng cũng khó lắm sao! Dễ chẳng, chỉ có bậc đại nhơn mà thôi ư!”*

*Sống, là bạn của chết; Chết là đầu mối của sống.  
Ai biết được đường lối của đó?  
Cái sống của con người là sự tụ hợp của khí.  
Tụ lại thì sống, tan ra thì chết. Nếu xem sống chết là bạn của ta, thì sao  
lại có lo âu. Bởi vậy, vạn vật là một...*

## LỜI BÌNH

Chương này giảng rộng về cái nghĩa của thuyết Bất ngôn chi giáo của thiên Đức Sung Phù ở Nội thiên.

Trí, cái Trí là tập nhị nguyên mà đi tìm hiểu Đạo, thì chẳng làm thế nào hiểu được. Vô Vi Vị (tượng trưng tiếng nói Vô Vi) không thể đáp lại với những câu hỏi của Trí, không phải là vì không hiểu Đạo, mà là vì Đạo không thể dùng lời nói của giới nhị nguyên mà miêu tả được. Nên làm thinh. Đó là để chứng minh câu: “*Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*” của Lão Tử.

Chỉ có ở Ngoại và Tạp thiên mới thấy có sự dẫn chứng lời nói của Lão Tử. Ở Nội thiên không bao giờ có đá động đến Lão, đó là một trong những đặc điểm của Nội thiên.

Điều đáng chú ý nhất trong chương này là câu trả lời của Hoàng đế: “*Không nghĩ không lo mới biết Đạo. Không dựa vào đâu, không làm gì cả mới rõ Đạo. Không theo đâu, không đi đường nào cả mới được Đạo*” (無思無慮，始知道，無處無服始安道，無從無道始得道。 ) .

“*Biết Đạo*”, “*rõ Đạo*”, “*được Đạo*” đều cùng một nghĩa, đều nhờ một chữ “*Vô*” 無 mà thực hiện được.

Còn lo, còn nghĩ được, thì không còn phải là Đạo nữa. Đạo thì tịnh, nghĩa là bản thể thì không bao giờ thay đổi, nhưng Đức của nó thì vô cùng biến động (vạn hóa 萬花) hoặc mau hoặc chậm, nên chỉ “*sự vật vô thường*”, không thể bao giờ có một hình thức nào có thể chứa đựng được nó mãi mãi. Vì vậy, Đạo không thể chứa đựng được ở trong hình thức nào, bất cứ là một hệ thống tư tưởng nào, một chế độ hay luân lý nào, một tôn giáo hay triết thuyết nào... Hay nói tắt một lời, Đạo không thể thực hiện được ở trong một lẽ lối cố định của một nếp suy tư nào cả. Bởi vậy, trở ngại to tát và nguy hiểm nhất của người tìm Đạo là tư tưởng theo thành kiến bất cứ là thành kiến nào, nghĩa là theo bất cứ một thói quen nào. Cho nên mới nói: “*Không dựa vào đâu... Không theo đâu, không đi đường nào cả. . .*”. Tìm Đạo, không thể đi theo một con đường nào, dù là của Thích Ca hay của

Jésus...Và vì thế mà trước đây, tôi đã nói: học thuyết Lão Trang là một học thuyết không có học thuyết, một giáo lý không có giáo lý...Nhân đó về sau, phái Thiên tông của Phật Giáo Đại thừa mới chủ trương: “*Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền*”.

Người tìm Đạo, vì vậy, cần phải giải thoát đầu tiên tâm trí của mình ra khỏi sự nô lệ tinh thần đối với mọi tập quán tư tưởng theo truyền thống nhị nguyên, đối với mọi khuôn sáo tư tưởng lệ thuộc theo một đường lối sẵn có nào. Đó là điểm đặc biệt quan trọng nhất của chương này, và đó là điểm chính để giải minh cái đại nghĩa của thuyết “*các sinh kỳ sinh*” (各生其生) ở thiên Tiêu Diêu Du vậy.

Đối với Đạo, với chân lý, nô lệ với những thói quen suy tư của mình hay bắt chước theo lẽ lối suy tư của một kẻ khác hay của một hệ thống tư tưởng nào đều là lầm lạc cả và nhất định không thể “*hiểu Đạo, rõ Đạo, đắc Đạo*” như lời của Hoàng đế đã nói.

## CHÍ NHÂN

### 至仁

商大宰蕩問仁於莊子。莊子曰：「虎狼，仁也。」曰：「何謂也？」

莊子曰：「父子相親，何為不仁！」曰：「請問至仁。」

莊子曰：「至仁無親。」

大宰曰：「蕩聞之，無親則不愛，不愛則不孝。謂至仁不孝，可乎？」

莊子曰：「不然，夫至仁尚矣，孝固不足以言之。此非過孝之言也，不及孝之言也。夫南行者至於郢，北面而不見冥山，是何也？則去之遠也。故曰：以敬孝易，以愛孝難；以愛孝易，而忘親難；忘親易，使親忘我難；使親忘我易，兼忘天下難；兼忘天下易，使天下兼忘我難。夫德遺堯舜而不為也，利澤施於萬世，天下莫知也，豈直大息而言仁孝乎哉！夫孝悌仁義，忠信貞廉，此皆自勉以役其德者也，不足多也。故曰，至貴，國爵并焉；至富，國財并焉；至願，名譽并焉。是以道不渝。」

(天運)

Thương đại tể Đãng vấn nhân ư Trang Tử. Trang Tử viết: “Hổ lang, nhân dã.”

Viết: “Hà vị dã?”

Trang Tử viết: “Phụ tử tương thân, hà vị bất nhân.” Viết: “Thỉnh vấn chí nhân.”

Trang Tử viết: “Chí nhân vô thân.”

Đại tể viết: “Đãng văn chí, vô thân tắc bất ái, bất ái tắc bất hiếu, vị chí nhân bất hiếu khả hồ?”

Trang Tử viết: “Bất nhiên. Phù chí nhân thượng hĩ. Hiếu cố bất túc dĩ ngôn chí. Thử phi quá hiếu chi ngôn dã. Bất cập hiếu chi ngôn dã. Phù Nam hành giả chí ư Dĩnh, bắc diện nhi bất kiến minh san, thị hà dã? Tắc khứ chi viễn dã. Cố viết: Dĩ kính hiếu dị dĩ ái hiếu nan, dĩ ái hiếu dị, nhi vong thân nan. Vong thân dị, sử thân vong ngã nan. Sử thân vong ngã dị, kiêm vong thiên hạ nan. Kiêm vong thiên hạ dị, sử thiên hạ kiêm vong ngã nan. Phù đức dĩ Nghiêu Thuấn nhi bất vi dã. Lợi trạch thi ư vạn thế, thiên hạ mạc tri

dã. Khởi trục thái tức nhi ngôn nhân hiếu hồ tai. Phù hiếu để nhân nghĩa trung tín trinh liêm, thử giai tự miễn dĩ dịch kỳ đức giả dã, bất tức đa dã. Cố viết: Chí quý quốc tước tinh yên, chí phú quốc tài tinh yên, chí nguyện danh dự tinh yên, thị dĩ đạo bất du.”

(Thiên Vận)

## DỊCH NGHĨA

### CHÍ NHÂN

*Thái tể Đãng hỏi Trang Tử về chữ Nhân. Trang Tử nói: “Hùm sói là Nhân đấy!”*

*Hỏi: “Sao gọi thế?”*

*Trang Tử nói: “Cha con nó thân nhau, sao gọi là bất nhân?”*

*“Xin hỏi, còn bặc chí Nhân?”*

*Trang Tử nói: “Chí Nhân thì không thân với ai cả!”*

*Thái tể hỏi: “Đãng tôi nghe rằng: Không thân thì không thương, không thương thì không thảo. Gọi người chí Nhân không thảo được không?”*

*Trang Tử nói: “Không phải vậy. Chí Nhân cao lắm! Cho nên hiếu thảo đâu đủ để mà nói đến họ: Đó đâu phải là chuyện thái quá của hiếu, mà là chuyện không kịp của hiếu. Kìa như có kẻ sang Nam, đến ấp Dĩnh, ngó qua hướng Bắc không thấy núi Minh San. Là tại sao? Tại xa quá! Bởi vậy mới nói rằng: Hiếu mà kính, dễ; hiếu mà thương, mới khó. Hiếu mà thương (cũng còn) dễ, hiếu mà quên kẻ thân của mình đi mới khó. Quên kẻ thân của mình (cũng còn) dễ, khiến kẻ thân của mình quên mình đi mới khó. Khiến kẻ thân của mình quên mình đi còn dễ, quên luôn cả thiên hạ mới khó. Quên luôn cả thiên hạ còn dễ, mà khiến cho cả thiên hạ đều quên mình đi mới còn khó hơn nữa.*

*Kìa như đức hơn xa Nghiêu Thuấn mà chưa từng có làm, ân huệ nhuần thấm khắp mọi người đến muôn đời mà thiên hạ chẳng ai hay, há lại còn đem chữ Nhân, chữ Hiếu mà nói được với họ nữa hay sao? Phàm hiếu, dễ, nhân, nghĩa, liêm, trinh đều là để mà phục dịch đức mình, có đủ gì để mà ca ngợi quá lời. Bởi vậy mới nói rằng: Tước của cả một nước có đủ đâu để thêm giá cho người chí quý, tài sản của một nước có đủ đâu để thêm giá cho người chí phú; tất cả danh dự đủ đâu thỏa mãn người chí nguyện. Bởi vậy Đạo không có gì đổi được.”*

## LỜI BÌNH

Chương này để trả lời cho những ai gán cho Trang học (cũng như Lão học) cái danh từ là vô luân lý. Thật sự không phải là vô luân lý, theo cái nghĩa thông thường, mà phải hiểu cho đó là một nền học thuật có tánh cách siêu luân lý, một nền luân lý không có luân lý, nghĩa là cái luân lý của con người giải thoát, của con người “vô kỹ, vô công và vô danh”.

*“Hiếu mà kính, dễ; hiếu mà thương, mới khó. Hiếu mà thương, cũng còn dễ, hiếu mà quên kẻ thân của mình đi mới khó. Quên kẻ thân của mình cũng còn dễ, khiến kẻ thân của mình quên mình đi mới khó. Khiến kẻ thân của mình quên đi còn dễ, quên luôn cả thiên hạ mới khó. Quên luôn cả thiên hạ còn dễ, mà khiến cho cả thiên hạ đều quên mình mới còn khó hơn nữa”*. Đó mới thật là đến mức cùng cực của tình thương: yêu người, chứ không phải là yêu mình. Thế nhân chỉ lo sợ có một điều là người của mình thương, không thương mình hay là yêu mình. Và vì thế mà đời mới đa đoan lắm sự.

*“Quên luôn cả thiên hạ”*, là làm lợi cho cả thiên hạ mà không phải vì lòng Nhân. Hành động của bậc chí Nhân là hành động tự nhiên, không thể không vậy cho đặng, như ánh sáng mặt trời rọi chiếu vạn vật, nên mới gọi là *“quên luôn cả thiên hạ”*. Còn *“khiến cho thiên hạ đều quên mình”* là làm lợi cho thiên hạ mà thiên hạ không hay: *“ân huệ thấm nhuần khắp mọi người đến muôn đời mà thiên hạ chẳng ai hay”*, đó là hành động “vô vi”, nhưng *“vô vi nhi vô bất vi”* của Lão Tử.

§§§

- Sao gọi “hùm sói là Nhân đấy”?

*“Cha con nó thân nhau, sao gọi là bất nhân?”*

Thật vậy, đó là cái Nhân của thế tục. Kia những kẻ thương yêu gia đình mình, thương yêu quốc gia mình, thương yêu dân tộc mình...nhưng đối với gia đình khác, quốc gia khác, dân tộc khác thì lại đối xử một cách bất nhân tàn ác, có khác nào những giống hùm sói nó đâu có bao giờ giết hại người thân của nó mà hết sức là bạo ngược đối với các giống loại khác. Cho nên mới nói: *“bậc chí Nhân thì vô thân”*, và bởi không thân mới không sơ đối với tất cả mọi người.

Chương này đã nêu lên được vấn đề luân lý, và người ta thấy rằng cái mà thiên hạ thường gọi là luân lý đạo đức phần nhiều chỉ là những bảng giá trị về luân lý đạo đức có bốn phạm duy trì và ủng hộ lòng tư kỷ và tư hữu của con người, điều mà chúng ta cần phải lưu ý và nhận thức rõ. Lão Tử có nói:

*“Thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân nhi hậu Nghĩa,  
thất Nghĩa nhi hậu Lễ. . .”*

☪☪☪



## VONG NGÔN

### 忘言

荃者所以在魚，得魚而忘荃；蹄者所以在兔，得兔而忘蹄；言者所以在意，得意而忘言。

吾安得夫忘言之人而與之言哉！

(外物)

*Thuyền giả sở dĩ tại ngư, đắc ngư nhi vong thuyền. Đê giả sở dĩ tại thỏ, đắc thỏ nhi vong đê.*

*Ngôn giả sở dĩ tại ý, đắc ý nhi vong ngôn. Ngô an đắc phù vong, ngôn chi nhơn nhi dữ chi ngôn tai.*

(Ngoại Vật)

### DỊCH NGHĨA

### QUÊN LỜI

*Có nom là vì cá,*

*Đặng cá hãy quên nom. Có dò là vì thỏ,*

*Đặng thỏ hãy quên dò.*

*Có lời là vì ý,*

*Đặng ý hãy quên lời.*

*Ta sao tìm đặng người biết quên lời, hầu cùng nhau bàn luận.*

### LỜI BÌNH

Đoạn văn này lẽ ra là đoạn đầu của thiên Ngụ Ngôn sau đây mà người xưa đã sắp lộn. Chính ở chỗ mà *Dịch Kinh* gọi là “*ý tại ngôn ngoại*” (意在言外) và “*thư, bất tận ngôn; ngôn, bất tận ý*” (書不盡言, 言不盡意) .

Lão Tử cũng bảo: “*Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*” 知者不言, 言者不知 (Biết, thì không nói. Nói là không biết). Đạo là một cái gì không thể biết, không thể nói, vì nói thì phải dùng lời, mà lời thì bị hạn định trong một hình thức nào; không làm sao miêu tả được cái chân lý toàn diện gồm đủ bề mặt bề trái, bề cao bề thấp...Cho nên bất đắc dĩ mà nói ra, người nghe phải biết vượt lên trên danh từ hạn định để hiểu cái không thể hạn định. Cho nên mới bảo phải biết quên lời. Bên Đạo học, phải thoát khỏi hình thức của câu

văn và biết đọc văn “giữa hai dòng chữ”. Những ai chỉ khư khư hiểu theo hình thức của văn từ, là người không đủ điều kiện để bàn luận về lẽ Đạo.

Câu chuyện Hoàn Công đọc sách ở thiên Thiên Đạo là một bài ngụ ngôn ý vị để chứng minh cái thuyết “*bất ngôn chi giáo*” của Lão Trang, và “*bất lập văn tự*” của Thiên tông.

Một ngày kia, Phật chỉ trăng, bảo các đệ tử: “*Kìa mặt trăng; cứ ngó theo ngón tay ta thì thấy; nhưng nên nhớ: ngón tay ta không phải là trăng. Những lời ta giảng về Đạo cũng vậy: các con cứ nghe theo lời ta mà tìm Đạo. Nhưng, nên nhớ: lời giảng của ta không phải Đạo.*”

Cho nên, người Đông Phương bàn về Đạo, hay dùng đến ngụ ngôn, mà Trang Tử đã tỏ ra rất sành trong nghệ thuật ấy.

## NGŨ NGÔN

### 寓言

---

寓言十九，重言十七。卮言日出，和以天倪。寓言十九，藉外論之。

親父不為其子媒。親父譽之，不若非其父者也。非吾罪也，人之罪也。與己同則應，不與己同則反。同於己為是之，異於己為非之。

重言十七，所以己言也。是為耆艾，年先矣，而無經緯本末以期年耆者，是非先也。人而無以先人，無人道也。人而無人道，是之謂陳人。

卮言日出，和以天倪，因以曼衍，所以窮年。不言則齊，齊與言不齊，言與齊不齊也，故曰無言。言無言，終身言，未嘗言；終身不言，未嘗不言。

有自也而可，有自也而不可；有自也而然，有自也而不然。惡乎然？然於然，惡乎不然？不然於不然。惡乎可？可於可；惡乎不可？不可於不可。物固有所然，物固有所可。無物不然，無物不可。非卮言日出，和以天倪，孰得其久！

萬物皆種也，以不同形相禪，始卒若環，莫得其倫，是謂天均。天均者，天倪也。

(寓言)

*Ngũ ngôn thập cửu, trùng ngôn thập thất. Chi ngôn nhật xuất, hòa dĩ Thiên Nghiê.*

§§§

Ngũ ngôn thập cửu, tịch ngoại luận chi.

Thân phụ bất vi kỳ tử môi. Thân phụ dự chi bất nhược phi kỳ phụ giả dã. Phi ngô tội dã, nhơn chi tội dã. Dĩ kỳ đồng tác ứng, bất dĩ kỳ đồng tác phản. Đồng ư kỳ vi thị chi, dị ư kỳ vi phi chi.

Trùng ngôn thập thất sở dĩ kỳ ngôn dã, thị vi kỳ ngại, niên tiên hĩ. Nhi vô kinh vĩ bồn mạt, dĩ cơ niên kỳ giả, thị phi tiên dã. Nhơn nhi vô dĩ tiên nhơn

vô nhọn đạo dã. Nhọn nhi vô nhọn đạo thị chi vị trần nhọn.

Chi ngôn nhật xuất hòa dĩ Thiên Nghê. Nhân dĩ man diễn sở dĩ cùng niên. Bất ngôn tắc tề. Tề dĩ ngôn bất tề, ngôn dĩ tề bất tề dã. Cố viết: “Vô ngôn. Ngôn vô ngôn, chung thân ngôn, vị thường ngôn. Chung thân bất ngôn vị thường bất ngôn”.<sup>1</sup>

Hữu tự dã nhi khả, hữu tự dã nhi bất khả. Hữu tự dã nhi nhiên, hữu tự dã nhi bất nhiên. Ô hồ nhiên. Nhiên ư nhiên. Ô hồ bất nhiên, bất nhiên ư bất nhiên. Ô hồ khả. Khả ư khả. Ô hồ bất khả. Bất khả ư bất khả. Vật cố hữu sở nhiên. Vật cố hữu sở khả. Vô vật bất nhiên, vô vật bất khả. Phi chi ngôn nhật xuất hòa dĩ Thiên Nghê. Thục đặc kỳ cửu.<sup>2</sup>

Vạn vật giai chủng dã, dĩ bất đồng hình tương thiện thủy tốt nhược hoàn, mạc đặc kỳ luân, thị vị Thiên Quân, Thiên Quân giả Thiên Nghê dã.

(Ngụ Ngôn)

## CHÚ

1. Suốt đời nói, mà chỉ nói về những chuyện thị phi, thiện ác...thì dù là có nói, cũng kể như là không có nói gì cả. Còn nói đến Đạo, thì dù Đạo không thể nói ra được, tuy không nói vẫn là có nói.
2. Đây là giảng về cái nghĩa của câu “bất đắc bất nhiên” (不得不然) .

## DỊCH NGHĨA

### NGỤ NGÔN

*Ngụ ngôn mười chín, Trùng ngôn mười bảy. Chí ngôn, thì hằng ngày, hòa với Thiên Nghê mà nói ra.*

§§§

*Ngụ ngôn mười chín, là mượn vật ngoài mà luận biện. Cha không khen con mình. Cha mà khen con, sao bằng để cho người không phải là cha mà khen. (Nếu ai) không đồng với ta, lỗi ấy về ai, chứ không phải về ta. Ai đồng với ta thì ứng; không đồng với ta thì phản. Đồng với ta, cho ta là phải; khác với ta, cho ta là quấy.*

*Trùng ngôn mười bảy, là mượn lời kẻ khác mà nói. Kẻ ấy là những bậc trước ta, (nhưng nếu) không kinh vĩ, không thông gốc ngọn thì ta cũng không xem là bậc trên trước của ta được. Ai không hiểu được cái đạo của chân Nhơn, không được kể là kẻ đi trước ta, mà họ chỉ là hạng trần Nhơn (tức là người thuật chuyện xưa tích cũ mà thôi).*

*Chi ngôn, hằng ngày hòa với lý của Thiên Nghệ mà nói ra, nhân đó mà lời nói được lâu dài. Chưa nói ra, là đã đồng (với lẽ Đạo), nhưng nói ra thì đã không đồng nữa rồi. Nên có câu: Không có lời nói.*

*Nói cái không thể dùng đến lời nói. Suốt đời nói mà chưa từng có nói. Suốt đời không nói, mà chưa từng là không có nói.*

*Có cái tự nhiên hạp, có cái tự nhiên không hạp. Có cái tự nhiên phải như vậy, có cái tự nhiên không phải như vậy. Sao là phải như vậy? Phải như vậy là vì phải như vậy. Sao là không phải như vậy? Không phải như vậy là vì không phải như vậy. Sao là hạp? Hạp là vì hạp. Sao là không hạp? Không hạp là vì không hạp.*

*Mỗi vật đều có cái tánh chịu cái chi là phải với mình, cái chi là hạp với mình. Không vật nào là không có tánh đó. Nếu hằng ngày, lời ta nói ra hòa với lẽ Thiên Nghệ (lý Trời nơi ta) mà không được lâu dài, thì cái chi mới lâu dài?*

*Vạn vật đều là một giống cả, không cùng hình mà thay đổi, trước sau như trên cái vòng tròn, không thể phân biệt luân loại. Nên gọi là Thiên Quân. Thiên Quân là Thiên Nghệ.*

## THƯ

### 書

世之所貴道者，書也。書不過語，語有貴也。

語之所貴者，意也，意有所隨。意之所隨者，不可以言傳也，而世因貴言傳書。世雖貴之哉，猶不足貴也，為其貴非其貴也。故視而可見者，形與色也；聽而可聞者，名與聲也。悲夫！世人以形色名聲為足以得彼之情。夫形色名聲果不足以得彼之情，則知者不言，言者不知，而世豈識之哉！

(天道)

*Thế chi sở quý đạo giả, thư dã.*

*Thư bất quá ngữ. Ngữ hữu quý dã.*

Ngữ chi sở quý giả ý dã. Ý hữu sở tùy. Ý chi sở tùy giả, bất khả dĩ ngôn truyền dã, nhi thế nhân quý ngôn truyền thư. Thế tuy quý chi tai. Du bất túc quý dã, vi kỳ quý, phi kỳ quý dã. Cố thị nhi khả kiến giả, hình dĩ sắc dã; thính nhi khả văn giả, danh dĩ thanh dã. Bi phù, thế nhưn dĩ hình sắc danh thanh vi túc dĩ đắc bỉ<sup>1</sup> chi tình<sup>2</sup>. Phù hình sắc danh thanh quả bất túc dĩ đắc bỉ chi tình. Tác tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri, nhi thế khởi thức chi tai.

(Thiên Đạo)

## CHÚ

1. *Bỉ* 彼: đối lại với *Ngã* 我, tức là sự vật bên ngoài (外物), hay là tha nhân (他人) nghĩa là người khác.
2. *Tình* 情: gốc là chữ 性 (Tánh). Tức là bản tánh của sự vật.

## DỊCH NGHĨA

### SÁCH

*Cái mà người đời quý trọng và hay nói đến là sách. Sách, bất quá chỉ là lời.*

*Lời mà quý là nhờ nơi ý. Ý, phải căn cứ theo chỗ không thể dùng lời mà truyền. Vậy mà người đời lại quý lời truyền trong sách vở.*

*Người đời tuy quý nó, nhưng lại quý cái không đủ để mà quý. Vì cái mà họ quý, chẳng phải là cái quý.*

*Nhìn mà thấy được là hình và sắc. Lóng mà nghe được là danh từ và tiếng nói. Thương thay, người đời lại cho rằng hình và sắc, danh từ và tiếng nói đủ để tả được cái chân tánh của sự vật. Mà hình và sắc, danh từ và*

*tiếng nói làm sao để tả được chân tánh của sự vật. Nên kẻ biết thì không nói, kẻ nói là không biết, người đời há biết được như thế ư?*

sss

## ĐỘC THƯ

### ĐỌC THƯ

---

桓公讀書於堂上。輪扁斲輪於堂下。

釋椎鑿而上，問桓公曰：「敢問：公之所讀為何言邪？」

公曰：「聖人之言也。」曰：「聖人在乎？」

公曰：「已死矣。」

曰：「然則君之所讀者，古人之糟魄已夫！」

桓公曰：「寡人讀書，輪人安得議乎！有說則可，無說則死！」

輪扁曰：「臣也以臣之事觀之。斲輪，徐則甘而不固，疾則苦而不入，不徐不疾，得之於手而應於心，口不能言，有數存焉於其間。臣不能以喻臣之子，臣之子亦不能受之於臣，是以行年七十而老斲輪。古之人與其不可傳也死矣，然則君之所讀者，古人之糟魄已夫！」

(天道)

Hoàn Công độc thư ư đường thượng. Luân biên trác luân ư đường hạ,  
Thích chùy tạc nhi thượng, vấn Hoàn Công viết: “Cảm vấn Công chi sở  
độc vi hà ngôn dã?”

Công viết: “Thánh nhơn chi ngôn dã.” Viết: “Thánh nhơn tại hồ?”

Công viết: “Dĩ tử hĩ.”

Viết: “Nhiên tắc quân chi sở độc giả, cổ nhơn chi tao phách dĩ phù!”

Hoàn Công viết: “Quả nhơn độc thư. Luân nhơn an đắc nghị hồ? Hữu  
thuyết tắc khả, vô thuyết tắc tử.”

Luân biên viết: “Thần dã dĩ thần chi sự quan chi. Trác luân từ tắc cam nhi  
bất cố. Tật tắc khổ nhi bất nhập. Bất từ bất tật, đắc chi ư thủ nhi ứng ư tâm.  
Khẩu bất năng ngôn. Hữu sở tồn yên ư kỳ gian. Thần bất năng dĩ dụ thần  
chi tử. Thần chi tử diệc bất năng thụ chi ư thân. Thị dĩ hành niên thất thập  
nhi lão trác luân. Cổ chi nhơn dữ kỳ bất khả truyền dã. Tử hĩ. Nhiên tắc  
quân chi sở độc giả, cổ nhơn chi tao phách dĩ phù.”

(Thiên Đạo)



## DỊCH NGHĨA

### ĐỌC SÁCH

*Hoàn Công đọc sách ở nhà trên.*

*Người thợ dẻo bánh xe ở nhà dưới, bỏ dù, đục, bước lên hỏi Hoàn Công:*

*- Dám hỏi nhà vua đọc lời gì thế?*

*Hoàn Công nói:*

*- Lời nói của Thánh nhơn. Hỏi:*

*- Thánh nhơn còn sống chăng? Hoàn Công nói:*

*- Đã chết cả rồi! Hỏi:*

*- Như thế thì cái mà nhà vua đọc đó chỉ là cặn bã của người xưa đấy thôi! Hoàn Công nói:*

*- Quả nhân đọc sách. Kẻ dẻo bánh xe sao dám luận bàn? Nói nghe thông, thì thôi. Không thông, thì chết.*

*Người thợ dẻo bánh xe thưa:*

*- Thần xin lấy việc mình mà nói: Dẻo chậm thì êm mà không bền; dẻo mau thì cứng mà không vô. Không chậm, không mau, tay làm mà ứng được với lòng mong muốn. Miệng không sao nói ra được việc ấy. Trong chỗ đó, còn lại biết bao điều không thể nói ra. Thần không sao đem đó mà dạy bảo được con của thần. Con của thần cũng không sao học được nơi thần. Cho nên, nay đã bảy mươi tuổi đầu mà vẫn còn làm nghề dẻo bánh xe. Người xưa với những gì không thể truyền dạy đều chết cả rồi. Cho nên cái mà nhà vua đọc đó, chỉ là cặn bã của người xưa mà thôi.*

## VÔ DỤNG

### 無用

---

惠子謂莊子曰：「子言無用。」

莊子曰：「知無用而始可與言用矣。夫地非不廣且大也，人之所用容足耳，然則廁足而墊之致黃泉，人尚有用乎？」

惠子曰：「無用。」

莊子曰：「然則無用之為用也亦明矣。」

(外物)

Huệ Tử vị Trang Tử viết: “Tử ngôn vô dụng.”

Trang Tử viết: “Tri vô dụng nhi thủy khả dĩ ngôn dụng hĩ. Phù địa phi bất quảng thả đại dã, nhơn chi sở dụng dung túc nhĩ. Nhiên tắc sắc túc nhi điềm chi trí huỳnh tuyên, nhơn thượng hữu dụng hồ.”

Huệ Tử viết: “Vô dụng.”

Trang Tử viết: “Nhiên tắc vô dụng chi vi dụng dã diệc minh hĩ.”

(Ngoại Vật)

## DỊCH NGHĨA

### VÔ DỤNG

*Huệ Tử gọi Trang Tử mà nói:*

*- Lời của ông vô dụng! Trang Tử nói:*

*- Biết cái chi sao là vô dụng, thì cũng biết nó sao là hữu dụng. Như đất rộng, người ta cho là hữu dụng, vì nhờ nó mà đi được. Nhưng, nếu trọt chơn té chìm tận suối vàng, người ta còn gọi nó là hữu dụng nữa không?*

*Huệ tử nói:*

*- Vô dụng. Trang Tử nói:*

*- Vậy thì rõ vô dụng là hữu dụng đó.*

## LỜI BÌNH

Vừa cho là hữu dụng, thì đã lại cho là vô dụng, mà tựu trung cũng đều là đất cả. Thế thì hữu dụng và vô dụng là một vậy.

Huệ Tử thì lập trường là nhị nguyên, còn Trang Tử, lập trường là nhất nguyên. Vì vậy mà hai nhà gặp nhau là có biện luận. Biện luận không phải

để tranh phải quấy, mà biện luận để minh xác lập trường và ý thức nó một cách rõ ràng hơn.

sss

## PHỤ NGU

### 鮒魚

莊周家貧，故往貸粟於監河侯。監河侯曰：「諾。我將得邑金，將貸子三百金，可乎？」

莊周忿然作色曰：「周昨來，有中道而呼者，周顧視車轍，中有鮒魚焉。周問之曰：

『鮒魚來，子何為者耶？』對曰：『我，東海之波臣也。君豈有斗升之水而活我哉！』周曰：『諾，我且南遊吳越之王，激西江之水而迎子，可乎？』鮒魚忿然作色曰：『吾失我常與我無所處。吾得斗升之水然活耳。君乃言此，曾不如早索我於枯魚之肆。』」

Trang Châu gia bần, cố vãng thái túc ư Giám Hà Hầu. Giám Hà Hầu viết: Nặc, ngã tương đắc áp kim, tương thái tử tam bách kim, khả hồ?”. Trang Châu phần nhiên tác sắc viết: “Châu tạc lai, hữu trung đạo nhi hồ giả. Châu cô thị xa triệt trung hữu phụ ngư yên. Châu vấn chi viết: phụ ngư lai tử hà vi giả da? Đồi viết: Ngã đông hải chi ba thân dã. Quân khởi hữu đầu thăng chi thủy nhi hoạt ngã tai! Châu viết: Nặc, ngã thả Nam du Ngô Việt chi vương, kích tây giang chi thủy nhi nghinh tử, khả hồ? Phụ ngư phần nhiên tác sắc viết: Ngô thất ngã thường dữ ngã vô sở xử. Ngô đắc đầu thăng chi thủy, nhiên hoạt nhĩ. Quân nãi ngôn thử, tăng bất tri tảo tác ngã ư khô ngư chi tứ.”

## DỊCH NGHĨA

### CÁ NHỎ

*Trang Tử nhà nghèo, sang vay lúa Giám Hà Hầu. Giám Hà Hầu nói: “Tôi có cái áp sắp nộp tiền lúa. Tôi sẽ giúp ông ba trăm lượng. Có được không?”*

*Trang Châu giận ra mặt nói: “Hôm qua, khi Châu đến đây, giữa đường nghe có tiếng kêu. Ngảnh lại trông thì thấy một con cá nhỏ đang vùng vẫy trong cái vết bánh xe. Châu tôi hỏi: ‘Cá nhỏ đến đây làm gì?’ Cá nói: ‘Tôi là thủy thần ở bể Đông, ông có thể giúp tôi một ít nước để cứu tôi không?’ Châu tôi nói: ‘Được, để ta sang phía Nam, chơi với các vua Ngô Việt, rồi khi về, sẽ ngăn nước sông Tây giang về đón ngươi. Có được không?’ Cá*

*giận ra mặt nói: ‘Tôi đang cần nước, ông chỉ cho tôi được một ít là đủ sống. Nay nói như ông, đợi đến lúc ông về, thì mời ông đến hàng cá khô, sẽ thấy tôi nơi đây!’”*

\*\*\*

## KHINH TRỌNG

### 輕重

---

韓魏相與爭侵地。

子華子見昭僖侯，昭僖侯有憂色。

子華子曰：「今使天下書銘於君之前，書之言曰：『左手攫之則右手廢，右手攫之則左手廢。然而攫之者必有天下。』君能攫之乎？」

昭僖侯曰：「寡人不攫也。」

子華子曰：「甚善！自是觀之，兩臂重於天下也，身亦重於兩臂。韓之輕於天下亦遠矣！今之所爭者，其輕於韓又遠。君固愁身傷生以憂戚不得也。」

僖侯曰：「善哉！教寡人者眾矣，未嘗得聞此言也。」子華子可謂知輕重矣！

(讓王)

Hàn Ngụy tương dĩ tranh xâm địa.

Tử Hoa Tử kiến Chiêu Hy Hầu. Chiêu Hy Hầu hữu ưu sắc.

Tử Hoa Tử viết:

- Kim sử thiên hạ thư minh ư quân chi tiền, thư chi ngôn viết: Tả thủ hoắc chi tắc hữu thủ phế. Hữu thủ hoắc chi tắc tả thủ phế, nhiên nhi hoắc chi giả tất hữu thiên hạ, quân năng hoắc chi hồ?

Chiêu Hy Hầu viết:

- Quả nhơn bất hoắc dã. Tử Hoa Tử viết:

- Thận thiện, tự thị quan chi lưỡng tí trọng ư thiên hạ dã. Thân diệc trọng ư lưỡng tí. Hàn chi khinh ư thiên hạ diệc viễn hĩ. Kim chi sở tranh giả kỳ khinh ư Hàn hựu viễn. Quân cố sâu thân thương sinh dĩ ưu thích bất đắc dã.

Hy Hầu viết:

- Thiện tai! Giáo quả nhơn giả chúng hĩ, vị thường đắc văn thử ngôn dã. Tử Hoa Tử khả vị tri khinh trọng hĩ.

## DỊCH NGHĨA

### KHINH VÀ TRỌNG

*Hàn và Ngụy cùng nhau tranh lẫn đất. Tử Hoa Tử ra mắt vua Chiêu Hy nước Hàn, thấy sắc vua có vẻ lo, bèn nói:*

*- Nếu nay bảo thiên hạ viết ra, trước mặt vua, lời thề rằng: Ai mó tay trái vào, thì mất tay mặt; mó tay mặt vào, thì mất tay trái. Nhưng mó tay vào đó rồi thì được cả thiên hạ. Nhà vua có chịu mó tay vào đó không?*

*Vua Chiêu Hy nói:*

*- Quả nhân không chịu. Tử Hoa Tử nói:*

*- Hay lắm! Rõ là tự nhà vua thấy hai tay là trọng hơn thiên hạ. Mà thân lại càng trọng hơn hai tay. Nước Hàn khinh hơn thiên hạ nhiều. Nay cuộc tranh nhau phân đất lại còn khinh hơn nước Hàn rất nhiều. Sao nhà vua lại cố sâu thân thương sinh, lo sợ không lấn được đất?*

*Vua Chiêu Hy nói:*

*- Hay! Đã nhiều kẻ dạy quả nhân, mà quả nhân chưa từng nghe được lời này! Tử Hoa Tử mới được gọi là người biết điều khinh trọng.*

*(Nhượng Vương)*

## TRUY XA

### 墜車

醉者之墜車，雖疾不死。骨節與人同而犯害與人異，其神全也。乘亦不知也，墜亦不知也，死生驚懼不人乎其胸中，是故逆物而不懼。彼得全於酒而猶若是，而況得全於天乎？聖人藏於天，故莫之能傷也。復讎者不折鎧干，雖有忮心者不怨飄瓦，是以天下平均。故無攻戰之亂，無殺戮之刑者，由此道也。不開人之天，而開天之天。開天者德生，開人者賊生。不厭其天，不忽於人，民幾乎以其真。」

Túy giả chi truy xa, tuy tật bất tử. Cốt tiết dữ nhơn đồng nhi phạm hại dữ nhơn dị. Kỳ thần toàn dã. Thừa diệc bất tri dã, truy diệc bất tri dã. Tử sinh kinh cụ bất nhơn hồ kỳ hung trung, thị cố ngạc vật nhi bất tập. Bỉ đắc toàn ư tửu nhi du nhược thị, nhi hưởng đắc toàn ư thiên hồ! Thánh nhơn tàng ư Thiên, cố mạc chi năng thương dã. Phục thù giả bất chi mạc can, tuy hữu ky tâm giả bất oán phiêu ngõa. Thị dĩ thiên hạ bình quân, cố vô công chiến chi loạn vô sát lục chi hình giả. Do thử đạo dã, bất khai nhơn chi thiên nhi khai thiên chi thiên. Khai thiên giả đức sinh, khai nhơn giả tặc sinh. Bất yếm kỳ thiên, bất hốt ư nhơn, dân cơ hồ dĩ kỳ chân.

## DỊCH NGHĨA

### TÉ XE

*Người say rượu té xe, tuy mang tật mà không chết. Gân cốt thì giống với mọi người, mà bị hại thì sao lại khác với mọi người? Là vì nó giữ toàn được cái thân của nó. Lên xe cũng không biết, té xe cũng không hay: tử, sinh, kinh, cụ không sao vào được trong lòng. Cho nên, dù có chống lại với vật mà không biết sợ. Đó là kẻ đã hòa với rượu mà còn được như thế, huống chi là kẻ đã hòa được với Đạo. Bậc Thánh nhơn ẩn mình nơi Trời <sup>[70]</sup>, nên không có gì hại nổi. Mình bị thương, chẳng lẽ lại bẻ gươm mà trả thù. Dù là kẻ có tính nóng cũng không đi oán miếng ngói rớt trên đầu mình.*

*Bởi vậy, thiên hạ hòa bình, nên không có cái loạn của giặc giã, không có cái khổ của sự chém giết nhau nữa. Do theo con đường ấy mà đi, thì không nên mở cái tánh của người mà hãy mở cái tánh của Trời. Mở Thiên tánh thì đức sinh; mở Nhơn tánh thì giặc sinh. Đừng ém Thiên tánh, đừng diệt nó*



*nơi người, thì người dân, họa chẳng mới trở lại sống theo cái đời sống chân thật của chúng.*

## **LỜI BÌNH**

Hòa mình với Đạo, không thấy mình và vật khác nhau, đó là cái thuật cao nhất của phép dưỡng sinh. Người say rượu sống trong tâm trạng “hỗn độn”, không phân biệt vật ngã, cho nên tuy bị té xe, mà vì không hay là bị té xe, nên vô tâm mà không chống lại với mặt đất, vì vậy mà không đến phải chết.

Người “hữu tâm” phân biệt vật ngã thì hay chống lại với vật ngoài, nên thường gây ra tranh chấp, dùng ý chí mà thắng vật. Hành động thành ra gượng gạo, mất tự nhiên. Cũng như người thợ lặn giỏi, lội trong nước như cá, là vì họ đã “hòa làm một” với nước mà không cần để ý đến nó và chống lại với nó. Té mà gượng lại, chống lại thì té nặng và dễ bị thương nặng. Ai đã từng tập luyện Nhu đạo (Judo) sẽ hiểu một cách sâu sắc hơn thế nào là té mà không đau và bị thương. Đó cũng là một trong nhiều nghĩa của câu “nhu nhược thắng cương cường” của Lão Tử, mà cũng là một trong những mật pháp quan trọng nhất của Nhu đạo và Nhu thuật.

Ta thường thấy, trong đạo tranh đấu, hễ thấy có địch, và sợ địch, là đã thất thế nhiều rồi. Lão Tử có nói: “*Thiện thắng giả bất dũ*” (善勝者不與) .

Người say đã hòa cùng rượu mà được “vô tâm” và “vô vi” như thế...huống hồ kẻ đã hòa cùng Đạo thì còn vật gì hại nổi. Sự vật bên ngoài không làm xúc động được lòng, thì đạo dưỡng sinh đã thành công rồi vậy. Không thấy có vật, thì “thần toàn”: tử, sinh, kinh, cụ mà không vào được trong lòng, thì làm sao mà phải thương sinh! Ví kẻ “hòa cùng Đạo”, giống như kẻ “hòa cùng rượu” thật là khéo léo và thâm viển, nhưng cũng rất khó cho những ai chỉ hiểu theo văn tự mà chẳng biết “quên lời” (忘言) nghĩa là hiểu ngoài văn tự.

## ĐÁU KÊ

### 鬪雞

紀涑子為王養鬪雞。十日而問：「雞已乎？」

曰：「未也，方虛憍而恃氣。」十日又問。

曰：「未也，猶應嚮景。」十日又問。

曰：「未也，猶疾視而盛氣。」十日又問。

曰：「幾矣，雞雖有鳴者，已無變矣，望之似木雞矣，其德全矣。異雞無敢應者，反走矣。」

(達生)

Kỷ Tĩnh Tử vi vương dưỡng đấu kê. Thập nhật nhi vấn kê dĩ hồ?

Viết: “Vị dã. Phương hư kiêu nhi thị khí.” Thập nhật hựu vấn.

Viết: “Vị dã. Du ứng hướng cảnh”. Thập nhật hựu vấn.

Viết: “Vị dã. Du tật thị nhi thịnh khí.” Thập nhật hựu vấn.

Viết: “Cơ hĩ. Kê tuy hữu minh giả, dĩ vô biến hĩ. Vọng chi tợ mộc kê hĩ. Kỳ đức toàn hĩ. Dị kê vô cảm ứng giả, phản tẩu hĩ.”

(Đạt Sinh)

§§§

## CHÚ

Chương này giống hệt với một chương trong sách *Liệt Tử*, ở thiên Hoàng Đế 黃帝, xin chép sau đây để so sánh:

(紀涑子為(周宣)王養鬪雞。十日而問雞(可鬪)已乎？曰：未也。方虛驕而恃氣。十日又問，曰：未也，猶應(影響)。十日又問，曰：未也，猶疾視而盛氣。十日又問，曰：幾矣，雞雖有鳴者，已無變矣，望之似木雞矣，其德全矣。異雞無敵應者，反走耳。)

Nên để ý: nhiều chương ở Ngoại thiên và Tạp thiên sách *Trang Tử*, trùng với sách *Liệt Tử* như trên đây.

## DỊCH NGHĨA

### GÀ ĐÁ ĐỘ

*Kỷ Tinh Tử lãnh phân tập gà đá cho vua.*

*Được mười ngày, hỏi thăm, đã xong chưa?*

*Đáp: “Chưa! Hãy còn kiên khí.” Mười ngày nữa, lại hỏi thăm.*

*Đáp: “Chưa! Còn đáp lại với vang, với bóng.” Mười ngày nữa, lại hỏi thăm.*

*Đáp: “Chưa! Mắt nhìn còn hăng và khí còn thịnh lắm.” Mười ngày nữa, lại hỏi thăm.*

*Đáp: “Sắp được rồi. Nghe tiếng gà khác mà lòng nó không chao động. Nhìn nó như một con gà bằng gỗ. Đức của nó toàn bị rồi! Gà lạ không con nào dám đối đầu với nó, trông nó là đã quay đầu chạy mất rồi!”*

## **LỜI BÌNH**

Đức mà toàn bị rồi, là không còn để cho ngoại vật động được lòng mình nữa (不以外物動其心也) .

Đây là bàn đến mức tận thiện của đạo dưỡng sinh: tu tập đến tinh thần điềm đạm chí cực. Ở thiên Đạo Sinh của *Hoàng Đế Nội Kinh* có viết:

*“Điềm đạm hư vô, Chân khí từng chi, Tinh thần nội thủ, Bệnh an từng lai.”*

*“Điềm đạm hư vô”* là nói về chỗ chí cực điềm tĩnh. *“Tinh thần nội thủ”* là giữ bên trong bình thản, không cho ngoại vật làm xao xuyên, động cảm. Được thế thì đạo dưỡng sinh sẽ thành công và tránh được bệnh tật. (Xem lại phần Tổng bình thiên Dưỡng Sinh Chủ).

## CỔ BỒN

### 鼓盆

莊子妻死，惠子弔之，莊子則方箕踞鼓盆而歌。

惠子曰：「與人居，長子老身，死不哭亦足矣，又鼓盆而歌，不亦甚乎！」

莊子曰：「不然。是其始死也，我獨何能無慨然！察其始而本無生，非徒無生也，而本無形；非徒無形也，而本無氣。雜乎芒芴之間，變而有氣，氣變而有形，形變而有生。今又變而之死。是相與為春秋冬夏四時行也。人且偃然寢於巨室，而我嗷嗷然隨而哭之，自以為不通乎命，故止也。」

(至樂)

Trang Tử thê tử, Huệ Tử điếu chi, Trang Tử tặc phương ky cứ cổ bồn nhi ca.

Huệ Tử viết: “Dữ nhơn cư, trường tử lão thân tử bất khóc diệc túc hĩ. Hựu cổ bồn nhi ca, bất diệc thậm hồ?”

Trang Tử viết: “Bất nhiên. Thụ kỳ thủy tử dã, ngã độc hà năng vô khái. Nhiên sát kỳ thủy nhi bồn vô sinh, phi đồ vô sinh dã, nhi bồn vô hình, phi đồ vô hình dã, nhi bồn vô khí. Tạp hồ hoảng hốt chi gian, biến nhi hữu khí, khí biến nhi hữu hình; hình biến nhi hữu sinh; kim hựu biến nhi chi tử, thị tương dữ vi xuân thu đông hạ tứ thời hành dã. Nhơn thả yển nhiên tầm ư cự thất, nhi ngã kiêu kiêu nhiên tùy nhi khóc chi, tự dĩ vi bất thông hồ mạng, cố chi dã.”

(Chí Lạc)

## DỊCH NGHĨA

### VỔ BỒN

*Vợ Trang Tử chết, Huệ Tử đến điếu, thấy Trang Tử ngồi duỗi chân, vỗ bồn mà ca.*

*Huệ Tử nói: “Cùng người ở tới già, có con lớn mà người chết lại không khóc, cũng đã là quá rồi, lại còn vỗ bồn ca, không phải thái quá sao?”*

*Trang Tử nói: “Không. Lúc nàng mới chết, tôi sao chẳng động lòng. Nhưng nghĩ lại hồi trước, đó vốn là không sinh. Chẳng những là không sinh, mà đó vốn là không hình. Chẳng những là không hình, mà đó vốn là*

*không khí. Đó chẳng qua là tạp chất ở trong hư không biến ra mà có khí, khí biến ra mà có hình, hình biến ra mà có sinh, rồi lại biến ra nữa mà có tử. Sinh, hình, khí, tử có khác nào xuân, hạ, thu, đông, bốn mùa hành vận. Và lại, người ta nay đã nghỉ yên nơi Nhà Lớn mà tôi cứ than khóc chẳng là tự tôi không thông Mạng ư? Nên tôi không khóc.”*

sss

## HẢI ĐIỀU

### 海鳥

昔者海鳥止於魯郊，魯侯御而觴之于廟，奏九韶以為樂，具太牢以為膳。鳥乃眩視憂悲，不敢食一嚙，不敢飲一杯，三日而死。

此以己養養鳥也，非以鳥養養鳥也。夫以鳥養養鳥者，宜栖之深林，遊之壇陸，浮之江湖，食之鱗鱗，隨行列而止，委蛇而處。彼唯人言之惡聞，奚以夫謔謔為乎！

咸池九韶之樂，張之洞庭之野，鳥聞之而飛，獸聞之而走，魚聞之而下入，人卒聞之，相與還而觀之。魚處水而生，人處水而死。彼必相與異，其好惡故異也。故先聖不一其能，不同其事。名止於實，義設於適，是之謂條達而福持。

(至樂)

Tích giả hải điều chỉ ư Lỗ giao<sup>1</sup>, Lỗ hầu ngự nhi thương chi vu miếu, tấu cửu thiêu dĩ vi nhạc, cụ thái lao dĩ vi thiện. Điều nãi huyền thị ưu bi, bất cảm thực nhất luyến, bất cảm ẩm nhất bôi, tam nhật nhi tử.

Thử dĩ kỷ dưỡng dưỡng điều dã, phi dĩ điều dưỡng dưỡng điều dã. Phù dĩ điều dưỡng dưỡng điều giả, nghi tây chi thâm lâm du chi đàn lục, phù chi giang hồ, thực chi thu du, tùy hàng liệt nhi chỉ, ủy xà nhi xử. Bĩ duy nhơn ngôn chi ô vãn, hề dĩ phù nao nao vi hồ!

Hàm Trì Cử thiêu chi nhạc, trương chi Động đình chi dã, điều vãn nhi phi, thú vãn chi nhi tẩu, ngư vãn chi nhi hạ nhập; nhơn tốt vãn chi, tương dữ hoàn nhi quan chi. Ngư xử thủy nhi sinh, nhơn xử thủy nhi tử. Bĩ<sup>2</sup> tất tương dữ dĩ, kỳ hiếu ó cố dĩ dã. Cố tiên thánh bất nhất kỳ năng, bất đồng kỳ sự. Danh chỉ ư thực, nghĩa thuyết ư thích, thị chi vị điều đạt nhi phúc trì.

(Chí Lạc)

### CHÚ

1. *Giao* 郊: Ngoài thành, gọi là *giao*.
2. Có bản chép là 故.

### DỊCH NGHĨA

### CHIM BIÊN

*Xưa, có con chim biển đậu ở ngoài thành nước Lỗ. Lỗ hầu ngự ra nghinh tiếp, rước về chuốc rượu ở đền Thái miếu, cho tấu nhạc Cửu thiên cho nó vui, giết trâu bò mời nó ăn. Chim ấy ngó dớn dác, bộ sâu bi, không dám ăn, dám uống. Cách ba hôm thì chết. Đó là dùng cách nuôi người mà nuôi chim, chứ không phải dùng cách nuôi chim mà nuôi chim. Nếu dùng cách nuôi chim mà nuôi chim, thì phải để nó ở rừng sâu, dạo ngoài gò đất, trôi nổi sông hồ, kiếm ăn lơng cá, đi theo hàng liệt, ung dung tự thích...Cứ nghe người nói là nó không ưa rồi, lựa là còn đem tiếng nhạc mà làm nó kinh tâm. Nếu đem nhạc Hàm trì, Cửu thiên mà đánh lên ở Động Đình, thì chim nghe phải bay, thú nghe phải chạy, cá nghe phải lặn. Nhưng người ta thì lại kéo nhau đến đó mà nghe. Cá ở dưới nước thì sống, người ở dưới nước thì chết. Đó và đây đã khác nhau, thì sự ưa ghét cũng khác nhau. Bởi vậy, bậc thánh ngày xưa không giống nhau về sở năng, nên không đồng nhau về sự nghiệp. Danh cốt nơi thực, nghĩa cốt ở chỗ vừa. Đó gọi là điều lý thông đạt và nắm giữ được hạnh phúc.*

## DƯƠNG TỬ

### 陽子

---

陽子之宋，宿於逆旅。逆旅人有妾二人，其一人美，其一人惡。惡者貴而美者賤。陽子問其故，逆旅小子對曰：「其美者自美，吾不知其美也；其惡者自惡，吾不知其惡也。」

陽子曰：「弟子記之：行賢而去自賢之行，安往而不愛哉！」

(山木)

Dương Tử chi Tống, túc ư nghịch lữ. Nghịch lữ nhơn hữu thiếp nhị nhơn, kỳ nhất nhơn mỹ, kỳ nhất nhơn ác. Ác giả quý nhi mỹ giả tiệt. Dương Tử vấn kỳ cố. Nghịch lữ tiểu tử đối, viết: “Kỳ mỹ giả tự mỹ ngô bất tri kỳ mỹ dã; kỳ ác giả tự ác, ngô bất tri kỳ ác dã”.

Dương Tử viết: “Đệ tử ký chi: Hành hiền nhi khứ tự hiền chi hạnh, an vãng nhi bất ái tai!”

(Sơn Mộc)

## DỊCH NGHĨA

### DƯƠNG TỬ

*Dương Tử sang nước Tống, nghỉ đêm tại quán khách. Chủ quán có hai người thiếp, một người đẹp một người xấu. Người xấu ai cũng quý, người đẹp ai cũng khinh. Dương Tử hỏi duyên cớ, đứa nhỏ trong quán nói: “Người đẹp tự cho mình là đẹp, nên chúng tôi không biết là đẹp. Người xấu tự biết là xấu, nên chúng tôi không thấy là xấu”.*

*Dương Tử nói: “Các đệ tử hãy ghi lấy: Tài giỏi mà không khoe tài giỏi của mình, thì đến đâu mà không người thương!”*



## HUYỀN CHÂU

### 玄珠

黃帝遊乎赤水之北，登乎崑崙之丘，而南望還歸，遺其玄珠。

使知索之而不得，使離朱索之而不得，  
使喫詬索之而不得也。乃使象罔，象罔得之。

黃帝曰：「異哉，象罔乃可以得之乎？」

(天地)

Hoàng đế du hồ xích thủy chi bắc, đăng hồ Côn Lôn chi khưu, nhi nam vọng hoàn quy, di kỳ huyền châu<sup>1</sup>.

Sử Trí<sup>2</sup> sách chi nhi bất đắc.

Sử Ly Châu<sup>3</sup> sách chi nhi bất đắc.

Sử Khiết Cấu<sup>4</sup> sách chi nhi bất đắc dã. Nãi sử Tượng Vông<sup>5</sup>. Tượng Vông đắc chi.

Hoàng đế viết: “Dị tai, Tượng Vông nãi khả dĩ đắc chi hồ?”

(Thiên Địa)

### CHÚ

1. *Huyền châu* 玄珠: (ngọc đen), ám chỉ Đạo.

Do chữ “Huyền hựu huyền. . .” 玄又玄, tức là cái Đức Huyền.

2. *Tri* 知, đọc là Trí 智, ngày xưa dùng lẫn nhau.

3. *Ly Châu* 離朱: là người có cặp mắt rất tinh ngoài trăm thước, có thể nhận rõ được cái lông mùa thu.

4. *Khiết Cấu* 喫詬: người có sức rất mạnh, tượng trưng sức mạnh.

5. *Tượng Vông* : tức là cái tâm 心, tựa như có hình mà thực là không (似有象而實無) , chỉ sự trừ tượng siêu hình.

### DỊCH NGHĨA

NGỌC HUYỀN

*Hoàng đế đi chơi miền Bắc sông Xích, lên gò Côn Lô, trông lại hướng Nam mà trở về, làm rơi mất ngọc huyền.*

*Sai Trí đi tìm mà tìm không được. Sai Ly Châu đi tìm mà không được.*

*Sai Khiết Cầu đi tìm, cũng không được. Bèn sai Tượng Vồng. Tượng Vồng tìm được.*

*Hoàng đế nói: “Lạ thay! Tượng Vồng mới có thể tìm được nó ư?”*

*(Thiên Địa)*

## TÂM TRAI

### 心齋

顏回見仲尼，請行。曰：「奚之？」曰：「將之衛。」曰：「奚為焉？」

曰：「回聞衛君，其年壯，其行獨，輕用其國，而不見其過，輕用民死，死者以國量乎澤若蕉，民其無如矣。回嘗聞之夫子曰：『治國去之，亂國就之，醫門多疾』。願以所聞思其則，庶幾其國有瘳乎！」

仲尼曰：「諱，若殆往而刑耳！夫道不欲雜，雜則多，多則擾，擾則憂，憂而不救。古之至人，先存諸己而後存諸人。所存於己者未定，何暇至於暴人之所行！」

且若亦知夫德之所蕩而知之所為出乎哉？德蕩乎名，知出乎爭。名也者，相札也；知也者，爭之器也。二者凶器，非所以盡行也。

且德厚信矜，未達人氣；名聞不爭，未達人心。而強以仁義繩墨之言術暴人之前者也，是以人惡有其美也。

命之曰菑人。菑人者，人必反菑之，若殆為人菑夫！且苟為悅賢而惡不肖，惡用而求有以異？若唯無詔，王公必將乘人而鬪其捷。而目將熒之，而色將平之，口將營之，容將形之，心且成之。是以火救火，以水救水，名之曰益多。順始無窮，若殆以不信厚言，必死於暴人之前矣！

且昔者桀殺關龍逢，紂殺王子比干，是皆修其身以下偃拊人之民，以下拂其上者也。

故其君因其修以擠之。是好名者也。昔者堯攻叢枝，胥敖，禹攻有扈，國為虛厲，身為刑戮，其用兵不止，其求實無已，是皆求名實者也，而獨不聞之乎！名實者，聖人之所不能勝也，而況若乎！雖有若必有以也，嘗以語我來！

顏回曰：「端而虛，勉而一，則可乎？」曰：「惡！惡可！夫以陽為充孔揚，采色

不定，常人之所不違，因案人之所感，以

求容與其心。名之曰日漸之德不成，而況大德乎！將執而不化，外合而內不訾，其庸詎可乎！」

曰：「然則我內直而外曲，成而上比。內直者，與天為徒。與天為徒者，知天子之與己皆天之所子，而獨以己言蘄乎而人善之，蘄乎而人不善之邪？若然者，人謂之童子。是之謂與天為徒。外曲者，與人之為徒也。擎跽曲拳，人臣之禮也，人皆為之，吾敢不為邪？為人之所為者，人亦無疵焉。是之謂與人為徒。成而上比者，與古為徒。其言雖教，謫之實也。古之有也，非

吾有也。若然者，雖直不為病。是之謂與古為徒。若是則可乎？」

仲尼曰：「惡！惡可！太多政法而不謀，雖固亦無罪。雖然，止是耳矣，夫胡可以及化，猶師心者也。」

顏回曰：「吾無以進矣，敢問其方。」仲尼曰：「齋，吾將語若。有而為之，其

易邪？易之者，禱天不宜。」

顏回曰：「回之家貧，唯不飲酒，不茹葷者數月矣。如此，則可以為齋乎？」

曰：「是祭祀之齋，非心齋也。」回曰：「敢問心齋。」

仲尼曰：「若一志，無聽之以耳而聽之以心，無聽之以心而聽之以氣！聽止於耳，心止於符。氣也者，虛而待物者也。唯道集虛。虛者，心齋也。」

顏回曰：「回之未始得使，實自回也：得使之也，未始有回也；可謂虛乎？」

夫子曰：「盡矣。吾語若！若能入遊其樊而無感其名，入則鳴，不入則止。無門無毒。一宅而寓於不得已，則幾矣。絕迹易，無行地難。為人使，易以偽為天使，難以偽。聞以有翼飛者矣，未聞以無翼飛者也

；聞以有知知者矣，未聞以無知知者也。瞻彼闕者，虛室生白，吉祥止止。夫且不止，是之謂坐馳。夫徇耳目內通而外於心知，鬼神將來舍，而況人乎！是萬物之化也，禹舜之所紐也，伏戲几蘧之所行終，而況散焉者乎！」

(人間世)

Nhan Hôi kiên Trọng Ni, thịnh hành. Viết: “Hê chi?”

Viết: “Tương chi Vệ.” Viết: “Hê vi yên.”

Viết: “Hồi văn vệ quân kỳ niên tráng, kỳ hành độc, khinh dụng kỳ quốc nhi bất kiến kỳ quá, khinh dụng dân tử. Tử giả dĩ quốc lượng hồ trạch nhược tiêu dân kỳ vô như hĩ”. Hồi thường văn chi phu tử viết: “Trị quốc khứ chi, loạn quốc tựu chi”. Y môn đa tật nguyện dĩ sở văn tư kỳ tắc thứ cơ kỳ quốc hữu suu hồ.”

Trọng Ni viết: “Hi, nhược đãi vãng nhi hình nhĩ. Phù Đạo bất dục tạp, tạp tắc đa, đa tắc nhiều, nhiều tắc ưu, ưu nhi bất cứu. Cổ chi chí nhơn, tiên tồn chư kỹ nhi hậu tồn chư nhơn. Sở tồn ư kỹ giả vị định, hà hạ chí ư bạo nhơn chi sở hành.”

៥៥៥

Thả nhược diệc tri phù đức chi sở đảng nhi trí chi sở vi xuất hồ tai. Đức đảng hồ danh, trí xuất hồ tranh. Danh dã giả tương trát dã. Trí dã giả tranh chi khí dã, nhị giả hung khí, phi sở dĩ tận hành dã.

Thả đức hậu tín không, vị đạt nhơn khí. Danh văn bất tranh, vị đạt nhơn tâm. Nhi cường dĩ nhân nghĩa thẳng mặc chi ngôn, thuật bạo nhơn chi tiền giả dã, thị dĩ nhơn ô hữu kỳ mỹ dã.

Mạng chi viết tri nhơn. Tri nhơn giả, nhơn tất phản tri chi. Nhược đãi vi nhơn tri phù. Thả cầu vi duyệt hiền nhi ô bất tiêu, ô dụng nhi cầu hữu dĩ dị. Nhược duy vô chiếu, vương công tất tương thừa nhơn, nhi đấu kỳ thiệp, nhi mục tương huynh chi, nhi sắc tương bình chi, khẩu tương doanh chi, dung tương hình chi, tâm thả thành chi. Thị dĩ hỏa cứu hỏa, dĩ thủy cứu thủy. Danh chi viết ích đa, thuận thủy vô cùng. Nhược đãi dĩ bất tín hậu ngôn, tất tử ư bạo nhơn chi tiền hĩ.

Thả tích giả Kiệt Sát Quan Long Bông, Trụ sát vương tử Tỷ Can, thị giai tu kỳ thân, dĩ hạ ứ, phủ nhơn chi dân, dĩ hạ phát kỳ thượng giả dã.

Cô kỳ quân nhân kỳ tu dĩ tế chi, thị hiệu danh giả dã. Tích giả Nghiêu công Tùng Chi, Tư ngao, Vũ công Hữu Hộ, quốc vi hư lệ, thân vi hình lục, kỳ dụng binh bất chỉ kỳ cầu thực vô dĩ. Thị giai cầu danh thực giả dã. Nhi độc bất văn chi hồ. Danh thực giả thánh nhơn chi sở bất năng thắng dã, nhi huống nhược hồ! Tuy hữu nhược tất hữu dĩ dã, thường dĩ ngữ ngã lai.

Nhan Hồi viết: “Đoan nhi hư, miễn nhi nhất, tắc khả hồ.”

Viết: “Ô, ô khả? Phù dĩ dương vi sung không dương, thể sắc bất định thường nhơn chi sở bất vi. Nhân án nhơn chi sở cảm dĩ cầu dung dữ kỳ tâm”. Danh chi viết: “Nhật tiệm chi đức. Bất thành nhi huống đại đức hồ. Tương chấp nhi bất hóa, ngoại hợp nhi nội bất ti kỳ dụng cự khả hồ?”

Viết: “Nhiên tắc ngã nội trực nhi ngoại khúc, thành nhi thượng tỉ. Nội trực giả, dữ thiên vi đồ. Dữ thiên vi đồ giả, tri thiên tử chi dữ kỹ. Giai thiên chi sở tử, nhi độc dĩ kỹ ngôn, kỳ hồ nhi nhơn thiện chi, kỳ hồ nhi nhơn bất thiện chi da? Nhược nhiên giả, nhơn vị chi đồng tử thị chi vị dữ thiên vi đồ. Ngoại khúc giả, dữ nhơn chi vi đồ dã. Kinh ky khúc quyên nhơn thân chi lễ dã. Nhơn giai vị chi ngô cảm bất vi da? Vi nhơn chi sở vi giả nhơn diệc vô tì yên thị chi vị dữ nhơn vi đồ. Thành nhi thượng tỉ giả dữ cổ vi đồ. Kỳ ngôn tuy giáo trích chi, thực dã cổ chi hữu dã, phi ngô hữu dã. Nhược nhiên giả tuy trực bất vi bệnh, thị chi vị dữ cổ vi đồ. Nhược thị tắc khả hồ?”

Trọng Ni viết: “Ô, ô khả, thái đa chính pháp nhi bất điệp, tuy cố diệc vô tội. Tuy nhiên, chỉ thị nhĩ hĩ. Phù hồ khả dĩ cập hóa, du sư tâm giả dã.”

Nhan Hồi viết: “Ngô vô dĩ tiên hĩ. Cảm vấn kỳ phương.”

Trọng Ni viết: “Trai. Ngô tương ngữ nhược, hữu nhi vi chi, kỳ dị da. Dị chi giả hao thiên bất nghi.”

Nhan Hồi viết: “Hồi chi gia bản, duy bất ảm tửu bất nhữ huân giả sở nguyệt hĩ. Nhược thử tắc khả dĩ vi trai hồ?”

Viết: “Thị tế tự chi trai, phi tâm trai dã.” Hồi viết: “Cảm vấn tâm trai.”

Trọng Ni viết: “Nhược nhất chí, vô thính chi dĩ nhĩ, nhi thính chi dĩ tâm. Vô thính chi dĩ tâm, nhi thính chi dĩ khí. Thính chỉ ư nhĩ, tâm chỉ ư phù. Khí dã giả, hư nhi đãi vật giả dã. Duy Đạo tập hư, hư giả tâm trai dã.”

Nhan Hồi viết: “Hồi chi vị thủy đặc sử, thực tự Hồi dã.

Đặc sử chi dã, vị thủy hữu Hồi dã. Khả vị hư hồ?”

Phu tử viết: “Tận hĩ. Ngô ngữ nhược. Nhược năng nhập du kỳ phàn nhi vô cảm kỳ danh, nhập tắc minh bất nhập tắc chỉ, vô môn vô độc, nhất trạch nhi ngụ ư bất đặc dĩ, tắc cơ hĩ. Tuyệt tích dị, vô hành địa nan. Vi nhơn sử, dị dĩ nguy vi thiên sử. Nan dĩ nguy, văn dĩ hữu dục phi giả hĩ, vị văn dĩ vô dục phi giả dã. Văn dĩ hữu trí tri giả hĩ, vị văn dĩ vô trí tri giả dã. Chiêm bỉ khuyết giả, hư thất sinh bạch. Kiệt tường chỉ chỉ, phù thả bất chỉ, thị chi vị tọa trì. Phù tuần nhĩ mục nội thông nhi ngoại ư tâm tri, quỷ thần tương lai xá, nhi hưởng nhơn hồ. Thị vạn vật chi hóa dã, Vũ Thuận chi sở nự dã. Phục Hi Kỳ Cừ chi sở hành chung nhi hưởng tán yên giả hồ.”

(Nhơn Gian Thế)

## **DỊCH NGHĨA**

### **CHAY LÒNG**

Nhan Hồi ra mắt Trọng Ni, xin ra đi. Hỏi: “Đi đâu?”

Thưa: “Đi qua nước Vệ.” Hỏi: “Qua đó làm gì?”

Thưa: “Hồi tôi nghe vua nước Vệ, tuổi còn niên tráng, hành động độc tài, khinh thường người trong nước, không chịu ai chỉ lỗi của mình và lại xem nhẹ cái chết của nhân dân. Cho nên kẻ chết ngón ngang...người dân chắc là không chịu nổi. Hồi tôi thường nghe Thầy bảo: Nước mà trị, thì bỏ mà đi; nước mà loạn, thì tìm mà đến. Chính vì người bệnh mà người lương y tìm đến. Tôi muốn đem chỗ học được của tôi ở Thầy mà nghĩ ra phép cứu nước, may ra có đỡ được phần nào chăng?”

Trọng Ni nói: “Ôi! Người đi đây là để chuốc họa vào thân. Đạo thì không muốn có sự phức tạp, phức tạp thì đa đoan, đa đoan thì phiền nhiễu, phiền nhiễu thì lo âu, lo âu thì không phương cứu chữa. Bậc chí nhơn ngày xưa, trước lo cho mình, rồi sau mới lo cho người. Lo cho mình mà chưa xong, rảnh đâu lo cho kẻ bạongược.

Vả chẳng, người có biết chỗ mà Đức sẽ đưa đẩy đến không? Chỗ mà Trí nảy sinh không? Đức, thì sẽ đưa đến danh; Trí, thì nảy sinh nơi chỗ tranh giành. Danh là cái để mà khuynh đảo nhau. Trí là cái khí cụ để mà tranh giành với nhau. Hai cái đó là những món đồ nguy hiểm, không phải là những món đưa ta đến chỗ hoàn thiện (...)

§§§

(...) Xưa, vua Kiệt giết Quan Long Bồng, vua Trụ giết Vương tử là Tỷ Can. Hai người ấy đều là kẻ vì dân mà làm trái ý kẻ bề trên. Đó là hạng người tham danh. Còn như vua Nghiêu đánh Tùng Chi, Tư Ngao; vua Vũ đánh Hữu Hộ cũng không làm sao cải hoán được những kẻ bạo ngược ấy đừng tham danh tham lợi. Người riêng chẳng nghe biết việc ấy sao? Danh lợi là những thứ mà Thánh nhơn cũng không trừ diệt được huống chi là người! Tuy nhiên có lẽ người cũng có phương thế nào khác, thử nói ta nghe.”

Nhan Hồi nói: “Lời thì đoan chính, mà bụng thì hư không, cố mà khuyên can, nhưng lòng thì chuyên nhất. Như thế, có được không?”

Trọng Ni nói: “Ôi! Sao được mà được! Cái khí kiêu căng của người ấy đây bên trong, lộ cả bên ngoài, sắc diện mỗi lúc mỗi thay, thời thường không ai dám trái ý. Hấn xem thường lời can ngăn, chỉ cần được thỏa ý vừa lòng. Hạng người như thế, dù hằng ngày dùng tiểu đức để mà hóa còn chưa xong, huống hồ là dùng đại đức.

Còn nếu có chiều ta mà nghe, thì nghe mà không chịu: ngoài thì làm như hợp mà bên trong không bao giờ tin.”

Nhan Hôi nói: “Vậy thì, trong ngay thẳng mà ngoài mềm dẻo, thành thực mà hợp ý với bề trên, có thể cảm được ông ta chăng, vì ông ta cũng như tôi, đều là con của Trời cả. Hoặ không tìm cách làm cho đẹp lòng, tôi sẽ đem Đạo Trời mà nói, một cách ngây thơ như đứa trẻ. Bề ngoài tôi sẽ mềm dẻo cung kính đem cái đạo của người xưa mà bàn khéo, như thế ông ta không thể giận tôi, vì đâu phải của tôi. Làm như vậy, có được không?”

Trọng Ni nói: “Ồ! Sao được mà được! Nhiều chính pháp quá. Dù không mắc tội, cũng không làm sao cảm hóa kẻ ấy được.”

Nhan Hôi nói: “Vậy thì tôi không còn cách nào hơn được nữa. Dám hỏi Thầy có phương pháp nào?”

Trọng Ni nói: “Có phép chay tịnh. Ta sẽ nói cho mà biết, nhưng đâu phải là dễ. Kẻ nào bảo là dễ, lại không hợp với lẽ Trời!”

Nhan Hôi nói: “Nhà của Hôi thì nghèo, không uống rượu, không ăn hành, tôi có cả mấy tháng nay rồi. Có thể gọi là chay tịnh được chăng?”

Trọng Ni nói: “Đó là cách chay tịnh để cúng tế, không phải là tâm trai.”

Nhan Hôi nói: “Dám xin hỏi, sao là tâm trai?”

Trọng Ni nói: “Hãy chuyên tâm nhất chí. Đừng nghe bằng tai, mà nghe bằng lòng. Đừng nghe bằng lòng, mà nghe bằng khí. Điều gì mình nghe, hãy để nó dừng ở ngoài tai, còn lòng thì hợp nhất nó lại. Khí, là cái hư không để mà tiếp vật. Chỉ có Hư mới nhận được Đạo Hư không, tức là tâm trai đấy!”

Nhan Hôi nói: “Lúc Hôi chưa được nó, thì rõ là thấy có Hôi. Nhưng khi được nó rồi, thì lại thấy là chưa từng có Hôi. Nhưng thế có thể gọi đó là Hư không chưa?”

Trọng Ni nói: “Đúng lắm! Để ta nói cho người rõ hơn: người đừng để nhập vào trong những gì cảm được mà có tên. Phàm để cho nó nhập vào được, thì nó dấy lên không để gì bắt nó dừng lại; cũng như thà đừng có đi, chứ đã đi thì khó mà bỏ được những dấu bước của mình. Cái gì thuộc về hơn vi là giả tạo, là vô hiệu. Chỉ có thiên nhiên là chân thật, là hữu hiệu thôi: nghe rằng có cánh mới bay được, chưa từng nghe không cánh mà bay; nghe rằng có trí mới biết, chưa từng nghe không trí mà biết. Kìa xem, nhờ nơi lỗ hở nhà trống mà ánh sáng dội vào khoảng không và đọng lại đó. Nếu lại không đọng lại, thì gọi là “tọa trì”. Lòng mà hư không, biết bỏ cả ngoại vật ra ngoài không cho theo tai mắt mà nhập vào trong, thì quỷ thần cũng cùng đến, huớng chi là con người. Đó gọi là phép hóa vạn vật, phép



*mà Thuán Vũ đã nắm giữ, Phục Hy, Kỳ Cù làm theo suốt đời, hướng chi là kẻ khác.”*

(Nhơn Gian Thế)

## **LỜI BÌNH**

Chương này đồng một ý với nhà Phật trong câu: “*Tự giác nhi giác tha*”.

Trang Tử bày ra câu chuyện Nhan Hồi, một cao đồ của Khổng Tử, mong đi du thuyết vua nước Vệ để cải ác tùng thiện bạo chúa. Nhưng Khổng Tử can ngăn (dĩ nhiên đây là Khổng Tử đứng theo lập trường của Trang Tử để giảng về Đạo học). “*Bậc chí nhơn ngày xưa, trước lo cho mình, rồi sau mới lo cho người. Lo cho người mà chưa xong, rảnh đâu lo cho kẻ bạo ngược*”. Ông cực lực bài bác cái phương thuật dùng trí mưu mà khuynh đảo trí mưu: “*Danh là cái để mà khuynh đảo nhau. Trí là cái khí cụ để mà tranh giành nhau. Hai cái đó là những món đồ nguy hiểm, không phải là những món đưa ta đến hoàn thiện.*”

## SƠN MỘC

### 山木

山木自寇也，膏火自煎也。  
桂可食，故伐之；漆可用，故割之。  
人皆知有用之用，而莫知無用之用也。  
(人間世)

*Sơn mộc<sup>1</sup> tự khấu dã; Cao hỏa tự tiên dã.*

*Quế<sup>2</sup> khả thực, cố phạt chi; Tắc khả dụng, cố cát chi.*

*Nhơn giai tri hữu dụng chi dụng, nhi mạc tri vô dụng chi dụng dã.*

(Nhơn Gian Thế)

### CHÚ

1. *Sơn mộc* 山木: có người dịch là “cây trong núi” (gỗ núi) (bản dịch của Nhượng Tống). Nhưng, theo thiên ý, cần phải dịch là “núi chứa cây” để cho ý văn trên dưới được nhất trí:

*Sơn mộc tự khấu dã;*

*Cao hỏa tự tiên dã.*

Cao 膏, tức là mỡ. Mỡ, tự nó có chứa chất dẫn hỏa, nên tự nó làm cho nó bị thiêu đốt, cũng như núi tự nó chứa gỗ quý, nên tự nó vờ cái họa bị người ta đến đốn phá. Bản của Nhượng Tống dịch câu này là:

“*Dầu lửa tự làm cho đốt mình*”: Dầu lửa tự nó có chứa chất dẫn hỏa. Nhưng, theo chánh văn, thì chữ “cao” có nghĩa là *mỡ*. Ở đây Nhượng Tống dịch ý chứ không chấp văn, tuy vậy, cũng không sai ý chính của Trang Tử. Như thế, thì câu trên cũng nên dịch “núi có cây”, để cho *núi* làm chủ từ của câu văn cũng như câu dưới, *mỡ* dùng làm chủ từ cho câu văn.

2. Quế, là cây quế: vỏ nó có chứa chất dầu dùng để làm món gia vị, và cũng là một chất thuốc quý. Cùng một nghĩa với hai câu trên vì nó tự chứa một thứ chất quý nên mới tự vờ cái họa bị người chặt đốn. Cây sơn cũng thế.

### DỊCH NGHĨA

## SƠN MỘC

*Núi chứa cây là tự vờ người đến đốn phá. Mỡ chứa lửa là tự làm cho mình bị thiêu đốt. Cây quế ăn được, nên bị chặt.*

*Cây sơn dùng được, nên bị cắt.*

*Người ta đều biết dùng cái dùng được, mà không ai biết dùng cái không dùng được.*

(Nhơn Gian Thế)

### LỜI BÌNH

Vì núi có chứa gỗ quý nên mới bị người ta kéo đến tàn phá. Thịt mỡ treo trên ngọn lửa, thì chính mấy giọt mỡ của nó châm cho lửa cháy lên mà thiêu đốt lại nó. Cây quế sở dĩ bị chặt, bị đốn là vì da nó ăn ngon. Cây sơn bị cắt, bị khứa là vì cái nhựa của nó dùng làm nước sơn rất tốt.

Thiên hạ phần đông tưởng lầm rằng được người người biết đến tài hay sắc đẹp của mình là điều đại phúc trong đời! Nhưng người ta đâu có dè, đó lại là cái đại họa cho đời mình! Thế mà thiên hạ phần đông chỉ nom nớp lo sợ không ai biết được tài hay sắc đẹp của mình! Người ta thường chỉ biết cái hay của cái hữu dụng, mà không biết để ý đến cái hay của cái vô dụng! Có tài mà để cho người người thấy được cái tài của mình là nguy.

## TÀI BẤT TÀI

### 材不材

莊子行於山中，見大木，枝葉盛茂。伐木者止其旁而不取也。問其故，曰：「無所可用。」

莊子曰：「此木以不材得終其天年。」夫子出於山，舍於故人之家。故人喜，命

豎子殺雁而烹之。豎子請曰：「其一能鳴，其一不能鳴，請奚殺？」

主人曰：「殺不能鳴者。」明日，弟子問於莊子曰：「昨日山中之木，以不材得終其天年；今主人之雁，以不材死。先生將何處？」

莊子笑曰：「周將處夫材與不材之間。材與不材之間，似之而非也，故未免乎累。若夫乘道德而浮遊則不然，無譽無訾，一龍一蛇，與時俱化，而無肯專為，一上一下，以和為量，浮遊乎萬物之祖。物物而不物於物，則胡可得而累邪！此神農黃帝之法則也。若夫萬物之情，人倫之傳，則不然。合則離，成則毀，廉則挫，尊則議，有為則虧，賢則謀，不肖則欺。胡可得而必乎哉！悲夫，弟子志之，其唯道德之鄉乎！」

(山木)

Trang Tử hành ư sơn trung, kiến đại mộc, chi diệp thịnh mậu. Phạt mộc giả chỉ kỳ bàng, nhi bất thủ dã. Vấn kỳ cố, viết: “Vô sở khả dụng.”

Trang Tử viết: “Thủ mộc dĩ bất tài, đắc chung kỳ thiên niên.”

Phu tử xuất ư sơn, xá ư cố nhơn chi gia. Cố nhơn hỉ, mạng thụ tử sát nhơn nhi phan chi. Thụ tử thỉnh viết: “Kỳ nhất năng minh, kỳ nhất bất năng minh, thỉnh hề sát?”

Chủ nhơn viết: “Sát bất năng minh giả. Minh nhật đệ tử vấn ư Trang Tử viết: “Tạc nhật sơn trung chi mộc, dĩ bất tài, đắc chung kỳ thiên niên. Kim chủ nhơn chi nhơn, dĩ bất tài tử. Tiên sinh tương hà xử.”

Trang Tử tiêu viết: “Châu tương xử phù tài dữ bất tài chi gian. Tài dữ bất tài chi gian, tợ chi nhi phi dã. Cố vị miễn hồ lụy. Nhược phù thừa đạo đức nhi phù du, tác bất nhiên, vô dự vô tỉ, nhất long nhất xà, dữ thời câu hóa nhi vô khảng chuyên vi nhất thượng nhất hạ dĩ hòa vi lượng. Phù du hồ vạn vật

chi tổ, vật vật nhi bất vật ư vật, tắc hồ khả đắc nhi lụy da. Thử Thần Nông Hoàng Đế chi pháp tắc dã. Nhược phù vạn vật chi tình, nhơn luân chi truyền tắc bất nhiên. Hợp tắc ly, thành tắc hủy, liêm tắc tỏa, tôn tắc nghi, hữu vi tắc khuy, hiền tắc muru, bất tiêu tắc khi. Hồ khả đắc nhi tất hồ tai. Bi phù. Đệ tử chí chi, kỳ duy đạo đức chi hương hồ.”

(Sơn Mộc)

## DỊCH NGHĨA

### CÂY TRÊN NÚI

*Trang Tử đi trên núi, thấy một cây lớn, cành lá rậm rạp. Người thợ đốn cây, đứng một bên mà không đốn. Hỏi duyên cớ, thì thưa rằng: “Không dùng đặng chỗ nào hết.”*

*Trang Tử nói: “Cây này vì bất tài mà được hưởng tận tuổi trời.”*

*Ra khỏi núi, Trang Tử ghé nghỉ nơi nhà người quen. Người quen mừng rỡ, hỏi trẻ giết nạn để đãi khách. Trẻ thưa: “Một con biết gáy, một con không biết gáy. Giết con nào?”*

*Chủ nhơn nói: “Giết con không biết gáy.” Bữa sau, đệ tử hỏi Trang Tử:*

*- Hôm qua, cái cây trong núi nhờ bất tài mà sống tận được tuổi trời. Nay con nạn của chủ nhơn, thì vì bất tài mà chết. Như thế, ở vào địa vị của tiên sinh, phải xử như thế nào?*

*Trang Tử cười nói:*

*- Châu này thì lại xử vào khoảng giữa của tài và bất tài. Tài và bất tài cũng như nhau, đều không phải cả, nên sao khỏi phải lụy thân. Nếu lại biết cỡi trên Đạo và Đức mà ngao du thì đâu còn phải lụy như thế: không màng khen, không sợ chê, khi lên như rồng, khi bò như rắn, cùng hóa với chữ “thời” mà không chịu khur khur theo một thái độ nào nhất định. Khi lên cao, khi xuống thấp, lấy chữ “hòa” làm cân lượng, ngao du nơi tổ của vạn vật, xem vật là vật, mà không để cho vật xem mình là vật, thì sao mà có thể bị lụy? Đó là phép tắc của Thần Nông, Hoàng Đế. Đến như lấy cái tình của vạn vật mà truyền dạy về nhơn luân, thì không thể. Hễ có hợp, phải có tan; hễ có thành, phải có hủy; hễ ngay thẳng thì bị chống đối; được tôn quý thì bị chê bai; có làm thì có sót; giỏi thì bị muru lật mà dở thì bị khinh khi, có thể nào quyết hẳn được bên nào? Thương thay! Các đệ tử hãy ghi lấy: chi có Đạo và Đức là nền tảng vững vàng để theo đó mà hành động thôi!”*

## LỜI BÌNH

Người chưa hiểu Đạo thì cố chấp trong một cái tài, hay bất tài để đối xử với đời. Tài và bất tài, cũng như thị phi, thiện ác...đâu có thể thiên hẳn bên nào. Có tài mà cho người ta thấy rõ cái tài của mình, chưa ắt là cái lợi cho mình...Cho nên xử sự phải tùy thời tùy lúc, “*khi thì như rồng, vượt trên mây xanh*”, nhưng có khi cũng phải biết làm như “*con rắn bò sát đất*”, len lỏi trong lùm cây bụi cỏ.

Cho nên, trong đạo xử thế, không cứ là phải có tài hay không có tài, mà cốt yếu là lúc nào nên thi thố cái tài của mình, lúc nào không nên đem cái tài của mình ra cho người ta thấy. Biết lúc khôn, biết lúc dại...nghĩa là phải biết thời biết thế. Chung quy chẳng qua biết rõ một chữ “*thời*”. Lão Tử nói: “*Thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu; dũng lực chấn thế, thủ chi dĩ khiếp*”. Mình là bậc thông minh, trí thức hơn người, hãy biết làm như kẻ ngu khờ. Mình là bậc dũng lực kinh người, hãy biết làm như kẻ nhút nhát...Và như thế, đâu phải bảo mình phải là kẻ ngu hay bất tài, mà sự thật, mình phải là bậc tuyệt thế thông minh và tài ba lỗi lạc hơn người mới có thể biết rõ được lúc nào phải làm như kẻ ngu hay bất tài...mà thôi.

*Dịch Kinh* cũng có nói: “*Tri tiến nhi bất tri thoái; tri tồn nhi bất tri vong; tri đắc nhi bất tri táng...sở dĩ động nhi hữu hối*”...(Thượng Kinh - Kiền quái) (Biết tiến mà không biết thoái; chỉ biết lấy cho kỳ được mà không biết bỏ đi..., nên hành động chắc chắn sẽ không khỏi có điều hối hận. )

Những kẻ sống chỉ khư khư câu chấp trong một cái phải hay một cái quấy, một cái thiện hay một cái ác...nào, thì không tài nào hiểu được ý nghĩa thâm sâu trên đây của Trang Tử.

Chính Mạnh Tử còn nói: “*Sở ố chấp nhất giả, vị kỳ tặc đạo: cử nhất nhi phé bách*” (Cái đáng ghét trong việc câu chấp là làm hại Đạo: làm được một việc, mà hư cả trăm việc). Cho nên kẻ mà thực hiện được cái đạo xử thế trên đây, phải là người đứng trong Đạo, vượt lên trên vấn đề thị phi, thiện ác...mới có thể làm nổi. Vì vậy mới nói: “Chỉ có Đạo và Đức là nền tảng vững vàng để theo đó mà hành động thôi!”

## THẤT TÁNH

### 失性

百年之木，破為犧尊，青黃而文之其斷在溝中。比犧尊於溝中之斷，則明美惡有間矣，其於失性，一也。跖與曾史行義有間矣。然其失性均也。

且夫失性有五：一曰五色亂目，使目不明

；二曰五聲亂耳，使耳不聰；三曰五臭薰鼻，困憊中顙；四曰五味濁口，使口厲爽

；五曰趣舍滑心，使性飛揚。此五者，皆生之害也。而楊墨乃始離跂自以為得，非吾所謂得也。夫得者困，可以為得乎？則鳩鴉之在於籠也，亦可以為得矣。且夫趣舍聲色以柴其內，皮弁鷩冠搢笏紳修以約其外。內支盈於柴柵，外重繹繳睨睨，然在繹繳之中而自以為得，則是罪人交臂歷指而虎豹在於囊檻，亦可以為得矣！

(天地)

Bách niên chi mộc, phá vi hy tôn, thanh hoàng nhi văn chi kỳ đoạn tại câu trung. Tỉ hy tôn ư câu trung chi đoạn, tác minh mỹ ác hữu gian hĩ. Kỳ ư thất tánh, nhất dã. Chích dữ Tăng Sử hạnh nghĩa hữu gian hĩ. Nhiên kỳ thất tánh quân dã.

Thả phù thất tánh hữu ngũ; nhất viết ngũ sắc loạn mục, sử mục bất minh. Nhị viết: Ngũ thanh loạn nhĩ, sử nhĩ bất thông. Tam viết: Ngũ xú huân tị, khỏn thẩu trung tạng. Tứ viết: Ngũ vị trọc khẩu, sử khẩu lệ sảng. Ngũ viết: Thú xá hoạt tâm, sử tánh phi dương. Thử ngũ giả, giai sinh<sup>1</sup> chi hại dã. Nhi Dương Mặc nãi thủy lý kỳ tự dĩ vi đắc<sup>2</sup>, phi ngô sở vị đắc dã. Phù đắc giả khỏn khả dĩ vi đắc hồ! Tác cru hiêu chi tại ư lung dã, diệc khả dĩ vi đắc hĩ. Thả phù thú xá<sup>3</sup> thanh sắc dĩ sài kỳ nội. Bì biên duật quan tấn hốt thân tu dĩ ước kỳ ngoại. Nội chi doanh ư sài sách, ngoại trọng mặc chước hoản hoản, nhiên tại mặc chước chi trung nhi tự dĩ vi đắc, tác thị tội nhơn giao tý lịch chỉ nhi hồ báo tại ư nang hạm, diệc khả dĩ vi đắc hĩ.

(Thiên Địa)

## CHÚ

1. Tức là chữ tánh 性

2. Chữ 得 (đắc) đây là “đắc ý”, được hạnh phúc.

3. Âm chỉ những phương thuật tạo nên những lời lẽ tốt đẹp như văn chương, như văn nghệ...

## DỊCH NGHĨA

### MẮT TÁNH

*Một thứ gỗ trăm năm, một phần phá ra để làm cái bình cúng, chạm vẽ xanh, vàng, còn phần gỗ dư, đem ném xuống vũng hào.*

*Nếu so sánh cái bình chạm với gỗ nát bị vớt kia, thì có tốt xấu khác nhau. Nhưng về chỗ mắt tánh (tự nhiên) thì cả hai đều là một. Chích với Tăng Sư (tuy về cái) hạnh và cái nghĩa có khác nhau, mà chỗ mắt tánh đều giống nhau.*

*Vả lại, làm mắt tánh có năm cách: một là, năm màu làm loạn mắt, làm cho mắt không nhận thấy rõ (sự thật). Hai là, năm thính làm loạn tai, làm cho tai không nghe rõ được (sự thật). Ba là năm mùi làm nực mũi, nghẹt đến óc. Bốn là năm vị làm cho cứng lưỡi, miệng tê đi. Năm là văn nghệ làm điên đảo lòng và sai lạc bản tánh. Năm món ấy đều làm hại bản tánh, mà Dương Mặc lại cho đó là chỗ hạnh phúc. Ta thì không cho như thế. Cho là hạnh phúc, mà còn phải khổn thân, thì có thể gọi là hạnh phúc nữa chăng? Thì như con chim cưu, con chim hiêu ở trong lồng, có đặng gọi là hạnh phúc chăng? Vả lại văn nghệ cùng thính sắc như lửa đốt bên trong; mũ da, mũ lông, thẻ đeo, dải thắt như dây buộc bên ngoài. Trong thì cấm nọc chồi rào làm cũi, ngoài thì dây to ràng buộc...mà cho là được hạnh phúc, thì ra hạng tù tội bị xiềng xích, hùm beo bị nhốt trong chuồng, cũng có thể cho là hạnh phúc ư!”*

## LỜI BÌNH

Bài này giải rộng cái nghĩa của chương 12 sách Đạo Đức Kinh của Lão Tử: “Ngũ sắc lệnh nhơn mục manh, ngũ âm lệnh nhơn nhĩ lung, ngũ vị lệnh nhơn khẩu sảng.” (Năm màu khiến người tối mắt, năm giọng khiến người điếc tai, năm mùi khiến người tê lưỡi...)

Theo Trang Tử, văn chương nghệ thuật đều là những trang sức giả tạo làm sai lạc sự nhận thức của ngũ quan, của óc xét đoán của con người. Văn



chương hay nghệ thuật đều có một khuôn mẫu phải theo mà sản xuất văn nghệ phẩm, đó là làm méo mó bản tánh, không khác nào “kẻ tù tội bị xiềng, xích” “beo hùm bị nhốt cũi”, phạm vi hoạt động bị cưỡng bức trong những công lệ nhân tạo.

Theo Lão Tử: “*Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín*”. Lời nói văn hoa thường là lời nói để đẹp lòng, không phải lời nói thẳng thắn của lòng, của chân lý. Cái hạnh phúc lý tưởng của con chim đậu phải là được sống trong một cái lồng, dù là một cái lồng sơn son thiếp vàng, mà là được sống trong khoảng mệnh mông của trời xanh mây bạc.

Than ôi! Những lý thuyết rườm rà phiền phức của các lý thuyết gia về văn nghệ cùng các học thuyết phải chăng là ngọn lửa thiêu đốt bên trong, còn lễ nhạc phải chăng là những buộc trói bên ngoài làm trở ngại mọi hành động tự nhiên của bản tánh! Cho nên mới có ví nó như gông cùm, như lồng cây, như cũi sắt. . .”

## HƯ THUYỀN

### 虛船

方舟而濟於河，有虛船來觸舟，雖有憫心之人不怒。有一人在其上，則呼張歛之。一呼而不聞，再呼而不聞，於是三呼邪，則必以惡聲隨之。向也不怒而今也怒，向也虛而今也實。人能虛己以遊世，其孰能害之！

(山木)

Phương châu nhi tế ư hà, hữu hư thuyền lai xúc chu, tuy hữu biễn tâm chi nhơn bất nộ. Hữu nhất nhơn tại kỳ thượng tắc hô trương hấp chi. Nhất hô nhi bất văn, tái hô nhi bất văn, ư thị tam hô da, tắc tất dĩ ác thanh tùy chi. Hướng dã bất nộ, nhi kim dã nộ. Hướng dã hư nhi kim dã thật. Nhơn năng hư kỷ dĩ du thế, kỳ thực năng hại chi.

(Sơn Mộc)

### DỊCH NGHĨA

#### CHIẾC THUYỀN KHÔNG

*Chiếc đò qua sông, bị phải chiếc thuyền không trôi đặng. Dù người có hẹp lòng đến đâu, cũng không giận.*

*Nếu có người trên thuyền, thì đã thấy chủ đò giận dữ, phùng trợn. La lối một lần mà bên thuyền chẳng ai nghe, tát la lối đến hai lần. Hai lần mà cũng chẳng ai nghe, tát la lối đến ba lần, rồi buông lời chửi mắng.*

*Trước không giận mà nay lại giận là vì sao? Vì trước thì không có người mà nay thì lại có người. Nếu biết đem cái lòng trống không mà đối xử với đời, thì ai mà hại mình?*

#### LỜI BÌNH

Đem cái lòng trống không, tức là cái vô ngã mà xử sự thì việc đời sao lại phải đa đoan? Tại sao lại không biết cách xử của người chủ đò, bị chiếc thuyền không đặng phải? Thì nó vô tâm mà đặng, nào phải có ai cố ý đâm vào chiếc đò của mình. Biết thế, thì lấy cây mà đẩy nó ra ngoài, dù lòng có hẹp lượng đến đâu cũng không đến phải bực tức giận dữ.

Tại sao gặp phải người điên đánh ta, ta chạy mà không giận, mà nếu ta biết người đánh ta là người tỉnh thì ta lại giận? Là vì trước tưởng là vô tâm, mà sau thì tin là hữu tâm.

Xét kỹ, thì ở đời vị tất người người đều thật hữu tâm trong các hành vi tư tưởng của mình cả đâu! Ai đã dám quả quyết mình là người hoàn toàn tự do trong mọi hành động hằng ngày của mình? Những kẻ làm hại ta, dĩ nhiên là những kẻ còn u ơ về lợi hại, mờ mịt về phải quấy mà phân đông hành động như người trong cơn mê mộng...

Con người đâu phải là một sinh vật sống độc lập trong hoàn vũ, mà thực sự là một vật ăn chịu rất mật thiết với vũ trụ vạn vật. Như vậy thì hành động của ta biết đâu lại không phải là hành động vô tâm của “chiếc thuyền không”? Mà người cũng là “chiếc đò không”? Thì sao lại phải giận dữ bực tức làm gì khi bị kẻ khác chạm vào cái bản ngã của mình? Hai chữ “*hư kỷ*” (虛己) thật là nòng cốt của cái đạo xử thế vậy.

## TÀN SINH TỒN TÁNH

### 殘生損性

鳧脛雖短，續之則憂；鶴脛雖長，斷之則悲。故性長非所斷，性短非所續，無所去憂也。

(...)自三代以下者，天下莫不以物易其性矣。小人則以身殉利；士則以身殉名；大夫則以身殉家；聖人則以身殉天下。故此數子者，事業不同，名聲異號。其於傷性以身為殉，一也。

臧與穀二人相與牧羊，而俱亡其羊。問臧奚事，則挾筴讀書；問穀奚事，則博塞以遊。二人者，事業不同，其於亡羊，均也。

伯夷死名於首陽之下，盜跖死利於東陵之上。二人者所死不同，其於殘生傷性均也。奚以伯夷之是而盜跖之非乎！天下盡殉也。彼其所殉仁義也，則俗謂之君子

；其所殉貨財也，則俗謂之小人。其殉一也，則有君子焉，有小人焉。若莫殘生損性，則盜跖亦伯夷已，又惡取君子小人於其間哉！

(駢母)

Phù hĩnh tuy đoản, tục chi tác ưu. Hạc hĩnh tuy trường, đoản chi tác bi. Cố tánh trường phi sở đoản, tánh đoản phi sở tục, vô sở khứ ưu dã.

Tự Tam Đại dĩ hạ giả, thiên hạ mạc bất dĩ vật dị kỳ tánh hĩ. Tiểu nhơn tác dĩ thân tuận lợi sĩ tác dĩ thân tuận danh. Đại phu tác dĩ thân tuận gia, thánh nhơn tác dĩ thân tuận thiên hạ. Cố thử số tử giả, sự nghiệp bất đồng, danh thanh dị hiệu. Kỳ ư thương tánh, dĩ thân vi tuận, nhất dã.

Tang dữ Cốc nhị nhơn tương dữ mục dương, nhi câu vong kỳ dương. Vấn Tang hề sự, tác hiệp giáp<sup>1</sup> độc thư. Vấn Cốc hề sự, tác bác tái<sup>2</sup> dĩ du. Nhị nhơn giả sự nghiệp bất đồng, kỳ ư vong dương, quân dã.

Bá Di tử danh ư Thú Dương chi hạ, Đạo Chích tử lợi ư Đông Lăng chi thượng. Nhị nhơn giả sở tử bất đồng, kỳ ư tàn sinh thương tánh quân dã. Hề dĩ Bá Di chi thị nhi Đạo Chích chi phi hò! Thiên hạ tận tuận dã. Bỉ kỳ sở tuận nhân nghĩa dã tác tục vị chi quân tử, kỳ sở tuận hóa tài dã, tác tục vị chi tiểu nhơn. Kỳ tuận nhất dã, tác hữu quân tử yên, hữu tiểu nhơn yên.

Nhược mặc tàn sinh tổn tánh tắc Đạo Chích diệc Bá Di dĩ, hựu ô cảm quân tử tiểu nhơn ư kỳ gian tai!

(Biên Mẫu)

## CHÚ

1. Chữ “giáp” đây, có nghĩa là đũa, là thẻ: ngày xưa sách vở người ta ghi chép trên thẻ tre.

2. Đọc là tái, và có nghĩa là chơi rong ngoài khu vực của đoàn dê cho ăn cỏ.

## DỊCH NGHĨA

*(...) Chân vẹt thì ngắn, cổ mà nói dài, nó khổ. Giò hạc thì dài, cổ mà làm cho nó ngắn, nó đau. Cho nên tánh mà dài, không phải cái nên chặt bớt; tánh mà ngắn, không phải cái nên kéo dài: thì không có chỗ gì còn phải đau khổ cả. (...) Từ Tam Đại trở xuống, thiên hạ không một ai là không bị vật ngoài mà thay đổi tánh mình. Tiểu nhơn thì đem thân mà chết theo lợi. Kẻ sĩ thì đem thân mà chết theo danh. Bậc đại phu thì đem thân mà chết theo gia đình. Thánh nhơn thì đem thân mà chết theo thiên hạ. Máy người ấy, sự nghiệp tuy khác nhau, nhưng về chỗ làm thương tổn cái tánh, đem thân mà chết theo, thì vẫn một. Tang cùng Cốc, hai người cùng chăn dê, mà đều làm mất dê. Hỏi Tang đã làm gì, thì vì cạp thẻ mà đọc sách. Hỏi Cốc đã làm gì, thì vì cò bạc chơi rong. Hai người ấy, việc làm tuy không giống, nhưng đều để cho mất dê cả.*

*Bá Di chết vì danh dưới núi Thú Dương; Đạo Chích chết vì lợi ở trên gò Đông Lăng, tuy cách chết của hai người không giống nhau, nhưng đều là tàn hại cái sống, tổn thương cái tánh cả! Sao cho rằng Bá Di là phải, mà Đạo Chích là quấy được! Thiên hạ đều chết theo như thế cả. Cái mà họ chết theo là nhân nghĩa, thì thế tục cho là quân tử, còn cái mà họ chết theo là tiền của, thì thế tục gọi đó là tiểu nhơn. Cái chết chỉ có một, vậy mà cũng có quân tử, có tiểu nhơn! Đến như cái việc mà họ đã làm tàn hại cái sống, tổn thương cái tánh thì Đạo Chích như Bá Di, sao lại còn nghĩ chi đến quân tử tiểu nhơn mà làm gì!*

## LỜI BÌNH

Chương này cùng một ý nghĩa với đoạn văn Mát Tánh trước đây: chạy theo những ước lệ giả tạo bên ngoài của xã hội dễ làm sai lạc Thiên chân. Con đường giải thoát là trở về bản tánh: “*Quy căn, phản phác*”.

Chết theo danh, hay chết theo lợi, chết theo lẽ phải hay lẽ quấy cũng đều là sai lầm cả. Cái chết về thân thể không đáng lo bằng cái chết của tâm hồn. Có cái gì là thật phải, phải một cách tuyệt đối đâu; có cái gì là thật quấy, quấy một cách tuyệt đối đâu! Phải, quấy chỉ là những trạng thái tạm thời, biến thiên phản phúc bất thường, không thể cố chấp hẳn một bên nào, đến phải chết vì nó cả. Ở đây Trang Tử khuyên ta, nếu muốn giải thoát, cần phải vượt lên trên thị phi, thiện ác...đừng nô lệ lấy một bảng giá trị tạm thời nào của điều phải lẽ quấy theo một nền luân lý đạo đức nào cả, mà phải biết sống theo bản tánh của mình, đừng mô phỏng theo ai tất cả: “*Kẻ mà ta gọi là tinh tai, không phải là kẻ tinh nghe cái ngoài đâu, mà là kẻ biết tinh nghe cái tiếng nói của lòng mình! Kẻ mà ta gọi là sáng mắt, không phải là kẻ thấy rõ cái ngoài đâu, mà là kẻ thấy rõ cái trong của mình*”<sup>[71]</sup> (吾所謂聰者，非謂其聞彼也。自聞而已矣。吾所謂明者，非謂其見彼也。自見而已矣)。”*Phàm kẻ chẳng thấy được mình, mà chỉ thấy cái ngoài mình, chẳng “được” cái “đắc” của mình, mà lại “được” cái “đắc” của kẻ khác, đó là được cái “đắc” của người, mà chẳng được cái “đắc” của mình, theo cái ưa thích của người mà chẳng tự mình theo cái ưa thích của mình. Mà theo cái “thích” của người, chẳng tự mình theo cái “thích” của mình, thì dù là Đạo Chích hay Bá Di, cũng đều là những kẻ chìm đắm, thiên lệch cả.* (夫不自見而見彼，不自得而得彼者，是得人之得而不自得其得者也，適人之適而不自適其適者也。夫適人之適而不自適其適，雖盜跖與伯夷，是同為淫僻也。) <sup>[72]</sup>

Trở lên đều là để giải rộng cái nghĩa của hai chữ “tiêu diêu”, tức là tự do mà Trang Tử đã đề xướng ở thiên đầu Nội thiên: “Các sinh kỳ sinh” (各生其生) vậy.

Câu “*bất tự đắc nhi đắc bí giả, thị đắc nhơn chi đắc nhi bất tự đắc kỳ đắc giả dã*” (chẳng tự được cái “đắc” của mình, mà lại được cái “đắc” của kẻ khác, đó là được cái “đắc” của người, mà chẳng được cái “đắc” của mình) quan trọng nhất là ở những chữ “đắc”. Chữ “đắc” trước, có nghĩa là *được*, là *thọ lãnh*; còn chữ “đắc” sau, có nghĩa là “*đắc ngộ*”, “*đắc Đạo*”, tức là được hoàn toàn nhập với Đạo, đã được “chuyển mê khai ngộ”. Thâm ý của câu này là khuyên ta nên tự mình tìm chân lý, mà đừng lấy cái chân lý của người làm chân lý của mình. Tự tu thì tự ngộ, hay nói một cách khác chỉ có

cái biết nào tự mình tìm ra mới thật là biết. Vì vậy, kẻ nô lệ sách vở, học thuyết, đạo đức của kẻ khác, không bao giờ hiểu Đạo, và hơn nữa, thực hiện được Đạo.

☪☪☪

## NÊN LƯU Ý

Những chữ sau đây, cổ văn thường dùng lẫn nhau, tùy vị trí trong câu văn mà có nghĩa khác nhau:

莫 và 暮  
知 và 智  
而 và 能  
女 và 汝  
若 và 汝  
而 và 爾  
悅 và 說  
齊 và 齋  
大 và 太  
間 và 閒  
諸 và 於

---

[1] “Kỳ học vô sở bất khuy, nhiên kỳ yếu bản quy vu Lão Tử chi ngôn”... (Sử Ký)  
其學無所不窺，然其要本歸于老子之言（史記）。

[2] Tiền Hán (206 trước Tây lịch kỷ nguyên) đến năm thứ 9 sau kỷ nguyên Tây lịch.

[3] Hậu Hán (25-220 sau Tây lịch kỷ nguyên).

[4] Đầu nhà Hán, khởi vào năm 206 trước Tây lịch kỷ nguyên; cuối đời nhà Hán, khởi vào khoảng 220 sau Tây lịch kỷ nguyên, nghĩa là cách nhau khoảng trên 400 năm.

[5] Bảo toàn sinh mạng của mình làm trên hết.

[6] Tự là Tử Huyền 子玄 (mất vào khoảng 312 Tây lịch kỷ nguyên).

[7] Đắc Nhất: 得一

[8] Chứ không phải của mình thụ lãnh nơi xã hội, luân lý, chế độ, nơi văn minh giả tạo của con người bày ra.

[9] Thiên trạch 天擇 là chọn lọc thiên nhiên. Thuyết của Darwin trong bộ Vật Chủng Nguyên Thủy.

[10] Tiến hóa 進化: Là một sự biến, một sự động, và thêm vào một thực trạng ấy một ý kiến chủ quan là đi theo một khuynh hướng nào.

[11] Thiên Đức Sung Phù có câu: “Sanh tử, tồn vong, cùng đạt, bản phú, hiền dữ bất tiếu, hủy dự cơ khát, hàn thử: thị sự vi biến, mạng chi hình dã. Nhật dạ tương đại hồ tiền, nhi tri bất năng quý hồ kỳ thủy giả dã”. Chết sống, còn hết, cùng đạt, nghèo giàu, hiền và bất tiếu, chê khen, đói khát, nóng lạnh: đó là cái biến của vật, cái chuyển của Mạng. Ngày đêm thay phiên tiếp nối trước mặt ta mà trí thông minh của ta không sao nhận thấy được đâu là chỗ khởi đầu.

[12] Thích nơn chi thích, nhi bất tự thích kỳ thích dã (適人之適而不自適其適也) : chạy theo cái thích của người, mà không tự mình chạy theo cái thích của mình.

[13] Thương sinh 傷生: làm tổn hại đến sinh mạng.

[14] Tri bất tri, thượng (知不知, 上) : Biết cái không thể biết được (bất khả tri) tức là Đạo. (Đạo Đức Kinh)

[15] Đồng với Đạo, nên không còn tham muốn nữa.

[16] Trang Tử: Thiên Thiên Đạo 天道 (cổ nơn chi tao phách).

[17] 古猶今也 (cổ du kim dã): Cái xưa, thì cũng như cái bây giờ (ám chỉ Đạo vĩnh viễn, bất biến... có từ vị thủy và hiện nay cũng không thay đổi).

[18] Canh Tang Sở 庚桑楚.

[19] Nghĩa là không còn biết có mình nữa.

[20] Triều triết (朝徹) : một sự thông hiểu thấu triệt sự vật như ánh sáng buổi ban mai, tức là một thứ “trực quan kiến độ” nhận thấy được cái chân thể (sống một).

[21] Liệt Tử (列子) , thiên Lực Mạng (力命) .

[22] Xem *Cái Dững Của Thánh Nhân* (cùng một tác giả): Phép tĩnh tọa của Cương Điền (phụ lục).

[23] Thiên: thiên nhiên.

[24] Nơn: nơn tạo, là của người bày ra.

[25] Le Chant De La Vie, p. 11 (Les Éditions de l'Étoile, 1931), Trad. Carlo Suarèz.

[26] Dịch Kinh: “*Vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản*” vì Liệt Tử ở thiên Trọng Ni cũng nói: “*Vật bất chí giả, tắc bất phản*” (物不至者則不反) . Vật mà không đến mức cùng của nó thì không biến trở lại. Hai câu cùng đồng một ý nghĩa. Muốn “trở về” (phản 反) phải để cho bản ngã phát triển đến cực độ của nó, thì nó mới “phản biến” mà mất đi (Âm cực Dương sinh ở quẻ Phục).

[27] Trực giác 直覺: là dùng theo danh từ ngày nay, nó không phải là một thứ giác quan như người ta thường gọi là “giác quan thứ sáu”, hay thứ trực giác theo Bergson. Thứ trực giác theo Bergson cũng chỉ hoạt động trong “dòng” sắc tướng (nói theo danh từ nhà Phật) chưa thật là cái trực giác của Đại Tri, của Bát Nhã.

[28] Lão Tử nói: “kiến Tố, bảo Phác”; Phật gia bảo: “kiến Tánh, thành Phật” (見素, 抱樸, 見性成佛)



[29] “Xả kỹ thích nhơn” là bỏ mình mà theo người.

[30] Đại Tông Sư: “Hành danh thất kỹ, phi sĩ dã; vong thân bất chân, phi dịch nhơn dã. Nhược Hồ Bất Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, Cơ Tử, Tử Dư, Kỳ Tha, Thân Đồ Dịch, thị dịch nhơn chi dịch, thích nhơn chi thích, nhi bất tự thích kỹ thích giả dã” (行名失己, 非士也; 亡身不真, 非役人也。若狐不偕, 務光, 伯夷, 叔齊, 箕子, 胥余, 紀他, 申徒狄, 是役人之役, 適人之適而不自適其適者也。) *Làm theo danh, mà bỏ mất cái của mình, không phải là kẻ sĩ; làm cho mất mạng mình, không rõ chân lý, đó chẳng phải là kẻ sai khiến được người. Như Hồ Bất Giai, Vụ Quang, Bá Di, Thúc Tề, Cơ Tử, Tử Dư, Kỳ Tha, Thân Đồ Dịch, là hạng làm cái làm của kẻ khác, theo cái phải của kẻ khác mà không biết theo cái phải của mình.*

[31] Nên so sánh với câu nói này của hiền giả Épictète (Hy Lạp): “Phàm sự vật, có cái thuộc ta, có cái không thuộc ta. Thuộc ta là những sự phán đoán, những khuynh hướng, những dục vọng, những ưa ghét của ta, tóm lại là mọi tác dụng của linh tính ta. Không thuộc ta, là thân thể ta, của cải, danh vọng, tước phận, nói tóm lại là mọi sự không còn phải là tác dụng của linh tính ta. Cái thuộc ta thời bản tánh nó tự do, không gì ngăn trở, không gì trái nghịch lại được; cái không thuộc ta thời không được chắc chắn, không được tự do, thường bị ngăn trở, là cái ở ngoài ta mà thôi. Vậy, ta phải nhớ rằng cái gì vốn nó không được tự do mà cho là tự do, cái gì của người ngoài, vật ngoài mà cho là của mình, thời sẽ phải phiền lòng, sẽ phải buồn bực, sẽ phải bối rối, sẽ đem lòng oán Trời, trách người, nhưng nếu cái gì thật của ta mới coi của ta, cái gì của người coi là của người, thời không ai ép uống mình được nữa, không ai ngăn cấm mình được nữa, không phải oán ai, không phải trách ai, không phải miễn cưỡng làm việc gì, không ai hại mình, không có kẻ thù, vì không phải chịu sự gì thiệt hại.” (Bản dịch của Phạm Quỳnh, 1929).

[32] Đừng lẫn lộn thiên tánh với tánh tình của bản ngã, như những tánh nóng, tánh keo kiệt, tánh thích xa hoa, tánh ham vui, thích buồn của con người. Đó là chỗ mà Lão tử gọi “*thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức...*” (上德不德是以有德) Chương 38 (*Đạo Đức Kinh*).

[33] Các chánh giả, đắc ư hữu sanh chi sơ, bảo hợp giả, toàn ư dĩ sanh chi hậu (各正者, 得於有生之初, 保合者, 全於一生之後) (Dịch Kinh 易經). “Các chánh” là nhận được từ khi mới sanh: “bảo hợp” là giữ được trọn vẹn sau khi đã sanh. Cái mà ta gọi là Chánh đó, tức là chỗ mà Lão Tử gọi “tử nhi bất vong” (死而不亡) .

[34] Đồng một nghĩa với câu này trong Dịch Kinh: “Tri tiến thoái tồn vong nhi bất thất kỳ chánh, kỳ duy thánh nhơn hồ?” (知進退存亡而不失其正, 其唯聖人乎?) (Biết tiến biết thoái, biết giữ cho còn, biết làm cho mất, mà không làm mất cái Chánh của mình, chỉ có bậc Thánh nhơn 聖人 mà thôi ư?). Chữ Chánh 正 đây, tức là Tánh Tự Nhiên mà ta đã thọ lãnh của Trời Đất.

[35] Không cho Thiên Tánh xuất hiện.

[36] Tức là thuyết Huyền đồng vật ngã 玄同物我 của Lão Tử.

[37] Đó là phép “*dĩ bất biến ứng vạn biến*”: thị phi nối đuôi nhau mà sinh ra, không biết đâu là đầu mối, như trên một cái vòng tròn. Nhân thị mà sanh phi, nhân phi mà sanh thị, miên miên bất tuyệt.

[38] *Khứ, tỵu*: tức là có sự bỏ lầy, nghĩa là chọn lựa.

[39] “Hữu sở hiếu ố, hữu sở khứ tỵu, tác bất năng tuyệt đối tự do hĩ.”

[40] “Nhất thiết bình đẳng” 一切平等: cả thấy vạn vật bằng nhau cả.

[41] Chí nhơn vô kỷ, thần nhơn vô công, thánh nhơn vô danh (至人無己，神人無功，聖人無名) .

[42] Đây là chỗ mà cái học Lão Trang sử dĩ có khác với cái học của nhà Phật Tiểu thừa “xem đời là bể khổ”, “sinh, lão, bệnh, tử, khổ”, nhìn cuộc đời hiện tại đều phủ một màu đen tối... Trang Tử thì khác: “Trang Châu chiêm bao thấy mình là bướm vui phận làm bướm, tự thích chí, không còn biết có Châu nữa. . .”, chứ không “đứng núi này trông núi nọ”, đang sống lại lo cầu đến cái sống sau khi chết.

[43] Ngụy biện như quan chủ tế ngụy biện với đám heo tế đã kể trên đây vậy.

[44] 誡鬼 xúc quỷ: là kỳ dị 奇異.

[45] Đại ý là nói về đức Diêm Đạm, không để cho ngoại vật động được tâm mình (不以外物動其心) .

[46] Tức là Khổng Tử (thay lời Trang Tử mà giảng về lẽ Đạo cho Ai Công).

[47] Bất đắc bất nhiên 不得不然.

[48] Tức là Đạo.

[49] Tử Du là một người gù, kỳ quái...

[50] Huyền, là treo, cột... Giải, là mở ra...

[51] Người sắp chết, như người sắp ngủ: cần sự yên tĩnh để mà hóa chuyển.

[52] Tức là vũ trụ, Trời Đất...

[53] Đoạn văn này trùng với một đoạn ở chương C trước đây (cũng cùng một thiên Đại Tông Sư này).

[54] Đời người chấm dứt bằng một giấc ngủ, để rồi tỉnh dậy trong một đời sống mới... Trang Tử ví sự sống chết như một cuộc thức ngủ tiếp tục nhau như ngày đêm...không khác.

[55] Nghi lễ bên ngoài, ông không thể bỏ được là vì sợ chạm phải thói tục, nhưng về tình cảm thật sự bên trong, thì ông có quyền không phải bắt chước thế nhơn, vì ông không nhận cho như thế là phải. Bậc chân nhơn cũng làm như thế nhơn, nhưng lòng không giống với thế nhơn.

[56] Sống có trước, chết có sau, hay là sống có sau, chết có trước? Sống chết, chết sống là những trạng thái không biết do đâu mà khởi điểm như trên cái vòng tròn (thiên quân) 天鈞 cũng như vấn đề thị phi, thiện ác...

[57] So sánh với đoạn văn “Trang Châu mộng hồ điệp” ở thiên Tề Vật Luận. Có phải chim kia, cá nọ sống trong mộng, hay là người nằm mộng thấy mình là chim, là cá? Sống chết như thực và mộng. Mộng và thực, cả hai đều là một.

[58] Hư vô, ám chỉ Đạo.

[59] Cũng viết là 龔 (đọc là tê), có nghĩa là sắp đặt có trật tự, hay tổ chức có thứ lớp, điều hòa...

[60] Chấp nhất trong cái có trong, có ngoài, có nhĩ có ngã, có thị, có phi, có thiện, có ác...

[61] Phần đông các nhà chú giải đều ngỡ chương này là ngụ thơ, không phải của Trang Tử viết. Tư tưởng trên dưới không nhất quán, lại loạng choạng, tầm thường, không phải khí tượng của Trang Châu ở Tiêu Diêu, Tề Vật...

Theo thiên ý, thì chữ Mạng 命 ở đây tức là ám chỉ cái mà mình đã thọ lãnh nơi Đạo (Đạo nơi ta), chứ không phải do ngoài chi phối. Con người sở dĩ sinh ra được phú quý hay bị nghèo khổ đều là tại mình cả. Kẻ sinh ra có một tâm hồn khinh phú quý, mà bảo giàu sang tốt bụng, thì làm sao mà giàu sang? Muốn được phú quý, phải biết ham phú quý. Câu nói của Tử Tang, thấy rõ ông rất phân biệt cái Mạng do ngoài chi phối, và cái Mạng của mình (tức là cái Đạo nơi mình) chi phối.

[62] “Tri thiên chi sở vi, tri nhơn chi sở vi” 知天之所為，知人之所為.

[63] “Thả hữu chân nhơn nhi hậu hữu chân tri” 且有真人而後有真知.

[64] “Kiến độc” 見獨 là thấy được cái một (độc nhất vô nhị) tức là Đạo không chia phân.

[65] Ba chữ “tình” 情, “tín”, “chân” 真 đều đồng một nghĩa. (Đã nói rõ ở thiên Tề Vật Luận.)

[66] Hỗn độn, bản tánh nó là mập mờ, không phân biệt. Ám chỉ Đạo. Đạo mà bị phá ra. . . thì Đạo mất. Cái biết là bao trùm: cái biết mà chi ly, phân chẻ, thì thành cái biết chi ly của lý trí, mất cái biết bao trùm của trực giác.

Nhớ lại câu: “Đại Đạo phế, hữu nhân nghĩa” (大道廢有仁義) : Đạo lớn mà mất rồi là vì bị chia phân.

[67] Thiên Chí Lạc.

[68] Tức là mời ông ra chấp chánh.

[69] Văn sĩ hiện đại Philippe Lamour cũng có một nhận xét tương tự như trên: “Không có một thứ văn minh nào có thể tự xem là cao hơn các thứ văn minh khác nó. Giá trị của một thứ văn minh không phải ở nơi cái số dụng cụ và công việc làm sản xuất của nó, mà sở dĩ nó có giá trị hay không là do nơi sự thích ứng của nó với những điều kiện trong đó nó luân chuyển (...) Bởi vậy, đứng trong tuyệt đối mà xét, ta có thể tạm cho rằng dân rợ mọi ngay trong tình trạng bây giờ, chúng có một nền văn minh cao hơn của chúng ta, vì nó thích ứng với nhu cầu trong thời buổi này của chúng. Sự xâm nhập của một thứ văn minh này vào một thứ văn minh khác đâu phải là một sự tiên bộ cho cái văn minh đi văn minh người và cả cho cái văn minh bị người ta xâm nhập kia. Muốn đem cái văn minh Âu châu mà bắt buộc dân rợ mọi noi theo là phi lý, không khác nào đem nó mà bắt buộc loài ong, kiến hay loài mối phải noi theo...vì chúng là những con vật văn minh rất khác với ta...Bắt dân rợ mọi mặc áo quần là một quan niệm ngu xuẩn, không khác nào bắt dân Esquimaux ở trần (...) Đem văn minh Tây Âu vào văn minh của dân rợ mọi là công việc làm đáng thương hại, không khác nào đem cái văn minh dân rợ mọi vào xã hội văn minh người Tây phương vậy.

[70] Tức là Thiên Nhiên hay Tự nhiên.

[71] Ngô sở vị thông giả, phi vị kỳ văn bi dã, tự văn nhi dĩ hĩ. Ngô sở vị minh giả, phi vị kỳ kiến bi dã, tự kiến nhi dĩ hĩ.

[72] Phù bất tự kiến nhi kiến bi, bất tự đắc nhi đắc bi giả, thị đắc nhơn chi đắc nhi bất tự đắc kỳ đắc giả dã, thích nhơn chi thích nhi bất tự thích kỳ thích giả dã. Phù thích nhơn chi thích nhi bất tự thích kỳ thích, tuy Đạo Chích dữ Bá Di, thị đồng vi dâm tịch dã.

# Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU
TIỂU DẪN
NAM HOA KINH
NỘI THIÊN
TIÊU DIÊU DU
逍遙遊
TỀ VẬT LUẬN
齊物論
DƯỠNG SINH CHỦ
養生主
ĐỨC SUNG PHÙ
德充符
ĐẠI TÔNG SƯ
大宗師
ỨNG ĐẾ VƯƠNG
應帝王
NGOẠI THIÊN
TẠP THIÊN
TRÍCH YẾU
THU THỦY
秋水
THÁNH NHÂN CHI DŨNG
聖人之勇
THẦN QUI
神龜
UYÊN SÔ
鶉鷓
NGƯ LẠC
魚樂
SÔ CẦU
芻狗

ĐÔNG QUÁCH TỬ

東郭子

TRÍ BẮC DU

知北遊

CHÍ NHÂN

至仁

VONG NGÔN

忘言

NGỤ NGÔN

寓言

THƯ

書

ĐỘC THƯ

讀書

VÔ DỤNG

無用

PHỤ NGƯ

鮒魚

KHINH TRỌNG

輕重

TRỤY XA

墜車

ĐẤU KÊ

鬪雞

CỔ BỒN

鼓盆

HẢI ĐIỂU

海鳥

DƯƠNG TỬ

陽子

HUYỀN CHÂU

玄珠

TÂM TRAI

心齋

SƠN MỘC

山木

TÀI BẤT TÀI

材不材

THẤT TÁNH

失性

HƯ THUYỀN

虛船

TÀN SINH TỔN TÁNH

殘生損性

[1]

[2]

[3]

[4]

[5]

[6]

[7]

[8]

[9]

[10]

[11]

[12]

[13]

[14]

[15]

[16]

[17]

[18]

[19]

[20]

[21]

[22]

[23]

[24]

[25]